

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
KHOA SƯ PHẠM SỬ - ĐỊA VÀ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**



**KỶ YẾU
HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
NĂM HỌC 2018 – 2019**

ĐỒNG THÁP 16/5/2019

KỶ YẾU
HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
NĂM HỌC 2018 - 2019

BAN TỔ CHỨC

Trưởng ban

TS. Lê Văn Tùng

Phó trưởng ban

ThS. Phạm Thị Tuyết Giang

Các ủy viên

ThS (GVC). Trương Thị Mỹ Dung

ThS. Trần Thị Nhung

TS. Phùng Thái Dương

TS. Đỗ Duy Tú

ThS. Lê Anh Thi

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban

TS. Lê Văn Tùng

Phó trưởng ban

ThS. Phạm Thị Tuyết Giang

Các ủy viên

ThS (GVC). Trương Thị Mỹ Dung

ThS. Trần Thị Nhung

TS. Phùng Thái Dương

TS. Đỗ Duy Tú

TS. Nguyễn Thanh Tâm

TS. Nguyễn Công Lập

TS. Lê Đình Trọng

TS. Nguyễn Thuận Quý

ThS. Mai Thị Thanh

ThS. Nguyễn Thế Hồng

ThS. Trần Thị Hiền

ThS. Lê Thị Lệ Hoa

ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân

ThS. Phùng Ngọc Tiến

ThS. Đinh Hồng Khoa

ThS. Lê Anh Thi

ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân

THƯ KÝ BIÊN TẬP

ThS. Phạm Thị Tuyết Giang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
KHOA: SP SỬ - ĐỊA VÀ GDCT

NĂM HỌC 2018 – 2019

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 5 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH

TT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	Báo cáo dẫn đề	18h00 – 18h10	TS. Lê Văn Tùng Trưởng khoa SP Sử - Địa và GDCT
2	Báo cáo 1:	18h15 – 18h30	SV. Ngô Hữu Toàn Lớp: ĐHSSỬ 15A
3	Báo cáo 2:	18h35 – 18h50	SV. Trần Thị Cẩm Thu Lớp: ĐHSĐỊA 15A
4	Thảo luận	18h55 – 19h25	Chủ tọa
5	NGHỈ GIẢI LAO	19h25 – 19h45	
6	Báo cáo 3:	19h50 – 20h05	SV. Lê Thị Tuyết Nhung - Trịnh Văn Nhờ Lớp: ĐHGDCT 16A
7	Báo cáo 4:	20h10 – 20h25	SV. Nguyễn Hà Thanh Cao Lớp: ĐHGDCT 16A
8	Thảo luận	20h30 – 21h00	Chủ tọa
9	Tổng kết hội nghị	21h00 – 21h10	TS. Lê Văn Tùng Trưởng khoa SP Sử - Địa và GDCT

LỜI NÓI ĐẦU

Hoạt động Nghiên cứu khoa học (NCKH) có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. NCKH được xem là một trong những yếu tố trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mặt khác, NCKH còn hình thành cho sinh viên một tác phong làm việc khoa học, rèn luyện cho sinh viên cách nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, tiếp cận từ nhiều phía. Từ đó, góp phần hình thành đội ngũ tri thức vừa có trình độ và khả năng thích ứng công việc sau khi ra trường.

Tiếp nối thành công của những lần Hội nghị trước. Hội nghị SVNCKH Khoa Sư phạm Sử - Địa và GDCT năm 2018 - 2019 được tổ chức vào ngày 16 tháng 5 năm 2019. Ban biên tập trân trọng giới thiệu Kỷ yếu Hội nghị gồm 30 bài báo cáo của sinh viên thuộc 03 chuyên ngành: Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý và Giáo dục chính trị. Đây là một ấn phẩm khoa học có giá trị tham khảo đối với sinh viên, đáp ứng được nhu cầu trao đổi thông tin của sinh viên toàn khoa.

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự đóng góp của quý thầy, cô/ giảng viên, các nhà khoa học, các bạn sinh viên có báo cáo in trong Kỷ yếu Hội nghị sinh viên NCKH Khoa năm 2018 – 2019.

Trân trọng!

BAN BIÊN TẬP

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
A. NGÀNH SỬ PHẠM LỊCH SỬ.....	1
1. “NAM TIẾN” TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX).....	1
SV: Lê Hoàng Huy.....	1
Lớp: ĐHSSU 15A.....	1
GVHD: ThS. Nguyễn Thế Hồng.....	1
2. PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA NHÂN DÂN MIỀN TÂY NAM KỶ TỪ SAU NĂM 1867.....	13
SV: Võ Thị Sơ Ri.....	13
Lớp: ĐHSSU 17A.....	13
GVHD: TS. Lê Đình Trọng.....	13
3. CHIẾN LƯỢC XOAY TRỤC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ DƯỚI THỜI TỔNG THỐNG BARACK OBAMA (2011- 2016).....	21
SV: Ngô Hữu Toàn.....	21
Lớp: ĐHSSU 15A.....	21
GVHD: ThS. Trần Thị Nhung.....	21
4. TÍCH HỢP GIÁO DỤC Ý THỨC CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO QUỐC GIA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	33
SV: Trịnh Quân Đạt.....	33
Lớp: ĐHSSU 15A.....	33
GVHD: ThS. Trần Thị Hiền.....	33
B. NGÀNH SỬ PHẠM ĐỊA LÝ.....	39
5. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN.....	39
VÙNG CHUYÊN CANH CÂY CAO SU Ở TỈNH TÂY NINH.....	39
SV: Lý Vũ Hào.....	39
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	39
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	39
6. GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ SẠC LỞ BỜ SÔNG TIỀN CHÁY QUA TỈNH AN GIANG.....	44
SV: Lê Thị Mỹ Huyền.....	44
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	44
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	44
7. KHAI THÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TỈNH CÀ MAU.....	50
SV: Nguyễn Quốc Khanh.....	50
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	50
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	50
8. KHAI THÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN HUYỆN THẠNH PHÚ TỈNH BẾN TRE.....	54
SV: Nguyễn Thị Mỹ Linh.....	54

Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	54
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	54
9. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ XÂM NHẬP MẶN TRONG ĐIỀU KIỆN BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI TỈNH AN GIANG.....	59
SV: Phạm Thị Cẩm Tú.....	59
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	59
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	59
10. ĐẬP THỦY ĐIỆN TRÊN DÒNG SÔNG MÊ KÔNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHÚNG ĐẾN TỰ NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP.....	63
SV: Võ Lý Mai Trinh.....	63
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	63
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	63
11. GIẢI PHÁP NUÔI TÔM CÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE.....	67
SV: Nguyễn Minh Triệu.....	67
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	67
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	67
12. TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI LÀNG HOA SA ĐÉC.....	74
SV: Trần Bình Nguyên.....	74
Lớp ĐHSĐIA 15A.....	74
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	74
13. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN Ở HUYỆN ĐẢO PHÚ QUỐC..	80
SV: Trương Hồng Thắm.....	80
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	80
GVHD: TS. Phùng Thái Dương.....	80
14. TỔ CHỨC TRÒ CHƠI TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....	86
SV: Lương Vĩnh Hiếu.....	86
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	86
GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân.....	86
15. GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG VẼ VÀ NHẬN XÉT BIỂU ĐỒ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP .	92
SV: Trần Thị Cẩm Thu.....	92
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	92
GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân.....	92
16. THIẾT KẾ PHIẾU HỌC TẬP DẠY HỌC ĐỊA LÝ 10 THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH.....	100
SV: Võ Thị Kim Tuyền.....	100
Lớp: ĐHSĐIA 15A.....	100
GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân.....	100

C. NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	105
17. KỸ NĂNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA SINH VIÊN KHOA SU PHẠM SỬ - ĐỊA VÀ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP	105
SV: Lê Thị Tuyết Nhung - Trịnh Văn Nhờ.....	105
Lớp: ĐHGDCCT 16A	105
GVHD: TS. Lê Văn Tùng	105
18. TÌM HIỂU NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CỦA SINH VIÊN.....	113
NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP.....	113
SV: Nguyễn Văn Chức.....	113
Lớp: ĐHGDCCT 17A	113
GVHD: TS. Lê Văn Tùng	113
19. TÌM HIỂU NĂNG LỰC TƯ DUY KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN... NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP	127
SV: Võ Thị Ngọc Linh	127
Lớp: ĐHGDCCT 17A.....	127
GVHD: TS. Lê Văn Tùng	127
20. BỒI DƯỠNG ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO CHO SINH VIÊN SU PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	134
SV: Trần Thị Ngọc Hân.....	134
Lớp: ĐHGDCCT 16A	134
GVHD: TS. Đỗ Duy Tú	134
21. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BỒI DƯỠNG ĐẠO ĐỨC NGHỀ SU PHẠM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	142
SV: Võ Bích Trâm.....	142
Lớp: ĐHGDCCT 16A	142
GVHD: TS. Đỗ Duy Tú	142
22. VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ	150
SINH VIÊN SU PHẠM TỰ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	150
SV: Đặng Thị Vươn Ngân	150
Lớp: ĐHGDCCT 16A	150
GVHD: TS. Đỗ Duy Tú	150
23. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH LỚP 12 TRƯỜNG THPT THIÊN HỘ DƯƠNG	158
SV: Đào Hoàng Nhật - Huỳnh Nhật An.....	158
Lớp: ĐHGDCCT 15B - ĐHGDCCT 16A.....	158
GVHD: ThS. Lê Thị Lệ Hoa.....	158
24. NÂNG CAO KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY.....	165
SV: Nguyễn Văn Thịnh - Phan Văn Giàu.....	165
Lớp: ĐHGDCCT 16A	165
GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiến.....	165

25. QUAN NIỆM CỦA JOHN STUART MILL VỀ HẠNH PHÚC VÀ Ý NGHĨA GIÁO DỤC LỐI SỐNG NHÂN VĂN CHO SINH VIÊN HIỆN NAY	173
<i>SV: Nguyễn Hà Thanh Cao.....</i>	<i>173</i>
<i>Lớp: ĐHGDC T 16A.....</i>	<i>173</i>
<i>GVHD: PGS. TS. Trần Quang Thái.....</i>	<i>173</i>
26. QUAN NIỆM CỦA KHỔNG TỬ VỀ ĐẠO LÀM NGƯỜI VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI CỦA NÓ.....	180
<i>SV: Mai Văn Tấn Đạt.....</i>	<i>180</i>
<i>Lớp: ĐHGDC T 18A.....</i>	<i>180</i>
<i>GVHD: TS. Đỗ Duy Tú.....</i>	<i>180</i>
27. GIÁO DỤC PHONG CÁCH LÀM VIỆC HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY	189
<i>SV: Từ Khánh Linh.....</i>	<i>189</i>
<i>Lớp: ĐHGDC T 15B.....</i>	<i>189</i>
<i>GVHD: TS. Nguyễn Công Lập.....</i>	<i>189</i>
28. TÌM HIỂU ĐỨC TÍNH NHÂN - NGHĨA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.....	195
<i>SV: Lê Minh Vương - Trần Thị Cẩm Tú</i>	<i>195</i>
<i>Lớp: ĐHGDC T 17A.....</i>	<i>195</i>
<i>GVHD: TS. Lê Văn Tùng</i>	<i>195</i>
29. GIÁ TRỊ CỦA TỬ DIỆU ĐỂ TRONG VIỆC ĐỊNH HƯỚNG LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY	204
<i>SV: Nguyễn Văn Chúc – Võ Hoài Thanh.....</i>	<i>204</i>
<i>Lớp: ĐHGDC T 17A.....</i>	<i>204</i>
<i>GVHD: ThS . Mai Thị Thanh.....</i>	<i>204</i>
30. Ý THỨC CHẤP HÀNH LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP.....	213
<i>SV: Nguyễn Hà Thanh Cao – Trần Quốc Nhân.....</i>	<i>213</i>
<i>Lớp: ĐHGDC T 16A – ĐHGDC T 18A.....</i>	<i>213</i>
<i>GVHD: ThS. Phạm Thị Tuyết Giang</i>	<i>213</i>

A. NGÀNH SỬ PHẠM LỊCH SỬ

“NAM TIẾN” TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX)

SV: Lê Hoàng Huy

Lớp: ĐHSSU 15A

GVHD: ThS. Nguyễn Thế Hồng

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về quá trình mở cõi xuống phía nam của nhân dân ta từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX, xuất phát từ hai yếu tố là triết lý sức mạnh và yếu tố địa chính học. Tiến trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt sẽ có nhiều quan điểm đánh giá, nhìn nhận không đồng nhất. Người Việt trở thành lực lượng chủ yếu trong sự nghiệp khai phá, biến đất hoang thành ruộng vườn, lấy nông nghiệp làm gốc là động lực chủ yếu làm biến đổi cơ bản bộ mặt hoang vu của đồng bằng Nam bộ.

Từ khóa: Mở cõi; phương Nam; triết lý sức mạnh; địa chính trị học.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, công cuộc mở cõi về phương Nam có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Qua đó, lãnh thổ được mở rộng, đất nước có điều kiện phát triển kinh tế, đồng thời văn hoá dân tộc có cơ hội giao thoa với văn hoá các tộc người ở vùng đất mới, tạo nên sự phong phú và đa dạng trong văn hoá Việt Nam. Quá trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt Nam lịch sử gọi là Nam tiến. Bài viết góp phần làm rõ thêm quá trình lịch sử Nam tiến của người Việt từ thế kỷ XVII để hiểu đúng bản chất nhằm có thái độ ứng xử đúng, hòa hợp dân tộc vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

2. Nội dung

2.1. Quá trình mở rộng lãnh thổ về phương Nam của người Việt

Thứ nhất, sáp nhập các tiểu quốc Champa vào xứ Đàng Trong

Năm 1611, quân Champa ở Hoa Anh quấy nhiễu đánh phá, Nguyễn Hoàng sai Văn Phong vào Phú Yên đánh dẹp và thu phục tiểu quốc Hoa Anh vào lãnh thổ Đàng Trong (mở rộng Đàng Trong từ đèo Cù Mông đến đèo Đại Lãnh). Năm 1653, vua Champa là Bà Tấm đem quân vào đòi lấy Phú Yên, Chúa Nguyễn Phúc Tần sai Hùng Lộc Hầu thống binh đem 3.000 quân đi đánh, thu phục vùng đất Khánh Hòa ngày nay. Năm 1675, Người Champa thường xuyên cho quân đánh phá đất Phú Yên, Nguyễn Phúc Tần cho quân đánh, vua Chăm là Bà Bất xin hàng, dâng đất cho Chúa Nguyễn từ sông Phan Rang trở ra, Chúa Nguyễn đặt làm phủ Thái Ninh và dinh Thái Khang để trấn thủ. Tháng 2/1693, vua Champa là Bà Tranh chủ động tấn công vào vùng Khánh Hòa ngày nay (tuyên bố bỏ lệ triều cống, làm phản, hợp quân, đắp lũy, cướp giết cư dân ở phủ Diên Ninh), Chúa Nguyễn Phúc Chu ra lệnh cho Nguyễn Hữu Cảnh chỉ huy quân đánh dẹp, sáp nhập vùng đất còn lại của Champa, lập nên phủ Bình Thuận.

Thứ hai, mở đất Nam Bộ

Vùng Đồng Nai hầu như hoang vắng vào cuối thế kỷ XVI nhưng đầu thế kỷ XVII trở nên sôi động với sự xuất hiện của lớp cư dân mới mà chủ yếu là người Việt từ vùng Thuận Quảng di cư vào. Sự kiện thứ nhất, quan trọng có ý nghĩa mở đầu cho

mối quan hệ chính thức giữa Chân Lạp và Đàng Trong cũng như đối với quá trình mở đất của các Chúa Nguyễn, đó là cuộc hôn nhân ngoại giao giữa vua Chân Lạp là Chettha II với công chúa Ngọc Vạn vào năm 1620. Những xúc tiến cho công cuộc mở đất của các Chúa Nguyễn vào Gia Định, Mô Xoài, Đồng Nai được đẩy mạnh ngay sau cuộc hôn nhân này. Sự kiện thứ hai, là Chúa Nguyễn mở trạm thu thuế ở Sài Gòn vào năm 1623, với đặc quyền này, cư dân người Việt đến Chân Lạp ngày một đông hơn do cảm giác yên tâm bởi có một sự bảo trợ của chính quyền Đàng Trong lẫn Chân Lạp trên vùng đất mới.

Hai sự kiện tiếp theo có vai trò quan trọng đối với quá trình mở cõi về phương Nam là hai cuộc can thiệp quân sự vào lãnh thổ Chân Lạp của các Chúa Nguyễn đáp ứng lời thỉnh cầu của Chân Lạp nhằm giải quyết các tranh chấp nội bộ (năm 1658 và 1674) khiến thanh thế và vai trò của Đàng Trong ngày càng lên cao, Chân Lạp trở thành nước thần phục và phải cống nạp hàng năm.

Năm 1658, theo sự cầu cứu của một trong số các phe phái trong triều đình Chân Lạp, Chúa Nguyễn Phước Tần sai phó tướng dinh Trấn Biên là Nguyễn Phước Yên, Cai đội Xuân Thắng, Tham mưu Minh Lộc đem 3000 quân sang can thiệp, thiết lập lại trật tự cho Chân Lạp. Vua đang tại vị của Chân Lạp là Nặc Ông Chân (1642 – 1659) bị bắt đem về nạp cho Chúa. Chúa Nguyễn phong So làm vua Chân Lạp, hiệu là Batom Reachea (1660 – 1672) và buộc Chân Lạp phải có nghĩa vụ triều cống cho Đàng Trong. Như vậy, mối quan hệ giữa Chân Lạp và Đàng Trong dưới thời Chúa Nguyễn Phước Tần có sự thay đổi quan trọng – từ bang giao bình đẳng chuyển sang mối quan hệ thần phục. Điều này, tạo điều kiện rất lớn cho quá trình di dân của người Việt vào đất Đồng Nai để tiếp tục khai khẩn đất hoang. Tình trạng rối ren trong triều đình Chân Lạp lại tiếp tục diễn ra sau khi Batom Reachea bị giết vào năm 1672. Nặc Nộn (Nặc Non) thỉnh cầu Chúa Nguyễn, trong khi Nặc Ông Đài cầu cứu quân Xiêm để chống lại với Đàng Trong. Vào năm 1674, Chúa Nguyễn Phước Tần sai cơ đạo dinh Thái Khang là Nguyễn Dương Lâm đưa quân sang Chân Lạp để hỗ trợ cho Nặc Nộn. Thắng trận, Chúa Nguyễn Phước Tần phong cho Nặc Thu (em ông Nặc Đài) làm vua chính, đóng ở thành Long Úc, Nặc Nộn làm vua thứ, đóng ở thành Sài Gòn và buộc hai tiểu vương quốc hàng năm có nghĩa vụ triều cống.

Tiến trình nhập cư của người Việt vào đất Đồng Nai – Gia Định diễn ra liên tục trong suốt gần một thế kỷ. Hệ quả của quá trình này, trên cơ sở của một lực lượng di dân, khai khẩn vùng đất phương Nam từ trước nên Chúa Nguyễn Phúc Chu đã cử Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược phía Nam vào năm Mậu Dần (1698). Chuyển kinh lược này, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thực thi một việc vô cùng quan trọng, đó là thiết lập một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính ở vùng đất mới. Sau khi lấy được Đồng Nai – Gia Định, các Chúa Nguyễn không chỉ dừng lại ở đó, năm 1756, Nặc Nguyên dâng hai phần đất Tâm Bôn và Lôi Lạp để chuộc tội, dinh Long Hồ có thêm vùng đất Tân An và Gò Công. Năm 1757, Nặc Tôn (con Nặc Nguyên) dâng đất Tâm Phong Long (khoảng giữa Nam Châu Đốc và Bắc Cần Thơ) để tạ ơn Chúa Nguyễn đã sắc phong Phiến vương. Đồng thời, vị vua Chân Lạp này cũng cắt đất 5 phủ Vũng Thơm (Hương Úc), Cần Vọt (Cần Bột), Châu Rùm (Trục Sâm), Sài Mạt, Linh Quỳnh cho

Mạc Thiên Tứ đề đền on giúp đỡ (5 phủ này được Chúa Nguyễn cho sáp nhập vào Hà Tiên). Tiếp đó, sự di cư của lực lượng người Hoa dưới sự dẫn đầu của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch vào năm 1679 đã bổ sung một lực lượng cư dân Đàng Trong trên vùng đất Nam Bộ, tạo điều kiện để hình thành nên các đơn vị hành chính của người Việt sau đó. Sự sáp nhập Hà Tiên vào Đàng Trong cũng diễn ra tương tự như vậy. Chúa Nguyễn đã luôn đợi đến thời điểm chín muồi, khi dân cư có sự tập trung; sự khai phá, xây dựng và phát triển các vùng đất mới ở một mức độ nhất định thì mới thiết lập nên các đơn vị, tổ chức hành chính của mình. Với cuộc khai phá những vùng đất này, cương vực Đàng Trong đã kéo dài phía Nam từ đèo Cù Mông (Bình Định) đến tận mũi Cà Mau, đem lại cho Chúa Nguyễn một vùng lãnh thổ rộng lớn, đủ sức sánh vai với Đàng Ngoài của Chúa Trịnh. Cả một dải đất rộng lớn từ Quảng Bình cho đến mũi Cà Mau ngày nay đã thống nhất vào lãnh thổ Đại Việt.

Quá trình mở rộng lãnh thổ của người Việt xuống phía Nam không chỉ dừng lại ở thời chúa Nguyễn. Khi thống nhất giang sơn, lập ra nhà Nguyễn (1802), dưới thời Minh Mạng đã có những cuộc chiến tranh với nước phía Tây lúc bấy giờ là Chân Lạp. Đã có lúc Minh Mạng thôn tính toàn bộ lãnh thổ của nước này. Tuy nhiên, do sự phản kháng của nhân dân Chân Lạp, dưới sự giúp đỡ của chính quyền Xiêm, cộng thêm sự cai trị hà khắc của một bộ phận quan lại người Việt đã dẫn đến việc nước Đại Nam không thể sáp nhập vùng đất Chân Lạp lâu dài. Sau khi thực dân Pháp vào đô hộ nước ta đã phân chia Nam Kỳ với lãnh thổ như hiện nay, chấm dứt việc người Việt mở rộng bờ cõi ở phía Nam.

2.2. Đặc điểm của quá trình mở rộng lãnh thổ về phương Nam của người Việt trong lịch sử

Thứ nhất, xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử khách quan và chủ quan

Việc mở rộng lãnh thổ của Việt Nam được tiến hành chủ yếu về phía Nam bởi hai nguyên nhân chính là dựa trên *triết lý sức mạnh* và *yếu tố địa chính học*. Nguyên nhân thứ nhất cụ thể là sự hùng mạnh của Trung Quốc, nguyên nhân thứ hai là dãy Trường Sơn. Với mục đích chính trị – kinh tế, khi tiến hành quá trình mở mang lãnh thổ và tăng cường sức mạnh của mình, Việt Nam đã không thể tiến lên phía Bắc vì có Trung Quốc mạnh hơn. Không thể tiến lên nhưng Việt Nam phải chống lại quá trình mở mang lãnh thổ về phía Nam của Trung Quốc và kết quả là Việt Nam đã phải trải qua một quá trình lịch sử đấu tranh lâu dài. Mặt khác, Việt Nam đã mấy lần¹ thử tiến về phía Tây là nước Lào nhưng giữa hai nước có dãy núi dài hiểm trở nên không được như mong muốn. Hai nước duy trì mối quan hệ hữu nghị truyền thống bất chấp quy luật lịch sử “*giữa các nước láng giềng không có quan hệ tốt*”. Bên cạnh đó, quá trình

¹ Dưới triều đại Hậu Lê hay triều đại nhà Nguyễn, Việt Nam đã hợp nhất một phần lãnh thổ ở phía Đông Bắc Lào với vùng biên giới của mình. Tuy nhiên, mức độ và số lần căng thẳng về chính trị không nhiều và sâu sắc, đất chiếm lĩnh thì chưa được khai thác, dân số của Lào ít nên sau khi chiếm lĩnh được cũng không đủ lực lượng lao động tại chỗ để khai thác. Hơn nữa, có nhiều lý do nên không thu hút được dân nước mình khai thác vùng đất đó nên việc tiến sang Lào của Việt Nam không dễ dàng. Tương tự, triều Nguyễn đã lấy đất của Lào và nhập vào lãnh thổ của mình 6 trấn là Trấn Man, Trấn Biên, Trấn Ninh, Trấn Tĩnh, Trấn Định, Lạc Biên và rồi trả lại cho Lào khi Pháp tiến vào.

Nam tiến của người Việt song hành với những thời kì nội chiến giữa các thế lực chính trị. Quá trình Nam tiến mạnh mẽ nhất bắt đầu từ thế kỷ XVI. Nguyên nhân của hiện tượng xã hội này chính là cuộc chiến tranh tương tàn của hai dòng họ phong kiến Trịnh – Nguyễn. Cuộc giao tranh quyết liệt kéo dài 175 năm, trong đó có 45 năm đã diễn ra liên tiếp 7 trận đánh lớn cực kỳ ác liệt. Để phục vụ cho nhu cầu của cuộc chiến tranh giành giật quyền lợi này, đồng thời cũng để thỏa mãn như cầu xa hoa của giới quý tộc, các tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn thi nhau vơ vét cùng kiệt nhân lực, vật lực của dân chúng, gây nên cảnh đói khổ lầm than mọi nơi. Khổ sở, điêu đứng vì chiến tranh, vì bóc lột cùng với thiên tai tàn phá ác liệt làm cho những người nông dân phải rời bỏ ruộng vườn, làng mạc, phiêu tán đi khắp nơi để tìm cuộc sống mới, no đủ hơn. Chính giai đoạn lịch sử này đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình “nhân đôi đất nước” của người Việt, qua đó tạo nên đặc điểm Nam tiến là “dân đi trước, làng nước theo sau”.

Như vậy, vì khó tiến lên phía Tây Bắc nên Việt Nam tiến về phía Nam là một kết quả tất yếu. Ở đây, so với các nước ở phía Nam, Việt Nam chiếm ưu thế về sức mạnh, so với phía Tây Bắc thì không tồn tại trở ngại nào, sau khi chiếm lĩnh có thể khai thác mở rộng bằng lực lượng lao động phong phú tại chỗ. Không những thế, về mặt địa lý, phía Nam nối liền với đường biển rất thuận tiện nên dễ tiến hơn đường bộ.

Thứ hai, Nam tiến bằng con đường chiến tranh

+ Chiến tranh với Chiêm Thành

Trong lịch sử Việt Nam, việc mở rộng lãnh thổ về phía Nam được bắt đầu từ năm 1069 dưới triều đại nhà Lý. Kết quả là Chiêm Thành đã nhường 3 châu Bồ Chánh, Địa Lý, Ma Linh². Sang thế kỷ XVII, sự kiện vào năm 1653 “*Vua nước Chiêm Thành là Bà Tấm quấy rối đất Phú Yên. Sai cai cơ Hùng Lộc hầu làm tổng binh và xá sai Minh võ làm tham mưu đem 3000 quân đi đánh. Đến phủ Phú Yên, ngày 3 tháng 4, nhân đêm qua đèo Hồ Dương núi Thạch Bi, ruổi thẳng đến trại của Bà Tấm, phóng lửa đánh gấp, phá tan, đuổi dài đến sông Phan Lang. Bà Tấm sai con là Xác Bà Ân nộp lễ xin hàng. Phúc Tần cho, bắt chia đại giới, lấy đất tự phía đông sông ấy đến Phú Yên đặt làm hai phủ Thái Khang và Diên Ninh, đặt dinh trấn thủ Thái Khang, phía Tây sông vẫn là nước Chiêm Thành, khiến giữ bờ cõi mà nộp cống*”. Thái Khang và Diên Ninh bây giờ là Ninh Hòa và Diên Khánh, lúc này lãnh thổ của Việt Nam được mở rộng đến Khánh Hòa. Tháng 8/1692, chúa Nguyễn chiếm Chiêm Thành và nhân cơ hội chiếm Diên Ninh của Chiêm Thành và tháng 3 năm sau đã bắt được vua Chiêm Thành là Bà Tranh. Lúc này, Chúa Nguyễn đổi tên Chiêm Thành là Thuận Thành. Đất nước Chiêm Thành đến lúc này hoàn toàn bị biến mất trên bản đồ. Chiêm Thành hợp nhất hoàn toàn vào Việt Nam năm 1697 nhưng trên thực tế, với tư cách là một quốc gia thì đã bị xóa bỏ vào năm 1693.

+ Thông qua mối quan hệ chính trị - quân sự tay ba Đại Việt – Chân Lạp – Xiêm

Khi Chân Lạp lệ thuộc vào Vương quốc Ayuthaya (Xiêm) đã mượn sức mạnh của Việt Nam để thoát khỏi sự cai trị của Xiêm, Việt Nam có được cơ hội tiến vào

² Căn cứ vùng đất thuộc Địa Lý ở huyện Lê Ninh, tỉnh Quảng Bình, Ma Linh ở huyện Bến Hải, tỉnh Quảng Trị, Bồ Chánh ở huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình

Chân Lạp một cách hợp pháp và đồng thời trên cơ sở đó, có được cơ hội tốt để có thể cản trở sự tiến vào Chân Lạp của Xiêm. Dưới chính sách ngoại giao “cận Việt viễn Thái” của Chân Lạp năm 1658, lần đầu tiên Việt Nam có cơ hội gửi quân đội theo yêu cầu của Chân Lạp để giải quyết phân tranh vương vị và kết quả là nhận được sự cư trú hợp pháp ở Mô Xoài, Đồng Nai và nộp cống, thần phục từ triều đình Chân Lạp. Vào năm 1674, Việt Nam gửi quân đội đến Chân Lạp lần thứ hai để giải quyết tranh chấp vương vị và có thể bước một bước sâu hơn vào việc hợp nhất lãnh thổ Chân Lạp bằng cách đặt ra chế độ chính vương và phó vương.

Năm 1688, Hoàng Tiến gây ra phản loạn, quốc vương của Chân Lạp Nặc Ông Thu từ chối thần phục và nộp cống cho Việt Nam và dương ngọn cờ phản loạn. Việt Nam gửi quân vào Sài Gòn để bình định nhưng không thành công, tuy nhiên, trong trong một thời gian dài nắm giữ, Việt Nam thực sự đã có ảnh hưởng ở khu vực này. Năm 1691, người có thực quyền ở đây là phó vương Nặc Ông Nộn mất, tạo ra một khoảng trống quyền lực, góp phần xúc tiến quá trình hợp nhất của Việt Nam ở khu vực này. Trên cơ sở đó, từ năm 1698, bắt đầu hợp nhất khu vực Gia Định, năm 1732, Việt Nam gửi quân đội tới, lấy Mỹ Tho, Sa Đéc ở phía Tây Gia Định và đặt châu Định Viễn.

Chúa Nguyễn hai lần viễn chinh Campuchia vào năm 1753 và 1755 do hiệp ước quan hệ của Chúa Trịnh và YuRin Côn Man của Nặc Ông Nguyên là vua Chân Lạp. Lúc này Nặc Ông Nguyên tị nạn ở Hà Tiên và năm 1756, đưa Mạc Thiên Tứ đề nghị thần phục và nộp cống cho chúa Nguyễn và đã dâng 2 phủ Tam Bon, Loi Lap (nơi này giáp với tỉnh Định Tường thuộc tỉnh Vĩnh Long). Lần cuối cùng, năm 1757, trong quá trình lên ngôi, vua Campuchia nhận sự giúp đỡ đã nhận từ Nặc Ông Tôn 2 phủ Trà Vinh, Ba Thắc và Tầm Phong Long. Đối với sự kiện của năm 1757, khi xem xét biên giới lãnh thổ Việt Nam qua ghi chép là “*Năm 1757, Nặc Ông Nguyên nước Chân Lạp chết. Người chủ họ là Nặc Nhuân Tạm coi việc nước. Biên thần tâu xin nhân đó lập Nhuận để tỏ ân nghĩa, cho vững biên cương. Chúa bắt phải hiến hai phủ Trà Vinh, Ba Thắc, rồi sau mới y cho ...*”. Ngoài ra, cùng năm 1757, Việt Nam được vua Chân Lạp Nặc Ông Tôn dâng 5 phủ Hương Úc, Cần Bột, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh. Khu vực này tiếp giáp với Hà Tiên nhưng trong thời gian vua Tự Đức tại vị đã trả lại cho Chân Lạp. Năm 1771, Xiêm cho quân tiến đánh Campuchia, đường thủy tiến đánh Hà Tiên. Chúa Nguyễn phải cho quân sang cứu Campuchia và đánh quân Xiêm ở Hà Tiên. Cuộc chiến kết thúc bằng việc Xiêm và Việt Nam cùng rút khỏi Campuchia. Xiêm giữ quyền chi phối Campuchia, còn Việt Nam giữ được vùng Hà Tiên.

Năm 1833 diễn ra cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi ở thành Gia Định, vua Minh Mạng cử Trương Minh Giảng đến dẹp loạn, Lê Văn Khôi cầu xin Xiêm trợ giúp. Quân Xiêm nhân cơ hội này tiến đánh Việt Nam, thế nhưng bị quân của nhà Nguyễn đánh bại. Không chỉ thế, nhà Nguyễn còn cho quân sang đánh Xiêm ở Campuchia, chiếm giữ và bảo hộ hầu hết đất nước này, loại bỏ ảnh hưởng của Xiêm, chỉ còn vùng đất nhỏ là Nam Bàn là thuộc về người Khmer. Nhà Nguyễn sáp nhập các vùng đất Campuchia vào lãnh thổ, đặt tên là Trấn Tây Thành, chia ra thành nhiều phủ, huyện, sắp đặt các quan lại người Việt đến cai trị. Đến năm 1835 thời vua Minh Mạng, với các vùng đất

từ Ai Lao và Cao Miên sáp nhập vào, lãnh thổ Việt Nam đạt đến cực điểm, rộng 575.000 km² tức gấp hơn 1,7 lần so với Việt Nam bây giờ.

Thứ ba, con đường hôn nhân và ngoại giao hòa bình

Từ thế kỉ XVII, chế độ phong kiến Đại Việt ngày càng lún sâu vào khủng hoảng. Những cuộc chiến tranh kéo dài giữa các tập đoàn phong kiến dẫn đến đất nước bị chia cắt thành hai miền. Chiến tranh, loạn lạc đã dồn đẩy một bộ phận lớn cư dân người Việt nghèo khổ phải tha hương cầu thực, xiêu tán về phương Nam tìm chốn dung thân. Sự di cư tự phát về phương Nam của người Việt trở thành một nhân tố chi phối quan hệ của Đại Việt với Chân Lạp từ thế kỉ XVII - XIX. Trên bước đường lưu lạc, nhiều lớp cư dân đã đến vùng đất Thủy Chân Lạp bấy giờ còn hoang sơ, thưa thớt bóng người. Di dân người Việt cộng cư với cư dân bản địa và cư dân Khrme, tiến hành công cuộc mưu sinh tuy gian nan nhưng tự do, an toàn hơn và ít chịu sự ràng buộc của các thế lực phong kiến. Sự bất mãn của dân nghèo người Việt cũng như người Khmer đối với chế độ phong kiến đương thời là một trong những nhân tố quan trọng khiến họ dễ dàng tiếp nhận, giúp đỡ, gắn kết lẫn nhau trên vùng đất mới, bất kể có hay không sự can thiệp của chính quyền phong kiến. Chính điều này tạo nên yếu tố bền vững trong mối quan hệ giữa các cộng đồng cư dân và là nhân tố năng động nhất góp phần hình thành và phát triển mối quan hệ giữa hai nước trong các thế kỷ XVII - XIX. Sự có mặt của di dân người Việt làm tăng thêm đặc điểm cộng cư cài răng lược, một đặc điểm quan trọng vốn có của khu vực bán đảo Trung Ấn cũng như quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc cùng chung sống trên bán đảo này. Trong quá trình cộng cư và khai khẩn vùng đất mới, người Việt tỏ ra chiếm ưu thế hơn hẳn. Tuy là lớp di dân đến sau nhưng với lực lượng đông hơn, phương thức khai phá hiệu quả, kinh nghiệm trồng lúa nước lâu đời, phương pháp cải tạo tự nhiên thông minh và sáng tạo... di dân người Việt trở thành lực lượng chủ yếu trong “*sự nghiệp khai phá, biến đất hoang thành ruộng vườn, lấy nông nghiệp làm gốc là động lực chủ yếu làm biến đổi cơ bản bộ mặt hoang vu của đồng bằng Nam Bộ*”. Có thể nói, sự nghiệp khai phá vùng đất Nam Bộ và sự phồn thịnh của nó là công lao chung của các cộng đồng cư dân, trong đó người Hoa và Khmer đã góp phần khá quan trọng. Nhưng bằng phương thức khai phá đất hoang thành ruộng vườn làm nông nghiệp, người Việt tỏ ra có ưu thế hơn hẳn các thành phần cư dân khác. Họ đã thể hiện vai trò chủ lực trong công cuộc khai phá và thực sự trở thành chủ nhân chính của vùng đất này. Đồng thời, với hình thái cư trú xen kẽ, khi vùng đất này đổi chủ và được chính quyền Đại Việt xếp đặt đơn vị hành chính, các thành phần cư dân như người Khmer, người Hoa cũng mặc nhiên trở thành bộ phận cư dân thống thuộc và không thể tách rời của quốc gia Đại Việt. Cuộc hôn nhân, đóng vai trò quan trọng và là động cơ quyết định thành công mang tính hợp thức quá trình nam tiến của người Việt.

Thứ 4, dâng đất của các thế lực chính trị (qua trường hợp Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho Chúa Nguyễn)

Cũng như Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu không chịu nhận dưới quyền triều đình Mãn Thanh, bỏ quê hương mà dạt bộ hạ xuống miền Nam Hải, Dương và Trần ghé vào Quảng Nam (1679) quy phục Chúa Nguyễn Phúc Tần, được

Chúa cho vào đất Đồng Nai và Mỹ Tho để tự kinh lí lấy mà lập nên một nơi buôn bán thịnh vượng là Cù lao Phố (Biên hòa); còn Mạc thì tiến xa hơn, tới địa phận Chân Lạp (cũng gọi là Giản phố trại) –tức Campuchia – vào khoảng 1671 làm chức “óc nha”, một chức quan lớn Chân Lạp, năm 1700 xin vua Chân Lạp ra khai khẩn miền Banteay Meas, tức Mang Khảm, mới đầu mở sông bạc³, sau quy tụ các người Hoa, Việt, Miên, lập ấp, mở khẩu, thành lập một tiểu quốc, nhưng thường bị giặc Xiêm quấy nhiễu. Năm 1708, Mạc Cửu liên lạc được với Chúa Nguyễn Phúc Chu, năm 1714 Mạc Cửu xin làm thuộc hạ của Chúa Nguyễn và được phong chức tổng binh cai trị đất Căn Khẩu. Năm 1724, Mạc Cửu dâng luôn toàn bộ đất đai và được phong làm đô đốc cai trị lãnh thổ Căn Khẩu, đổi tên thành Long Hồ dinh. Từ 1729, Long Hồ dinh nổi tiếng là vùng đất trù phú nhất vịnh Thái Lan. Năm 1735, Mạc Cửu mất, con là Mạc Sĩ Lân, sau đổi thành Mạc Thiên Tứ, được phong làm đô đốc, kế nghiệp cha cai trị Long Hồ dinh. Gia đình họ Mạc được Ninh vương Nguyễn Phúc Trú nâng lên hàng vương tôn. Long Hồ dinh đổi tên thành trấn Hà Tiên.

Năm 1739, Mạc Thiên Tứ lập thêm vùng Long Xuyên (Cà Mau), Kiên Giang (Rạch Giá), Trấn Giang (Cần Thơ) và Trấn Di (bắc Bạc Liêu). Năm 1755, Nặc Nguyên nhờ Mạc Thiên Tứ dâng Chúa Nguyễn lãnh thổ hai phủ Tầm Bôn (Cần Thơ) và Lôi Lạp (Long Xuyên) để được về Nam Vang cai trị. Năm 1758, Chúa Nguyễn đưa Nặc Tôn (Ang Ton II) lên làm vua và được tặng thêm lãnh thổ Tầm Phong Long (Châu Đốc và Sa Đéc). Nặc Tôn tặng riêng Mạc Thiên Tứ lãnh thổ 5 phủ miền Đông-Nam Chân Lạp: Hương Úc (Kompong Som), Cần Bột (Kampot), Trục Sâm (Chung Rùm), Sài Mạt (Cheal Meas) và Linh Quỳnh (vùng duyên hải từ xã Sré Ambel đến làng Peam), nói chung là toàn bộ vùng biển ven duyên quanh đảo Phú Quốc, Mạc Thiên Tứ dâng hết cho Võ vương Nguyễn Phúc Khoát. Võ vương sát nhập tất cả các vùng đất mới vào trấn Hà Tiên, giao cho Mạc Thiên Tứ cai trị. Mạc Cửu làm Tổng Binh cai trị Hà Tiên đến năm Bính Thìn 1735 thì qua đời. Chúa Nguyễn cho con là Mạc Thiên Tứ (Tích) kế nghiệp.

2.3. Nhận xét quá trình Nam tiến của người Việt từ thế kỷ XVII

Khi nói đến nguyên nhân đưa đến cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam, chúng ta thường thấy nói rằng:

Vì nước Việt Nam phía Bắc đối diện với Trung Quốc hùng mạnh, lúc nào cũng đe dọa đến sự tồn vong, đến nền độc lập Đại Việt. Do đó để phát triển lãnh thổ, cũng như tăng cường sức mạnh, tạo ra những đê kháng trước phương Bắc (Trung Quốc), tổ tiên chúng ta phải Nam tiến;

Vì phía Tây nước ta giáp với Lào có dãy Trường Sơn hùng vĩ ngăn trở, địa hình khó khăn để đi qua và liên kết;

Trong khi nhìn về phía Đông lại là biển nên người Việt không thể mở ra. Chỉ có phương Nam là dễ tiếp xúc, dễ liên kết, phương Nam lại là vùng đất mới tuy là lãnh thổ của dân tộc khác, nhưng đất đai chưa khai phá hết,

³ Ông lập ra 7 sông bạc dọc bờ biển: Mán Khảm (Peam), Long Kỳ (Ream), Cần Bột (Kampot), Hương Úc (Kompong Som), Sài Mạt (Cheal Meas), Linh Quỳnh (Rạch Giá) và Phú Quốc (Koh Tral). Thủ phủ đặt tại Mán Khảm (cảng của người Mán, tức người Khmer), sau đổi thành Căn Khẩu (Căn Kháo hay Căn Cáo).

càng về phương Nam đất đai lại càng trù phú, người Việt chỉ có thể mở cõi về phương Nam, để mưu cái lợi sau này.

Nói như vậy, có thể đúng, nhưng lại chưa đủ. Nước Việt Nam, từ bao đời nay, lúc nào cũng lo lắng cho sự trường tồn trước một nước Trung Hoa đầy tham vọng. Nhưng đó chưa phải là tất cả lý do để người Việt thực hiện cuộc Nam tiến. Việc đưa ra nguyên nhân trên để giải thích Nam tiến có chỗ không xác đáng, ở chỗ người Việt không cần phải mở đất về Nam họ vẫn có thể đối chọi với Trung Quốc và khi họ đã Nam tiến thì đâu có nghĩa là Trung Quốc không có tham vọng xâm lược nước Việt nữa, đó là những điều không xác đáng của nguyên nhân này. Có lẽ, nguyên nhân này để cố biện minh cho sự Nam tiến là bắt buộc, là hoàn cảnh khó xử của nước Việt. Xem thế, thì nguyên nhân này không đủ là lý do của cuộc Nam tiến, nó không giúp chúng ta lý giải được nguyên nhân thực tế, nguyên nhân sâu xa của công cuộc Nam tiến, từ nguyên nhân này chúng ta không thể xem Nam tiến như là một xu thế phát triển của đất nước, một xu thế tự nhiên, tất yếu được.

Thực tế lịch sử chứng minh nguyên nhân của quá trình Nam tiến như là một xu thế tất yếu của lịch sử. Một dân tộc nào cũng vậy, khi thực lực của họ đã lớn, đã hùng mạnh họ cần phải có một vùng đất để phát triển, khi mở rộng họ phải gặp một dân tộc khác và kết quả là hình thành xung đột, nếu gặp phải một dân tộc yếu thì dân tộc đó sẽ bị tiêu diệt mà lấy đất, nhược bằng gặp phải dân tộc mạnh thì có thể lại bị xâm chiếm. Quy luật tất yếu, “cá lớn nuốt cá bé” đời nào mà không có, nơi nào mà không tồn tại. Có dân tộc nào, đất nước nào khi sức mạnh phát triển lại không lo mở đất, tạo điều kiện cho dòng giống mình phát triển, trong quy luật đó kẻ yếu phải cáo chung kẻ mạnh thì phát triển. Việt Nam cũng nằm trong xu thế đó, từ sau khi thoát ra khỏi ách thống trị ngàn năm của phương Bắc. Đất nước, bước vào thời kỳ độc lập tự chủ, trải qua các triều đại ban đầu ngắn ngủi, bước vào thời đại Lý – Trần, kinh tế, văn hóa, xã hội không ngừng phát triển, từ đó Đại Việt đã đạt được những sự hưng thịnh nhất định, thời Lê Sơ, đặc biệt là thời Lê Thánh Tông nước Đại Việt lại phát triển thịnh đạt vô cùng, sau này đến thời Chúa Nguyễn cũng vậy.

Một quốc gia phát triển như thế thì phải mở rộng cương thổ, đây là một xu thế tất yếu, một nguyên nhân khách quan?

Xuất phát từ các nguyên nhân:

Dân cư Đại Việt ngày càng phát triển, đồng bằng Bắc Bộ không còn đủ sức chứa cho một dân tộc đang sung mãn, dân cư ngày càng đông đúc, làng xã miền Bắc thì ngày càng chật hẹp, ruộng đất canh tác ngày càng không đáp ứng được nhu cầu đất đai, chỗ ở, lương thực cung cấp cho con người; Mặt khác, trong thời kỳ chiến tranh Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn phân tranh, cộng với sự gia tăng thiên tai thường xuyên hằng năm cũng làm cho tình trạng, đói kém ngày càng phổ biến và có tính liên tục. Hai nguyên nhân đó, tạo ra hệ quả là những cuộc Nam tiến của nhân dân.

Ở phương Nam cuộc sống an lành, sung túc, đó thật sự là miền đất hứa cho người Việt xuống khai phá. Kết quả là những đoàn người lần lượt kéo nhau vào phía Nam, từ thời cuối đời Lê Sơ sang thời Lê Trung Hưng con số này ngày càng tăng. Vào thời Lý, Trần, Hồ việc di dân này đa phần mang tính cưỡng ép, do nhà nước tổ chức nhiều hơn

là tự phát nhưng trong thời kỳ sau, đại bộ phận các cuộc di dân là do nhân dân tự phát, nói cách khác từ sau năm 1471, đặc biệt là những năm cuối thế kỷ XVI – XVII số lượng những di dân không ngừng tăng, trong một dòng chảy rất đều, không ngừng nghỉ, nó hoàn toàn thoát khỏi sự ràng buộc của chính quyền, để sinh ra hiện tượng mà sau này khi nghiên cứu Nam tiến chúng ta hay nói đến: “lưu dân đi trước, nhà nước theo sau”.

Có thể thấy, những nguyên nhân thúc đẩy các cuộc di dân trong buổi đầu tiến về phương Nam của người Việt, nằm ở cấp độ “lưu dân đi trước”, hay là những nguyên nhân tự phát.

Những nguyên nhân từ góc độ nhà nước, chính quyền, được xem là nguyên nhân chủ quan – với những tính toán và chính trị và quân sự của nhà nước đương thời

Từ các thời Lý – Trần, Đại Việt đã bước những bước đầu tiên về phía Nam, thu được phần lãnh thổ mới do vua Champa dâng nộp: lần đầu vào năm 1069, thu lấy Bồ Chính, Ma Linh, Địa Lý do vua Champa dâng cho Đại Việt để được tha về nước, đến năm 1306 cũng do vua Champa dâng hai đất châu Ô, Lý để cưới công chúa Đại Việt – ý kiến cho rằng thời này Đại Việt không có ý định Nam tiến, xâm lấn lãnh thổ phương Nam?

Thời Hồ – Lê, Đại Việt chủ động đánh và lấy các phần đất của Champa về cho Đại Việt, mở rộng cương vực quốc gia. Đó là thời Hồ (1402) và thời Lê Thánh Tông (1471), nằm trong nguyên nhân là muốn mở rộng sức mạnh, thực hiện theo tình thần tự nhiên, khách quan của quy luật mạnh được yếu thua.

Khi cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn và khát vọng vươn lên, tăng cường sức mạnh của chúa Nguyễn, cuộc xung đột này đã dẫn đến cuộc phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài. Trong cuộc xung đột đó, lúc đầu thực lực của chúa Nguyễn rất kém, chúa Nguyễn từng phải xưng thần, tỏ ra thần phục với chúa Trịnh, chính vì thế để tăng cường thực lực của mình chúa Nguyễn đã tìm cách bám vững chắc ở vùng Thuận – Quảng, không những thế một chủ trương quan trọng khác, nhằm tăng cường thể mạnh của mình, đề phòng với chúa Trịnh ở phương Bắc, chính là hoạt động Nam tiến.

Nam tiến đối với họ Nguyễn chính là vấn đề mang tính chất sống còn. Nhiệm vụ Nam tiến thời các chúa Nguyễn được xem như là một quyết sách hàng đầu, có vai trò quan trọng như là chính sách Bắc cự họ Trịnh của họ. “Đất Thuận Quảng phía bắc có núi Ngang [Hoành Sơn] và sông Gianh [Linh Giang] hiểm trở, phía nam ở núi Hải Vân và núi Đá Bia [Thạch Bi sơn] vững bền. Núi sẵn vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân luyện binh để chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không địch được, thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội, chứ đừng bỏ qua lời dặn của ta”.

Như vậy, trong quá trình Nam tiến của người Việt xuất phát từ những nguyên nhân chính:

Thứ nhất, phải kể đến sự vươn lên mạnh mẽ của một quốc gia Đại Việt đang muốn trở thành một quốc gia hùng mạnh, theo quy luật mạnh được yếu thua.

Thứ hai, là sự gia tăng của dân số, thiên tai, đất đai ngày càng thu hẹp, không đáp ứng đủ nhu cầu cho người dân, cộng với chiến tranh, sưu thuế, lao dịch liên tục, thúc

đầy hàng đoàn người di cư về Nam. Những bước chân của những người lưu dân này chính là những minh chứng cho quá trình Nam tiến, những bước chân của những người khai thiên mở cõi chính là những bước tiến vĩ đại của lịch sử dân tộc Việt Nam, trên lộ trình mở cõi về phương Nam.

Thứ ba, một nguyên nhân chủ quan là cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn và những kỳ công mở cõi của các chúa Nguyễn về phương Nam. Đây là giai đoạn Nam tiến cuối cùng, nhưng mạnh mẽ, sôi nổi nhất trong lịch sử Nam tiến của người Việt, một cuộc Nam tiến chỉ vốn vẹn trong chưa đến 1,5 thế kỷ, nhưng có vai trò quan trọng nhất trong lộ trình Nam tiến từ trước đến nay. Chính từ thời kỳ Chúa Nguyễn, lãnh thổ nước Đại Việt đã tăng lên gấp đôi, những vùng lãnh thổ mới ở Nam bộ, nổi tiếng là vựa lúa lớn của cả nước, được sáp nhập vào nước ta. Xem thế, thì vai trò Của chúa Nguyễn với quá trình Nam tiến thật là to lớn – đây chính là quá trình “nhân đôi đất nước”.

3. Kết luận

Hành trình mở cõi về phía Nam của cha ông ta có từ thời Lý, sau đó trải qua các thời đại phong kiến lãnh thổ Đại Việt được mở rộng dần. Đến năm 1635, Chúa Nguyễn Phúc Nguyên dời thủ phủ vào Phú Xuân-Huế, mở ra thời kỳ Nam tiến mạnh mẽ để hình thành dải đất hình chữ S nước Việt ngày nay. Việc mở rộng lãnh thổ của Việt Nam cho thấy một quy luật điển hình trong lịch sử nhân loại là “*cá lớn nuốt cá bé*⁴. Việt Nam đã không ngừng đấu tranh trong trường kỳ lịch sử để sinh tồn bên cạnh một Trung Quốc mạnh hơn mình nhưng ngược lại cũng tiến hành chinh phục các quốc gia phương Nam yếu hơn. Điều này thể hiện hai mặt trong đặc trưng lịch sử của Việt Nam là chủ nghĩa dân chủ đấu tranh và chủ nghĩa dân chủ xâm lược.

“Việt Nam đã trải qua quá trình dân chủ đấu tranh và bồi dưỡng sức mạnh quốc gia rồi trên cơ sở đó hướng đến chủ nghĩa dân chủ xâm lược và kết quả là xác lập được lãnh thổ phía Nam bây giờ”.

“Việc mở rộng lãnh thổ về phía Nam đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là trong việc sản xuất ngũ cốc. Ngoài khí hậu nhiệt đới gió mùa có lượng mưa và lượng nắng nhiều thì vùng này còn có tài nguyên phong phú và đất đai màu mỡ và rộng lớn”.

“Việc mở rộng lãnh thổ của Việt Nam cũng là một trường hợp điển hình minh chứng cho quy luật lịch sử “giữa các nước láng giềng không có quan hệ tốt”.

Nghiên cứu về tiến trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt sẽ có nhiều cách đánh giá, nhìn nhận về quá trình lịch sử này là không đồng nhất.

Quá trình Nam tiến của người Việt diễn ra liên tục do nhiều nguyên nhân, mạnh nhất là dưới thời họ Nguyễn. Khi đánh giá những đóng góp của họ Nguyễn đối với lịch sử dân tộc, GS Phan Huy Lê nhấn mạnh: “*Một trong những công lao rất lớn của chúa Nguyễn và nhà Nguyễn là mở mang bờ cõi, thống nhất đất nước, khai phá đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1757 chúa Nguyễn đã định hình được lãnh thổ VN mà về cơ bản*

⁴ Phần kết luận dựa trên ý kiến tham khảo của GS.TS. Song Jung Nam, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, ý kiến mang tính chủ quan của tác giả Hàn Quốc nhận xét về quá trình mở rộng lãnh thổ của người Việt trong lịch sử. xem thêm: <http://lichsu.tnus.edu.vn/chi-tiet/712-Lich-su-mo-rong-lanh-tho-ve-phia-Nam-cua-Viet-Nam--1009-1847>

gần giống như lãnh thổ VN hiện nay từ phía Bắc vào Cà Mau, từ Tây nguyên ra biển, bao gồm cả vùng biển, các đảo ven bờ và hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa. Nhà Nguyễn có công rất lớn trong việc hình thành và định hình một nhà nước thống nhất và xác lập lãnh thổ - không gian sinh tồn của nước VN. Công lao nhà Nguyễn về phương diện này không thể chối cãi. Đã đến lúc cần nhìn rõ công, tội của nhà Nguyễn”⁵.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đào Duy Anh (2006), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
- [2]. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ dưới thời Chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
- [3]. Nguyễn Đình Đầu (2003), *Việt Nam quốc hiệu và cương vực qua các thời đại*, Nxb. BT.
- [4]. Phan Thuận An (2008), *Từ sự thành lập vương triều Nguyễn đến sự đảo lộn nhận thức về triều đại này trong giai đoạn vừa qua*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX”, trang 247 – 258.
- [5]. Phan Văn Hoàng (2008), *Đóng góp của một công nữ họ Nguyễn vào công cuộc mở đất phương Nam trong thế kỷ XVII*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX”, trang 90 – 102.
- [6]. Phan Khoang (1969), *Việt sử Xứ Đàng Trong 1558 – 1777*, Nxb. Khai trí.
- [7]. Quỳnh Cư - Đỗ Đức Hùng (1995), *Các triều đại Việt Nam*, Nxb. Thanh niên.
- [8]. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [9]. Vũ Minh Giang (2008), *Lược sử vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Thế giới.
- [10]. Trương Hữu Quýnh - Đinh Xuân Lâm - Lê Mậu Hãn (2001), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.
- [11]. Trường Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Kỷ yếu hội thảo Nam Bộ và Nam Trung Bộ những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII – XVIII*.
- [12]. Trần Thị Thanh Thanh (2008), *Góp thêm ý kiến về vai trò của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX”, trang 699 – 706.
- [13]. Trần Thuận (2008), *Cuộc nhân duyên giữa công nữ Ngọc Vạn với Quốc vương Chân Lạp – đôi điều suy ngẫm*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX”, trang 209 – 214.
- [14]. Tạ Chí Đại Trường (2015), *Lịch sử nội chiến Việt Nam từ năm 1771 đến 1802*, Nxb. Tri thức.
- [15]. Việt sử thông giám cương mục (1959), Nxb. Văn Sử Địa.

⁵ <https://tuoitre.vn/ghi-nhan-cong-lao-nha-nguyen-1269184.htm>

[16]. Hoàng Lại Giang, 2009, *Bản chất của lịch sử*, <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Ban-chat-cua-lich-su-38639.html>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

[17]. <http://lichsu.tnus.edu.vn/chi-tiet/712-Lich-su-mo-rong-lanh-tho-ve-phia-Nam-cua-Viet-Nam--1009-1847>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

[18]. <https://tuoitre.vn/ghi-nhan-cong-lao-nha-nguyen-1269184.htm>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA NHÂN DÂN MIỀN TÂY NAM KỲ TỪ SAU NĂM 1867

SV: Võ Thị Sơ Ri

Lớp: ĐHSSU 17A

GVHD: TS. Lê Đình Trọng

Tóm tắt: Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân miền Tây Nam Kỳ là một trong những cuộc kháng chiến điển hình cho truyền thống yêu nước và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung một số nội dung cơ bản: Làm rõ một số vấn đề về quá trình thôn tính miền Tây Nam Kỳ của thực dân Pháp; Phân tích những phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Tây Nam Kỳ từ sau năm 1867 tiêu biểu (khởi nghĩa Nguyễn Hữu Huân, khởi nghĩa Võ Duy Dương, Đốc Bình Kiều, khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực, khởi nghĩa Trần Văn Thành,...); từ đó tác giả đưa ra những nhận xét.

Từ khóa: Chống thực dân Pháp; Khởi nghĩa; Miền Tây Nam Kỳ.

1. Đặt vấn đề:

Việc nghiên cứu và học tập về phong trào kháng chiến của nhân dân Tây Nam Kỳ trong công cuộc kháng chiến chống Pháp hiện nay ích được các bạn học sinh, sinh viên chú trọng. Một phần là vì vấn đề quá dàn trải khó tiếp thu; một phần là vì học sinh, sinh viên khó tiếp cận với hiện thực lịch sử đều đó dẫn đến tâm lý không hứng thú với vấn đề này. Nhằm bắt được thực trạng trên tác giả quyết định nghiên cứu phong trào chống thực dân Pháp của nhân dân miền Tây Nam Kỳ từ sau năm 1867. Từ cơ sở đó, giúp thế hệ trẻ nhìn nhận vấn đề một cách khách quan hơn, hiểu rõ vấn đề từ đó lĩnh hội những kinh nghiệm, những bài học quý báu để áp dụng vào trong thực tiễn. Đề tài còn nhằm khích lệ hơn nữa tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết ý chí tự lực tự cường trong nhân dân ta. Thông qua đề tài có thể giúp đọc giả làm rõ một số vấn đề chưa được làm rõ trên cơ sở các công trình nghiên cứu khoa học trước đây, điển hình như sự liên kết mật thiết của từng phong trào, sức ảnh hưởng của nó đối với cả nước. Đề tài còn nhằm cung cấp thêm tài liệu giúp ích cho công tác giảng dạy và làm việc của các nhà sử học sau này. Dựa trên nền tảng phân tích rõ từng phong trào điều đó có thể giúp các nhà sử học nắm rõ hơn vấn đề, dễ dàng tiếp thu và lĩnh hội vấn đề.

2. Nội dung

2.1. Quá trình thôn tính miền Tây Nam Kỳ của thực dân Pháp

Trong lúc triều đình nhà Nguyễn đang thực hiện những đường lối kháng chiến sai lầm. Đầu tiên là dốc lực lượng vào việc đàn áp phong trào nông dân của Nguyễn Thịnh vào tháng 4/1862 ở Bắc Ninh; tiếp đó, đàn áp cuộc kháng chiến của Tạ Văn Phụng ở Bắc Kỳ,..... Lợi dụng thời cơ ấy thực dân Pháp đã đẩy mạnh hơn nữa âm mưu xâm lược của mình vào ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

Triều đình còn buộc phải thực hiện những điều đã cam kết với Pháp trong Hiệp ước 1862 ra lệnh giải tán nghĩa binh chống Pháp ở các tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa. Mặc dù vậy, phong trào chống Pháp của nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ nói riêng và lục tỉnh Nam Kỳ nói chung vẫn tiếp diễn. Các sĩ phu yêu nước vẫn

bám đất, bám dân, cổ vũ nghĩa binh đánh Pháp và chống phong kiến đầu hàng. Riêng ở Đông Nam Kỳ phong trào “tị địa” diễn ra rất sôi nổi, khiến cho Pháp gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức, quản lí những vùng đất Pháp mới chiếm được, Các đội nghĩa quân vẫn không chịu hạ vũ khí mà hoạt động ngày càng mạnh mẽ. Cuộc khởi nghĩa Trương Định tiếp tục giành được thắng lợi, gây cho Pháp nhiều khó khăn.

Nhìn một cách tổng thể, âm mưu thực dân Pháp là chiếm lấy hoàn toàn phần đất Nam Kỳ, làm chủ lưu vực sông Cửu Long, mở rộng phạm vi thuộc địa sang Campuchia để tiến lên Lào và xâm nhập thị trường rộng lớn ở phía nam Trung Quốc. Bước đầu Pháp thôn tính ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ tiếp đó là thành Nam Vang với mục tiêu là làm cho ba tỉnh Tây Nam Bộ rơi vào thế gọng Kìm và có thể dễ dàng rơi vào tay chúng .

Trong thời gian này, hoạt động du kích của các nghĩa quân ngày càng mở rộng, đã tấn công một số đồn của Pháp và đó chính là cái cớ để thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây. Vì Pháp nhận thấy phải ngay lập tức đánh các nghĩa quân vì nếu cứ để các nghĩa quân hoạt động sẽ ảnh hưởng đến quyền cai trị của chúng trên phạm vi ba tỉnh Miền Đông, nhưng lý do là vì chúng nắm được triều đình Huế quá yếu rồi không có cách nào kháng cự được. Do đó Pháp đã mở các cuộc càn quét vào khu vực Đồng Tháp Mười một cách có hệ thống và các nhóm nghĩa quân ở khu vực Đồng Tháp Mười phải chạy trốn sang tận biên giới giáp với Cao Miên. Nếu triều đình nhượng cho Pháp ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ thì thực dân Pháp sẽ giúp triều đình Huế trừ hết giặc biên và sẽ đình hết mọi khoản tiền bồi thường. Đến tháng 2/1867 Thực dân Pháp một lần nữa phái người ra Huế đòi trả tiền chiến phí và nhượng ba tỉnh miền đông cho chúng . Đến sáng ngày 20/06/1867 Thực dân Pháp đã bắt đầu triển khai âm mưu chiếm ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ đầu tiên chúng dàn trận trước thành Vĩnh Long buộc Phan Thanh Giản phải nộp thành. Tuy nhiên, trước tình thế đó Phan Thanh Giản và Trương Văn Uyên đã nghị hòa với địch nhưng bất thành điều đó đã khiến Phan Thanh Giản phải nộp thành cho Pháp không một chút kháng cự . Đứng trước sự bất lực như thế Phan Thanh Giản còn viết thư cho quan quân hai tỉnh còn lại là An Giang và Hà Tiên nộp thành để “ tránh khỏi mọi sự đổ máu vô ích”. Tuy quá trình chiếm hai tỉnh Miền Tây Nam Kỳ còn lại là An Giang (21/06) và Hà Tiên(24/06) dễ dàng hơn ba tỉnh Miền Đông vì quan quân triều đình ở hai tỉnh này vốn sợ Pháp nên sẵn sàng nộp thành cho giặc . Đến ngày 25/06/1867 toàn bộ 6 tỉnh Nam Kỳ đã bị thực dân Pháp thôn tính, nhưng chúng ta không thể đổ hoàn toàn lỗi lầm lên Phan Thanh Giản. Vì nhìn chung quan quân lúc này đã thiếu chuẩn bị mặc dù có biết trước là Pháp sẽ đánh chiếm ba tỉnh Miền Tây, Thậm chí “ *Khi tàu chiến Pháp tới trước thành Vĩnh Long, dân chúng tưởng là tàu quân Pháp ngược sông qua Cao Miên đã tụ họp ở trên bờ sông để xem; Ở Châu Đốc và Hà Tiên, người ta cũng tưởng là quân Pháp chỉ đi thám sát mà thôi*”⁶ . Do đó quan quân nhất thời chủ quan không kịp kháng cự, tuy nhiên cho dù có kháng cự thì vũ khí của ta cũng không kháng cự nổi vũ khí tối tân của Pháp . Mặc dù đã thất

⁶ Nguyễn Thế Anh, (2007), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB. Văn Học, TP.HCM

thủ cả 6 tỉnh Nam Kỳ nhưng nhân dân ở cả Tây Nam Kỳ nói riêng và lục tỉnh Nam Kỳ nói chung đều có một tinh thần chiến đấu rất anh dũng và quyết liệt.

2.2. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Tây Nam Kỳ từ sau năm 1867

Kể từ ngày 17 tháng 2 năm 1859, quân Pháp nổ súng đánh chiếm thành Gia Định. Và chỉ trong vòng 8 năm, bằng những thủ đoạn chính trị, quân sự, Pháp đã xâm chiếm toàn bộ 6 tỉnh miền Nam.

Trước sự nhu nhược, chủ trương cầu hòa với Pháp của triều đình Tự Đức một số văn thân, sĩ phu yêu nước bất hợp tác với giặc, tìm cách vượt biển ra vùng Bình Thuận (Nam Trung Kỳ) với mục tiêu tổ chức một cuộc kháng chiến lâu dài. Một số khác ở lại bám đất, bám dân, tiếp tục tiến hành cuộc vũ trang chống Pháp.

Phong trào chống Pháp do Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo đã phần nào minh chứng cho tinh thần yêu nước của dân tộc ta. Phong trào đã nhanh chóng lan khắp miền Tây Nam Kỳ và trở thành một hệ thống kháng chiến vững chắc. Đến năm 1874, lực lượng nghĩa quân suy yếu do thiếu khí giới và đạn dược. Thực dân Pháp liền huy động một lực lượng lớn tấn công căn cứ Bình Cách. Nguyễn Hữu Huân thoát chạy về Chợ Gạo. Đầu năm 1855, Nguyễn Hữu Huân trở lại vùng Tân An để tập hợp lại lực lượng tiếp tục con đường chống Pháp, nhưng bị Pháp và tay sai bao vây lùng bắt. Sau khi bắt được Nguyễn Hữu Huân, thực dân Pháp đưa ông lên Sài Gòn. Sau đó, lại giải về Mỹ Tho để xử tử ông tại Bến Tranh vào ngày 19 tháng 5 năm 1875. Trước khi hành hình, giặc Pháp đóng gông, bắt ông ngồi trên mũi thuyền chở từ nhà ngục Mỹ Tho đến Bến Tranh. Giặc Pháp cho đánh trống inh ỏi để quy tụ dân chúng, hòng uy hiếp tinh thần của những người yêu nước

Về Võ Duy Dương ông là một vị anh hùng, là một vị lãnh tụ có tài cầm quân nổi bật trong phong trào kháng chiến chống Pháp của miền Tây Nam Kỳ, tên tuổi của ông gắn bó chặt chẽ với vùng đất Đồng Tháp Mười. Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, ông và nghĩa quân đặt dưới sự chỉ huy của lãnh binh Trương Định và là trợ thủ thân cận của Nguyễn Hữu Huân. Địa bàn hoạt động chủ yếu là từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây sang Gò Cái Én rồi đến Bình Cách, Gò Cái Lữ, Thuộc Nhiêu,.. Sau khi Trương Định mất, có thể xem phong trào của ông có sức lan tỏa lớn nhất ở thời Kỳ này, và được nhân dân hưởng ứng rất mạnh mẽ. Phong trào lúc bấy giờ được lan rộng ra các tỉnh: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, biên giới Việt Nam-Campuchia,... Bên cạnh đó, ông cũng rất chú trọng chiêu mộ dân binh lập căn cứ địa ở vùng Đồng Tháp (Gò Tháp) bởi nơi đây là vùng có địa thế hiểm trở, xung quanh rất nhiều lau sậy có thể dễ dàng giúp nghĩa quân ẩn náu. Hơn nữa Đồng Tháp Mười cũng là nơi giao thông giữa miền Đông và miền Tây Nam Kỳ, thậm chí có thể sang Campuchia. Tuy nhiên ở nơi đây cũng có một số hạn chế là không thể tự giải quyết vấn đề lương thực, thường xuyên hứng chịu các đợt nước lũ về, ... Đến giữa năm 1865, thế là lực của nghĩa quân tương đối khá vững, nghĩa quân Đồng Tháp Mười bắt đầu tấn công Cái Bè, Cái Thia, Cai Lậy, Mỹ Quý... Đặc biệt là trận vào đêm 21 rạng ngày 22-7-1865, Thiên Hộ Dương cho nghĩa quân triệt hạ đồn Mỹ Trà. Ngay sau đó nghĩa quân bị thực dân Pháp đàn áp mạnh mẽ, ông phải bỏ đồn và cho nghĩa quân rút

lui theo hai hướng: hướng Tây về biên giới, hướng Đông về Cái Thia (Cái Bè). Riêng ông rút về Cao Lãnh phối hợp với Trương Tuệ, và nghĩa quân Campuchia A-cha Xoa nước đánh lên vùng Tây Ninh gây cho giặc một số thiệt hại đáng kể. Thực dân Pháp gây sức ép với triều đình buộc triều đình phải truy nã ông, phong trào ngày một suy yếu do thiếu thốn lương thực, vũ khí, đạn dược. Đến 10/1866 trên đường Bình Thuận, ông bị cướp biển giết chết tại cửa biển Thân Mẫu (Cần Giờ). Phong trào tuy thất bại nhưng đã thể hiện tinh thần yêu nước, quyết tâm bảo vệ bờ cõi của ông.

Về Đốc Binh Kiều - Ông là một người con gốc miền Trung và dời vào Kiến Đăng, Định Tường sinh sống. Ông được Trương Định phong chức Đốc Binh và là trợ thủ đắc lực của Võ Duy Dương. Khi Trương Định mất, ông theo Võ Duy Dương về lập căn cứ ở Đồng Tháp Mười. Ông đảm đương việc xây dựng căn cứ. Ông còn được giao nhiệm vụ trấn thủ đồn tá đề phòng giặc từ Cai Lậy, Cái Bè tiến công vào. Ông chủ động kéo quân ra đánh Cai Lậy và nhiều nơi khác, không chờ giặc tới đánh mới chống đỡ. Ông vẫn dùng chiến thuật du kích kết hợp với kinh nghiệm dân gian sáng tạo các cách đánh giặc độc đáo như đốt đồng, dùng ong, dùng trâu, hầm chông... làm cho giặc Pháp và tay sai vô cùng khiếp sợ. Cả một tuyến dài từ Cái Bè đến Cai Lậy, ông luôn giữ thế chủ động. Chúng rất căm tức, nhưng không sao tiêu diệt ông. Vào tháng 4/1866 thực dân Pháp mở đợt tấn công vào Tháp Mười nhưng chúng không đạt được mục đích và phải rút lui bởi sự chống trả quyết liệt của nhân dân ta. Ông lên đài quan sát theo dõi cuộc thoái binh của giặc, chẳng may ông bị thương. Ông được đưa về gò Giồng Dung điều trị. Mấy ngày sau, được tin đại đồn thất thủ ông uất lên mà chết.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Tây Nam Kỳ không thể không nhắc đến Nguyễn Trung Trực, ông là một con người quả cảm, đầy tinh thần yêu nước và nhiệt huyết. Tháng 2 năm 1859, Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Vốn xuất thân là dân chài, nằm trong hệ thống lính đồn điền của kinh lược Nguyễn Tri Phương, nên ông sốt sắng theo và còn chiêu mộ được một số nông dân vào lính để gìn giữ Đại đồn Chí Hòa, dưới quyền chỉ huy của Trương Định.

Sau đó ông là quyền sung Quản binh đạo và chỉ huy đốt cháy tàu L'Espérance của Pháp, nên ông còn được gọi là Quản Chon hay Quản Lịch. Đầu năm 1867, ông được triều đình phong chức *Hà Tiên thành thủ úy*^[7] để trấn giữ đất Hà Tiên, nhưng ông chưa kịp đến nơi thì tòa thành này đã bị quân Pháp chiếm mất vào ngày 24 tháng 6 năm 1867. Không theo lệnh triều đình rút quân ra Bình Thuận, Nguyễn Trung Trực đem quân về lập mật khu ở Sân chim (tả ngạn sông Cái Lớn, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang). Từ nơi này, ông lại dẫn quân đến Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, lập thêm căn cứ kháng Pháp. Sáng ngày 16 tháng 06 năm 1868, Nguyễn Trung Trực đã chủ động tấn công đồn Rạch Giá. Sau một trận quyết chiến giáp lá cà, hầu hết quân địch trong đồn bị giết, kể cả đồn trưởng và chủ tỉnh Rạch Giá. vào 4 giờ sáng ngày 16 tháng 6 năm 1868, Nguyễn Trung Trực bất ngờ dẫn quân từ Tà Niên (nay là xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) đánh úp đồn Kiên Giang (nay là khu vực UBND tỉnh Kiên Giang), do Trung úy Sauterne chỉ huy.

Đây là lần đầu tiên, lực lượng nghĩa quân đánh đối phương ngay tại trung tâm đầu não của tỉnh. Hai ngày sau (ngày 18 tháng 6 năm 1868), Thiếu tá hải quân Léonard Ausart, Đại úy Dismuratin, Trung úy hải quân Richard, Trung úy Taradel, Trần Bá Lộc, Tổng Đốc Phương nhận lệnh Bộ chỉ huy Pháp ở Mỹ Tho mang binh từ Vĩnh Long sang tiếp cứu. Ngày 21 tháng 6 năm 1868, Pháp phản công, ông phải lui quân về Hòn Chông (Kiên Lương, Kiên Giang) rồi ra đảo Phú Quốc, lập chiến khu tại Cửa Cạn nhằm Kỳnh chống đối phương lâu dài.

Tháng 9 năm 1868, chiếc tàu Groeland chở Lãnh Binh Tấn (tức Huỳnh Văn Tấn, còn được gọi Huỳnh Công Tấn, trước có quen biết ông Trục vì cùng theo Trương Định kháng Pháp. Sau này, Tấn trở thành cộng sự cho Pháp), cùng 150 lính ở Gò Công đến đảo Phú Quốc để bao vây và truy đuổi ông Trục.⁷

Có người cho rằng để bảo toàn lực lượng nghĩa quân, nhân dân trên đảo và lòng hiếu với mẹ (Pháp đã bắt mẹ của ông để uy hiếp), Nguyễn Trung Trục tự ra nộp mình cho người Pháp và bị đưa về giam ở Sài Gòn.⁸

Khi bị giặc bắt về Sài Gòn đem đi hành hình, ông đã khảng khái nói: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”. Sau khi Nguyễn Trung Trục mất tinh thần yêu nước của nghĩa quân ông vẫn không bị dập tắt, mà họ đã cùng với Đỗ Thừa Long, Đỗ Thừa Tự lập căn cứ chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh chống Pháp ở vùng U Minh.

Ngày 22/6/1867, quân đội Pháp chiếm thành Châu Đốc (tỉnh An Giang). Trần Văn Thành đã kéo lực lượng dân binh về Bảy Thưa xây dựng căn cứ, đồng thời phối hợp với nghĩa quân của Nguyễn Trung Trục chuẩn bị cho quá trình kháng chiến chống Pháp lâu dài trong vùng Tứ giác Long Xuyên .

Láng Linh (xưa thuộc huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, nay là xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, An Giang) là một cánh đồng bao la bát ngát, không một kinh rạch thông vào, để sậy mọc tràn lan dày đặc, nhiều chỗ sinh lầy nước đọng quanh năm, lại có lùm thú to rắn độc. Vùng này ít có người lui tới, ngoại trừ những tay thợ săn và những người theo giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương đến chiêm bái trại ruộng “Bửu Hương Các” do ông Trần Văn Thành trông coi. Địa thế Láng Linh rất hiểm trở, vùng này quả là một căn cứ kháng chiến vững chắc. Tại đây ông Trần Văn Thành ra lệnh tuyển mộ binh lính, xây dựng đồn chỉ huy Hưng Trung và có nhiều đồn trại xung quanh, tập trung các nhu cầu cần thiết cho việc kháng chiến mà ông đã chuẩn bị từ trước.⁹

Năm 1868, Nguyễn Trung Trục bị xử tử tại Rạch Giá, Trần Văn Thành đã quy tụ nghĩa quân của Nguyễn Trung Trục về cộng sự cùng ông và chiêu mộ nhân dân khắp

⁷ Thùy Linh - Việt Trinh (2011), *Nhân vật lịch sử Việt Nam và Những trận đánh*, chiến dịch nổi tiếng trong lịch sử dân tộc, tập 2, Nxb. Lao động .

⁸ Thùy Linh - Việt Trinh (2011), *Nhân vật lịch sử Việt Nam và Những trận đánh*, chiến dịch nổi tiếng trong lịch sử dân tộc, tập 2, Nxb. Lao động .

⁹ Trần Văn Đông, *Ý nghĩa lịch sử của Cuộc kháng chiến Bảy Thưa (1867-1873)* trên địa bàn tỉnh An Giang, <http://bantuyengiaolangiang.vn/index.php/lich-su-dang/nhan-vat-su-kien/2176-y-nghia-lich-su-cua-cuoc-khoi-nghia-bay-thua-1867-1873-tren-dia-ban-tinh-an-giang>, [truy cập ngày: 12/01/2019].

vùng miền Tây về Láng Linh- Bảy Thưa xây dựng đồn lũy, rèn đao kiếm, súng ống, lương thực, đánh phá đồn bót giặc,... Quân Pháp nhiều lần đánh vào Bảy Thưa nhưng không đạt kết quả. Đầu năm 1873, thực dân Pháp cho người mang thư đến mua chuộc ông quy thuận .

Biết không mua chuộc được Trần Văn Thành, thực dân Pháp huy động một lực lượng lính Mã Tà ở Long Xuyên, Châu Đốc, Cần Thơ tấn công nhiều hướng vào căn cứ Bảy Thưa từ ngày 19-20 tháng 3 năm 1873 (nhằm ngày 20 và 21 tháng 2 Âm). Trần Văn Thành trực tiếp chỉ huy nghĩa quân chống giặc và hy sinh anh dũng trước mũi súng của kẻ thù ngày 21 tháng 2 Quý Dậu (1873). Con trai thứ của ông là Trần Văn Chái (1855-1873) bị giặc bắt, sau đó tuần tiết trong khám Châu Đốc¹⁰

Cuộc kháng chiến Bảy Thưa chống thực dân Pháp xâm lược do Chánh Quản cơ Trần Văn Thành lãnh đạo, được tổ chức thành một phong trào rộng lớn lúc bấy giờ. Nó thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, từ nông thôn đến miền núi như: sĩ phu, võ tướng trí thức, thanh niên, phụ nữ. Do động viên được nhân dân tham gia và chính họ là những người nuôi dưỡng phong trào kháng chiến được kéo dài. Cuộc chiến tranh ở đây được thể hiện một cách rõ nét và độc đáo như: quần chúng tham gia nghĩa quân trực tiếp chiến đấu, người không tham gia được thời vận động cổ vũ, tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men... Ngoài ra quần chúng quanh vùng hết lòng che chở và hướng về nghĩa quân. Bởi vì ở họ đều có tấm lòng yêu nước nồng nàn, một ý chí căm thù giặc Pháp xâm lược.

Vào năm 1872 những toán quân Lê Công Thành, Phạm Văn Đồng, Âu Dương Lân ở Vĩnh Long, Long Xuyên, Cần Thơ cũng hoạt động rất mạnh mẽ. Trong những điều kiện khó khăn hơn nhiều so với thời Kỳ thực dân Pháp mới xâm chiếm Nam Kỳ, phong trào kháng chiến ở ba tỉnh miền Tây vẫn diễn ra sôi nổi, bền bỉ. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng ngày một chênh lệch không có lợi cho ta, vũ khí thì thô sơ, cuối cùng phong trào đều bị đàn áp và thất bại.

2.3. Nhận xét

Tuy rằng, trong cuộc kháng chiến của nhân dân Tây Nam Kỳ không đạt đến thắng lợi, nhưng cũng đã phần nào minh chứng cho tinh thần yêu nước bất khuất của dân tộc ta. Về cuộc kháng chiến của Nguyễn Trung Trực tuy rằng thất bại vì tương quan lực lượng không đồng đều, nhưng đã nêu cao tinh thần yêu nước của dân tộc, một lần nữa chứng minh tinh thần yêu nước luôn trường tồn. Về cuộc kháng chiến của Võ Duy Dương cũng đã gây cho giặc rất nhiều thiệt hại ở đồn Mỹ Trà, đồn Tây Ninh,... Tuy nhiên phong trào đã sớm thất bại vì gặp rất nhiều khó khăn. Thứ nhất, bị Pháp đàn áp; thứ hai nghĩa quân thiếu thốn lương thực, vũ khí đạn dược. Nhưng cuộc kháng chiến cũng đã thể hiện tinh thần yêu nước mãnh liệt, dám hy sinh bản thân để bảo vệ tổ quốc của ông và nghĩa quân lúc bấy giờ. Về cuộc kháng chiến của Trần Văn

¹⁰ Trần Văn Đông, *Ý nghĩa lịch sử của Cuộc kháng chiến Bảy Thưa (1867-1873) trên địa bàn tỉnh An Giang*, <http://bantuyengiaolangiang.vn/index.php/lich-su-dang/nhan-vat-su-kien/2176-y-nghia-lich-su-cua-cuoc-khoi-nghia-bay-thua-1867-1873-tren-dia-ban-tinh-an-giang>, [truy cập ngày: 12/01/2019].

Thành do điều kiện khách quan lúc bấy giờ, cuộc chiến tranh nhân dân ở Láng Linh - Bảy Thưa chưa được xây dựng và phát triển đúng mức. Nó còn nhiều giới hạn, nhất là ảnh hưởng của phong trào không sâu rộng mà chỉ bó hẹp trong phạm vi tỉnh An Giang. Hơn nữa, cuộc kháng chiến này chưa lập được một chiến công nào vang dội như đốt tàu Pháp trên sông Nhật Tảo hay chiếm thành Kiên Giang của Nguyễn Trung Trực. Do đó, nó chưa thể vận dụng và phát huy toàn diện khả năng chiến đấu của nhân dân quanh vùng, nên sớm thất bại sự đàn áp dã man của thực dân Pháp. Nhưng dù sao Trần Văn Thành và những nông dân yêu nước ở đây đã nêu tấm gương anh hùng bất khuất của nhân dân An Giang trong lịch sử truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước. Để làm rõ hơn nữa vấn đề chúng ta cần so sánh tinh thần chống Pháp của vua quan triều Nguyễn và của nhân dân từ 1867, từ đó làm rõ những công hiến của nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ trong công cuộc bảo vệ đất nước. Về phía triều đình, chủ trương cốt yếu là cầu hòa, thương lượng, một mặt thì tìm cách ủng hộ nghĩa binh, ban thưởng, chức tước cho Trương Định, Nguyễn Trung Trực, mặt khác lại điều hai ông ra miền Trung canh giữ bố phòng, không cho hai ông liên kết nghĩa quân chống Pháp để bề thương lượng, thậm chí còn ra tay đàn áp các nghĩa quân có tư tưởng làm trái ý vua đứng lên kháng Pháp. Còn về phía nhân dân, trước sau như một trên dưới một lòng quyết tâm kháng Pháp, quyết tâm đánh đuổi bọn phú lan sa bảo vệ bờ cõi dân tộc, sẵn sàng làm trái lệnh triều đình bám đất cùng nhân dân kháng chiến như Trương Định, Nguyễn Trung Trực,... Phong trào kháng chiến ở thời Kỳ này có một số điểm nổi bật là các phong trào đều có một sự liên kết nhất định, tạo thành một làn sóng đấu tranh vô cùng mạnh mẽ mà đó chính là cơ sở, là bài học kinh nghiệm giúp thế hệ sau noi theo.

3. Kết luận

Đứng trước nguy cơ bị Pháp xâm lược, triều đình nhà Nguyễn không những không đốc sức cùng toàn dân đánh giặc, mà luôn mang nặng tư tưởng cầu hòa, nhượng bộ. Một mặt, ban chức tước cho những nghĩa sĩ có công đánh Pháp; mặt khác từng bước tách các lãnh tụ nghĩa quân ra khỏi cuộc kháng chiến, thậm chí là đàn áp các cuộc kháng chiến trong thời kì này để dễ bề thương lượng, khiến cho nhân dân phải tự mình đảm đương sự nghiệp cứu nước.

Bất chấp sức mạnh của địch và sự cầu hòa của triều đình Huế, nhân dân ba tỉnh Tây Nam Kỳ nói riêng và cả nước nói chung đã anh dũng chiến đấu đánh đuổi Thực dân Pháp ra khỏi lãnh thổ một cách hiên ngang bất khuất. Tuy rằng, trong cuộc kháng chiến của nhân dân Tây Nam Kỳ không đạt đến thắng lợi, nhưng cũng đã phần nào minh chứng cho tinh thần yêu nước bất khuất của dân tộc ta,... Là một người con của nước Việt nói chung và sinh viên Đại học Đồng Tháp nói riêng, chúng ta nên cố gắng hoàn thành thật tốt nghĩa vụ của một người công dân, tiếp tục góp một phần nhỏ sức lực của mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, để xứng đáng hơn nữa những công sức mà thế hệ đi trước đã gìn giữ cho chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đinh Xuân Lâm (CB - 1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.

- [2]. Lê Thành Khôi (2018), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX*, Nxb. Thế Giới.
- [3]. Nguyễn Ngọc Cơ (CB - 2005), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1918*, Nxb. Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Thế Anh (2007), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Nxb. Văn học.
- [5]. Thùy Linh - Việt Trinh (2011), *Nhân vật lịch sử Việt Nam và Những trận đánh*, chiến dịch nổi tiếng trong lịch sử dân tộc, tập 2, Nxb. Lao Động
- [6]. Trần Văn Đông, *Ý nghĩa lịch sử của Cuộc kháng chiến Bảy Thưa (1867-1873) trên địa bàn tỉnh An Giang*, <http://bantuyengiaoangiang.vn/index.php/lich-su-dang/nhan-vat-su-kien/2176-y-nghia-lich-su-cua-cuoc-khoi-nghia-bay-thua-1867-1873-tren-dia-ban-tinh-an-giang>, [truy cập ngày: 12/01/2019].

CHIẾN LƯỢC XOAY TRỤC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ DƯỚI THỜI TỔNG THỐNG BARACK OBAMA (2011- 2016)

SV: Ngô Hữu Toàn

Lớp: ĐHSSU 15A

GVHD: ThS. Trần Thị Nhung

Tóm tắt: Cho đến khi kết thúc Chiến tranh lạnh, Mỹ vẫn coi châu Âu là trọng điểm chiến lược. Từ khi tổng thống George Herbert Walker Bush lên cầm quyền, đồng thời với tăng cường thêm lực lượng ở châu Âu, Mỹ điều chỉnh chiến lược toàn cầu hướng sự chú ý sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương (CATBD) với mục đích duy trì địa vị siêu cường trong thế kỷ mới. Dưới thời của chính quyền Obama tiếp tục kế thừa chính sách đối với khu vực CATBD của các chính quyền tiền nhiệm với chiến lược “xoay trục” - “tái cân bằng” đối với khu vực CATBD bao gồm các mục tiêu, nội dung, biện pháp chiến lược là một tổng thể toàn diện (cả chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự và ngoại giao), có mối quan hệ biện chứng với nhau; việc triển khai có mục tiêu rõ ràng, có trọng tâm, trọng điểm.

Từ khóa: Tổng thống B.Obama, khu vực CA-TBD, chính sách “xoay trục”.

1. Đặt vấn đề

Châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD) chiếm 40% tổng diện tích lãnh thổ, 41% dân số (gần 3,6 tỷ người), 61% GDP, 47% tổng thương mại quốc tế và 48% nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của thế giới. CA-TBD tập trung 65% nguồn nguyên liệu toàn cầu và có nhiều tuyến đường giao thông biển quan trọng bậc nhất thế giới) [8]. Trong chiến lược toàn cầu, Mỹ luôn coi CA-TBD là khu vực địa-chiến lược, địa-chính trị trọng yếu, quan hệ trực tiếp đến an ninh quốc gia và vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ.

Tháng 10/2011, Tổng thống Mỹ Barack Obama và Ngoại trưởng Mỹ khi đó là bà Hillary Clinton lần lượt tuyên bố chiến lược “xoay trục” sang châu Á-Thái Bình Dương “là để đảm bảo và duy trì vai trò lãnh đạo thế giới của nước Mỹ”, trong đó nổi bật là kiềm chế Trung Quốc “việc Trung Quốc ngày càng tăng cường quyền lực và ảnh hưởng ở Đông Á ở mức độ nhất định đe dọa lợi ích của Mỹ trong khu vực”¹¹. Chiến lược “xoay trục” này được chính quyền Obama thực hiện đã phản ánh tầm quan trọng của khu vực CA-TBD trong nền kinh tế toàn cầu và chính trị quốc tế. Những mục tiêu của kế hoạch được giới chức Mỹ mô tả là can dự về kinh tế và quan tâm thường xuyên tới các thể chế khu vực và bảo vệ các nguyên tắc và luật pháp quốc tế. Bài viết này tập trung phân tích mục tiêu, nội dung, biện pháp thực hiện chiến lược “ xoay trục này ” của Tổng thống Barack Obama.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh ra đời của chiến lược “xoay trục”

“Xoay trục châu Á - Thái Bình Dương”¹² là thuật ngữ dùng để nói về những thay đổi chiến lược trong chính sách đối ngoại của Mỹ tại khu vực châu Á – Thái Bình

¹¹ Nguyễn Thị Thanh Thủy, Chính quyền Obama đối với Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh – quân sự, Tạp chí *NCQT*, số 1 (92), Hà Nội, 2013, tr.115.

¹² “Xoay trục – Pivot” hay “Tái cân bằng – Rebalancing”. Đây là thuật ngữ được sử dụng lần đầu bởi ngoại trưởng Hillary Clinton (năm 2011) trong bài viết “Thế kỉ Thái Bình Dương của nước Mỹ”.

Dương, thể hiện vị trí quan trọng của khu vực này đối với nước Mỹ. Để tiến hành chiến lược xoay trục châu Á, Mỹ đã đưa ra rất nhiều các chính sách, các chương trình hành động cụ thể.

Thế kỷ XXI được đánh giá là thế kỷ của châu Á – Thái Bình Dương, bởi đây là một khu vực đông dân cư và có tốc độ phát triển nhanh, sôi động nhất thế giới hiện nay với sự hấp dẫn khó cưỡng trên mọi khía cạnh, từ chiến lược tới kinh tế. Do đó, gần như tất cả các nước lớn trên thế giới đều chú trọng và có sự điều chỉnh chiến lược đối với khu vực có tầm quan trọng đặc biệt này.

Nhận thức được tầm quan trọng ngày càng lớn của khu vực châu Á – Thái Bình Dương đối với nước Mỹ và trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, trong đó có sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Từ nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, nước Mỹ đã có những động thái và chiến lược thể hiện sự thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại bằng việc tuyên bố “Xoay trục Châu Á” nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược xuyên suốt là tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo thế giới, không để xuất hiện bất cứ đối thủ nào có thể cạnh tranh hay thách thức vị thế số 1 của Mỹ ở một khu vực được đánh giá là phát triển nhanh và năng động nhất thế giới này.

2.2. Mục tiêu và quá trình triển khai chiến lược “xoay trục”

2.2.1 Về kinh tế

Mục tiêu: nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng và suy thoái kinh tế, tiếp tục là đầu tàu kinh tế của khu vực và thế giới. Để đạt được mục tiêu đề ra Mỹ đã triển khai những biện pháp:

Chính quyền Tổng thống Obama đang theo đuổi chiến lược hai mũi nhọn về kinh tế tại khu vực. Theo đó sử dụng chính sách ngoại giao để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Mỹ (ngoại giao thương mại), đồng thời sử dụng can dự kinh tế để hỗ trợ cho các ưu tiên trong chính sách ngoại giao.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan đại diện thương mại Mỹ (USTR), ngay vào thời điểm năm 2009, tổng kim ngạch thương mại và dịch vụ giữa Mỹ và các nước thành viên APEC đã là 1,9 nghìn tỷ USD, 9 trong tổng số 15 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Mỹ nằm ở CATBD. Và năm 2012, Mỹ xuất khẩu lượng hàng hóa trị giá 942 tỷ USD sang thị trường các nước CATBD, chiếm 61% tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ. Thị trường CATBD đã tạo ra công ăn việc làm cho gần 3 triệu người Mỹ. Đầu tư của Mỹ vào khu vực này năm 2012 đạt 622 tỷ USD, tăng hơn 35% so với thời điểm Obama bắt đầu lên cầm quyền. [10]

Mỹ xác định TPP là sự tập trung chủ chốt trong chính sách thương mại của nước này tại CATBD, đồng thời là nền tảng cho chính sách tái cân bằng. Bắt đầu khởi động từ tháng 3-2010, đàm phán TPP đến tháng 9-2014 đã trải qua hàng chục phiên chính thức cũng như phiên giữa kỳ và được dự báo có thể hoàn tất trong nửa đầu năm 2015. TPP được kỳ vọng là mô hình mới về hợp tác kinh tế khu vực, tạo thuận lợi tối đa cho thương mại, đầu tư và nếu có thể, sẽ trở thành hạt nhân để hình thành FTA chung cho toàn khu vực CATBD. Theo tính toán của Mỹ, đến năm 2025, TPP có thể làm lợi thêm cho nền kinh tế Mỹ 70 tỷ USD mỗi năm.

Ngoài TPP, năm 2012, Mỹ đã hoàn tất Hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc, đang tiến hành tham vấn Hiệp định khung về thương mại và đầu tư (TIFA) với Đài Loan và Hiệp định đầu tư song phương với Trung Quốc và Ấn Độ.

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) từng có lúc tiến triển suôn sẻ và được xem là thành công lớn của Chính quyền Obama. TPP được xem là thành tố quan trọng trong chính sách xoay trục sang châu Á của Mỹ, đó cũng là lý do mà Mỹ thúc đẩy hiệp định này. Sau “hành trình” đầy trắc trở có vẻ như TPP sắp đi hết được chặng cuối. Nhưng trong bối cảnh hiện nay tổng thống mới không ủng hộ TPP, hiệp định này được cho là sẽ còn rất lâu mới được thực hiện. Việc TPP thất bại, uy tín của Mỹ được dự báo chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng nặng nề và “xoay trục” của Mỹ chắc chắn cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng [13].

Các cơ quan tài chính liên bang đóng vai trò lớn trong can dự kinh tế của Mỹ với khu vực và đã chuyển hướng nguồn lực của họ tới CATBD trong những năm qua. Trong giai đoạn 2008-2013, nguồn lực của Ngân hàng Xuất nhập khẩu (Exim Bank) tại CATBD tăng 14 tỷ USD; nguồn lực của Tập đoàn đầu tư tư nhân hải ngoại (OPIC) tăng từ 1 tỷ lên 2,7 tỷ USD. Trong năm tài khóa 2013, 41% tổng chi tiêu của Cơ quan Phát triển và Thương mại Mỹ (USTDA) là tại khu vực CATBD. USTDA đã chi 7,5 triệu USD cho các chương trình tại Đông Á và 9,7 triệu USD tại Nam Á và Đông Nam Á, trong đó có các dự án tại Indônêxia và Việt Nam theo Sáng kiến Đối tác toàn diện Mỹ - CATBD vì Năng lượng Bền vững [11].

2.2.2 Về quân sự

Mục tiêu: đối phó với việc tăng cường sức mạnh quân sự của các cường quốc trong khu vực, nhất là Trung Quốc, hỗ trợ cho các đồng minh thân cận duy trì sức mạnh vượt trội về quân sự và răn đe tiến công các nước. Để đạt được mục tiêu đề ra Mỹ đã triển khai những biện pháp:

Tại Diễn đàn Shangrila -2012, Mỹ khẳng định sẽ bố trí lại sức mạnh hải quân theo hướng tăng cường triển khai tàu sân bay, tàu tuần dương, tàu khu trục, tàu chiến ven bờ và tàu ngầm ở Thái Bình Dương. Nhằm tái cân bằng sức mạnh quân sự tại khu vực, Bộ Quốc phòng Mỹ đã có những điều chỉnh nguồn lực nhanh chóng để thích ứng với chiến lược mới của Mỹ tại CATBD. Dự tính đến năm 2020, Mỹ sẽ thay đổi tỷ lệ lực lượng hải quân hiện diện là 50-50 giữa hai khu vực thành 40% ở Đại Tây Dương và 60% ở Thái Bình Dương [9] . Việc bố trí lại lực lượng hải quân cho phép Mỹ can dự nhanh hơn, chủ động hơn vào diễn biến tình hình tại đây.

Những diễn biến trong thời gian gần đây ở CATBD đã tạo điều kiện cho Mỹ thực hiện việc tái xác lập lực lượng, kèm theo là không gian ảnh hưởng, trên nền của những căng thẳng trong khu vực, cụ thể là: ở Đông Nam Á, cuộc tranh chấp giữa Trung Quốc với Philippin chung quanh bãi cạn Scarborough nổi lên từ giữa năm 2012 và tiếp tục trong năm 2013 đã tạo điều kiện để Mỹ có thể tăng cường sự có mặt tại Philippin, không loại trừ xác lập lại các căn cứ quân sự tại đây. Tình hình an ninh khu vực Đông Bắc Á năm 2013 là địa bàn giúp Mỹ có thể mạnh dạn triển khai kế hoạch “xoay trục” để “tái cân bằng” lực lượng ở khu vực CATBD. Tình trạng căng thẳng giữa Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc được đẩy lên đỉnh điểm vào thời điểm

tháng 3-2013 đã giúp cho Mỹ có cơ thực hiện hàng loạt cuộc tập trận chung Mỹ - Hàn, đồng thời triển khai thêm các trang thiết bị quân sự hiện đại trên bán đảo Triều Tiên, kể cả máy bay ném bom chiến lược B-52. Sự có mặt trên bán đảo Triều Tiên của máy bay tàng hình B-2, con chủ bài trong lực lượng không quân chiến lược Mỹ, là một thông điệp cứng rắn của Oasinhton với mục tiêu thể hiện cam kết “tái cân bằng” trên thực tế. Tiếp đó, Mỹ thể hiện lập trường ủng hộ Nhật Bản trong tranh chấp giữa Nhật Bản và Trung Quốc chung quanh quần đảo Nhật Bản gọi là Senkaku, Trung Quốc gọi là Điếu Ngư, với việc khẳng định quần đảo Senkaku/Điếu Ngư nằm trong phạm vi của Điều 5 Hiệp ước bảo hộ an ninh Nhật - Mỹ. Điều đó có nghĩa là nếu xung đột nổ ra chung quanh khu vực tranh chấp này, Mỹ sẽ đứng về phía Nhật Bản. Khi Trung Quốc bất ngờ tuyên bố về “Vùng nhận dạng phòng không trên biển Hoa Đông”, phản ứng của Mỹ khá nhanh, mạnh và kiên quyết, không chỉ tuyên bố không công nhận vùng nhận dạng này của phía Trung Quốc, Mỹ còn điều hai máy bay B-52 không mang theo vũ khí, bay vào vùng nhận dạng rồi quay về.

Các kế hoạch điều chuyển lực lượng và trang thiết bị tới khu vực đã, đang và sẽ được triển khai bao gồm: điều 2.500 lính thủy đánh bộ tới Darwin (Óxtrâyliã); thêm 1 tiểu đoàn lục quân tới Hàn Quốc; 2 tàu khu trục phòng vệ tên lửa tới Nhật Bản, tăng cường các cuộc tập trận với đồng minh và thăm viếng quân sự tới các nước trong khu vực [12]. Bộ Quốc phòng được đánh giá là có điều chỉnh trong việc tái cân bằng lực lượng phản ứng nhanh và thống nhất so với các bộ ngành khác.

Mỹ khẳng định sự cần thiết phải củng cố và phát triển các liên minh quân sự với tất cả các nước trong khu vực, đặc biệt đối với các nước Đông Nam Á hiện đang có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc trên biển Đông. Mỹ sẽ tăng cường hợp tác và làm sâu sắc hơn các mối quan hệ với Singapor, Indônêxia, Malaixia và Ấn Độ, thậm chí cả Myanma.

Tại Shangrila -2012, Mỹ và Singapor đã đạt được một số thỏa thuận hợp tác: Chính phủ Singapo cho phép 4 tàu tác chiến ven bờ của Mỹ đến thăm các căn cứ hải quân ở nước này theo đúng cam kết trong Thỏa thuận khung chiến lược giữa hai phía đã ký năm 2005; sử dụng cơ sở huấn luyện quân đội, diễn tập quân sự song phương là thành phố Murai và các tàu chiến Mỹ sẽ luân chuyển đến Singapor. Đối với Philíppin, nơi Mỹ đang triển khai 600 binh sỹ chuyên tham gia các chiến dịch chống nổi dậy với quân đội Philíppin. Trong các cam kết, hai phía sẽ tăng cường diễn tập quân sự chung cũng như nâng cao khả năng phối hợp tác chiến giữa quân đội hai nước. Binh sỹ, tàu chiến, tàu sân bay của Mỹ được phép sử dụng các căn cứ không quân và hải quân ở Subic và Clark. Đối với Thái Lan, trong khuôn khổ đồng minh, phía Mỹ đã đạt được ý định sử dụng căn cứ U - Tapao cho các hoạt động quân đội Mỹ trên danh nghĩa phục vụ mục đích nhân đạo, không ngoại trừ khả năng sử dụng để triển khai các chiến dịch lớn trong tương lai. Mỹ cung cấp nhiều trang thiết bị mới cho Thái Lan, cũng như đẩy mạnh các hoạt động diễn tập quân sự chung với các nước này. Đối với Việt Nam, sau 8 năm đối thoại về quốc phòng, đến năm 2011, hai nước Mỹ - Việt Nam đã ký được “Tuyên bố hợp tác sơ khởi về quân y”. Đến năm 2012, trong chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ tới Việt Nam, người phát ngôn của Lầu Năm Góc, Georger

Little nhân mạnh: Mỹ củng cố cam kết lâu dài đối với việc thúc đẩy mối quan hệ quốc phòng song phương mạnh mẽ với Việt Nam dựa trên sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau.

2.2.3 Về ngoại giao

Mục tiêu: tăng cường củng cố quan hệ với các đồng minh để tạo sự cân bằng chiến lược giữa Đông và Tây, giữa châu Âu, châu Á, châu Mỹ, giữa nước Mỹ với các trung tâm quyền lực chính trị, sức mạnh kinh tế, quân sự trên thế giới; thu hút các nước khác đi theo Mỹ làm đối trọng với các nước trong khu vực, trước hết là hình thành các liên minh mới để bao vây, làm đối trọng với Trung Quốc, sau đó là Nga... Để đạt được mục tiêu đề ra Mỹ đã triển khai những biện pháp:

Lấy chiêu bài “chống khủng bố”, “dân chủ”, “nhân quyền”, Mỹ thực hiện chính sách can dự vào khu vực. Trong quan hệ quốc tế, Mỹ coi trọng sách lược “cây gậy và củ cà rốt”, đối xử với các nước theo “tiêu chuẩn kép”, nhất là với các nước mà Mỹ cho là “bất trị”; thể hiện rõ nhất là cách giải quyết vấn đề hạt nhân của CHDCND Triều Tiên. Đánh giá về chiến lược của Mỹ, các nhà phân tích cho rằng, đó là một chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng thể để đạt mục tiêu của Mỹ ở khu vực; nhưng chiến lược đó chưa phù hợp với một CA-TBD đã có nhiều thay đổi. Đó là vì: *Thứ nhất*, chiến lược đó vẫn mang tư duy của thời kỳ “Chiến tranh Lạnh”, là lấy sức mạnh để “ngăn chặn, kiềm chế” nước khác, nhằm bảo vệ an ninh, lợi ích quốc gia của mình. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa Mỹ với các nước, kể cả các nước đồng minh, ngày càng sâu sắc, phức tạp. *Thứ hai*, Mỹ tăng cường sức mạnh quân sự là nhân tố thúc đẩy chạy đua vũ trang, đe dọa đến đến an ninh, ổn định của khu vực, bị dư luận phản đối.

Trong nhiệm kỳ đầu của Obama, chính sách “xoay trục” đã được thúc đẩy rất mạnh mẽ. Thực tế này phần nào được thể hiện qua thông kê về các chuyến công du tới khu vực CATBD của các lãnh đạo cấp cao của Mỹ. Tháng 11-2009, Tổng thống Mỹ thăm Singapor, Trung Quốc và Hàn Quốc. Tháng 11-2010, Tổng thống Mỹ thăm Indônêxia, Hàn Quốc và Nhật Bản. Tháng 11-2011, Tổng thống Mỹ thăm Ôxtrâylia và Indônêxia. Tháng 3-2012, Tổng thống Mỹ thăm Hàn Quốc và tháng 11 cũng trong năm 2012, thăm Thái Lan, Myanma, Campuchia và dự Hội nghị cấp cao Đông Á; Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ công du CATBD 2 lần trong năm 2009, 4 lần năm 2010, 3 lần năm 2011 và 3 lần năm 2012. Riêng đối với Ngoại trưởng Mỹ, chương trình làm việc của Hillary Clinton kín đặc các chuyến đi tới các nước CATBD: 3 chuyến năm 2009, 5 chuyến năm 2010, 4 chuyến năm 2011, 5 chuyến năm 2012. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ của mình, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton dự đủ cả 4 kỳ ARF cũng như các cuộc Tham vấn cấp bộ trưởng Ôxtrâylia - Mỹ, Đối thoại chiến lược và kinh tế Mỹ - Trung, Tham vấn an ninh Mỹ - Nhật Bản. Bà Clinton cũng đề xuất tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng Mỹ - Hàn Quốc, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng Mỹ - Philippin. Bà Clinton là Ngoại trưởng Mỹ đầu tiên trong lịch sử thăm Myanma và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Tháng 9-2013, sáng kiến về tham vấn chính thức liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử các bên ở Biển Đông (COC) nhằm kiểm soát cách hành xử trên Biển Đông mang lại một cơ hội để cải thiện và nâng cao năng lực của các đồng minh và đối tác. Bộ Ngoại giao Mỹ cũng đã công bố gói trợ giúp hàng hải song phương và khu vực trị giá

32,5 triệu USD, trong đó có 18 triệu USD để cải thiện năng lực cho các đơn vị tuần tra duyên hải của Việt Nam, sẽ giúp nâng cao thực lực của các đối tác. Mỹ đang và sẽ tiếp tục trợ giúp các đồng minh và đối tác trong lĩnh vực này để tăng cường hợp tác khu vực trong lĩnh vực hàng hải. Một giải pháp ít tốn kém đang được giới chức Mỹ bàn thảo là đưa thêm các tàu khu trục nhỏ tới các quốc gia đối tác trong khu vực nhằm giúp các nước này tăng cường thực lực trên biển.

Chuyến thăm 4 nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaixia và Philippin (tháng 4-2014) của Tổng thống Mỹ được đánh giá là sự tái khẳng định chiến lược xoay trục của Mỹ. Trong chuyến đi này, Mỹ tuyên bố quần đảo tranh chấp trên biển Hoa Đông “nằm trong phạm vi bảo vệ của Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật”. Điều đó có nghĩa là các lực lượng Mỹ sẵn sàng đáp trả bất cứ sự đe dọa nào về quân sự nhằm vào Nhật Bản. Tại Hàn Quốc, vấn đề cốt lõi là Mỹ đồng ý hoãn việc chuyển giao Quyền chỉ huy thời chiến (OPCON) cho Hàn Quốc, trước đó được dự kiến vào tháng 12-2015. Động thái này thể hiện sự cam kết an ninh vững chắc của Mỹ dành cho Hàn Quốc trong bối cảnh căng thẳng đang tiếp tục leo thang trên bán đảo Triều Tiên. Nếu như với hai đồng minh truyền thống, các động thái của Mỹ nhằm củng cố lại sự hợp tác vững chắc đã được thiết lập từ nhiều năm, thì với Malaixia, việc nhất trí nâng cấp quan hệ song phương lên “quan hệ đối tác toàn diện” được xem là trang sử mới trong quan hệ không mấy gần gũi hàng thập kỷ qua giữa hai nước (lần đầu tiên một tổng thống đương nhiệm Mỹ đến Malaixia kể từ thời Giônxon năm 1966).

Mỹ tăng cường sự can dự vào các thể chế khu vực: tăng thêm một chức vụ Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách các vấn đề đa phương trong Cục Đông Á-TBD, bổ nhiệm Đại sứ tại ASEAN, ký Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á (TAC), cử đại diện cấp nhà nước tới dự Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) và ở cấp ngoại trưởng tới dự Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF). Năm 2012, Ngoại trưởng Hillary Clinton cũng đã tham dự Diễn đàn các quốc đảo Thái Bình Dương (PIF) và là quan chức cấp cao nhất của Mỹ tham dự diễn đàn này từ trước tới nay.

Mỹ theo đuổi một loạt các sáng kiến hợp tác với các thể chế đa phương châu Á, trong đó có các vấn đề năng lượng, y tế thông qua Sáng kiến Hạ lưu sông Mêkông (LMI), đầu tư và thương mại thông qua APEC, tăng trưởng kinh tế và biến đổi khí hậu thông qua ASEAN, tội phạm xuyên quốc gia và năng lượng sạch thông qua EAS. Mỹ đẩy mạnh và nhân rộng các sáng kiến mới được đề xuất tại diễn đàn APEC, chẳng hạn như lập quỹ tài trợ cải thiện tính liên tục của nguồn cung sản phẩm, thành lập Nhóm làm việc về minh bạch và chống tham nhũng. Bên cạnh đó, Mỹ sẽ tăng cường các nỗ lực hợp tác khu vực trong lĩnh vực cứu trợ nhân đạo, khắc phục thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, chẳng hạn như trong vụ tìm kiếm máy bay mất tích tại Malaixia mới đây.

Mỹ tích cực hợp tác với các nước tiểu vùng sông Mêkông; là quốc gia rất tích cực đưa ra các sáng kiến hợp tác với các nước vùng hạ lưu sông Mêkông. Điều này được giới nghiên cứu nhận thức như một sự trở lại khá linh hoạt và mềm dẻo của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á. Họ nhìn nhận, đằng sau sự “quay trở lại” đó, còn là sự thể hiện vai trò không thể thiếu của nước Mỹ nhằm đối trọng với Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á nói chung và với tiểu vùng sông Mêkông nói riêng. Ngay trên tạp chí Foreign

Policy8-2010 (Mỹ), nhà nghiên cứu Jonh Lee nhận định: nếu Mỹ thực sự quan tâm đến việc tăng cường sự hiện diện của mình tại châu Á, Mỹ nên tập trung vào sông Mêkông vì nơi đây Mỹ gặt hái được nhiều lợi ích hơn.

Tháng 7-2009, thông qua nhiều kênh khác nhau, phía Mỹ đề nghị tổ chức cuộc gặp giữa các Bộ trưởng Ngoại giao các nước hạ lưu Mêkông và Mỹ bên lề Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN và ARF. Lần đầu tiên Ngoại trưởng Mỹ công bố chính thức tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN tại Phuket (Thái Lan) một “Sáng kiến Hạ lưu sông Mêkông” (US - Lower Mekong Initiative - LMI). Mục đích của sáng kiến là đẩy mạnh hợp tác, trợ giúp về môi trường, y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng của Mỹ đối với các nước thuộc hạ lưu sông Mêkông, bao gồm Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam. Các nước Mêkông đều bày tỏ hoan nghênh và quan tâm đến sáng kiến hợp tác và cho rằng sáng kiến này của Mỹ là kịp thời và bổ sung cho các cơ chế khác hiện có. Phía Mỹ đánh giá cao các nước ủng hộ và coi đây là một cuộc gặp mang tính lịch sử mở ra một cơ chế hợp tác mới. Mục tiêu địa - chính trị của sáng kiến này nằm trong chính sách “quay trở lại Đông Nam Á” của Mỹ, thể hiện vai trò đối trọng của Mỹ với Trung Quốc tại khu vực sông Mêkông. Đúng như lời khẳng định của Ngoại trưởng Hillary Clinton: Mỹ đang trở lại Đông Nam Á, và Mỹ hợp tác trọn vẹn với các đối tác trong khu vực này trong một loạt những thách thức đang đe dọa mọi người. Còn Thượng nghị sĩ Jim Webb thì khẳng định: “Mỹ và cộng đồng thế giới có một cam kết chiến lược và nghĩa vụ tinh thần nhằm bảo vệ sức khỏe và an sinh của cư dân sống phụ thuộc vào con sông Mêkông cùng với nguồn tài nguyên và nếp sống của họ.

Để khẳng định sự có mặt của Mỹ tại khu vực hạ lưu Mêkông, ngay sau đó, một thông cáo có thể nói là chưa hề có từ trước tới nay giữa Mỹ và các nước Mêkông đã được ban bố rộng rãi liên quan tới những vấn đề quan tâm chung, đặc biệt là trong các lĩnh vực môi trường, y tế, giáo dục, và phát triển hạ tầng. Ngoại trưởng Mỹ đã nhấn mạnh tới tầm quan trọng của vùng hạ lưu sông Mêkông và mỗi quốc gia Mêkông đối với Mỹ, cùng với cam kết hỗ trợ nhằm bảo đảm hòa bình và thịnh vượng cho khu vực Đông Nam Á. Tại Hội nghị, các ngoại trưởng đã thảo luận sôi nổi về các lĩnh vực bao gồm ảnh hưởng biến đổi khí hậu và làm thế nào để đáp ứng có hiệu quả; phòng chống bệnh truyền nhiễm; mở rộng ứng dụng kỹ thuật cho giáo dục và đặc biệt quan tâm phát triển vùng nông thôn cũng như phát triển hạ tầng. Các Ngoại trưởng Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam cũng ghi nhận sự hợp tác chặt chẽ hơn của Mỹ với các nước hạ lưu Mêkông hiện nay nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững trong vùng. Sau những thảo luận chung đó, ngoại trưởng các nước đã xét duyệt những nỗ lực chung đang tiến hành, và đồng ý mở ra những lĩnh vực hợp tác mới. Để triển khai sáng kiến này, Mỹ cam kết tài trợ cho các lĩnh vực mà các nước lưu vực sông Mêkông đang thực sự khó khăn đó là: môi trường, y tế và giáo dục và phát triển cơ sở hạ tầng. Chương trình này kéo dài 3 năm nhằm giúp các nước ở lưu vực sông Mêkông triển khai chiến lược về các vấn đề cần thiết nêu trên, đặc biệt là nhằm đối phó với tác động do biến đổi khí hậu gây ra cho các nguồn nước và an ninh lương thực. Có thể nhận thấy, bước đầu, những khoản trợ giúp của Mỹ chưa lớn. Nguồn vốn này còn mang tính chất tượng trưng hơn là đầu tư thực sự tương xứng với tầm vóc của một cường quốc như Mỹ cũng

như nhu cầu của các nước lưu vực Mêkông. Do đó, khả năng “đôi trọng” của Mỹ với Trung Quốc ngay tại lưu vực Mêkông cũng chưa được như mong muốn của chính quyền Mỹ, nhất là khi Trung Quốc lại đang ở thế “thượng phong” trong khu vực này

Về vấn đề dân chủ - nhân quyền, một mặt, Mỹ khẳng định không thể và không muốn áp đặt hệ thống giá trị của Mỹ lên các nước khác, mặt khác, Mỹ lại cho rằng, có những giá trị nhất định mang tính phổ biến mà các nước cần tôn trọng. Mỹ tiếp tục thúc giục các nước tiến hành cải cách chính trị, tiếp tục truyền bá, cổ súy giá trị dân chủ - nhân quyền thông qua việc nêu đậm nội dung dân chủ - nhân quyền trong thúc đẩy các mối quan hệ song phương. Ví dụ, sau những cải cách dân chủ ở Myanmar, Mỹ xem Myanmar là biểu tượng thành công của tiến trình dân chủ hóa như nói lỏng cầm vận với Myanmar thông qua việc Tổng thống Obama thăm Myanmar ngay sau khi đắc cử. Ngoài việc ủng hộ các nhóm chống đối mang danh “các nhà hoạt động dân chủ” ở Trung Quốc, Việt Nam, Mỹ tiếp tục đầu tư vào các tổ chức phi chính phủ liên quan nhân quyền, nhân đạo, giải vấn đề dân chủ - nhân quyền với các vấn đề kinh tế, phát triển, lệnh cấm bán vũ khí trong quan hệ với nhiều nước ở khu vực.

Về hợp tác ứng phó biến đổi khí hậu, Mỹ tích cực tham gia vào các hành động đối phó biến đổi khí hậu nhằm cắt giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Tổng thống Obama đã đưa ra chính sách mới toàn diện nhằm chống lại tác động của tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu, để đẩy mạnh nỗ lực phát triển năng lượng sạch, và gia tăng hiệu suất năng lượng của máy móc cũng như các tòa nhà. Mỹ đi đầu ủng hộ Tuyên bố Majuro - Hiệp ước mới của khu vực Thái Bình Dương, thành lập Quỹ Thái Bình Dương - Mỹ nhằm hỗ trợ các quốc đảo Thái Bình Dương dễ bị ảnh hưởng bởi vấn đề mực nước biển dâng cao. Hiện Mỹ đang tài trợ 24 triệu USD trong thời hạn 5 năm cho các dự án tại “các cộng đồng duyên hải dễ bị ảnh hưởng” trong khu vực.

3. Đánh giá kết quả của chiến lược xoay trục thời Tổng thống Obama

Những kết quả của chính sách này được cho là không nhất quán. Rõ ràng, “chính sách xoay trục” của nước Mỹ đạt kết quả tốt hơn ở Đông Bắc Á - nơi Nhật Bản và Hàn Quốc không còn công khai bày tỏ hoài nghi về những cam kết đảm bảo an ninh của Mỹ nữa. Cả hai nước vẫn còn lo ngại về mối đe dọa đến từ Triều Tiên cũng như tham vọng của Trung Quốc. Tuy nhiên, những hành động của Mỹ - trong đó có tuyên bố của ông Obama tái khẳng định rằng quần đảo Senkaku (Trung Quốc gọi là Điếu Ngư) nằm trong hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật đã giúp Wasinhton ghi điểm tại khu vực. Và việc nền kinh tế Trung Quốc đột nhiên “loạng choạng” sau 30 năm tăng trưởng ngoạn mục đã làm giảm bớt những nghi ngại về thách thức của Bắc Kinh đối với trật tự của khu vực.

Tuy nhiên, ở Đông Nam Á, chính sách xoay trục của Mỹ chưa đạt được kết quả như mong muốn. Nếu như ở Đông Bắc Á, Mỹ hành xử như một đồng minh thì ở Đông Nam Á, Mỹ có cách hành xử thiên về hướng một nhà kiến tạo hòa bình. Sự khác biệt này chủ yếu được thể hiện qua cách tiếp cận của Mỹ đối với những tranh chấp lãnh thổ. Mỹ không đưa ra quan điểm trước những tuyên bố chủ quyền khác nhau trên vùng Biển Đông, và thường xuyên tạo ấn tượng rằng nước này không ủng hộ cả đồng minh lẫn đối tác của họ ở Đông Nam Á trong các cuộc tranh chấp giữa những nước này với

Trung Quốc. Và những tranh chấp này có lẽ sẽ tiếp tục dai dẳng cho dù nền kinh tế Trung Quốc đang bị chao đảo.

Về phương diện đảm bảo an ninh, cả Mỹ lẫn các nước Đông Nam Á đều đang ở thế "đi trên dây". Các nước Đông Nam Á muốn có cảm giác được đảm bảo rằng Mỹ sẽ ủng hộ họ, song lại không muốn bị lôi kéo vào cuộc xung đột giữa Mỹ và Trung Quốc. Còn Wasinhton cũng rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan tương tự: Mỹ muốn các đồng minh của mình có cảm giác được bảo vệ, song cũng không muốn bị lôi kéo vào các cuộc xung đột không cần thiết. Do đó, nước Mỹ bị giằng xé giữa những mục tiêu khác nhau.

Mỹ cần phải thể hiện rõ quyết tâm duy trì trật tự an ninh hiện nay tại khu vực một cách mạnh mẽ giống như Trung Quốc muốn thay đổi trật tự đó. Nước Mỹ cần phải huy động các cường quốc đang nổi lên tại châu Á tham gia duy trì trật tự lâu nay - một trật tự sẽ vẫn đem lại cho khu vực sự ổn định, tự do và thịnh vượng. Cụ thể, nước Mỹ đang tìm kiếm một Ấn Độ có trách nhiệm hơn, một Indonesia có trách nhiệm hơn và một Australia có trách nhiệm hơn. Với ý nghĩa như vậy, "chính sách xoay trục" không phải là công cụ để khôi phục vị thế vượt trội của Mỹ tại khu vực thời kỳ những năm 1990. Thay vào đó, nó là một cơ chế để tạo thời gian cho sự nổi lên của một loạt cường quốc tích cực tham gia giải quyết các vấn đề khu vực.

Tổng thống mới của Mỹ Donald Trump nhậm chức vào ngày 20/1/2017, trong bối cảnh hết sức thuận lợi, được cả hai viện (Thượng viện và Hạ viện) ủng hộ, sẽ tiếp tục thực thi chính sách "Xoay trục sang CA-TBD" mà Tổng thống tiền nhiệm Barack Obama đã công bố từ năm 2011. Bản thân chiến lược "xoay trục này" đã phản ánh tầm quan trọng của khu vực CA-TBD trong nền kinh tế toàn cầu và chính trị quốc tế cũng như trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Tuy nhiên, là một thương gia làm chính trị, với tư tưởng đề cao tinh thần "chấn hưng nước Mỹ", lấy lợi ích Mỹ làm tiền đề, vì vậy, các cách ứng xử và phương thức hành động của Tổng thống D. Trump khi cầm quyền sẽ có những khác biệt nhất định với người tiền nhiệm. Với tinh thần xuyên suốt là vì lợi ích nước Mỹ, vì sự lãnh đạo thế giới của Mỹ, Tổng thống D. Trump sẽ vẫn tiếp tục thực thi chính sách "xoay trục" nhưng với cách làm mới và phương pháp mới. Vấn đề Biển Đông vẫn sẽ là một trong những trọng điểm trong chính sách "xoay trục" của Mỹ. Sự cạnh tranh chiến lược của Mỹ với Trung Quốc ở Biển Đông sẽ diễn ra trong tình trạng "vừa hợp tác, vừa đấu tranh", nhưng mặt cạnh tranh, đấu tranh sẽ mạnh hơn nhiều, thậm chí gay gắt hơn.

Là một quốc gia ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Việt Nam dù muốn hay không cũng chịu tác động bởi chính sách "xoay trục" của Mỹ. Từ thực tế đó đặt ra yêu cầu trong chính sách ngoại giao với Mỹ làm sao để vừa giữ vững được nền độc lập tự chủ và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc, vừa không để xảy ra xung đột, chiến tranh giữ vững môi trường hoà bình ổn định để phát triển. Chính sách ngoại giao đúng đắn của chúng ta là "ba không": không liên minh quân sự, không can cứ quân sự và không sử dụng quan hệ song phương nhằm vào nước thứ ba. Với những gì đã diễn ra trong quá khứ, chúng ta hiểu rõ được những hệ lụy đáng ngại của những liên minh quân sự kiểu này. Trong bối cảnh quan hệ quốc tế ở khu vực đầy bất ổn chứa

đựng nhiều yếu tố khó lường, để đảm bảo an ninh quốc gia, một mặt phải tăng cường nội lực đất nước, mặt khác phải tranh thủ sức mạnh của xu hướng thời đại, đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

Trong quan hệ Việt - Mỹ, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện chính sách nhất quán là hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, nhất là về kinh tế, tôn trọng và ổn định về chính trị và hợp tác về an ninh, hai bên cùng có lợi. Việc tăng cường và thúc đẩy quan hệ với Mỹ lên tầm cao mới sẽ tạo ra nội lực kinh tế phát triển, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam cần tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau của Mỹ. Việt Nam cần tăng cường hợp tác với Mỹ trong các lĩnh vực như kinh tế và thương mại, khuyến khích các công ty, doanh nghiệp Mỹ đầu tư tại Việt Nam nhất là về thăm dò và khai thác dầu khí, học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực an ninh hàng hải. Việt Nam cũng cần tranh thủ vai trò và tiếng nói của Mỹ trong các diễn đàn đa phương, trong việc ủng hộ ASEAN về vấn đề Biển Đông, nhằm đa phương hóa, quốc tế hóa vấn đề Biển Đông.

Việt Nam cần kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với Mỹ về những vấn đề như lợi dụng chiêu bài tự do ngôn luận, tôn giáo, dân chủ và nhân quyền để công kích chế độ, tiến hành “diễn biến hòa bình” để tạo ra sự bất ổn trong xã hội Việt Nam, chia rẽ quan hệ giữa Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, trong các vấn đề cụ thể, Việt Nam cần chủ động, khéo léo, linh hoạt, mềm mỏng và kiên quyết; tránh để Mỹ lợi dụng làm quân tốt phục vụ mưu đồ chống phá nước khác. Việt Nam cần chủ động và tăng cường trong đối ngoại quân sự để không bị động trước các động thái của Mỹ.

Chúng ta luôn phải cảnh giác vì mục tiêu lâu dài của Mỹ là lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa, lật đổ sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản, phủ định hình thái ý thức của chủ nghĩa Mác - Lênin, duy trì thống nhất theo chủ nghĩa tư bản. Đảng ta đã chủ trương “kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh của đất nước, cảnh giác với những mưu toan thông qua hội nhập để thực hiện ý đồ “Diễn biến hòa bình” đối với nước ta” [14]. Cần cảnh giác với mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc để tránh rơi vào tình huống xấu, nhất là các nước lớn vì lợi ích của mình mà thỏa hiệp xâm hại lợi ích của Việt Nam. Việt Nam cần có sự đoàn kết nội bộ tốt, phát huy cao độ khối đại đoàn kết cộng đồng Việt Nam, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, tranh thủ tối đa sức mạnh quốc tế, sức mạnh thời đại, sự hỗ trợ của các cơ quan công quyền quốc tế, dựa trên cơ sở công pháp quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, không ngừng nâng cao vị thế ở khu vực và trên thế giới. Việt Nam cần chủ động đối thoại, khuyến khích xu hướng mong muốn duy trì, phát triển quan hệ với Việt Nam của Mỹ; tranh thủ rộng rãi chính giới, doanh nghiệp, các tầng lớp xã hội, hạn chế sự chống phá của giới cực đoan ở Mỹ; xác định khuôn khổ quan hệ ổn định với Mỹ.

4. Kết luận

Như vậy, chiến lược của Mỹ đối với CATBD sau Chiến tranh lạnh là bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu của chính quyền Mỹ, mà mục tiêu xuyên suốt,

nhất quán là sử dụng ưu thế về kinh tế, chính trị, quân sự, giành quyền bá chủ khu vực và thế giới. Đây là một trong những nhân tố quan trọng làm cho quan hệ giữa các nước lớn và cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước này ở khu vực càng gay gắt, quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Các nước trong khu vực CATBD cần hết sức quan tâm, theo dõi và có những điều chỉnh chính sách thích hợp, gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng quân đội tinh nhuệ, hiện đại, đủ sức bảo vệ vững chắc độc lập, tự chủ, an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ đất nước trong mọi tình huống. Đồng thời, tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong cuộc đấu tranh chống các mối đe dọa chung, vì mục tiêu xây dựng khu vực CATBD và thế giới hòa bình, hợp tác và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Doãn Nam (2009), Về chính sách đối ngoại của chính quyền Obama, *Cộng sản*, số 797 (3).
- [2]. Phan Duy Khoa (2017), *Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành chính sách hướng Đông của Ấn Độ*, Kỷ yếu Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học năm học 2017 – 2018, Khoa sư phạm Sử - Địa & GDCT, Trường Đại học Đồng Tháp, tr 5,6.
- [3]. Nhiều tác giả (2012), *Việt Nam với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Thống kê, tr.7.
- [4]. TTXVN (2006), *Mỹ với Đông Á và Ấn Độ*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 18-01.
- [5]. TTXVN (2006), *Ảnh hưởng của sự kiện 11-9 đối với sự cân bằng chiến lược châu Á Thái Bình Dương*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 11-6.
- [6]. Tình hình chính trị - quân sự ở Đông Nam Á và khu vực châu Á Thái Bình Dương, *Sự kiện và nhân vật nước ngoài*, số 1-2004.
- [7]. *Tap chí Lý luận chính trị*, số 3/2015
- [8]. Vũ Lê Thái Hoàng (2012), *Sức mạnh thông minh, thế kỷ Thái Bình Dương và học thuyết đối ngoại Obama*.
- [9]. Lê Minh Quang, *Chiến lược của một số nước lớn đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, <http://tapchiquocphong.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/chien-luoc-cua-mot-so-nuoc-lon-doi-voi-khu-vuc-chau-a-thai-binh-duong/528.html>, [truy cập ngày: 01/3/2019].
- [10]. Nguyễn Trần Lê, Từ “xoay trục” đến “tái cân bằng” - câu hỏi về một chính sách. Kỳ cuối: Ý đồ xuyên suốt của Obama. <http://www.baobariavungtau.com.vn/the-gioi/201410/tu-xoay-truc-den-tai-can-bang-cau-hoi-ve-mot-chinh-sach-ky-cuoi-y-do-xuyen-suot-cua-obama-543841/>, [truy cập ngày: 01/3/2019].
- [11]. Nguyễn Thị Quế, Nguyễn Thị Thúy *Chiến lược xoay trục, tái cân bằng của Mỹ đối với châu Á - Thái Bình Dương*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/1264-chien-luoc-xoay-tructai-can-bang-cua-my-doi-voi-chau-a-thai-binh-duong.html>, truy cập ngày: 01/3/2019].

[12]. Nguyễn Việt, *Chiến lược “xoay trục” của Mỹ: Dấu ấn 5 năm và trác trở trước mắt*, <http://dantri.com.vn/the-gioi/chien-luoc-xoay-truc-cua-my-dau-an-5-nam-va-trac-tro-truoc-mat-20161101074426602.htm>, truy cập ngày: 01/3/2019].

Trần Quang, *Đánh giá chiến lược tái cân bằng của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương*”, <http://www.nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/4078-danh-gia-chien-luoc-tai-can-bang-cua-my-tai-cha-a-thai-binh-duong>, [truy cập ngày: 01/3/2019].

[13]. Trần Thị Quỳnh Nga, *Vấn đề biển Đông trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh*, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/7023-van-de-bien-dong-trong-chinh-sach-chau-a-thai-binh-duong-cua-my-sau-chien-tranh-lanh>, [truy cập ngày: 01/3/2019].

[14]. Trần Quang, *Đánh giá chiến lược tái cân bằng của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương*”, <http://www.nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-my/4078-danh-gia-chien-luoc-tai-can-bang-cua-my-tai-cha-a-thai-binh-duong>, [truy cập ngày: 01/3/2019].

TÍCH HỢP GIÁO DỤC Ý THỨC CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO QUỐC GIA TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

SV: Trịnh Quân Đạt

Lớp: ĐHSƯ 15A

GVHD: ThS. Trần Thị Hiền

Tóm tắt: Bảo vệ chủ quyền đất nước nói chung và chủ quyền biển và hải đảo nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Do đó, giáo dục và nâng cao nhận thức về trách nhiệm đối với bảo vệ chủ quyền biển và hải đảo là cần thiết, đặc biệt là thông qua giảng dạy môn Lịch sử. Bài viết trình bày một số nội dung và biện pháp giáo dục ý thức chủ quyền biển đảo cho học sinh ở trường trung học phổ thông (THPT) qua hoạt động dạy học lịch sử.

Từ khoá: Tích hợp, chủ quyền biển đảo, dạy học lịch sử.

1. Đặt vấn đề

Chủ quyền biển đảo và biên giới quốc gia là bất khả xâm phạm. Bởi lẽ biển đảo là một bộ phận cấu thành phạm vi chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, cùng với đất liền tạo ra môi trường sinh tồn và phát triển từ xưa đến nay của dân tộc Việt Nam. Trong khi thế giới đang bước vào kỉ nguyên đại dương thì chiến lược “hướng biển” đã trở thành xu thế chủ đạo của nhiều quốc gia tiếp giáp với biển.

Chính vì vậy mà những nội dung kiến thức liên quan đến bảo vệ chủ quyền biển đảo đã xuất hiện trong các môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, đặc biệt là môn Lịch sử và Địa lý.

Tuy nhiên, để học sinh (HS) có cái nhìn tổng quát về vị trí địa lý, lịch sử bảo vệ chủ quyền, những cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ chủ quyền biển đảo thì môn Lịch sử với những cứ liệu lịch sử cụ thể sẽ là biện pháp toàn diện và hiệu quả nhất.

Trên thực tế, việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia chưa được chú trọng lắm, nội dung chưa được đề cập một cách cụ thể, hệ thống trong sách giáo khoa, kênh hình lại chưa có ghi chú và thiếu tính thống nhất. Chính vì vậy, chưa có phương pháp và hình thức dạy học phù hợp, giáo viên còn lúng túng trong biện pháp tích hợp kiến thức giáo dục nên hiệu quả chưa cao, nhận thức của học sinh về vấn đề này vì vậy mà mơ hồ, mờ nhạt. Đây là một thiếu sót trong dạy học và giáo dục trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt khi Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 vào vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ dân tộc thì nhiệm vụ giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền, biển đảo càng trở nên cấp thiết hơn.

2. Nội dung

2.1. Tích hợp trong định hướng giáo dục

Dưới góc độ giáo dục học, tích hợp được hiểu là sự kết hợp một cách hữu cơ, có hệ thống các kiến thức trong một môn học hoặc giữa các môn học thành một nội dung thống nhất. Điểm nổi bật của xu hướng giáo dục hiện đại trên thế giới là mọi hoạt động giáo dục đều hướng vào người học dựa trên nền kiến thức được tích hợp từ nhiều môn khoa học liên ngành, những giá trị nhân văn được đặc biệt quan tâm. Điểm nổi bật của chương trình giáo dục phổ thông của các nước tiên tiến là tiếp cận theo hướng

phát triển năng lực. Do vậy, vấn đề tích hợp nội dung giáo dục được xem trọng. (5, tr6)

Chính vì vậy, các nước đã tiến hành cải cách giáo dục, phát triển chương trình, đổi mới sách giáo khoa...

Sách giáo khoa của các nước phát triển không biên soạn theo lối hàn lâm mà tích hợp những kiến thức cơ bản của các ngành khoa học. Phần kên chữ không nhiều, chú trọng kên hình và coi đó là nguồn nhận thức chứ không phải mang ý nghĩa minh họa. Đặc biệt, phần cơ chế sư phạm được chú trọng nhằm tổ chức hướng dẫn hoạt động tư duy tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh. (5, tr8)

Ở nước ta chương trình tích hợp được thực hiện ở môn “tự nhiên và xã hội” ở cấp tiểu học. Chương trình cấp trung học thực hiện ở mức thấp qua hình thức liên môn, trong đó mỗi môn học được học riêng rẽ nhưng chú ý đến những nội dung có liên quan đến môn học khác nhằm tránh trùng lặp, đồng thời các môn học được bổ xung cho nhau, hiểu sâu sắc hơn các sự kiện đang học. Mức độ phối hợp liên môn đã bước đầu được thực thi trong quá trình xây dựng nội dung chương trình cũng như kế hoạch dạy học của các môn học khoa học xã hội: Lịch sử, địa lí, giáo dục công dân.

Từ đây có thể hiểu dạy học tích hợp là đưa những nội dung giáo dục có liên quan vào dạy học các môn học như: tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống ; giáo dục pháp luật; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển, đảo; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông...

2.2. Tích hợp giáo dục chủ quyền biển đảo trong dạy học lịch sử

2.2.1. Vai trò của Lịch sử trong việc giáo dục ý thức về chủ quyền biển đảo cho học sinh

Việt Nam là một quốc gia biển (đứng thứ 10 thế giới về tỉ lệ sở hữu biển). Biển Việt Nam không chỉ chứa đựng tiềm năng kinh tế to lớn mà còn là cửa ngõ để chúng ta mở rộng quan hệ với quốc tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, khi các nước các nước lớn đều vươn ra biển, xây dựng chiến lược biển thì vấn đề về chủ quyền biển đảo cần được quan tâm chú ý, đặc biệt là vấn đề chủ quyền trên biển Đông khi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của nước ta bị vi phạm nghiêm trọng. Lúc này, việc giáo dục ý thức về chủ quyền biển đảo Tổ quốc cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ cần thiết và có ý nghĩa chiến lược. Do đó, những cứ liệu lịch sử sẽ là cơ sở quan trọng để gởi gắm các nội dung giáo dục ý thức về chủ quyền biển đảo cho học sinh ở trường phổ thông, giúp HS có ý thức quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo qua những hành động cụ thể, thiết thực góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

Bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông không chỉ trang bị một vốn kiến thức cần thiết về lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới mà còn góp phần quan trọng bồi dưỡng lòng yêu quê hương xứ sở, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn, tinh thần tôn trọng các giá trị lịch sử văn hoá nhân loại, ý thức trách nhiệm của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, nội dung giáo dục về chủ quyền biển đảo Tổ quốc cho HS đang được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, nhất là trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Vì vậy, bộ môn Lịch sử cần trang bị cho HS những tri thức về chủ

quyền biển đảo một cách toàn diện. Giúp học sinh khắc sâu kiến thức cơ bản của bài học lịch sử, hiểu được vai trò của biển đảo trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, vai trò của biển trong phát triển kinh tế đất nước.

2.2.2. Yêu cầu về nội dung giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo qua trong dạy học Lịch sử

Về cơ bản, chương trình sách giáo khoa (SGK) cũng như phân phối chương trình lịch sử hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo không có chương, bài, mục riêng về vấn đề giáo dục chủ quyền biển đảo cho học sinh mà chủ yếu là thông qua nội dung môn học, giáo viên có thể tích hợp và lồng ghép các nội dung giáo dục chủ quyền biển đảo vào bài học lịch sử nội khoá trên lớp cũng như các hoạt động ngoại khoá môn học. Trên cơ sở tìm hiểu nội dung chương trình, SGK Lịch sử lớp 10, 11, 12 thì những yêu cầu về nội dung cần giáo dục cho HS về ý thức chủ quyền biển đảo bao gồm:

- Vị trí và vai trò quan trọng của biển đảo trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam, đặc biệt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.
- Quá trình chiếm hữu, xác lập và thực thi chủ quyền biển đảo của Việt Nam.
- Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển đảo.
- Vai trò của biển đảo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay
- Trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo.

2.2.3. Hình thức, biện pháp giáo dục chủ quyền biển, đảo Việt Nam cho học sinh ở trường THPT

2.2.3.1. Sử dụng tư liệu lịch sử trong giờ học nội khoá

Sử dụng tư liệu lịch sử góp phần quan trọng vào việc khôi phục và tái hiện hình ảnh của quá khứ. Các nguồn chính sử kết hợp với phương pháp khai thác hiệu quả sẽ là căn cứ khoa học góp phần thể hiện rõ tính chính xác, tính cụ thể và phong phú của các sự kiện lịch sử mà học sinh cần thu nhận. Hình thức khai thác từ nhiều góc độ:

- *Sử dụng kiến thức SGK để khẳng định ý thức bảo vệ chủ quyền biên giới trong lịch sử.* Mặc dù chưa được chú trọng nhiều, chưa được trình bày rõ ràng và cụ thể nhưng các nội dung kiến thức liên quan đến vấn đề chủ quyền biển đảo được thể hiện thông qua một số bài học, giáo viên cần chú ý khai thác để giáo dục ý thức về chủ quyền biên giới biển đảo cho học sinh.

Ví dụ, khi tìm hiểu nội dung “Mở rộng thương nghiệp” của bài 18 Lớp 10 cơ bản cần lưu ý việc nhà Lý cho xây dựng trang Vân Đồn (Quảng Ninh) năm 1149 làm bến cảng để thuyền buôn nước ngoài vào trao đổi hàng hoá. Ngoài ra còn có Lạch Trường (Thanh Hoá), Càn Hải (Nghệ An), Hội Thống (Hà Tĩnh), Thị Nại (Bình Định) đều là những vùng cảng quan trọng nhằm giáo dục ý thức khẳng định chủ quyền.

Hoặc để chứng minh từ sớm, ngay buổi đầu độc lập xây dựng và phát triển thì Nhà nước phong kiến Việt nam đã xác lập chủ quyền lãnh thổ về biển, đảo và tiến hành khai thác các nguồn lợi của biển cả về mặt tài nguyên thuỷ hải sản lẫn lợi thế về giao thông để phát triển kinh tế ngoại thương, mở rộng sự giao lưu với thế giới, đồng thời thực thi pháp luật trên biển, giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích nội dung bài

35 SGK lớp 10 nâng cao, khai chi tiết: Nhà nước phong kiến Đàng ngoài và Chính quyền phong kiến Đàng Trong đặt các thương điểm ở Hưng Yên, Hội An mở rộng thông thương buôn bán với nước ngoài, nhất là các nước phương Tây đã bước đầu đưa nước ta tiếp xúc với luồng thương mại quốc tế đang phát triển, góp phần mở rộng thị trường trong nước và thúc đẩy sự hưng thịnh của một số đô thị... để HS thấy được ý thức thể hiện chủ quyền lãnh thổ và bảo vệ độc lập của ông cha trong lịch sử.

- *Khai thác kênh hình để khẳng định sự tồn tại của chủ quyền biển đảo.* Ví dụ, khi dạy học bài 8 SGK Lịch sử 10 (Cơ bản): “Sự hình thành và phát triển các vương quốc chính ở Đông Nam Á” giáo viên sử dụng Lược đồ các quốc gia Đông Nam Á cổ đại và phong kiến, hướng dẫn HS xác định vị trí vùng biển của Đại Việt ở biển Đông và vị trí của hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Từ đó, giúp HS hiểu được, vùng lãnh hải của Việt Nam ở biển Đông cũng như các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã tồn tại từ ngàn xưa. Biển Đông là vùng biển thuộc quyền sở hữu của nhiều quốc gia: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Thái Lan,... và vùng lãnh thổ Đài Loan. Biển Đông là con đường giao thông đường biển huyết mạch có vị trí đặc biệt quan trọng không chỉ đối với khu vực Đông Nam Á mà còn cả châu Âu và thế giới. Vì vậy, trên biển Đông đã xảy ra sự tranh chấp ở một số quốc gia trong một số vùng có vị trí “*nhạy cảm*”. Do đó, bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ chiến lược của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Khi dạy Bài 25 SGK Lịch sử 10 (Cơ bản), trong mục “Xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước, chính sách ngoại giao”, GV có thể hướng dẫn HS khai thác lược đồ các đơn vị hành chính Việt Nam thời Minh Mạng để HS hiểu rõ hơn về cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (1831-1832). Đồng thời, xác định vị trí của hai quần đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hoà) và chủ quyền của hai quần đảo này thuộc về Việt Nam từ lâu. Thông qua nguồn tư liệu gốc chứng tỏ rằng cùng với quá trình mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam, nhà Nguyễn luôn có chính sách để bảo vệ chủ quyền quốc gia ở hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và vùng biển Đông thuộc Việt Nam.

- *Khai thác nội dung các bản hiệp định như một cơ sở pháp lý cho việc xác lập chủ quyền,* Ví dụ, Hiệp định Giơ - ne – vợ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương có nội dung tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ thống nhất của Việt Nam nghĩa là bao gồm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam thực hiện chủ quyền của mình tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thế kỷ XVII, năm 1954, Pháp đã hoàn thành xâm chiếm Việt Nam, biến Việt Nam thành thuộc địa của Pháp. Pháp thay mặt Việt Nam thực hiện chủ quyền của Việt Nam, đưa lực lượng đóng quân tại các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa cho đến khi rút khỏi Việt Nam năm 1956 và trao lại cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Đây là căn cứ pháp lý rõ ràng nhất.

Hoặc khi sử dụng “Lược đồ diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975”, Bài 23 SGK Lịch sử 12 (Cơ bản) cho mục III “Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc”, giáo viên cần nhấn mạnh diễn biến cuộc tiến công giải phóng Trường Sa của Quân đội nhân dân Việt Nam vào cuối tháng 4/1975 để HS thấy rõ quyết tâm bảo vệ chủ quyền Quốc gia, chủ quyền biển đảo của dân tộc.

2.2.3.2. Giáo dục chủ quyền biển đảo cho HS ở trường THPT thông qua hoạt động ngoại khóa lịch sử

Để công tác giáo dục chủ quyền biển đảo trong môn học thêm hiệu quả, ngoài các bài học nội khóa cần tăng cường thêm qua các hoạt động ngoại khóa lịch sử. Đây là hoạt động mang tính chất tổng hợp, không chỉ làm sâu sắc và phong phú kiến thức cho HS, góp phần giáo dục thế giới quan khoa học, tư tưởng đạo đức, mà còn phát triển các khả năng nhận thức, hứng thú học tập và năng lực hành động cho HS. Thông qua các chủ đề mở, các hoạt động ngoại khóa sau đây sẽ thu hút sự tham gia tích cực của HS:

- *Tổ chức tìm hiểu về biển đảo Tổ quốc thông qua các hoạt động*: tổ chức cuộc thi làm báo tường, tập san hay lồng ghép vào các buổi sinh hoạt với trò chơi hái hoa dân chủ, đố vui dưới cờ, thi văn nghệ hát về biển đảo quê hương; hoặc có thể tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, nói chuyện lịch sử nhằm truyền đạt cho các em những vấn đề cơ bản, thời sự, thiết thực về biển đảo Việt Nam như: khái quát về vùng biển, hải đảo nước ta; tỉ nguyên và môi trường biển, hải đảo; chủ quyền biển, hải đảo Việt Nam; vai trò của biển, hải đảo đối với an ninh quốc phòng, sự phát triển kinh tế-xã hội.

- *Tổ chức dạ hội lịch sử theo chủ đề biển đảo quê hương*, Căn cứ vào nội dung học tập ở các khối lớp 10, 11, 12 và nội dung giáo dục ý thức về chủ quyền biển đảo. giáo viên có thể thiết kế chương trình dạ hội lịch sử về chủ đề biển đảo nhân kỉ niệm các ngày lễ lớn trong năm. Ví dụ, nhân kỉ niệm ngày Giải phóng miền Nam (30/4/1975-30/4/2018), giáo viên có thể lên kế hoạch tổ chức buổi dạ hội lịch sử với chủ đề “Tiếp bước cha ông giữ yên biển đảo”. Sau các buổi dạ hội, giáo viên phát biểu thăm dò cảm nghĩ một số HS của trường cũng như những khán giả bên ngoài trường và thông qua đó gởi gắm những nội dung cần giáo dục.

- *Xây dựng chủ đề lịch sử về biển đảo*. Với định hướng dạy học tích hợp như hiện nay, việc dạy học lịch sử theo chủ đề đang được triển khai thực hiện thì mỗi giáo viên Lịch sử cũng có thể biên soạn các chủ đề về biển đảo theo các nội dung sau:

+ Lịch sử hình thành, xác lập biên giới biển đảo các quốc gia đảo ở Đông Nam Á.

+ Lịch sử hình thành xác lập chủ quyền biên giới biển đảo Việt Nam

+ Tên gọi các quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa, Nam Sa,...

+ Lịch sử đấu tranh giải phóng và bảo vệ chủ quyền biển đảo thực hiện hoà bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Như vậy, nếu có ý thức giáo dục học sinh về chủ quyền biển đảo của Tổ quốc thì bằng hình thức này hay hình thức khác người giáo viên Lịch sử sẽ dùng chính vốn kiến thức thuộc môn học mình giảng dạy khơi dậy sức mạnh của bao thế hệ người Việt Nam trong sự nghiệp giữ vững chủ quyền vùng trời, vùng biển của đất nước ta.

3. Kết luận

Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho HS đã và đang được Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, nhất là trong giai đoạn quốc tế hiện nay. Có nhiều hình thức, phương pháp để giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho HS ở trường phổ thông, tùy vào điều kiện cụ thể của từng trường và trình độ, năng lực của giáo viên và

học sinh mà lựa chọn sử dụng hình thức hay phương pháp sao cho phù hợp; không gượng ép, giáo điều, không ôm đồm “nhồi nhét” nhằm đạt mục tiêu giáo dục một cách hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ GD&ĐT (2006), *Lịch sử 10*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Bộ GD&ĐT (2008), *Lịch sử 12*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Đỗ Hồng Thái (2011), *Tài liệu hướng dẫn dạy học tích hợp trong dạy học lịch sử ở trường THPT (đề tài cấp Bộ)*, Mã số: B2010-TN03-30TĐ.
- [4]. Nguyễn Thị Côi (2011), Vai trò của tri thức Lịch sử đối với sự phát triển đất nước thời kỳ hội nhập, *Giáo dục*, số 268, trang 35-38.
- [5]. Trần Quốc Tuấn - Nguyễn Thị Hải Tiên (2013), Giáo dục ý thức chủ quyền biển, đảo cho học sinh qua dạy học lịch sử ở trường phổ thông, *Giáo dục*, số 318, kì 2 (09).
- [6]. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, Nxb. ĐHSP.
- [7]. Trần Công Trục (CB - 2013), *Dấu ấn Việt Nam trên biển Đông*, Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
- [8]. Trần Đức Anh Sơn (CB - 2014), *Tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa*, Nxb. Văn hoá - văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
- [9]. <http://thptnghen.edu.vn>, [truy cập ngày 01/3/2019].

B. NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG CHUYÊN CANH CÂY CAO SU Ở TỈNH TÂY NINH

SV: Lý Vũ Hào

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: *Phát triển vùng chuyên canh cây cao su ở Tây Ninh sẽ tạo việc làm, ổn định đời sống cho hàng trăm nghìn lao động, mang lại sự đổi thay cho nông thôn Tây Ninh. Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích thực trạng ảnh hưởng đến sự phát triển vùng chuyên canh cây cao su ở tỉnh Tây Ninh như: mất thị trường tiêu thụ, mùn tạt chất, thuế xuất khẩu mủ ly tâm, ô nhiễm môi trường. Chúng tôi đề xuất một số giải pháp như: định hướng đầu tư phát triển có quy hoạch tổng thể, thay đổi nhận thức của người dân, nâng cao chất lượng mủ cao su... Hy vọng bài viết sẽ là tài liệu tham khảo giúp chính quyền địa phương đưa ra các giải pháp phát triển vùng chuyên canh cây cao su ở Tây Ninh đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội.*

Từ khóa: *Phát triển vùng chuyên canh cây cao su, thực trạng vùng chuyên canh cây cao su ở tỉnh Tây Ninh.*

1. Đặt vấn đề

Tây Ninh là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ. Tây Ninh nằm ở vị trí cầu nối giữa Thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Phnôm Pênh, vương quốc Campuchia và là một trong những tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tỉnh có thành phố Tây Ninh nằm cách Thành phố Hồ Chí Minh 99 km theo đường Quốc lộ 22, cách biên giới Campuchia 40 km về phía Tây Bắc. Cùng với các tỉnh thuộc khu vực Đông Nam bộ, tỉnh Tây Ninh là vùng trồng cao su có hiệu quả và đạt năng suất cao nhất trong cả nước. Hiệu quả kinh tế từ cây cao su so với các cây trồng khác đều cao hơn, nên việc tăng trưởng diện tích cây cao su trong những năm gần đây ở Tây Ninh đã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế của địa phương này, giúp không ít hộ nông dân thoát nghèo và trở thành hộ giàu tại địa phương.

Ở Tây Ninh có các điều kiện về địa hình, đất đai thổ nhưỡng của tỉnh phù hợp với điều kiện phát triển cây cao su. Trong những năm qua, giá mủ cao su trên thị trường tăng mạnh đã tác động đến sự chuyển đổi từ cây trồng khác sang cây cao su tăng mạnh hơn. Năm 2005, diện tích cao su trên địa bàn Tây Ninh chỉ vào khoảng hơn 35.000 ha đến 2017 diện tích cao su của tỉnh đã tăng lên hơn 70.000 ha. Đánh giá của ngành cao su, giá mủ hiện nay vẫn chưa thực sự ổn định bởi còn phụ thuộc nhiều vào mức tăng, giảm của giá dầu thế giới và mức tăng sản lượng khai thác mủ ở các quốc gia xuất khẩu cao su. Hiện nay, việc đề ra giải pháp nhằm phát triển vùng chuyên canh cây cao su để nâng cao sản lượng và chất lượng đáp ứng được nhu cầu của thị trường là việc làm hết sức cần thiết và cấp bách. Trong bối cảnh giá mủ hiện nay vẫn chưa thực sự ổn định bởi còn phụ thuộc nhiều vào mức tăng, giảm của giá dầu thế giới và mức tăng sản lượng khai thác mủ ở các quốc gia xuất khẩu cao su.

2. Thực trạng phát triển vùng chuyên canh cây cao su ở tỉnh Tây Ninh

2.1. Mất thị trường

Thực tế nhiều năm qua cho thấy không chỉ riêng mặt hàng cao su, nhiều mặt hàng nông sản cũng đã từng bị mất thị trường, khiến người trồng lẫn doanh nghiệp xuất khẩu đều đứng. Thị trường tiêu thụ mủ cao su không ổn định dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp nên nhiều nông hộ đang tìm hướng chuyển đổi cao su sang cây trồng khác. Nguyên nhân là do thứ nhất, do nhiều doanh nghiệp địa phương còn hạn chế về thực lực nên khó có điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ. Thứ hai, vẫn còn không ít doanh nghiệp thiếu quyết tâm xây dựng thương hiệu, làm cho doanh nghiệp gặp khó khăn khi muốn mở rộng thị trường. Điều này dẫn tới tính cạnh tranh về thị trường xuất khẩu của cao su Tây Ninh nói riêng và cao su Việt Nam nói chung kém hơn so với một số nước như: Thái Lan, Malaysia và Indonesia.

2.2. Nỗi lo mủ pha tạp chất

Hiện nay có nhiều thương lái thu mua mủ và một bộ phận người trồng cao su gian lận bằng cách cho tạp chất như đường, muối, đất sét trắng... vào mủ nước để chống đông và làm tăng độ hàm lượng mủ. Đây là cách gian lận nhằm làm tăng độ mủ trước khi chế biến nhưng làm cho chất lượng mủ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hiện nay, có rất ít nhà máy của doanh nghiệp tư nhân được đầu tư thiết bị phân tích chất lượng mủ ở khâu đầu vào để ngăn ngừa, loại bỏ tất cả tạp chất do chi phí quá cao. Mủ kém chất lượng làm cho doanh nghiệp sản xuất mủ cao su gặp rất nhiều khó khăn khi phát sinh chi phí kiểm tra giám định mủ, đó là chưa kể đến sản phẩm khi sản xuất ra không đảm bảo chất lượng bị người tiêu dùng quay lưng, doanh nghiệp thua lỗ, giá mủ cao su càng giảm. Từ đó vùng chuyên canh cây cao su ở Tây Ninh cũng sẽ bị ảnh hưởng, thiệt hại nặng nề đến kinh tế người dân.

2.3. Thuế xuất khẩu mủ li tâm

Các doanh nghiệp cao su ở Tây Ninh đặc thù là tập trung công nghệ sản xuất và trồng giống cao su chủ yếu sản xuất chủng loại mủ latex. Tuy nhiên, do việc tiêu thụ mủ latex khi xuất khẩu phải nộp 3% thuế (theo Thông tư 145/2011/TT-BTC ngày 24.10.2011 của Bộ Tài chính) trên giá bán làm cho doanh thu giảm 3%, dẫn đến giá bán bình quân trong năm giảm. Trong khi các loại sản phẩm cao su khác thì không phải nộp thuế xuất khẩu, chỉ riêng mủ cao su ly tâm thì phải nộp thuế xuất khẩu 3%. Theo chúng tôi điều này là không hợp lý và kiến nghị ủy ban nhân tỉnh đề xuất Bộ Tài chính xem xét bãi bỏ việc nộp thuế xuất khẩu mủ cao su ly tâm.

2.4. Ô nhiễm môi trường do chế biến mủ cao su

Sự phát triển công nghiệp chế biến lĩnh vực nào cũng sẽ kéo theo sự âu lo về vấn nạn ô nhiễm môi trường. Thực tế cũng cho thấy, trong những năm gần đây, yêu cầu của thị trường về sản phẩm cao su bền vững ngày càng tăng, đặc biệt ở các thị trường khó tính như châu Âu, Mỹ, Nhật... Các yêu cầu này không chỉ đơn thuần là về chất lượng sản phẩm đảm bảo, mà còn bao gồm sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về luật pháp, lao động, môi trường, xã hội... Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất trong địa bàn tỉnh phải thực hiện các trách nhiệm về luật pháp, xã hội và môi trường chặt chẽ hơn.

Để đáp ứng yêu cầu của thị trường hầu hết nhà máy chế biến cao su trên địa bàn

tỉnh đã mạnh dạn đầu tư vốn xây dựng hệ thống xử lý chất thải nên tình trạng ô nhiễm dần được hạn chế. Có thể kể đến như Công ty cổ phần cao su Tây Ninh đã đưa vào vận hành sử dụng công trình “Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải Nhà máy xí nghiệp cơ khí chế biến, công suất 1.700 m³/ngày đêm”. Tuy nhiên vẫn còn một số nhà máy chế biến cao su nhỏ vẫn chưa có hệ thống xử lý, gây ảnh hưởng đến cuộc sống người dân xung quanh.

2.5. Diện tích cao su tăng đột biến

Tính đến cuối năm 2013 diện tích trồng cao su trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh đạt 98.170ha, vượt 13.770 so với quy hoạch đến 2015 (diện tích quy hoạch đến 2015 là 84.400ha). Nguyên nhân là do những năm trước đây do giá mủ cao su cao dẫn đến hiện tượng người dân ồ ạt trồng cao su. Bên cạnh đó giá cao su thiên nhiên đã giảm mạnh từ đầu năm 2014 đến nay trên thị trường thế giới do nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng chậm trong khi nguồn cung lại tăng nhanh hơn, làm lượng tồn kho quá cao, tạo áp lực đẩy giá cao su giảm liên tục từ năm 2012 kéo sang năm 2014 và nhu cầu nhập khẩu chững lại. Diện tích của vùng chuyên canh cao su ở địa phương tăng vượt quá quy hoạch, dẫn đến phát triển cây cao su thiếu bền vững dẫn đến tình trạng người nông dân phải phá bỏ vườn cao su. Theo Cục Thống kê, trong 5 tháng đầu năm 2013 giá xuất khẩu lẫn lượng xuất khẩu mặt hàng cao su đều giảm, trong khi lượng cung cũng như lượng dự trữ cao su của hầu hết các quốc gia đều tăng cao và tiến tới vượt mức tiêu thụ trong tình hình kinh tế thế giới có nhiều khó khăn, thách thức mới như hiện nay.

3. Giải pháp để phát triển vùng chuyên canh cây cao ở tỉnh Tây Ninh

3.1. Định hướng đầu tư phát triển có quy hoạch tổng thể

Đối với cao su, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh chỉ đạo các địa phương trồng cao su, các đơn vị chuyên ngành rà soát, điều chỉnh phù hợp để phát triển cao su bền vững. Với những vườn cao su phát triển ngoài vùng quy hoạch hoặc trên những vùng đất không phù hợp, chất lượng vườn cây kém, nên để người dân chuyển đổi sang mục đích khác hoặc sang những cây trồng khác đang được Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ. Tùy theo điều kiện từng vùng, từng nơi mà áp dụng các biện pháp cho phù hợp góp phần kéo dài thời gian kinh doanh, tăng thu nhập và tăng hiệu quả của người trồng cao su nhất là cao su tiểu điền.

Các ngành chủ quản, chính quyền của tỉnh Tây Ninh cần định hướng cho người dân để tránh tình trạng đầu tư sản xuất tự phát dẫn đến mất cân đối cơ cấu cây trồng. Cần làm tốt việc lập quy hoạch chi tiết, bảo đảm việc quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phát triển các vùng chuyên canh cây cao su đạt hiệu quả. Phải thực hiện nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ như: giao đất, hỗ trợ vốn, hỗ trợ khoa học kỹ thuật, giống cây trồng. Bên cạnh đó các ngành cơ quan chức năng cần xử phạt mạnh các doanh nghiệp chế biến mủ cao su làm ô nhiễm môi trường ảnh hưởng cuộc sống người dân. Quy hoạch các cơ sở, doanh nghiệp, công ty chế biến mủ phải cách xa khu dân cư.

3.2. Thay đổi nhận thức của người dân

Nông nghiệp phải đạt đến trình độ chuyên môn hóa cao và thương phẩm hóa, ứng dụng công nghệ sinh học và kỹ thuật canh tác tối ưu, để hướng đến một nền nông nghiệp an toàn với sản phẩm hàng hóa là nông sản sạch. Phải tập trung tuyên truyền

vận động để bản thân người nông dân nhận thức được con đường tất yếu của các hộ nông dân là liên kết, hợp tác với nhau trong quy trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm để sản xuất cây cao su có năng suất, chất lượng, hiệu quả và tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Áp dụng nhiều biện pháp canh tác bền vững trong các khâu chăm sóc, bón phân, khai thác để tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm góp phần tăng giá trị sản xuất. Từ đó, phải học tập để nâng cao trình độ khoa học công nghệ, thông tin và trình độ sản xuất. Trước thực tế trên, chính quyền các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền và vận động nhân dân nên bình tĩnh ứng phó với những khó khăn hiện tại, cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ người dân trong quá trình trồng và thu hoạch cao su. Theo nhận định, sự chênh lệch cung cầu của ngành sẽ rút ngắn trong vài năm tới vì kinh tế thế giới đang phục hồi.

3.3. Nâng cao chất lượng mủ cao su

Vấn đề mủ nguyên liệu đầu vào của các đơn vị trên địa bàn Tây Ninh trong những năm qua là đáng ngại đối với các nhà tiêu thụ cao su thiên nhiên khi đến tìm hiểu thị trường nơi đây. Tuy nhiên, tình trạng này đã được cải thiện đáng kể trong thời gian gần đây, nhất là từ đầu năm 2017 đến nay tất cả các công ty trên địa bàn đã bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến chất lượng và khối lượng mủ nguyên liệu tại vườn cây. Các đơn vị thu mua phải tổ chức tốt công tác quản lý và chú trọng chất lượng mủ nguyên liệu, quản lý tốt công tác vệ sinh dụng cụ thu hoạch mủ theo TCCS 111:2016 của VRG. Qua đó chất lượng mủ nguyên liệu tiếp nhận tại nhà máy được nâng cao rõ rệt, mủ tạp đầu vào được vệ sinh sạch tại vườn cây. Nghiêm túc khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác thu gom mủ sạch. Đồng thời, trong công tác chế biến phải đầu tư những cơ sở hạ tầng thiết yếu cho nhà máy chế biến nhằm đáp ứng yêu cầu của đoàn kiểm tra. Các nhà máy chế biến trên địa bàn đã tung bước đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất qua chế biến để hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

3.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ

Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện cho hiệp hội ngành cao su xuất khẩu trong việc tìm kiếm thị trường, cũng như xây dựng thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định. Ngành Nông nghiệp tỉnh phải phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và mở rộng xúc tiến thị trường. Để phát triển bền vững trong tương lai, vùng chuyên canh cây cao su ở Tây Ninh cần có những bước chuyển dịch hiệu quả để tái cơ cấu chuỗi cung, từ việc tập trung vào xuất khẩu các sản phẩm thô, sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và phát triển thị trường nội địa. Đồng thời, cần tiến hành thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, cập nhật thường xuyên các thông tin trong chuỗi cung và nhu cầu của thị trường. Chia sẻ đến các bên liên quan để có cơ sở đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phù hợp cho sự phát triển bền vững, giảm thiểu rủi ro.

3.5. Trồng xen canh cao su với cây trồng khác

Cao su có khả năng trồng xen với các cây trồng khác (dứa, khoai mì, khoai lang, ớt...), và kết hợp chăn nuôi, giúp tăng thu nhập, giảm rủi ro khi giá biến động và duy trì sự đa dạng sinh học. Ví dụ như từ năm 2010 đến nay, hàng trăm hộ dân của nhiều

xã trên địa bàn huyện Mường Chà đã góp cổ phần bằng đất rừng, đất sản xuất trên nương với Công ty Cổ phần Cao su Điện Biên trồng cao su. Để nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích cho người lao động trong những năm qua, mô hình trồng xen canh cây dứa dưới tán rừng cao su tại xã Sa Lông, Na Sang đem lại hiệu quả kinh tế, mà không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển cao su trong giai đoạn kiến thiết. Đây là một biện pháp hiệu quả lấy ngắn nuôi dài vì cây cao su là cây công nghiệp lâu năm ít nhất 5-6 năm mới cho quả. Trồng xen canh vừa tạo ra thu nhập trong thời gian chờ cao su cho quả vừa có thể sử dụng tối đa diện tích đất trồng.

3.6. Khai thác gỗ cao su già

Nguồn gỗ rừng tự nhiên cạn kiệt, nên nhu cầu sử dụng gỗ cao su cũng tăng mạnh. Diễn biến giá gỗ tăng đột biến trong thời gian qua đã tạo ra cơ hội tăng lợi nhuận kép cho vùng chuyên canh cây cao su tự nhiên. Tăng lợi nhuận nhờ bán gỗ thanh lý vườn và tiềm năng tăng giá gỗ cao su trong tương lai. Với trên 80% sản lượng cao su được xuất khẩu, Việt Nam đang đứng thứ 3 thế giới về xuất khẩu cao su thiên nhiên. Tuy nhiên, theo chúng tôi giai đoạn này để duy trì và phát triển vùng chuyên canh cây cao su thì người dân chỉ nên bán gỗ những vườn cao su già cỗi. Đối với những vườn cao su sắp và đang cho thu hoạch thì đây là cơ hội tốt để chăm sóc vườn cây cao su không vì lợi nhuận mà bán gỗ. Vì theo dự đoán của các chuyên gia giá gỗ cao su vào khoảng năm 2020 sẽ tăng trở lại.

4. Kết luận

Tỉnh Tây Ninh có nhiều tiềm năng và cơ hội để phát triển vùng chuyên canh cây cao su với những điều kiện tự nhiên rất thuận lợi (đất đai, khí hậu,...) người dân có kinh nghiệm lâu năm trồng cây cao su. Là cơ sở quan trọng để hình thành và phát triển vùng chuyên canh cây cao su tỉnh Tây Ninh.

Với những tiềm năng sẵn có rất thuận lợi, nếu tỉnh có những giải pháp phát triển phù hợp cùng với sự đầu tư quan tâm của các ngành cơ quan chức năng có liên quan thì tỉnh Tây Ninh sẽ trở vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất cả nước, đem lại nguồn lợi về kinh tế cho người dân, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Hiệu quả kinh tế từ cây cao su mang lại đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao thu nhập cho đời sống người nông dân, đây là những cơ sở thực tế để khẳng định định hướng tiếp tục trồng và phát triển vùng chuyên canh cây cao su.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Giáo trình nghề trồng cao su Bộ*.
- [2]. Cổng thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh, <https://www.tayninh.gov.vn/>, 19/03/2019.
- [3]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, <https://www.mard.gov.vn/>, 19/03/2019.
- [4.] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, <https://sonongnghiep.tayninh.gov.vn/>, [truy cập ngày: 19/03/2019].
- [5]. Tham khảo Internet: Báo Cao Su Lâm Sinh, <https://www.caosulamsinh.com.vn/>, [truy cập ngày: 19/03/2019].

GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ SẠT LỞ BỜ SÔNG TIỀN CHẢY QUA TỈNH AN GIANG

SV: Lê Thị Mỹ Huyền

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: An Giang là tỉnh đầu nguồn, nằm giữa hai con sông lớn là sông Tiền và sông Hậu. Thời gian qua, do đặc điểm về địa hình, địa chất cùng với các yếu tố tác động từ thượng nguồn, tác động của biến đổi khí hậu và sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương thì tình trạng sạt lở bờ sông, kênh rạch đã gia tăng, gây thiệt hại về tài sản của người dân với mức báo động. Trên cơ sở phân tích thực trạng, chúng tôi đề xuất các giải pháp ứng phó sạt lở bờ sông Tiền đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang với các giải pháp như sau: quy hoạch dân cư thích hợp với hiện trạng, quy hoạch cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng mô hình làm đê chắn sóng kết hợp trồng cây bảo vệ bờ sông. Hy vọng bài viết sẽ giúp người dân, chính quyền tỉnh An Giang chủ động ngăn ngừa và hạn chế sạt lở bờ sông trong thời gian tới.

Từ khóa: Ứng phó sạt lở, giải pháp ứng phó sạt lở bên bờ sông Tiền.

1. Đặt vấn đề

Đồng bằng sông Cửu Long, tình hình sạt lở bờ sông đã và đang diễn ra rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong khu vực. Do hoạt động khai thác cát trên dòng sông, xây dựng nhà ở trái phép cùng các tác động tiêu cực do phát triển kinh tế-xã hội ở thượng nguồn sông Mê Kông và các tỉnh, thành phố vùng trong khu vực đã tác động mạnh mẽ đến bờ sông.

Theo Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, việc sạt lở, bồi lắng các sông theo quy luật tự nhiên và tạo sự cân bằng tương đối. Sạt lở các sông vùng đồng bằng sông Cửu Long thường lớn hơn so với các khu vực khác do địa hình, địa mạo, địa chất trong khu vực. Trong đó nhiều khu vực sạt lở lớn như thị xã Tân Châu, thành phố Long Xuyên (An Giang); thị xã Hồng Ngự; thành phố Sa Đéc (Đồng Tháp); thành phố Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

An Giang là tỉnh đầu nguồn của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, mỗi năm phải gánh chịu các đợt xả lũ từ thượng nguồn sông Mê Kông. Cùng với đó, An Giang được biết đến là nơi có nhiều vùng đất yếu, có hệ thống sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt. Địa hình, địa chất của vùng đã thay đổi bởi tác động của biến đổi khí hậu trong thời gian gần đây. Nếu không có giải pháp ứng phó kịp thời thì các vụ sạt lở bờ sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh An Giang sẽ trở nên nguy hiểm và cấp bách hơn trong thời gian tới.

Tháng 4 năm 2017 vừa qua bờ sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh An Giang đã xuất hiện vết nứt dài trên tuyến giao thông liên xã dọc theo bờ sông Tiền và nhiều vết nứt khác trên nền các nhà dân phía bờ sông. Các vết nứt trên tiếp tục mở rộng, và xuất hiện thêm nhiều vết nứt mới trong khu vực. Sạt lở nghiêm trọng xảy ra với chiều dài 70m, vách sạt lở thẳng đứng, lún sâu về phía bờ 35m. Sạt lở đã nhấn chìm hoàn toàn nhiều căn nhà và cắt đứt tuyến đường liên xã.

Từ những vấn đề trên, là một sinh viên ngành sư phạm Địa lý thường xuyên học

tập và tiếp cận với thực tế tôi thấy rằng vấn đề sạt lở bờ sông đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang là vấn đề rất đáng quan tâm và cần nghiên cứu nhiều hơn để đưa ra các giải pháp kịp thời ứng phó sạt lở bờ sông ở khu vực này. Chính vì vậy, chúng tôi lựa chọn, đề tài: “ Giải pháp, ứng phó sạt lở bờ sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh An Giang” để nghiên cứu, phân tích.

2. Thực trạng sạt lở bờ sông ở tỉnh An Giang

An Giang đang có hơn 15 điểm sạt lở nghiêm trọng đã được xác định ở khắp các huyện tiếp giáp sông Tiền cách nay chưa lâu. Trong những năm qua, tình hình thiên tai diễn biến phức tạp và ngày càng nghiêm trọng, ngay cả trong mùa khô, đặc biệt là sạt lở dọc theo các tuyến sông Tiền.

Năm 2010 sạt lở bờ sông nghiêm trọng đã xâm thực vào Quốc lộ 91 đoạn qua xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, với chiều dài 150 m. Năm 2012 sạt lở tại phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, với chiều dài 80 m, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên với chiều dài sạt lở là 112 m, tại xã Phú An, huyện Phú Tân với chiều dài 130 m. Năm 2014 sạt lở tại khóm Long Thạnh, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, với chiều dài 100 m, làm ảnh hưởng rất lớn đến cơ sở hạ tầng, công trình giao thông trong khu vực. ^[2]

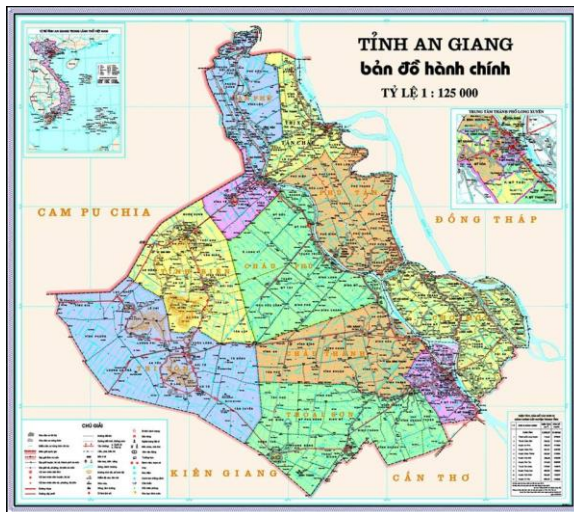
Kết quả quan trắc và cảnh báo sạt lở đất bờ sông tại tỉnh An Giang cho thấy, tỉnh hiện có 51 đoạn nằm trong cảnh báo sạt lở dọc sông Tiền có 11 đoạn, sông Hậu 26 đoạn, sông Bình Di 1 đoạn, sông Châu Đốc 2 đoạn, sông Vàm Nao 2 đoạn, kênh Xáng Tân An 4 đoạn, kênh Ông Chưởng 5 đoạn, tổng chiều dài khoảng 162.550 m, gây ảnh hưởng cho 20.000 hộ dân trong đó, có hơn 5.380 hộ dân cần di dời khẩn cấp ra khỏi khu vực sạt lở, gây khó khăn đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất của người dân. Hiện nay, tình hình sạt lở tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp: Trong 5 tháng đầu năm 2018 đã xảy ra 15 điểm sụp lún, sạt lở đất bờ sông, kênh, rạch. ^[6]

Chợ Mới là địa phương có sông Tiền và các kênh, rạch chảy qua, thuận lợi giao thông thủy, cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp nhưng thường xuyên gặp thách thức về sạt lở. Theo kết quả quan trắc năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn huyện có 16 đoạn sông cảnh báo nguy cơ sạt lở, trong đó có 1 đoạn rất nguy hiểm và 15 đoạn sạt lở nguy hiểm, với tổng chiều dài 44.000m. Dọc theo tuyến sông Tiền có các đoạn sạt lở dài 17.400m, gồm 7 xã, thị trấn đang xảy ra và có nguy cơ sạt lở đất bờ sông ở các địa phương như: thị trấn Chợ Mới, Mỹ Luông, các xã Kiến An, Long Điền A, Tân Mỹ, Mỹ Hiệp, Bình Phước Xuân. ^[2]

Cuối tháng 12 năm 2018, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang đã hoàn thành khảo sát, đo đạc thực địa, hiệu chỉnh, tính toán và phân tích số liệu, với tổng chiều dài 161.650m đối với các tuyến sông, kênh, rạch chính dọc theo sông Tiền, đã đưa ra nhận định “Tuy các đoạn cảnh báo không thay đổi và có xu hướng giảm về chiều dài nhưng gia tăng về mức độ nguy hiểm và sạt lở xảy ra nhiều hơn ở các sông, kênh, rạch nhỏ”^[2]

Hệ quả mất đất từ sạt lở không chỉ là những ngôi nhà hay những đoạn sông bị “nuốt chửng” vào dòng nước xoáy, một số cồn đất màu mỡ trên sông Tiền cũng đã trở thành ký ức trước cơn xâm thực. Như vậy, có thể thấy rằng tình hình sạt lở ở tỉnh An

Giang đang rất phức tạp. Điều đó cho thấy xu hướng sạt lở sẽ còn tiếp tục mở rộng và diễn biến phức tạp, nhất là trong bối cảnh diễn biến thời tiết và thay đổi chế độ thủy văn ngày một cực đoan trong thời gian tới.



Hình 2.1. Bản đồ tỉnh An Giang
(Nguồn: Tổng cục Phòng chống thiên tai)

3. Các giải pháp ứng phó sạt lở bờ sông Tiền đoạn chảy qua địa phận tỉnh An Giang

Qua phân tích thực trạng có thể nhận thấy, xói lở bờ sông Tiền tỉnh An Giang là sự tác động tổng hợp của các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội thông qua mối quan hệ giữa lòng dẫn sông và dòng chảy, thể hiện qua hàm lượng phù sa. Cho thấy sạt lở bờ sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh An Giang đang đứng trước nguy cơ cấp bách và đặc biệt nguy hiểm đối với người dân, chính quyền địa phương. Với vai trò là người học Địa lí thường xuyên tìm hiểu và tiếp cận thực tế tôi đề ra một số giải pháp với hy vọng giúp đỡ ứng phó sạt lở bờ sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh An Giang.

3.1. Quy hoạch dân cư thích hợp với hiện trạng

Do tập quán sinh sống của người dân ở miền sông nước chủ yếu là dọc theo các tuyến đường giao thông như đường thủy, đường bộ. Đó cũng là nguyên nhân gây sạt lở bờ sông trong thời gian gần đây. Nguyên nhân chủ yếu là do sự phát triển kinh tế - xã hội kéo theo nhiều hệ lụy cùng với quá trình thay đổi của khí hậu. Bởi lẽ đó mà các dòng sông đang phải gánh chịu một mối đe dọa rất lớn đó là sạt lở bờ sông. Trước tình hình sạt lở bờ sông ngày càng diễn biến nghiêm trọng đã ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, nhịp độ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Cần phải thực hiện các giải pháp trước mắt và lâu dài như.

Các địa phương có hộ dân sống trong khu vực có nguy cơ sạt lở cần phải khẩn trương có phương án sắp xếp dân cư để ổn định cuộc sống cho người dân khu vực sạt lở, ưu tiên các hộ hiện chưa có chỗ ở ổn định 29 hộ huyện Chợ Mới và 7 hộ ở thành phố Long Xuyên. Quy hoạch dân cư sống vào vùng an toàn như cụm hay tuyến dân cư. Địa phương cần phải tạo điều kiện để các hộ dân di chuyển đến nơi ở mới an toàn và tiếp tục làm việc và sản xuất nhanh nhất không phải lo khi chuyển nơi ở sẽ ảnh hưởng đến công ăn, việc làm khi đó mới có thể quy động được người dân rời khỏi khu vực nguy hiểm.

Đồng thời, các địa phương tiếp tục chủ động cắm phương tiện tải trọng lớn đi

qua các đoạn sạt lở, cấm biển báo sạt lở, hướng dẫn tuyến giao thông thay thế đảm an toàn về tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân. Các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân hiểu về mặt lợi và hại, để người dân có ý thức bảo vệ, phòng chống sạt lở, không xây cất nhà cửa lấn chiếm bờ sông, không khai thác đất cát ven sông, di dời nhà ở đến nơi an toàn.

3.2. Quy hoạch cơ sở hạ tầng giao thông

Rà soát điều chỉnh quy hoạch giao thông, dân cư trên địa bàn đồng bộ, định hướng di dời dân lâu dài, ổn định cuộc sống gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Đặc biệt là chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước, đề xuất giải pháp quản lý về giao thông, xây dựng trên khu vực bờ sông, kênh, rạch và khu vực cảnh báo sạt lở. Bên cạnh đó, các địa phương cần bám sát các dự báo, cảnh báo của cơ quan chuyên môn, thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cảnh báo người dân, thông báo ngay khi phát hiện dấu hiệu sạt lở, có giải pháp bảo vệ đường bờ tại các khu vực đoạn cua cong; cấm biển báo cảnh báo khu vực sạt lở; quản lý chặt chẽ việc xây dựng công trình trong khu vực cảnh báo sạt lở.

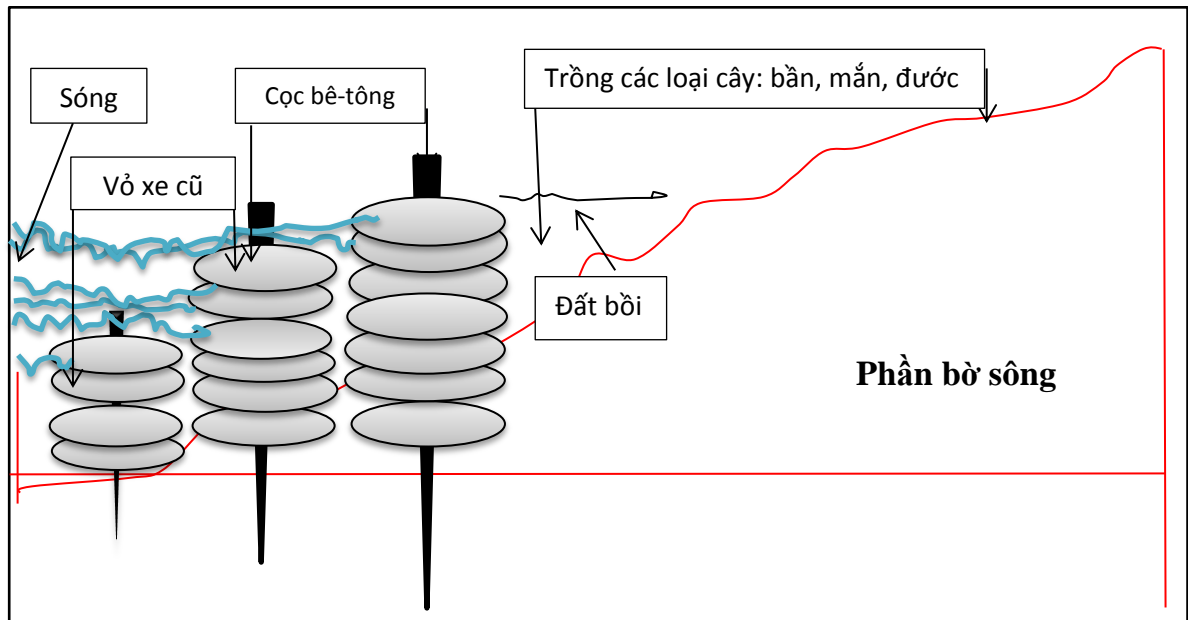
Đối với dòng chảy phía bờ Vĩnh Trường, An Phú có biện pháp nạo vét mở rộng, sâu lòng sông. Đây là phương án sẽ giải quyết được ba mục tiêu chính là giảm áp lực dòng chảy giảm vận tốc tác động vào bờ lở, suy giảm dòng chảy xoáy vòng tại khúc sông cong do đó sẽ làm giảm được sạt lở bờ.

Đầu tư xây dựng kè Châu Phong với mục tiêu chính là đảm bảo ổn định lâu dài bờ sông, hạn chế xảy ra rủi ro khi lũ lớn, an toàn chống lũ, đời sống sinh hoạt của nhân dân trong vùng, các công trình hạ tầng của khu vực xã Châu Phong. Song song đó, kết hợp chỉnh trang, tạo tuyến đường giao thông ven sông, cải tạo môi trường, sinh thái, cảnh quan khu vực, góp phần nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển kinh tế xã hội và đời sống của nhân dân sinh sống trong vùng.

Đối với các điểm thường xuyên có tình trạng khai thác cát trái phép, có đề xuất và xã lập các chốt kiểm soát để ngăn chặn.

3.3. Xây dựng mô hình làm đê chắn sóng kết hợp trồng cây bảo vệ bờ sông

Với thực trạng như trên, khu vực sạt lở đã làm đất liền bị xói lở khiến nhiều nơi mất đất cư trú, đất chuyên dụng và đất sản xuất, đồng thời gây nhiều thiệt hại kinh tế - cơ sở hạ tầng, hệ sinh thái đa dạng sinh học và tạo bất an xã hội. Dựa trên thực trạng tôi đề ra mô hình làm đê chắn sóng kết hợp trồng cây bảo vệ bờ sông như sau.



Hình 3.1. Mô hình làm đê chắn sóng kết hợp trồng cây bảo vệ bờ

(Nguồn: Thiết kế cá nhân)

Đặc điểm địa chất chủ yếu vùng bờ sông Tiền đoạn chảy qua tỉnh An Giang là rất rời rạc về cấu trúc đất, cường độ chịu lực yếu, tính chịu nén lún của các lớp đất rất kém. Khi dao động mực nước lớn, nước chảy xiết, sóng vỗ mạnh thì đất trở nên mềm nhão, hóa lỏng và dễ dịch chuyển gây sạt lở, trượt đổ làm mất ổn định bờ sông. Cộng tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, nạn khai thác cát, hút nước ngầm quá mức và phát triển nhiều phương tiện giao thông đường thủy. Sạt lở xảy ra nhiều ở những đoạn hợp lưu các nhánh sông, các đoạn sông cong, uốn khúc lớn, hoặc nơi tập trung nhiều dân cư, có công trình lớn, giao thông thủy tấp nập mà ít có các rừng cây to kèm giữ.

Việc phòng chống sạt lở hiện nay thường khó khăn, tốn kém mà hiệu quả không cao. Ước tính chi phí làm 1 ki lô mét đê bê tông kiên cố ở vùng ven bờ khu vực đồng bằng sông Cửu Long có thể lên tới 30 tỉ đồng, với chi phí qua cao như vậy thì các địa phương không thể nào thực hiện được trong thời ngắn. Nên tôi đề xuất giải pháp xây dựng mô hình làm đê chắn sóng kết hợp trồng cây bảo vệ bờ sông.

Đê bằng vỏ xe phế liệu để chống sạt lở do lũ trên sông được thiết kế bởi các vỏ xe được kết thành những khối vuông có kích thước 1,5 mét x 1,25 mét x 0,75 mét, có trọng lượng xấp xỉ 1 tấn, được lắp đặt theo dạng bậc thang dọc theo hai bên bờ sông. Thuận lợi lớn nhất là có thể tận dụng phế liệu vỏ xe như một vật liệu xây dựng bền chắc, rẻ tiền, hiệu quả, giảm chi phí xử lý chất thải; việc thi công, lắp ráp cũng khá nhanh và gần như rất ít chi phí bảo dưỡng, quản lý.

Bên cạnh đó, chúng ta còn trồng các loại cây như bần, đước, mần các loại cây có rễ chùm hoặc rễ thở sẽ giúp bồi tụ và chống sạt lở bờ sông rất hiệu quả. Khi tận dụng trồng các loại cây như cây bần thì người dân có thể dùng trái bần sản xuất các loại thực phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho gia đình thay vì trước kia vùng đất sạt lở sẽ bị bỏ trống lãng phí nay nhờ có đê chắn sóng kết hợp trồng cây bảo vệ bờ sông đã tăng thêm thu nhập cho các hộ dân trong địa phương.

4. Kết luận

Dưới tác động của các điều kiện tự nhiên nhất là động lực dòng chảy, cấu tạo địa chất, địa hình và hình thái lòng dẫn kết hợp với biến đổi khí hậu và hoạt động kinh tế - xã hội của con người đã làm cho quá trình xói lở bờ sông Tiền đoạn chảy tỉnh An Giang có xu hướng gia tăng, xảy ra trên phạm vi rộng, diễn ra cả trong mùa lũ lẫn mùa khô. Để hạn chế biến động, giảm thiểu những thiệt hại do xói lở bờ sông Tiền cần có những giải pháp mang tính tổng thể, bao gồm quy hoạch dân cư thích hợp với hiện trạng, quy hoạch cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng mô hình làm đê chắn sóng kết hợp trồng cây bảo vệ bờ sông. Trong đó, chú trọng đến các giải pháp thi công nhằm đảm bảo cho dòng sông phát triển theo quy luật của tự nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hà Quang Hải - Vương Thị Mỹ Trinh (2011), Tương quan xói lở - bồi tụ một số khu vực lòng sông Tiền, Hậu, *Các Khoa học về Trái Đất*, số 12.

[2]. Lê Mạnh Hùng (2004), *Nghiên cứu, dự báo xói lở bồi lắng lòng dẫn và đề xuất các biện pháp phòng, chống cho hệ thống sông ở ĐBSCL*, Báo cáo tổng kết đề tài KC08-15, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 283 trang.

[3]. Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang (2013), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống, khắc phục sạt lở bờ sông năm 2000 – 2013*, <http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/cong-nghe-chong-xoi-lo-bo-bien.178588.html> [truy cập ngày: 03/03/2019].

[4]. <http://vietbao.vn/Khoa-hoc/Hiem-hoa-cua-bien-doi-khi-hau-toan-cau-doi-voi-VN-va-nhin-tu-VN-ky-2/70079953/188> [truy cập ngày: 02/03/2019].

[5]. http://sotainguyenmt.angiang.gov.vn/Index_link.aspx?thamso=6013 [truy cập ngày: 13/02/2019].

KHAI THÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TỈNH CÀ MAU

SV: Nguyễn Quốc Khanh

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: Trên cơ sở tìm hiểu đặc điểm, chúng tôi tiến hành phân tích các yếu tố tự nhiên : khí hậu, địa hình, sinh vật, rừng, đất và nguồn nước để nhằm phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Cà Mau. Mỗi một yếu tố tự nhiên mang lại những tiềm năng để phát triển du lịch ở địa phương này. Hy vọng với bài viết này sẽ hữu ích cho các ban ngành và các nhà làm về du lịch ở tỉnh Cà Mau sẽ có thêm tư liệu tham khảo nhằm phát triển du lịch hiệu quả cao và bền vững hơn.

Từ khóa: Phát triển du lịch ở tỉnh Cà Mau, khai thác điều kiện tự nhiên phát triển du lịch ở Cà Mau.

1. Đặt vấn đề

Cà Mau là tỉnh ven biển ở cực nam của Việt Nam, nằm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Cà Mau là một vùng đất trẻ, mới được khai phá khoảng trên 300 năm có diện tích tự nhiên trên 5.359 km². Dân số trên 1,2 triệu người.

Toàn tỉnh có 254km đường bờ biển, chiếm 7,8% chiều dài đường bờ biển của cả nước. Trong đó có 107km bờ Biển Đông và 147km bờ Biển Tây (vịnh Thái Lan). Vùng biển Cà Mau có một số cụm đảo gần bờ như: cụm đảo Hòn Khoai, cụm đảo Hòn Chuối, và đảo Đá Bạc... có vị trí chiến lược quan trọng.

Cà Mau cũng có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành du lịch như nằm trong khu vực nội chí tuyến bắc bán cầu, cận xích đạo, đồng thời nằm trong khu vực gió mùa châu Á nên khí hậu Cà Mau ôn hoà thuộc vùng cận xích đạo, nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa mưa nắng rõ rệt, địa hình ven biển bằng phẳng, sông rạch chằng chịt, như một bán đảo, vùng biển Mũi Cà Mau hàng năm phù sa bồi lắng ngầm vươn ra biển khoảng 80m, tài nguyên biển thì rất đa dạng và phong phú với trữ lượng hải sản lớn ... Để khai thác tốt điều kiện tự nhiên phát triển du lịch ở tỉnh Cà Mau có hiệu quả kinh tế cao thì đòi hỏi các tổ chức, cá nhân làm về du lịch biển phải biết tận dụng những ưu thế của điều kiện tự nhiên mang lại cho Cà Mau để phát triển ngành du lịch.

2. Khai thác điều kiện tự nhiên phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Cà Mau

2.1. Khí hậu

Cà Mau là tỉnh đồng bằng ven biển, nằm trong khu vực nội chí tuyến bắc bán cầu, cận xích đạo, đồng thời nằm trong khu vực gió mùa châu Á nên khí hậu Cà Mau ôn hoà thuộc vùng cận xích đạo, nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa mưa nắng rõ rệt.

Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, Vùng biển phía tây và khu vực tây nam của tỉnh, mùa mưa mưa thường bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn các khu vực khác. Lượng mưa trung bình giữa các tháng vào mùa mưa chênh lệch nhau không nhiều và nằm trong khoảng từ 200mm đến 400mm/ tháng.

Chế độ gió vừa chịu ảnh hưởng của đặc trưng cho vùng nhiệt đới lại vừa chịu ảnh hưởng của các cơ chế gió mùa khu vực Đông Nam Á. Hàng năm, có 2 mùa gió chủ

yếu: gió mùa đông (gió mùa đông bắc) từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau và gió mùa hạ (gió mùa tây nam), bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10. Vào mùa mưa, thỉnh thoảng có dông hay lốc xoáy tới cấp 7, cấp 8. Bão tuy có nhưng không nhiều và không lớn.

Với điều kiện khí hậu ôn hòa cùng với thời tiết chỉ có 2 mùa và đặc biệt ít chịu thiên tai nên thu hút được khác du lịch từ Châu Âu, hay các nước có khí hậu lạnh giá muốn tìm 1 địa điểm du lịch với thời tiết ấm áp hơn.

Khí hậu cũng rất thuận lợi để phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm và đặc sản đáp ứng nhu cầu cũng như phục vụ khách du lịch.

2.2. Địa hình

Cà Mau là vùng đồng bằng, có nhiều sông rạch, có địa hình thấp, bằng phẳng và thường xuyên bị ngập nước. Độ cao bình quân 0,5m đến 1,5m so với mặt nước biển. Hướng địa hình nghiêng dần từ bắc xuống nam, từ đông bắc xuống tây nam. Những vùng trũng cục bộ Thới Bình, Cà Mau nối với Phước Long, Hồng Dân, Giá Rai (Bạc Liêu) thuộc vùng trũng trung tâm Bán đảo Cà Mau có quan hệ địa hình lòng sông cổ. Những ô trũng U Minh, Trần Văn Thời là những vùng “trũng treo” nội địa được giới hạn bởi đê tự nhiên của hệ thống các con sông Ông Đốc, Cái Tàu, sông Trẹm và gờ đất cao ven biển Tây. Vùng trũng treo này quanh năm đọng nước và trở thành đầm lầy. Phần lớn đất đai ở Cà Mau là vùng đất trẻ do phù sa bồi lắng, tích tụ qua nhiều năm tạo thành, rất màu mỡ.

Dạng địa hình đầm phá cũng rất phổ biến Cà Mau như : đầm Thị Tường (Huyện Cái Nước) với lượng hải sản rất lớn và phong phú, diện tích đầm cũng tương đối lớn nó được ví như là Biển Hồ thu nhỏ với nhiều tiềm năng phát triển du lịch như có thể xây các nhà sàn trên đầm chế biển hải sản do chính du khách bắt được tại đầm bằng công cụ chủ nhà sàn cung cấp gây cảm giác mới lạ, hấp dẫn...

Bờ biển phía đông từ cửa sông Gành Hào (huyện Đầm Dơi) đến vùng cửa sông Rạch Gốc (huyện Ngọc Hiển) bị xói lở, có nơi mỗi năm bị xói lở trên 20 mét. Ngược lại, vùng Bãi Bồi Mũi Cà Mau hàng năm được phù sa bồi đắp từ 50 đến 80 mét có thể thu hút khách du lịch trải nghiệm săn bắt một số loài hải sản sống trên bãi bồi như : Cua, sò, dọt hay tôm cá... gây cảm giác như sống cảnh dân dã chân quê hứng thú cho khách du lịch.

Đặc biệt, ven biển tỉnh Cà Mau có những dạng địa hình do bị xói lở hay bồi đắp từ phù sa tạo nên những dạng địa hình lạ, độc đáo và sông ngòi chằng chịt thuận lợi phát triển các loại hình du lịch sinh thái cũng như miệt vườn như ở Bến Tre, Tiền Giang... Gây hứng thú với khách du lịch nước ngoài muốn trải nghiệm.

2.3. Nguồn nước

Nguồn nước (bao gồm nước mặt sông, kênh, rạch, kênh đào, đồng ruộng, nước ven biển) của tỉnh Cà Mau chủ yếu là nước mưa và nước từ biển vào theo các nhánh sông. Nguồn nước mặt là nước ngọt chủ yếu tập trung ở khu vực rừng tràm U Minh hạ, vùng sản xuất nông nghiệp phía bắc huyện Trần Văn Thời và huyện Thới Bình. Đây là nguồn nước mưa được giữ tại chỗ, do đó thích hợp cho phát triển chăn nuôi, trồng trọt và nuôi cá đồng thuận lợi cho người dân nơi đây phát triển du lịch sinh thái

miệt vườn, tại đây du khách có thể tham quan và trở về thời thôn dã chân quê thưởng thức các món từ tự nhiên có sẵn do mình có thể tự săn bắt và tự chế biến như cá lóc nướng gôm, canh chua bông súng, cá kho tộ..v.v... gây cho du khách cảm giác thích thú và hòa mình với đồng quê, dân dã...

Nguồn nước lợ, nước mặn từ biển chảy vào thích hợp nuôi trồng thủy sản như : Cua biển, tôm sú, ba khía, cá rô phi, cá nâu... Mang giá trị kinh tế rất cao và có thể chế biến đóng gói bán cho khách du lịch như làm khô, muối, làm mắm... Những sản phẩm này để được thời gian dài mà không mất đi chất lượng của mình.

2.4. Sinh vật

Sinh vật ở Cà Mau vô cùng phong phú và đa dạng, đặc biệt là sinh vật biển. Biên Cà Mau có diện tích thềm dò khai thác rộng khoảng 71.000 km², được đánh giá là một trong 4 ngư trường trọng điểm của cả nước, có trữ lượng hải sản lớn và phong phú về chủng loại. Trữ lượng cá nổi ước khoảng 320 ngàn tấn, cá đáy 530 ngàn tấn, với 661 loài, 319 giống, thuộc 138 họ. Nhiều loại tôm cá có giá trị và sản lượng lớn như tôm, mực, ghe, cá hồng, cá sạo, cá thu, cá chim, cá mú, cá bớp... Vùng mặt nước ven biển có khả năng nuôi các loại thủy sản như nghêu, sò huyết, hào, tôm nước mặn... có giá trị kinh tế cao. Sản lượng khai thác, đánh bắt thủy sản khoảng 300 ngàn tấn/năm.

Với lượng tài nguyên từ biển như các loài hải sản đặc trưng như : Cua, tôm, mực, cá khoai, bạch tuột... Cung cấp cho khách du lịch có thể thưởng thức cũng như mua về làm quà cho gia đình...

2.5. Đất

Với diện tích đất ven biển khá lớn, tài nguyên đất sẽ giúp các nhà đầu tư về du lịch

có thể lựa chọn nơi xây dựng các cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ cho du lịch biển ở tỉnh Cà Mau như các trò chơi giải trí, công trình tham quan hay các nhà hàng khách sạn quanh các khu du lịch ven biển...

Đất ở đây tuy nhiễm mặn, phèn độ chua cao ở phần lớn diện tích nhưng vẫn trồng được nhiều loại trái cây đặc sản như xoài, ổi, cóc, mận... Phục vụ cho khách du lịch muốn tham quan hay mang về.

2.6. Rừng

Rừng ngập mặn Cà Mau có hệ sinh thái độc đáo và đa dạng, đứng thứ 2 trên thế giới, sau rừng Amazôn ở Nam Mỹ. Rừng ngập mặn Cà Mau có diện tích gần 69.000 ha. Trong đó, tập trung ở các huyện Ngọc Hiển, Năm Căn, Đầm Dơi và Phú Tân.

Rừng ngập mặn Cà Mau là một thảm thực vật với nhiều loài cây như: đước, mắm, vẹt, bần, dá, su, cóc, dà, chà là, dương xỉ, dây leo... Trong đó, đước là loài cây chiếm đại đa số và có giá trị kinh tế cao. Theo số liệu thống kê của Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng rừng ngập Minh Hải (12/1998), rừng ngập mặn Cà Mau có 101 loài cây. Trong đó, có 32 loài cây chính thức thuộc 27 họ. Rừng ngập mặn Cà Mau: có 28 loài thú, thuộc 12 họ. Trong đó, 5 loài có trong sách đỏ Việt Nam, 1 loài trong sách đỏ IUCN, như bộ linh trưởng (khỉ đuôi dài, voọc), bộ móng guốc ngón chẵn (heo rừng), bộ ăn thịt (chồn mướp, cáo mèo, cáo cộc, rái cá...), 74 loài chim, 17 loài bò sát, 5 loài lưỡng cư, 14 loài tôm, 175 loài cá, 133 loài động thực vật phiêu sinh tại đây có thể xây

dựng các khu du lịch sinh thái thu hút một lượng khách du lịch tương đối lớn đến tham quan những sinh vật mà chỉ xuất hiện ở Rừng ngập mặn Cà Mau.

Trên các cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối có trên 710 ha rừng, với nhiều loại gỗ quý và động vật sinh sống dưới tán rừng thích hợp phát triển các tour du lịch tham quan gây sự thích thú cho khách du lịch.

Ngoài ra, còn có hệ sinh thái rừng tràm nằm sâu trong lục địa ở các huyện U Minh, Trần Văn Thời, Thới Bình quy mô 35.000 ha nổi tiếng ở đây với những sản phẩm từ ong rừng tràm có thể bán cho khách du lịch mang về làm quà và mật ong tại rừng tràm Cà Mau cũng đã trở thành đặc sản nổi tiếng có thương hiệu trên thị trường.

Với những nét đẹp hoang sơ và nhiều chủng loài từ rừng tạo nên sự tò mò cũng như thu hút khách du lịch trong và ngoài nước muốn khám phá.

Từ các nguồn tài nguyên tự nhiên đó tài nguyên rừng là quan trọng nhất và ảnh hưởng nhất đến sản phẩm du lịch của tỉnh Cà Mau. Vì rừng ngập mặn Cà Mau chiếm 77% rừng ngập mặn của vùng đồng bằng sông Cửu Long với số lượng sinh vật lớn và vô cùng phong phú, đa dạng về chủng loài... Chính vì thế việc tận dụng hiệu quả được tài nguyên này phát triển du lịch ở tỉnh Cà Mau sẽ mang lại một tương lai đầy hứa hẹn cho Ngành du lịch nơi đây.

3. Kết Luận

Tiềm năng nguồn tài nguyên tự nhiên của tỉnh Cà Mau để phục vụ phát triển du lịch ở địa phương này là rất lớn nhưng chúng ta chưa khai thác hiệu quả được. Do đó trong thời gian tới cần chú ý hơn nữa vấn đề khai thác, tận dụng triệt để các tài nguyên này để đưa Cà Mau trở thành nơi mà ai cũng nghĩ đến trước tiên khi có dự định cho một chuyến du lịch trải nghiệm thú vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cao Văn Khiên (2015), *Tiềm năng phát triển du lịch biển, đảo Cà Mau*, Cà Mau.
- [2]. Dương Kim Chuyên (2017), *Khai thác và đầu tư phát triển du lịch biển Cà Mau*, Cà Mau.
- [3]. Vũ Tự Lập - chủ biên (1999), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4]. Công Thông Tin Điện Tử Cà Mau, *Điều kiện tự nhiên tỉnh Cà Mau*, <http://www.camau.gov.vn/>. [truy cập ngày: 10/01/2019].

KHAI THÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN HUYỆN THẠNH PHÚ TỈNH BẾN TRE

SV: Nguyễn Thị Mỹ Linh

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: Qua thực tế khảo sát, với điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội, cùng với tiềm năng phát triển du lịch huyện Thạnh Phú có điều kiện để hình thành phát triển các loại hình du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa lịch sử; du lịch vui chơi giải trí. Hy vọng với bài viết này sẽ hữu ích cho các ban ngành và các nhà làm về du lịch ở huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre có thêm tư liệu tham khảo để ra những chiến lược đầu tư về du lịch hiệu quả và bền vững hơn.

Từ khóa: Phát triển du lịch, khai thác điều kiện tự nhiên phát triển du lịch tỉnh Bến Tre.

1. Đặt vấn đề

Thạnh Phú là huyện ven biển với những nét đặc trưng riêng được du khách trong và ngoài nước biết đến về những dải rừng ngập mặn,..các di tích lịch sử,làng nghề nổi tiếng và đặc biệt Thạnh Phú còn có lợi thế về bờ biển với chiều dài 25km thuộc hai xã Thạnh Phong và Thạnh Hải với những những cảnh quan thiên nhiên phong phú và nhiều cảnh đẹp hút mắt du khách khi mỗi lần đặt chân đến nơi đây ngoài ra Thạnh Phú còn là nơi quy tụ hầu hết các loại hải sản từ các vùng trong nước đó là điều kiện thuận lợi để Thạnh Phú phát triển du lịch biển đặc biệt là du lịch sinh thái. Trước đây huyện chưa phát triển loại hình du lịch biển, chưa khai thác được hết các tiềm năng phát triển du lịch, trên địa bàn hầu như không có các điểm tham quan du lịch do cơ sở hạ tầng còn hạn chế, chi phí còn hạn hẹp...chưa thật sự thu hút các nhà đầu tư.Từ khi có chỉ định của Tỉnh Ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Đã tạo được sự đồng tình và hưởng ứng của hầu hết các cá nhân, thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh kể cả các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh những tài nguyên du lịch Biển, Thạnh Phú còn có nhiều tài nguyên nhân văn,di tích lịch sử, văn hóa, những địa danh, làng nghề nổi tiếng như: di tích đầu cầu tiếp nhận vũ khí Bắc Nam (xã Thạnh Phong - huyện Thạnh Phú), nhà cổ Huỳnh Phú (xã Đại Điền- huyệnThạnh Phú) và đặt biệt đối với ngư dân vùng biển ở đây nổi tiếng với Lễ hội nghinh Ông Nam Hải (xã Thạnh Hải-huyện Thạnh Phú),...Sự hòa huyện giữa chiều dài lịch sử của các di tích đan xen với tiềm năng du lịch biển đã tạo nên Thạnh Phú ngày càng được mở rộng,phong phú và đa dạng như ngày nay.

Du khách đến đây chủ yếu bằng phương tiện ô tô và xe gắn máy cơ sở hạ tầng phát triển, các hệ thống đường, cầu được mở rộng và đầu tư,..đến đây ngoài tận hưởng nhiều khung cảnh đẹp vùng biển du khách còn được đắm chìm trong muôn ngàn các loại hải sản phong phú và đa dạng, để phục vụ du khách và phát triển cạnh tranh với các tỉnh trong nước Thạnh Phú đã đầu tư các nhà hàng, khách sạn các sản phẩm du lịch: mô tô nước,dịch vụ câu cá,du lịch văn hóa-xã hội, du lịch tham quan làng nghề đa dạng và hấp dẫn với quy mô lớn để phục vụ du khách khi đến đây.

Với sự đầu tư trong công tác quản lý và phát triển các loại hình du lịch biển Thạnh Phú đã mang lại nhiều kết quả cao thúc đẩy sự phát triển kinh tế của ngư dân vùng biển Thạnh Phú cũng như tỉnh Bến Tre. Gần đây nhất tính từ đầu năm 2018 đến nay Thạnh Phú là nơi thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến đây vào mỗi dịp cuối tuần, lễ, tết,... Theo Ban Quản lý Khu du lịch Di tích đường Hồ Chí Minh trên biển, lượng du khách đến tham quan, vui chơi, giải trí từ đầu năm đến nay đạt hơn 335.000 lượt người, tăng trên 90.800 lượt so với thời điểm này năm trước. Doanh thu ước đạt hơn 60 tỷ đồng, tăng trên 14 tỷ đồng. Điểm nhấn quan trọng là huyện đã tổ chức thành công Tuần lễ Văn hóa - Du lịch - Ẩm thực biển lần thứ I năm 2018 với nhiều hoạt động như: Hội chợ Thương mại Du lịch - Triển lãm - Ẩm thực biển, tour tham quan du lịch, tọa đàm về xây dựng sản phẩm du lịch cùng các hoạt động vui chơi giải trí, thu hút 58.000 lượt du khách.

Như vậy trong những năm qua du lịch Thạnh Phú đã đạt được những thành công, những kết quả đáng mong đợi, tích cực khai thác các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển du lịch huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên du lịch biển Thạnh Phú còn nhiều hạn chế: đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch biển còn manh mún chưa đồng bộ, trình độ nguồn nhân lực còn thấp tay nghề chưa cao, các sản phẩm du lịch chưa phong phú và đa dạng,...

Qua thực tế khảo sát, với điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội, cùng với tiềm năng phát triển du lịch huyện Thạnh Phú có điều kiện để hình thành phát triển các loại hình du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh; du lịch vui chơi giải trí. Xuất phát từ thực tiễn trên chúng tôi chọn đề tài: “Khai thác điều kiện tự nhiên phát triển du lịch biển huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre” làm đề tài nghiên cứu.

2. Khai thác điều kiện tự nhiên phát triển du lịch biển huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre

2.1. Địa hình

Địa hình huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre được hình thành trong khoảng thời gian lịch sử lâu dài, huyện nằm ở dưới cù lao Minh, có bờ biển dài 25km đa dạng các loại động thực vật đặc biệt là các loại hải sản biển, với những dải rừng ngập mặn có vai trò hết sức quan trọng, ngoài việc cung cấp gỗ, củi, đặc biệt có chức năng chống xói lở, cân bằng sinh thái cửa sông, còn có tác dụng bảo vệ đa dạng sinh học, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất của nhân dân vùng ven biển, cung cấp nguồn giống, động thực vật và là nơi cư trú kiếm ăn của các loài sinh vật biển.

Địa hình bờ biển của tỉnh chủ yếu là các bãi bồi rộng với thành phần chủ yếu là bùn hoặc cát. Khi triều rút, các bãi bồi nổi lên và trải rộng ra biển hàng nghìn mét, tạo thuận lợi cho nuôi trồng hải sản thuận lợi phát triển du lịch sinh thái, miệt vườn chèo thuyền, ẩm thực biển...

Với đa dạng các loại địa hình ngoài việc thuận lợi trong công tác xây dựng các khu vui chơi, các nhà hàng biển, trò chơi biển phục vụ khách du lịch. Đến với Thạnh Phú khách du lịch còn được tận tay bắt các loại hải sản biển tại các vùng trũng, du khách sẽ được trải nghiệm những cảm giác thú vị chưa từng có.

Tài nguyên về địa hình cũng là tài nguyên quan trọng nhất trong sự hình thành và phát triển du lịch ở vùng biển Thạnh Phú-Bến Tre. Địa hình biển Thạnh Phú tạo nên nhiều quan cảnh đẹp hấp dẫn du khách gần xa sen giữa các bãi bồi là những hàng Dương xanh muốt vừa mang lại vẻ đẹp vùng biển hoang sơ, những hàng Dương là biểu tượng cho sự phát triển du lịch biển nó đã chứng kiến sự hình thành và phát triển của du lịch biển Thạnh Phú qua hàng chục năm gắn bó, du khách đến đây ngoài những đẹp về các cồn các biển bồi đắp thì những hàng Dương xen kẽ nhau tạo nên một nét đẹp ma mị mà các du khách luôn nhắc đến khi đã đặt chân đến Thạnh Phú.

2.2. Khí hậu

Huyện Thạnh Phú-Bến Tre nằm trong miền khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo với hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 hoạt động của gió mùa tây nam, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau hoạt động của gió mùa đông bắc, lượng mưa trung bình hằng năm ở Bến Tre từ 2000 đến 2300mm, nhiệt độ trung bình hằng năm $26^{\circ}\text{C} - 27^{\circ}\text{C}$. Lượng mưa nhiều thuận lợi cho việc nuôi trồng các loại thủy hải sản vùng ven biển.

Với điều kiện khí hậu thuận lợi cho phép vùng biển Thạnh Phú Bến Tre phát triển tất cả các lợi thế của vùng về nông nghiệp và cả công nghiệp. Khí hậu ôn hòa, ánh sáng, độ ẩm thuận lợi cho việc phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm đặc biệt phát triển nuôi trồng các loại thủy hải sản vùng biển và đặc biệt thuận lợi trong sinh hoạt cho người dân nơi đây và khách du lịch khi đặt chân đến tham quan, khách du lịch ngoài việc ngắm cảnh, tận hưởng du lịch sinh thái ngoài ra còn được tận hưởng một làng gió biển, ẩm áp và mát mẻ mà không lo âu về thời tiết.

Bến tre nằm ở hạ lưu sông Mekong, giáp với biển Đông nhưng ít chịu ảnh hưởng của thiên tai vì nằm ngoài vĩ độ thấp, với mạng lưới sông ngòi chằng chịt, khí hậu ôn hòa, mát mẻ quanh năm là điều kiện thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đặc biệt là khách nước ngoài muốn tìm đến làng gió mới khác hơn. Mang trên mình vẻ đẹp hoang sơ, với cái nắng vàng xen giữa những cồn cát mang đậm hương vị phù sa vùng biển cảnh vật hữu tình xen giữa giữa những hàng Dương rì rào trong gió, giữa cái hương vị gió biển được nhìn ngắm những cánh đồng trồng dưa, sắn, đậu... mà khí hậu đã mang lại nơi đây du khách không khỏi ngỡ ngàng vì được tận mắt nhìn thấy và có thể tự tay chăm sóc và gặt hái những trái dưa ngọt nước và những củ sắn tinh khiết, những hạt đậu nảy mầm thật sự rất thích thú và ngỡ ngàng, dường như chỉ có vùng biển Thạnh Phú mới có được nét đẹp trung đậm đà như thế.

2.3. Đất đai

Bến Tre có nguồn tài nguyên đất phong phú, với nhiều loại đất như: đất cát, đất phù sa, đất phèn và đất mặn. Thạnh Phú được hình thành từ đất phù sa của hai sông lớn là sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên, bồi đắp nên nhiều cồn các ở cồn lợi xã Thạnh Hải. Đa dạng các cánh đồng bằng phẳng xen kẽ những cồn cát và các dải rừng ngập mặn. Diện tích chung toàn huyện 41.180 ha thuận lợi phát triển nông nghiệp tuy nhiên gặp nhiều khó khăn do đất nhiễm phèn nhiễm mặn. Rừng ngập mặn Bến Tre: có diện tích là 3.900 ha, trong đó rừng tự nhiên 1.000 ha, rừng trồng 2.900 ha.

Với diện tích đất lớn thuận lợi thu hút các nhà đầu tư phục vụ các cơ sở hạ tầng

trong việc phát triển du lịch biển: các nhà hàng, các khu vui chơi giải trí biển,... đồng thời thuận lợi cho việc trồng các loại cây nông nghiệp: dưa,sắn,xoài...ngoài việc phát triển kinh tế còn thu hút khách du lịch tham quan tại những cánh đồng nông nghiệp vào những mùa gặt hái, khách du lịch có thể trải nghiệm công việc đậm chất miền tây sông nước bằng việc hòa nhịp cùng các người dân biển cùng gặt hái các loại nông sản: dưa,sắn,đậu,... tại cánh đồng nơi đây.

2.4. Sinh vật

Huyện Thạnh Phú đa dạng các loại động thực vật: với hệ sinh thái rừng ngập mặn có vai trò hết sức quan trọng, ngoài việc cung cấp gỗ, củi, đặc biệt có chức năng chống xói lở, cân bằng sinh thái cửa sông, còn có tác dụng bảo vệ đa dạng sinh học, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất của nhân dân vùng ven biển, cung cấp nguồn giống, động thực vật và là nơi cư trú kiếm ăn của các loài sinh vật biển. Qua điều tra của Viện Quy hoạch Nam bộ, Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thạnh Phú có 119 loài, gồm: 10 loài cây trồng và 109 mọc tự nhiên thuộc 45 họ thực vật, phong phú hơn nhiều so với rừng ngập mặn ở các khu bảo tồn thiên nhiên của đồng bằng sông Cửu Long và nhiều loại động vật,nguồn tài nguyên sinh vật biển vô cùng phong phú và đa dạng phục vụ cho du khách tham quan đặt biệt với các du khách từ các vùng khác trong và ngoài nước có thể thử một lần vào các dải rừng ngập mặn để khám phá các hệ thực, động vật ở đây sinh sống như thế nào và phát triển ra sao.

Nằm giữa hai môi trường sông và biển đồng thời chịu ảnh hưởng sâu sắc của khí hậu gió mùa nhiệt đới nên vùng biển Thạnh Phú Bến Tre đa dạng các hệ động thực vật của miền Tây Nam Bộ với đa dạng các loài hải sản biển: tôm,cua,cá phi,cá nâu,cá biển,mực,nghe,sò,... hải sản rẻ, tươi sống, với vị mặn mặn của mùi biển và vị ngọt ấm áp của người dân chất phát miền tây sông nước đó chính là điều đặc biệt thu hút khách du lịch đến với vùng biển Thạnh Phú Bến Tre khác với các vùng biển khác trong nước.

Du khách không khỏi bất ngờ khi đặt chân đến Thạnh Phú không phải bởi vì cảnh đẹp nơi đây quá đẹp sắc quá nổi bật mà bởi vì hương vị nơi đây thấm đậm tình người với sự mộc mạc đơn sơ giữa cái nắng vàng của mùi biển cả. Hải sản nơi đây được du khách đánh giá là rẻ nhất trong các nơi đã từng đặt chân đến của nước ta, vị ngon về thịt vị ngọt về tình người và chút mặn của mùi biển đã tạo nên cho hải sản nơi đây được mệnh danh là hải sản ngon nhất vùng biển.

3. Kết Luận

Với tiềm năng tự nhiên để phục vụ phát triển du lịch biển Thạnh Phú-Bến Tre và việc khai thác tiềm năng chưa thật sự hiệu quả.Do đó trong thời gian tới cần phát huy hơn nữa để đưa du lịch biển Thạnh Phú-Bến Tre trở thành trung tâm du lịch mà hầu hết du khách trong và ngoài nước điều hướng đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lê Minh Trí (2013), *Khảo sát hệ thực vật rừng ngập mặn ở Xã Thạnh Phong huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre*, Bến Tre.

[2] Nguyễn Hoài Nam (2017), *Thực trạng và giải pháp tài nguyên trong phát triển du lịch biển Hải Phòng*, Hải Phòng.

[3]. Cổng Thông Tin Điện Tử Bến Tre, *Điều kiện tự nhiên tỉnh Bến Tre*. <http://www.bentre.gov.vn> [truy cập ngày: 17/03/2019].

[4]. <https://text.123doc.org> [truy cập ngày: 27/03/2019].

[5]. <http://www.congthuongbentre.gov.vn> [truy cập ngày: 27/03/2019].

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ XÂM NHẬP MẶN TRONG ĐIỀU KIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI TỈNH AN GIANG

SV: *Phạm Thị Cẩm Tú*

Lớp: *ĐHSDIA 15A*

GVHD: *TS. Phùng Thái Dương*

Tóm tắt: Tình hình xâm nhập mặn tại An Giang ngày càng nghiêm trọng nhưng các nghiên cứu về xâm nhập mặn ở khu vực này hiện nay còn rất hạn chế. Trên cơ sở phân tích thực trạng xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh An Giang, chúng tôi đề xuất một số giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn như: tăng cường quan trắc, giám sát nâng cao năng lực dự báo mặn; Chú trọng đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ... Hy vọng bài viết sẽ là tài liệu tham khảo giúp chính quyền và nhân dân tỉnh An Giang chủ động ứng phó và khắc phục được những thiệt hại do xâm nhập mặn gây ra.

Từ khóa: *An Giang, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu.*

1. Đặt vấn đề

Tỉnh An Giang có diện tích 3.536km², là tỉnh có nhiều đặc trưng riêng biệt, vừa có đồng bằng, rừng núi, tài nguyên khoáng sản vừa có những di tích lịch sử lâu đời, đặc biệt An Giang còn là cửa ngõ giao thương giữa các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long với các quốc gia Đông Nam Á lục địa, đường biên giới dài gần 100km với 5 cửa khẩu được phép thông quan hàng hóa, gồm: 2 cửa khẩu quốc tế, 2 cửa khẩu quốc gia và 1 cửa khẩu phụ. Ngoài ra, An Giang còn có nguồn nước mặt dồi dào, thuận lợi trong việc sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên do vừa phải chịu ảnh hưởng của dòng chảy sông Mê Kông vừa phải chịu ảnh hưởng của thủy triều ở biển Tây nên chế độ nước sông nơi đây rất phức tạp.

Vào mùa cạn, khi nước từ thượng nguồn về thấp, thủy triều mang nước xâm nhập mặn sâu vào nội đồng gây ra rất nhiều khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Nguyên nhân gây xâm nhập mặn ở An Giang là do sự kết hợp của nhiều yếu tố như : dòng chảy từ thượng lưu, mưa và bốc hơi nội đồng, ... Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, nước biển dâng, mực nước biển dâng cao làm cho tình trạng xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng.

Việc nghiên cứu thực trạng xâm nhập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu sẽ là cơ sở đề xuất giải pháp ứng phó và thích ứng phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của tỉnh An Giang.

2. Thực trạng xâm nhập mặn tỉnh An Giang

Trong những năm gần đây, tình trạng xâm nhập mặn đã và đang diễn biến theo nhiều chiều hướng rất phức tạp và có ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh An Giang nói riêng.

Bảng 1. Lượng nước trên các trục chính

STT	Địa điểm	Mức nước (m)	
		2018	Cùng kỳ

			2017
1	Kênh Ba Thê	0.3	0.3
2	Kênh Rạch Giá – Long Xuyên	0.21	0.26
3	Kênh Vĩnh Tế	0.15	0.29
4	Kênh Tám Ngàn	0.2	0.27

(Nguồn: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn An Giang)

Như vậy lượng nước trên các kênh trục chính ở An Giang đo được từ 4/2018 cho thấy. Lượng nước trên các kênh trục chính thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017 cụ thể tại kênh Ba Thê mực nước đo thấp nhất là 0.3m xấp xỉ với cùng kỳ năm 2017, tại tuyến kênh Rạch Giá – Long Xuyên thấp nhất là 0.21m thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017 0.05m, Tại kênh Tám Ngàn thấp nhất là 0.2m thấp hơn cùng kỳ 2017 là 0.07m, tại kênh Vĩnh Tế 0.15m thấp hơn so với cùng kỳ 2017 là 0.14m.

Bảng 2. Độ mặn đo được tại các trạm từ ngày 1/2/2018 – 31/5/2018

STT	Trạm	Kênh	Độ mặn cao nhất (S_{max})	Độ mặn thấp nhất (S_{min})
1	Trạm Vĩnh Thắng	Tròn	0.17 ⁰ / ₀₀	0.08 ⁰ / ₀₀
2	Trạm Bình Thành	Rạch Giá – Long Xuyên	0.18 ⁰ / ₀₀	0.08 ⁰ / ₀₀
3	Trạm Kiên Hảo	Kiên Hảo	0.19 ⁰ / ₀₀	0.09 ⁰ / ₀₀
4	Trạm Vọng Thê	Ba Thê	0.16 ⁰ / ₀₀	0.08 ⁰ / ₀₀
5	Trạm Phú Lâm	Ngã tư kênh H7 – Chữ U	0.28 ⁰ / ₀₀	0.10 ⁰ / ₀₀
6	Trạm Cây Gòn	Tám Ngàn	0.21 ⁰ / ₀₀	0.10 ⁰ / ₀₀
7	Trạm Vĩnh Cầu	T4 - Ranh	0.15 ⁰ / ₀₀	0.09 ⁰ / ₀₀
8	Trạm Vĩnh Hiệp	Vĩnh Tế	0.14 ⁰ / ₀₀	0.08 ⁰ / ₀₀

(Nguồn: Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang)

Nồng độ mặn trên các trục chính tại Tri Tôn và Thoại Sơn tăng thấy được độ mặn tại Thoại Sơn dao động ở mức ngọt đến mặn nhạt từ 0.08 – 0.19⁰/₀₀ (cao hơn năm 2017 0.02⁰/₀₀) và ở Tri Tôn dao động từ ngọt đến mặn lợ 0.08 – 0.28⁰/₀₀ (cao hơn năm 2017 0.01⁰/₀₀). Như vậy, mặn từ cửa sông của tỉnh Kiên Giang đã xâm nhập vào tỉnh An Giang và bắt đầu ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân nơi đây.

Hiện nay, xâm nhập mặn vẫn diễn biến rất phức tạp và ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sản xuất và sinh hoạt của người dân An Giang đặc biệt là quá trình canh tác lúa gạo rất nhiều khó khăn do thiếu nước ngọt.

3. Giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh An Giang

3.1. Cơ sở đề xuất giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh An Giang

Phân tích các nguyên nhân của xâm nhập mặn ở An Giang

Các yêu cầu về nguồn nước và chất lượng nước, ngưỡng chịu mặn của đối tượng bị ảnh hưởng ở trong vùng nghiên cứu, các quy luật diễn biến xâm nhập mặn hàng năm ở An Giang.

Các giải pháp đề xuất để thích ứng với xâm nhập mặn cũng phải phù hợp với mục tiêu, định hướng của ngành, quy hoạch vùng liên quan.

Thực tế ảnh hưởng của xâm nhập mặn và điều kiện cụ thể của lưu vực sông ở An Giang.

3.2. Giải pháp ứng phó với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh An Giang

3.2.1. Tăng cường quan trắc, giám sát nâng cao năng lực dự báo mặn.

Bổ sung thêm nhiều trạm quan trắc, thiết lập các hệ thống quan trắc online trên địa bàn tỉnh để kịp thời ứng phó khi phát hiện có độ mặn trong nước.

3.2.2. Chú trọng đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt.

Đảm bảo nguồn nước sinh hoạt hằng ngày cho người dân là biện pháp ưu tiên hàng đầu. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, tập huấn và hướng dẫn người dân các tiết kiệm nước, nghiên cứu các biện pháp tích trữ nước vào mùa mưa, lũ. Bên cạnh đó tiến hành phục hồi các vùng đất ngập nước, các vùng chứa lũ, nạo vét hệ thống sông ngòi, kênh rạch khơi thông nguồn nước chảy vào nội đồng và trữ nguồn nước ngọt trên hệ thống các kênh, rạch.

Tăng cường hợp tác, chia sẻ liên vùng, liên quốc gia để sử dụng hiệu quả nguồn nước trong hệ thống sông Mê Kông. Phối hợp với tỉnh Kiên Giang trong việc điều tiết các đập, cống ngăn mặn... nhằm ngăn mặn, trữ ngọt, chủ động được phần nào nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

3.2.3. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi

Nghiên cứu lai tạo và sử dụng các loại giống thích ứng. Chọn những giống cây trồng có khả năng chịu mặn như: xoài, ổi, nhãn,...Hoặc từ việc canh tác lúa có thể chuyển sang nuôi trồng thủy sản ở các vùng bị xâm nhập mặn. Đây cũng là giải pháp trước mắt cũng như lâu dài nhằm hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho người nông dân.

3.2.4. Chuyển đổi cơ cấu lao động

Chuyển đổi hình thức lao động từ sản xuất nông nghiệp sang các hình thức lao động sản xuất phi nông nghiệp, làm các sản phẩm nghề thủ công như: dệt thổ cẩm, se nhang, thợ mộc, làm đồ gốm, may công nghiệp,... hoặc các hộ gia đình có thể liên kết với nhau phát triển du lịch làng nghề. Du lịch làng nghề không những đem lại lợi nhuận về kinh tế mà còn giúp quảng bá hình ảnh thiên nhiên, văn hóa, phong tục tập quán và con người An Giang với bạn bè trong nước cũng như quốc tế. Với sự chuyển đổi này thì người dân nơi đây sẽ vừa có thu nhập lại vừa không phải lo mất mùa do ảnh hưởng của xâm nhập mặn.

4. Kết luận

Xâm nhập mặn ngày càng đang diễn biến phức tạp và khó lường đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và sinh hoạt của người dân. Để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương chúng tôi đã đề ra các biện pháp để ứng phó như thay đổi biện pháp canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nạo vét hệ thống sông ngòi,

kênh rạch khơi thông nguồn nước chảy vào nội đồng và trữ nguồn nước ngọt trên hệ thống các kênh, rạch,... Tất cả những biện pháp trên phần nào giúp hạn chế được những thiệt hại mà xâm nhập mặn gây ra cho tỉnh An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. <https://baomoi.com/dbscl-nuoc-song-xuong-thap-tinh-trang-xam-nhap-man-tang-cao/c/30003200.epi>, [truy cập ngày: 19/03/2019].

[2] http://sotainguyenmt.angiang.gov.vn/Resource/TTCB_MoiTruong/2018/964-06-9-2018-PTr-CCBVMt-06-9-2018.pdf , [truy cập ngày: 19/03/2019].

[3]. <http://tuyengiaoangiang.vn/index.php/khoa-giao/hoat-dong-khoa-giao/2646-tinh-hinh-va-giai-phap-ung-pho-voi-han-han-va-xam-nhap-man-tren-dia-ban-tinh-an-giang> [truy cập ngày: 26/03/2019].

[4]. <http://www.vietlinh.vn/tin-tuc/2018/tam-nong-2018-s.asp?ID=128>, [truy cập ngày: 28/03/2019].

ĐẬP THỦY ĐIỆN TRÊN DÒNG SÔNG MÊ KÔNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHÚNG ĐẾN TỰ NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

SV: Võ Lý Mai Trinh

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: *Trên cơ sở tìm hiểu, chúng tôi tiến hành phân tích ảnh hưởng của việc xây dựng đập thủy điện trên dòng Mê Kông đến tự nhiên, hoạt động kinh tế- xã hội của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh chúng tôi đề xuất một số giải pháp như: Chủ động trữ nước, trồng cây chắn gió, Dự báo và cảnh báo thiên tai, Nâng cao nhận thức cộng đồng để chủ động thích ứng, Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất đai và các mô hình sản xuất. Khai thác hợp lý nguồn nước mặn và mùa ngập lũ... nhằm ứng phó với những tác động và hệ lụy từ việc xây dựng đập thủy điện ở thượng nguồn gây ra. Hy vọng bài viết có thể giúp cho các cơ quan ban ngành đưa ra cảnh báo và kịch bản đề xuất các giải pháp ứng phó.*

Từ khóa: *Ứng phó, cộng đồng, kinh tế - xã hội.*

1. Đặt vấn đề

Hiện trên dòng Mê Kông có bảy công trình đập thủy điện trên dòng chính đã được hoàn thành trên phía thượng nguồn Trung Quốc, mười một đập đang và sẽ xây dựng ở hạ lưu tại Lào và Campuchia. Các đập thủy điện này sẽ gây ra những tổn thất nghiêm trọng đối với nguồn phù sa, thủy sản, chất lượng nước, đa dạng sinh học và sinh kế của hàng triệu người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Đồng Tháp là tỉnh nằm trong vùng trũng lưu vực sông Cửu Long, được dòng sông Tiền chia cắt thành 2 vùng lớn. Vùng Bắc sông Tiền là khu vực Tháp Mười có địa hình bằng phẳng, vùng phía Nam sông Tiền là nơi nằm kẹp giữa sông Tiền và sông Hậu tạo nên địa hình có dạng lòng máng, thường bị ngập vào mùa lũ hằng năm. Là một vùng trũng thấp và sinh sống chủ yếu nhờ vào sông nước nhưng từ năm 2010 trở lại đây, sạt lở diễn ra nhanh hơn bồi tụ và vô cùng phức tạp, tác động không hề nhỏ đến phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

Một trong những nguyên nhân gây ra sạt lở là do các nước trên thượng nguồn sông Mê Kông gia tăng các hoạt động kinh tế, tập trung vào thủy điện đã làm thay đổi dòng chảy, giảm lượng phù sa, suy giảm nguồn lợi thủy sản, xâm nhập mặn sâu vào nội vùng dẫn đến suy giảm nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Nằm ở khu vực hạ lưu sông Mekong, Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng là nơi hứng chịu những hệ lụy gây ra bởi hoạt động của các đập thủy điện phía thượng nguồn.

Xuất phát từ thực tế trên nghiên cứu về tác động của việc xây dựng đập thủy điện ở thượng nguồn sông Mekong đến tự nhiên và hoạt động kinh tế xã hội ở tỉnh Đồng Tháp là hết sức cần thiết góp phần chủ động trong việc đối phó do tác động của việc xây dựng đập thủy điện.

2. Nội dung

2.1. Thủy điện trên dòng Mê Kông và ảnh hưởng của chúng đến tự nhiên, hoạt động kinh tế xã hội tỉnh Đồng Tháp

2.1.1. Thủy điện trên dòng Mê Kông

Bảng 1. Hiện trạng các đập thủy điện trên lưu vực sông Mê Kông

Quốc gia	Đã xây dựng	Đang xây dựng	Kế hoạch
Trung Quốc	5	0	1
Lào	0	1	5
Campuchia	0	0	2

Nguồn: internationalrivers.org

Những năm gần đây thủy điện trên dòng chính Mê Kông đua nhau mọc lên. Trung Quốc đã xây dựng được 5 đập, Lào và Campuchia cũng đang xây dựng và có kế hoạch xây dựng các đập tiếp theo

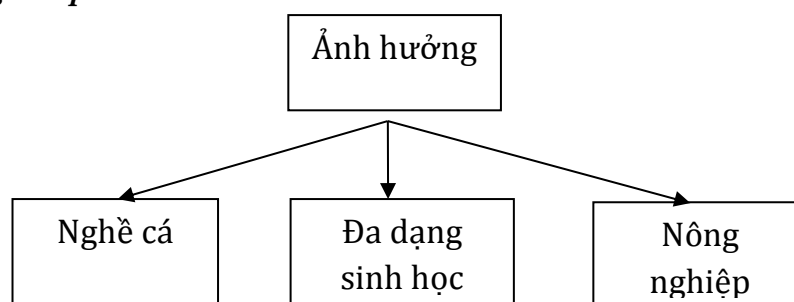
Bảng 2. Dự kiến các đập thủy điện được xây dựng ở thượng nguồn sông Mê Kông

Hoàn thành	Dự kiến xây dựng	Đang xây dựng	Đề xuất xây dựng
327	77	43	15

Nguồn: Ủy hội sông Mê Kông

Theo ước tính của CGIRA, nhóm tư vấn nghiên cứu nông nghiệp quốc tế đến năm 2030 trên dòng Mê Kông sẽ được bao phủ bởi khoảng 470 đập thủy điện lớn nhỏ.

2.1.2. Ảnh hưởng đến tự nhiên và kinh tế xã hội của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp



2.1.2.1. Nghề cá

Đồng Tháp thuộc đầu nguồn sông Cửu Long chịu tác động trực tiếp và trước tiên của lũ. Lũ tại Đồng Tháp là do thượng nguồn đổ về xuất hiện từ tháng 7 đến tháng 11 hằng năm. Người dân nơi đây gọi là “ mùa nước nổi”, nó đã trở thành một phần của hệ sinh thái phong phú, là nguồn sống nuôi dưỡng hàng triệu cư dân và là một nét văn hóa đặc thù của vùng sông nước.

Mùa lũ là cơ hội để người dân (Tam Nông, Hồng Ngự, Cao Lãnh, Lấp Vò...) phát triển mô hình nuôi thủy sản mùa lũ như tôm càng xanh trên ruộng lúa, nuôi lươn, cá lóc đặng quảng... đạt hiệu quả kinh tế cao và trồng các loài cây thủy sinh như sen, súng, ấu, rau nhút... góp phần tăng thu nhập cho người dân vùng lũ.

Tuy nhiên, những năm gần đây lũ đang có xu hướng giảm dần thậm chí là không về nữa.

Lũ không về ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của người dân tỉnh Đồng Tháp, diện tích nuôi tôm giảm từ 1.124 ha (năm 2014) xuống còn 678 ha (2015). Lũ không

về tôm chậm lớn, năng suất thấp. Bên cạnh đó, sản lượng cá nuôi lồng, bè... giảm gần 50%.

Các loài cây thủy sinh cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Điển hình như trồng rau nhút dựa vào con nước mùa lũ hấp thụ phù sa, nếu không có lũ năng suất giảm hơn 50%. Tương tự bông sung, điên điển cũng không phát triển tốt.

Nước lũ tràn ngập đồng ruộng tạo nên một thủy vực rộng lớn cho các loài thủy sản sinh sản và phát triển đồng thời còn là nơi cung cấp nhiều thức ăn tự nhiên. Lũ càng lớn thủy sản càng nhiều, đặc biệt là những loài thủy sản chỉ mùa nước nổi mới có như cá linh, cá mè vinh, cá dảnh (nhóm cá trắng).

Ngoài ra, mùa nước nổi cũng là lúc những người làm nghề truyền thống như làm lưới, đan lợp, lò, đóng xuống... phát huy hiệu quả kinh tế tăng thu nhập

2.1.2.2. Đa dạng sinh học

Sự hình thành các đập thủy điện trên thượng nguồn sẽ dẫn đến sự tuyệt chủng của một số loài sinh vật quý hiếm như cá heo Irrawaddy, các loại cá da trơn... Đây là những tổn thất về đa dạng sinh học.

Lượng cá giảm sút không chỉ gây thiệt hại cho người dân mà còn kéo theo nhiều hệ lụy. Các loài cá di cư như cá linh, cá trèn,... sẽ ngày càng giảm sút. Cá ít dần nên các loài động vật hoang dã khác như chim, rắn... mất đi nguồn thức ăn nên cũng giảm theo, từ đó hệ sinh thái đầm ngập nước cũng mất dần.

2.1.2.3. Nông nghiệp

Từ đầu năm 2015 dòng chảy ở thượng nguồn sông Mê Kông bị thiếu hụt, mực nước thấp nhất trong vòng 90 năm qua và không còn khả năng đầy mặn, dẫn đến tình trạng mặn trên sông đã xuất hiện sớm hơn gần 2 tháng so với cùng kỳ và xâm nhập mặn về phía thượng lưu.

Tình trạng xâm nhập mặn hạn hán đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp. Từ kết quả tính toán đến năm 2020 diện tích đất nông nghiệp bị tác động do mực nước dân là 73.495 ha.

Việc vận hành các công trình thủy điện sẽ làm thay đổi tổng lượng và chế độ dòng chảy gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, thời vụ canh tác và loại hình sử dụng đất. Suy giảm lượng bùn cát và chất dinh dưỡng cũng như sự thay đổi về nồng độ mặn cũng có thể ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp và tăng chi phí sản xuất.

Nếu 12 bậc thang thủy điện được xây dựng cộng thêm phía Trung Quốc thì sẽ có 33% lượng nước được giữ lại ở thượng nguồn được điều tiết theo ý muốn con người khiến hạ lưu thiếu nước trầm trọng, làm thay đổi chế độ dòng chảy, gây lắng đọng phù sa thượng nguồn và trong lòng hồ. thiếu lũ, thiếu nước buộc phải đối mặt với thực trạng xâm nhập mặn, gây thiệt hại lớn cho ngành thủy sản, suy giảm sản lượng lương thực, hoa trái...

3. Giải pháp ứng phó với những tác động từ việc xây dựng đập thủy điện

3.1. Chủ động trữ nước

Tận dụng nguồn nước vào đầu mùa mưa, các hộ gia đình xây dựng 2-4 ống hồ có dug tích từ 3000 đến 4000 lít. Các hộ khó khăn thì đào ao lót bực, hoặc lu, bồn nhựa để tích trữ nước ngọt.

3.2. Dự báo thiên tai

Thành lập đội ngũ chuyên nghiệp làm công tác dự báo về nguồn nước bảo đảm cảnh báo, dự báo các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Xây dựng mô hình kiểm soát lũ thích hợp với mọi trường hợp biến động.

Củng cố nâng cấp hệ thống công, trạm bơm bảo đảm bơm tưới phục vụ sản xuất.

3.3. Nâng cao nhận thức người dân

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư thông suốt việc khai thác thủy điện ở đầu nguồn sông Mê Kông

3.4. Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt

Xây dựng các hồ chứa nước ngọt, phối hợp với các ngành liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, nhất là chấp hành pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước.

Các cơ quan ban ngành tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tài nguyên nước, triển khai xây dựng các trạm quan trắc, hệ thống thông tin về tài nguyên nước.

4. Kết luận

Vậy nghiên cứu tác động của việc xây dựng đập thủy điện ở thượng nguồn sông Mê Kông là rất cần thiết. Bài viết này giúp chúng ta thấy được những tác động và hệ lụy của việc xây dựng đập thủy điện đến tự nhiên và hoạt động kinh tế xã hội của người dân tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm ứng phó và giảm một phần thiệt hại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lê Mạnh Hùng và cộng sự (2009), *Giải pháp Thủy lợi phục vụ chương trình phát triển lương thực ở ĐBSCL trong điều kiện biến đổi khí hậu*.

[2]. Nguyễn Quang Kim và nnk (2010), *Báo cáo tổng hợp kết quả KH&CN: Nghiên cứu giải pháp khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước tương thích với các kịch bản phát triển công trình ở thượng lưu để phòng chống hạn và xâm nhập mặn ở ĐBSCL*, Đề tài cấp Nhà nước KC08.11/06-10.

[3]. Nguyễn Quang Kim, Tô Quang Toàn và cộng sự (2009), *Đánh giá thay đổi dòng chảy đến Kratie theo các kịch bản phát triển ở thượng lưu*.

[4]. Tô Quang Toàn - Tăng Đức Thắng - Phạm Khắc Thuận (2016), *Phân tích ảnh hưởng của các hồ đập thượng lưu đến thay đổi đỉnh lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, Thủy lợi và Môi trường, số 52*.

GIẢI PHÁP NUÔI TÔM CÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

SV: Nguyễn Minh Triệu

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: Thanh Phú là một huyện nằm cuối dòng sông Cửu Long có 17 xã và 1 thị trấn có diện tích là 411 km², dân số là 139.417 người (2016). Phần lớn diện tích đất đai bị nhiễm mặn và phèn rất khó để canh tác nông nghiệp, nên người dân nơi đây chủ yếu phát triển kinh tế bằng nghề nuôi tôm [2].

Việc khai thác điều kiện tự nhiên để nuôi tôm ở nơi đây nhìn chung còn thiếu tổng thể, đơn điệu, nhỏ lẻ, chưa mang lại giá trị kinh tế cao, chưa xứng đáng tiềm năng của vùng. Trên cơ sở quan sát, phân tích thực trạng chúng tôi đề ra một số giải pháp:

- Thường xuyên tổ chức đánh giá, tổng kết các mô hình nuôi tôm thành công trong thực tiễn như mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, cần ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám để quản lý môi trường dịch bệnh,...

- Đa dạng hóa nguồn huy động vốn, xây dựng chính sách tín dụng phù hợp, xây dựng kế hoạch bố trí tăng kinh phí ngân sách hàng năm,...

- Đầu tư mở rộng khu sản xuất, tiếp tục hướng dẫn người dân đầu tư hoàn chỉnh hệ thống ao nuôi,...

Hy vọng với những giải pháp chúng tôi đề ra sẽ cải thiện được chất lượng con tôm nơi đây, tăng năng suất, sức cạnh tranh trên thị trường,.... Chất lượng cuộc sống người dân nâng cao cũng như phát triển kinh tế huyện một cách bền vững.

Từ khóa: Nuôi tôm công nghiệp tại Thanh Phú tỉnh Bến Tre, giải pháp nuôi tôm công nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề nuôi tôm công nghiệp của huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre là một trong những hoạt động nông nghiệp gần đây được tình quan tâm, nhưng bên cạnh đó chất lượng con tôm ở huyện Thanh Phú không cao, năng suất thấp không thể cạnh tranh trên thị trường ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống người dân cũng như phát triển kinh tế huyện.

Diện tích chung toàn huyện là 41.180 ha, nhiễm mặn đến 27.856 ha, còn lại 13.324 ha vùng nước lợ từ thị trấn Thanh Phú trở lên giáp với huyện Mỏ Cày [3].

Người dân nơi đây chủ yếu là nuôi đơn lẻ, chưa áp dụng thành tựu KH – KT vào chăn nuôi cũng như công tác quản lý dịch bệnh và nguồn thức ăn cho tôm, giá cả phụ thuộc vào thương lái, không khai thác toàn bộ tiềm năng, thế mạnh tự nhiên mang lại để phát triển con tôm ảnh hưởng đến kinh tế.

Qua quan sát và tìm hiểu thực tế, trước đây chưa ai nghiên cứu về mô hình nuôi tôm công nghiệp tại huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre nên mô hình nuôi tôm công nghiệp nơi đây không khai thác hết thế mạnh của vùng. Trên cơ sở đó, kết hợp với kiến thức chuyên ngành Địa Lí chúng tôi đã nghiên cứu đề ra những giải pháp để nuôi tôm công

nghiệp nơi đây có hiệu quả nhất, nâng cao chất lượng con tôm, quản lý tốt dịch bệnh cũng như nguồn thức ăn, giá cả, hỗ trợ người dân về kỹ thuật nuôi tôm công nghiệp, khai thác được toàn bộ tiềm năng, thế mạnh của huyện phát triển kinh tế nơi đây một cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh những giải pháp chúng tôi đề ra, cần phát huy các buổi tọa đàm, hỗ trợ kỹ thuật chuyển giao công nghệ cho người dân, cũng như hỗ trợ nguồn vốn, phát triển các mô hình hợp tác, liên kết các hộ nuôi, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ lại thành Tổ hợp tác, Hợp tác xã, tập trung các đầu mối liên kết với các doanh nghiệp cung cấp vật tư đầu vào và thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị, giảm bớt các khâu trung gian.

2. Thực trạng nuôi tôm công nghiệp tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre

2.1. Thực trạng nuôi tôm công nghiệp tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre

Năm 2013, dù trong điều kiện diễn biến bất lợi của thời tiết nhưng tình hình nuôi tôm thủy sản trên địa bàn huyện Thạnh Phú diễn ra khá thuận lợi. Toàn huyện đã thả nuôi thủy sản các loại trên diện tích 16.771 ha, đạt sản lượng 24.000 tấn [3].

Diện tích nuôi ngoài vùng quy hoạch trên địa bàn huyện là 353,8 ha; trong đó, có 35,46 ha trong vùng ngọt hóa, 299,56 ha ngoài đê bao, 18,78 ha trên đất giồng cát. Đồng thời, người dân đã sử dụng nguồn nước ngầm để phục vụ cho việc nuôi tôm. Và hiện nay, các hộ nuôi cho rằng diện tích mà họ sử dụng để nuôi thủy sản nước mặn, lợ là diện tích đất sử dụng kém hiệu quả (đất bìa chèo, đất lá). Mặt khác, một yếu tố khách quan là Dự án Ngọt hóa 418 chưa được khép kín (cống Giồng Luông, cống Cái Quao chưa được đầu tư) tình hình xâm nhập mặn sâu và lâu nên năng suất cây trồng không mang lại hiệu quả cao, cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến người dân nuôi thủy sản không theo đúng quy hoạch. [3]

Hình 2.1: Nuôi tôm ngoài vùng quy hoạch

Hiện UBND huyện Thạnh Phú đã chỉ đạo cho các ngành, đoàn thể tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về nuôi thủy sản theo



đúng quy hoạch; vận động các hộ dân nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ ngoài vùng quy hoạch và trên đất giồng cát chuyển sang hình thức nuôi thủy sản nước ngọt (tôm càng xanh, cá lóc, cá rô...); đồng thời, chỉ đạo cho ngành chức năng xử lý nghiêm các

hộ vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường..

2.2. Đánh giá chung về thực trạng nuôi tôm công nghiệp tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre

Qua tìm hiểu thực trạng chúng tôi thấy rằng:

Theo chúng tôi việc nuôi tôm ở huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre còn khá rời rạc, chưa đúng vùng chuyên canh ảnh hưởng đến môi trường cũng như chất lượng của sản phẩm.

Trong năm 2017, tình hình nuôi thủy sản chuyên canh nước mặn, nước lợ - đặc biệt là mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng ngoài vùng quy hoạch và trên đất giồng cát diễn biến phức tạp, với diện tích khá lớn (dù ngành chức năng huyện đã tiến hành nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động, xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật). Theo phân tích của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng NN&PTNT) huyện Thạnh Phú, nguyên nhân dẫn đến tình trạng nuôi tôm bộc phát, ngoài vùng quy hoạch chủ yếu gồm: do tình hình triều cường, xâm nhập mặn diễn biến phức tạp và lấn sâu vào nội đồng trong vùng ngọt hóa đã tạo điều kiện cho người dân phát triển mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng; vì lợi nhuận từ nuôi tôm thẻ chân trắng cao hơn so với các hình thức canh tác nông nghiệp khác do thời gian nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng ngắn, khoảng từ 2 đến 2 tháng rưỡi và tôm có khả năng thích nghi độ mặn thấp và phát triển thuận lợi với môi trường nên người dân đã tự ý chặt phá bỏ dừa, mía... trong vùng ngọt hóa và chuyển từ cây hàng năm, cây lâu năm trên đất giồng cát để thực hiện mô hình [3].

3. Giải pháp để phát triển nuôi tôm công nghiệp có hiệu quả tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre

3.1. Về tổ chức và quản lý sản xuất

Cần xây dựng vùng nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao tập trung theo tiêu chuẩn GAP, tạo sản lượng hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước gắn với truy xuất nguồn gốc

Nên cải tiến quy trình nuôi tôm quảng canh, tôm rừng, tôm lúa để nâng cao năng suất, tạo sản phẩm xuất khẩu chất lượng cao và bảo vệ môi trường sinh thái.

Phát triển ngành tôm gắn với thị trường tiêu thụ, nâng cao chất lượng và xây dựng các thương hiệu sản phẩm tôm theo từng đối tượng, phương thức nuôi.

Đầu tư phát triển ngành tôm theo tư duy hệ thống và chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt và là động lực của toàn chuỗi giá trị.

Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ để tạo vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn, tạo đầu mối để liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

Thường xuyên rà soát hoàn chỉnh quy hoạch, công bố quy hoạch đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung phát triển nhanh, mạnh các đối tượng có thị trường tốt, nhân rộng và phát triển mô hình nuôi tôm theo công nghệ cao, nuôi an toàn sinh học, nuôi 2 giai đoạn để nâng cao năng suất, sản lượng và phát triển bền vững

Cần tiếp tục triển khai tốt Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 25/4/2017 về việc thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025; Chương trình phát triển thủy sản tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2021-2030 [3].

Phát triển các mô hình hợp tác, liên kết các hộ nuôi, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ lại thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã để tạo ra các vùng sản xuất nguyên liệu lớn, tập trung làm đầu mối liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, giảm bớt các khâu trung gian.



Hình 3.1. Mô hình nuôi tôm theo hình thức hợp tác xã chuyên canh

Chuyển đổi cơ cấu một số vùng sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả thành vùng nuôi thủy sản chuyên canh, phù hợp với quy hoạch, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

Kiểm tra, kiểm soát hệ thống sản xuất và phân phối con giống, thức ăn, thuốc, hóa chất, vật tư phục vụ ngành tôm trên địa bàn toàn tỉnh, quan trắc môi trường và kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh tại các vùng nuôi tập trung.

3.2. Về khoa học công nghệ và khuyến ngư

Nên phối hợp với các Trường, Viện nghiên cứu tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là các công nghệ mang tính đột phá phù hợp với từng khâu của chuỗi sản xuất vật tư (giống, thức ăn, thuốc, chế phẩm xử lý môi trường, thiết bị), nuôi thương phẩm, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm tôm.

Thường xuyên tổ chức đánh giá, tổng kết các mô hình sản xuất thành công trong thực tiễn như mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, mô hình nuôi tôm trong nhà kín, sử dụng chế phẩm sinh học trong ao tôm nuôi sinh thái,...để phổ biến, tuyên truyền và nhân rộng [4].

Cần ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản trị tiên tiến trên thế giới vào quản lý ngành tôm; áp dụng công nghệ tin học, viễn thám để quản lý môi trường, dịch bệnh và các khâu trong chuỗi sản xuất ở các vùng nuôi tập trung.



Hình 3.2. Chuyển giao kỹ thuật cho người nuôi tôm, đánh giá chất lượng tôm

Củng cố mạng lưới khuyến ngư cơ sở có nghiệp vụ và chuyên môn sâu để hướng dẫn, hỗ trợ người dân ứng dụng khoa học - công nghệ vào nuôi tôm biển; đào tạo cho người lao động trực tiếp sản xuất tại các hộ dân, trang trại, doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản về kỹ thuật nuôi tôm và các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh...

3.3. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Đầu tư hệ thống thủy lợi cho vùng nuôi tôm biển tập trung; ưu tiên thực hiện các Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống kênh cấp, thoát nước đối với các vùng nuôi tôm tập trung.

Đầu tư mở rộng khu sản xuất giống tập trung huyện Thạnh Phú, khuyến khích các doanh nghiệp có uy tín đầu tư sản xuất giống tôm nước lợ có chất lượng tại tỉnh để đáp ứng nhu cầu của người nuôi tôm.

Tiếp tục hướng dẫn người dân đầu tư hoàn chỉnh hệ thống ao nuôi, trại sản xuất giống tôm biển theo đúng quy trình kỹ thuật.

Đầu tư hệ thống điện 3 pha vùng nuôi tôm tập trung, đặc biệt đối với các vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao [4].

3.4. Về phòng chống dịch bệnh

Xây dựng và triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản hàng năm trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao vai trò quản lý, điều hành của Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh thủy sản và Ban chỉ đạo vụ nuôi thủy sản các cấp; nâng cao hiệu quả công tác quản lý môi trường, dịch bệnh.

Tăng cường tuyên truyền vận động người dân không xả chất thải, mầm bệnh chưa qua xử lý theo quy định ra môi trường tự nhiên, đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.



Hình 3.3. Kỹ sư hướng dẫn người dân người dân tôm bị nhiễm EMS/AHPND

3.5. Về cơ chế, chính sách

Chính sách về khoa học công nghệ:

- Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến, thân thiện với môi trường vào sản xuất ở các khâu của chuỗi giá trị tôm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và hợp tác với các cơ quan nghiên cứu công lập để tận dụng cơ sở vật chất, nguồn lực, từ đó đẩy nhanh tiến độ trong nghiên cứu công nghệ phát triển ngành tôm (đặc biệt các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, xây dựng nhà máy chế biến tôm tại tỉnh) [4].

Triển khai và thực hiện tốt các chính sách giao, cho thuê sử dụng đất, mặt nước để nuôi tôm; chính sách về tín dụng.

3.6. Về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành tôm

Sắp xếp, tổ chức, củng cố, nâng cấp và mở rộng hệ thống cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển ngành tôm; có chính sách khuyến khích các cơ sở nghiên cứu.

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức chuyên ngành; đảm bảo quyền lợi của người lao động, có chính sách chăm lo đời sống cho công nhân để công nhân gắn bó làm việc lâu dài cho doanh nghiệp.

Tổ chức tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn trong nuôi tôm thương phẩm để người sản xuất, doanh nghiệp tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật mới.

3.7. Huy động nguồn vốn thực hiện

Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, gắn với nguồn vốn của các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt và đang triển khai để thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung.

Xây dựng chính sách tín dụng phù hợp, đảm bảo người nuôi có đủ vốn sản xuất; huy động và sử dụng tối đa hiệu quả của các nguồn vốn đầu tư, vốn vay lãi suất thấp, vốn vay theo cơ chế ưu đãi, phát huy cao các nguồn nội lực đồng thời tạo mọi điều

kiện để tranh thủ khai thác các yếu tố, nguồn vốn hợp pháp từ bên ngoài (bao gồm vốn của trung ương, quốc tế, vốn của các địa phương...).

Xây dựng kế hoạch bố trí tăng kinh phí ngân sách hàng năm, hỗ trợ, khuyến khích phát triển công nghệ hiện đại, nhất là hỗ trợ các dự án chuyển giao công nghệ tiên tiến.

Xã hội hóa nguồn vốn đầu tư vào phát triển ngành tôm.

Nhu cầu sử dụng vốn ngân sách: xây mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng như kênh cấp thoát nước vùng nuôi tôm, các khu sản xuất giống tập trung, quy hoạch vùng nuôi, lưới điện, giao thông; tăng cường cho công tác khuyến ngư, nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ mới, hỗ trợ đào tạo lao động, xúc tiến thương mại,...

4. Kết luận

Ngành nuôi tôm công nghiệp ở tỉnh Bến Tre nói chung, huyện Thanh Phú nói riêng chưa chuyên canh ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường đặt ra, hiện nay đang khắc phục bằng nhiều giải pháp đặt ra nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Vì vậy, cần đưa nhiều lộ trình một cách cụ thể, rõ ràng, hướng con tôm đến sản xuất bền vững đáp ứng được nhu cầu, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế.

Bên cạnh đó, người dân không sản xuất ồ ạt, nhỏ lẻ, tràn lan,... Cần thực hiện đúng lộ trình, giải pháp đặt ra để con tôm ngày càng cải thiện chất lượng, có sức cạnh tranh trên thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao, tăng nguồn thu nhập.

Qua những giải pháp chúng tôi đề xuất như trên, hi vọng ngành nuôi tôm công nghiệp tại huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre sẽ có những chuyển biến tích cực dự đoán sản lượng tôm sẽ được nâng cao từ 23.000 tấn (2013) có thể tăng lên khoảng 38.000 tấn trong năm 2019 mang giá trị kinh tế cao cho người dân, cũng như đóng góp vào sự phát triển GDP của toàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Khang Việt (2013), *Bí quyết thành công, kỹ thuật nuôi tôm hiệu quả*, Nxb. Tri Thức

[2]. Võ Văn Bé - Lê Ngọc Quân - Võ Quốc Trung (2013), *Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm sú – lúa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội

[3]. Phòng NN&PTNT huyện Thanh Phú

[4]. Cổng thông tin điện tử Bến Tre, <http://www.bentre.gov.vn>, [truy cập ngày: 28/03/2019].

[5]. <https://drtom.vn/quy-trinh-nuoi-tom-su-tham-can.html>, [truy cập ngày: 28/03/2019].

TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI LÀNG HOA SA ĐÉC

SV: Trần Bình Nguyên

Lớp ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: Trên cơ sở tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương, bên cạnh những mặt tích cực mà làng hoa Sa Đéc mang lại thì việc phát triển du lịch tại nơi đây còn rất nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật... Chúng tôi tiến hành phân tích những hạn chế và đề xuất giải pháp như: Nâng cao tư duy cho người dân, cải tạo cơ sở hạ tầng, ... nhằm phát triển du lịch bền vững tại làng hoa Sa Đéc. Hy vọng với đề tài này sẽ góp phần khắc phục những hạn chế để giúp phát triển hợp lý du lịch tại làng hoa Sa Đéc.

Từ khóa: Phát triển du lịch tại làng hoa Sa Đéc, tiềm năng phát triển du lịch làng hoa Sa Đéc.

1. Đặt vấn đề

Tỉnh Đồng Tháp nói chung và Thành Phố Sa Đéc nói riêng được biết đến là nơi cung cấp hoa lớn ở thị trường phía Nam, nhất là đợt cao điểm Tết. Làng hoa Sa Đéc được nhiều nơi biết đến, nơi thu hút nhiều khách du lịch đến tham quan, chụp ảnh,... Ngày nay hoa kiểng được nhiều người ưa chuộng trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Những quốc gia sản xuất và tiêu thụ nhiều hoa kiểng đáng kể đó là Nhật Bản, Hà Lan, Mỹ, Trung Quốc,... Ở Việt Nam, hoa kiểng cũng chiếm một phần khá quan trọng trong đời sống con người, tập trung ở một số tỉnh và thành phố như Đà Lạt, Tây Bắc, Sapa, Bến Tre và một số nơi khác. Đặc biệt phải nói đến là làng hoa Sa Đéc tuy làng hoa không quy mô như những làng hoa khác và du lịch chỉ mới hình thành nhưng đã mang một dáng vẻ hiền hòa đặc trưng cho vùng sông nước miền Tây. Với một thế giới hoa nhiều chủng loại, muôn màu muôn sắc đã làm say đắm biết bao lòng du khách khi lãng du đến đây. Ngoài việc du khách được thỏa thích chụp hình, họ còn có thể tìm hiểu về đặc điểm của những loài hoa mà mình yêu thích.

Trong khoảng thời gian làng hoa Sa Đéc mới hình thành nên du lịch chưa được quan tâm, người dân chỉ tìm hiểu về kỹ thuật ghép, biện pháp cho hoa kiểng phát triển để có nhiều giống hoa kiểng mới. Ngày nay, du lịch đã và đang phát triển, nhận thấy tiềm năng phát triển du lịch của làng hoa Sa Đéc nên tôi muốn nghiên cứu đề tài “*Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch của làng hoa Sa Đéc*”.

2. Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch tại làng hoa Sa Đéc

2.1. Làng hoa Sa Đéc – tiềm năng du lịch cần được đánh thức.

Đồng Tháp, một trong 13 tỉnh và thành phố của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khá phát triển về kinh tế - văn hóa cũng như tiềm năng phát triển về du lịch. Đồng Tháp với những câu ca dao, tục ngữ đã đi vào lòng người một cách tự nhiên, mộc mạc, chân tình mà mỗi người con đất Việt, bảo ai khỏi chạnh lòng khi nghe đến:

“Tháp Mười đẹp nhất bông sen

Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”

Hay

“Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh

Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm

Muốn ăn bông súng mắm kho

Thì vô Đồng Tháp ăn no đã thèm”

Về với Đồng Tháp sông nước mênh mông, xe cộ và thuyền bè tấp nập dọc hai bên kênh rạch, buôn bán trở nên sầm uất. Vùng đất này được nhiều người biết đến bởi những di tích lịch sử văn hóa, điểm du lịch khá nổi tiếng như khu di tích Gò Tháp, khu di tích Xẻo Quýt, Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Vườn quốc gia Tràm Chim, Đồng Sen Tháp Mười...[4]

Đến với Sa Đéc ngoài việc tham quan, tận hưởng bầu không khí trong lành, thưởng thức những món ngon đặc sản như: hủ tiếu Sa Đéc, bánh phồng tôm Sa Giang, cơm hạt sen, nem... Du khách còn ghé thăm di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia nhà cổ Huỳnh Thủy Lê, chùa Kiến An Cung, chùa Kim Huệ

Du khách đến với làng hoa Sa Đéc còn được tiếp xúc, đắm mình trong làng hoa, được cảm nhận một cách trực giác của mình về các loài hoa và cây cảnh, không khí trong lành, tươi mát và nên thơ của hoa mang lại. Làng hoa tạo điều kiện cho họ hiểu biết sâu sắc hơn về hoa, thấy được giá trị của hoa và cây cảnh mang lại đối với đời sống con người. Nhu cầu du lịch nghỉ ngơi tại những khu vực có nhiều cảnh quan thiên nhiên đã kích thích việc tôn tạo, bảo vệ môi trường. [2]

Được biết, Làng hoa Sa Đéc được xem là thủ phủ hoa của toàn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, hàng năm cung ứng hàng chục triệu giỏ hoa cho thị trường các tỉnh và xuất khẩu sang Lào, Campuchia, Đài Loan...Hiện nay, diện tích trồng hoa toàn thành phố khoảng 600ha, với khoảng 3.000 hộ sản xuất. Giá trị sản xuất hoa năm 2017 đạt hơn 1.450 tỷ đồng. [3]

Sa Đéc là làng hoa lớn nhất ở ĐBSCL – “Vương quốc của hoa” với vẻ đẹp của ngàn hoa muôn màu, muôn sắc đã làm say đắm biết bao trái tim du khách. Làng hoa đã được hình thành trên 100 năm, đến nay vẫn còn tồn tại nhưng phát triển chậm chạp của làng hoa về qui mô và chậm chạp trong phát triển du lịch. Vậy nguyên nhân từ đâu? Qua các buổi nghiên cứu, tìm hiểu thực tế địa phương, chúng tôi nhận thấy bên cạnh những mặt tích cực mà du lịch tại làng hoa Sa Đéc đem lại như trên, thì còn rất nhiều bất cập và hạn chế cần nghiên cứu để định hướng giải pháp cho sự phát triển bền vững.

2.2. Thực trạng phát triển du lịch tại làng hoa Sa Đéc

2.2.1. Tư duy làm du lịch

- Phát triển manh mún, tự phát

Hệ thống sản xuất còn lạc hậu chậm cải tiến, mang tính thủ công; thiết bị và công nghệ phần lớn lỗi thời. Người sản xuất hoa kiểng chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, còn thiếu vốn. Chính sách hỗ trợ sản xuất hoa kiểng còn hạn chế. Công nghệ nhân giống và lai tạo giống mới chưa đáp ứng được yêu cầu. Công nghệ bảo quản, đóng gói còn yếu. Cơ sở hạ tầng tuy có được đầu tư nâng cấp nhưng nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Tổ chức sản xuất chưa có sự liên kết chặt chẽ, đặc biệt là vai trò của các hợp tác xã, câu lạc bộ còn hạn chế trong việc hỗ trợ, định hướng và tổ chức thực hiện nên các hộ nông dân còn tự mày mò sản xuất và tự tiêu thụ, có lúc bị tư thương ép giá. Mặt khác, diện tích sản xuất hoa kiểng còn manh mún, mang tính tự phát.

Công tác dự đoán, dự báo về thị trường còn hạn chế từ đó người nông dân chưa chủ động được kế hoạch trồng hoa kiểng. Người dân còn chú trọng nhiều vào sản xuất các loại cây công trình ngắn ngày, chưa quan tâm nhiều đến chất lượng từ đó hiệu quả kinh tế chưa cao. [1]

Việc khai thác sản xuất hoa kiểng kết hợp với tham quan du lịch còn hạn chế. Các hộ sản xuất hoa kiểng đa số nhỏ lẻ, chưa đăng ký giấy phép kinh doanh, chưa thực hiện thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường đối với loại hình sản xuất hoa kiểng. Do đó công tác bảo vệ môi trường khó khăn, chỉ mang tính vận động, tuyên truyền.

- *Không có điểm nhấn*

Làng hoa có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch về cảnh quan, nằm ở trung tâm thành phố vừa thuận lợi giao thông đường thủy cũng như đường bộ và nhiều tiềm năng khác cần khai thác để thu hút du khách tham quan. Nhưng việc bố trí đầu tư cho nó còn chưa được chú trọng. Khi du khách đi đến đây, chúng ta thấy một điều là chỗ nào cũng giống nhau, chủ yếu họ trồng hoa và cây kiểng theo nhu cầu của thị trường mang tính chất tự phát và không có quy hoạch nên không có chỗ nào là đẹp nhất, điểm nhấn để gây ấn tượng trong lòng du khách.

2.2.2. Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật

- Giao thông vận tải

+ Đường giao thông: Làng hoa Sa Đéc tuy nằm ngay trung tâm thành phố nhưng những đoạn đường giao thông chưa được nâng cấp và mở rộng mặt đường vẫn còn nhiều đoạn xấu (hẹp, lượn sóng, ổ gà...). Đường chính của Làng hoa cũng là đường dân sinh với xe cộ tấp nập, thì xe vận chuyển hàng hóa và xe tham quan du lịch lưu thông khó khăn, nhất là vào mùa cao điểm tham quan thường xảy ra ùn tắc giao thông.

+ Via hè: là địa điểm du lịch với lượng khách tham quan đông, nhất là vào những dịp lễ hội hay tết... Nhưng thực tế tại làng hoa, làn đường dành cho người đi bộ, via hè rất nhỏ. Một số nơi rộng được vài mét thì những người buôn bán lại lấn chiếm. Không via hè, người đi bộ đã tràn xuống đường gây cản trở, ùn tắc giao thông, mất mỹ quan và tiềm ẩn nguy hiểm cho du khách khi đi tham quan nơi đây.

Khi phát triển du lịch cần kèm theo phát triển các hoạt động dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, ẩm thực và giải trí. Ở đây hầu như không có những: nhà hàng, khách sạn, khu resort, khu vui chơi, giải trí, khu ẩm thực... Nguồn thu từ những hoạt động dịch vụ sẽ đem lại doanh thu về mặt kinh tế, cải thiện cuộc sống người dân từ đó đảm bảo phát triển bền vững.

2.2.3. Điểm và tour kết hợp với làng hoa Sa Đéc

Sau một ngày làm việc vất vả, tối đến con người cần nghỉ ngơi, thư giãn và giải trí. Ở các điểm trung tâm du lịch ở nhiều nơi, buổi tối là tập trung đông lượng khách du lịch nhất. Tuy nhiên một điều đáng buồn là du lịch của Đồng Tháp chủ yếu gắn liền với thiên nhiên nên họ không chú trọng tổ chức vào buổi tối. Khi tiến hành tổ chức

tuần lễ hoa, lễ hội hoa, đó là điểm nhấn quan trọng cho ngành du lịch, cho địa phương cả một năm, nhưng rất tiếc, chỉ hơn 17 giờ các nhà vườn nơi đây lại đóng cửa. Bên ngoài đường không có đèn nghệ thuật nên buổi tối không thu hút được du khách, làm cho địa điểm du lịch nơi đây đã mất đi phần hấp dẫn.

Ngoài ra chưa chú trọng kết hợp các tuyến tour du lịch xuyên suốt như giữa làng hoa Sa Đéc với "thiên đường quýt" Lai Vung (qua phà Vàm Cống), núi Cẩm, núi Sam Châu Đốc An Giang, hay đến với biển đẹp nên thơ và trữ tình Hà Tiên Kiên Giang...

2.3 Giải pháp phát triển du lịch tại làng hoa Sa Đéc trong thời gian tới

2.3.1. Nâng cao tư duy cho người dân

Tỉnh cần tập trung phát triển du lịch đường thủy trên sông Tiền trên cơ sở liên kết với công ty Du lịch lữ hành ở TP.HCM và các tỉnh ĐBSCL để tổ chức các tour đưa khách về tham quan làng nghề, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

Xây dựng mô hình nhà nghỉ du lịch Home Stay từ việc chọn một vài nhà vườn đủ điều kiện để liên kết với các công ty Du lịch trong và ngoài tỉnh

Tập huấn cho nông dân để trở thành hướng dẫn viên du lịch giới thiệu giá trị văn hoá, nếp sống và làng nghề cho du khách qua đó gián tiếp quảng cáo về làng nghề để thúc đẩy kinh tế đi lên.

Tổ chức cho người dân tại làng nghề tham quan học tập kinh nghiệm một số mô hình phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng ở các tỉnh trong vùng; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về hoạt động du lịch để cho người dân hiểu, biết cách làm du lịch, tiến tới xã hội hóa du lịch.

Đồng thời tăng cường vai trò trách nhiệm của các ngành, các cấp và toàn xã hội trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và hạn chế những tác động tiêu cực làm ảnh hưởng đến môi trường du lịch để du lịch phát triển bền vững. Vận động khôi phục lại thương hiệu “Vườn hồng Tư Tôn” và đăng ký thương hiệu cho làng hoa kiểng Sa Đéc, phát triển một trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học các loài hoa tại làng hoa Sa Đéc là nơi nghiên cứu và tham quan du lịch.

2.3.2. Cải tạo cơ sở hạ tầng

Để du khách không chỉ đến tham quan chụp ảnh, hay mua sắm những sản phẩm từ hoa kiểng nơi đây mang về mà còn có thể tham quan các hoạt động trải nghiệm, vui chơi, mua sắm nơi đây thì chúng ta cần phải xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kĩ thuật để đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách như: Những khu resort, nhà hàng, khách sạn, khu ẩm thực, vui chơi giải trí hay những gian hàng mua sắm quà lưu niệm.

Mở rộng và nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông như đường đi bộ nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại cho du khách. Bên cạnh đó, cần chú trọng đến hệ thống chiếu sáng lắp đặt hệ thống đèn led 2D, 3D nghệ thuật để thu hút khách du lịch có thể tham quan vào buổi tối. Hoặc có thể mở thêm những dịch vụ cho thuê xe đạp đôi để du ngoạn quanh làng hoa cho thân thiện với môi trường.

2.3.3 Xây dựng công trình phục vụ nhu cầu vui chơi, ẩm thực và giải trí của du khách

Việc xây dựng các công trình vui chơi nhằm phục vụ cho mọi người rất quan

trọng. Đối với người lớn ta có thể tổ chức các hoạt động vui chơi, trải nghiệm như: cắm trại, dỡ chà bắt cá, bắt vịt trong ao hay chèo thuyền giăng lưới... mang đậm chất Nam Bộ. Riêng đối với trẻ em, có thể xây dựng tổ chức thêm các hoạt động trò chơi mang đậm chất dân gian như: trò chơi ô ăn quan, nhảy sạp, kéo co, the điều... để các em có thêm những trải nghiệm khi đi du lịch tại nơi này. Ngoài ra, ta còn có thể mở thêm những rạp chiếu phim 3D, 4D... hay những hồ bơi giống như ở Đầm Sen phục vụ cho mọi lứa tuổi, cũng như phục vụ được những nhu cầu của du khách khi đi du lịch tại nơi đây.

Bên cạnh việc tổ chức xây dựng các hoạt động vui chơi thì cần mở thêm các nhà hàng, khu ẩm thực với những món ăn mang đậm chất Nam Bộ như: Cơm hạt sen, cá lóc nướng trui, bánh xèo, chuột chiên sả ớt hay với các món ăn theo mùa gắn liền với Đồng Tháp như cá linh, bông điên điển... Ngoài ra ta cần phải mở thêm các câu lạc bộ như: Đờn ca tài tử hay những câu lạc bộ dành cho những người đam mê trồng hoa kiểng để họ có thể giao lưu trao đổi kinh nghiệm với nhau từ đó có thể nâng cao được năng suất.

Để làm được như vậy cần phải có sự đầu tư của các nhà doanh nghiệp kết hợp với người dân để thu lại lợi nhuận qua các dịch vụ du lịch trên.

2.3.4. Hoạt động du lịch cần diễn ra trong suốt cả năm

Đối với các hoạt động dịch vụ du lịch cần phải diễn ra suốt cả năm thì nó mới nhận được sự đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng như người dân địa phương. Do đặc thù của hoa và cây kiểng chỉ nở rộ vào dịp tết nên để có thể thay thế vào những ngày không có hoa trong năm thì các hoạt động dịch vụ du lịch cần phải diễn ra xuyên suốt để du khách có thể đến tham quan nghỉ dưỡng bất cứ lúc nào rảnh rỗi chứ không phải đợi đến dịp tết hay những dịp lễ hội.

Cùng với những hoạt động du lịch diễn ra quanh năm thì cần tổ chức thêm lễ hội Festival hoa định kỳ mang đặc thù hoa tại nơi này. Thông qua đó ta có thể quảng bá được hình ảnh cũng như thương hiệu của làng hoa Sa Đéc hơn nữa cho du khách trong và ngoài nước biết và đến với làng hoa nhiều hơn.

2.3.5. Tăng cường quảng bá, kết nối với các điểm du lịch khác trong và ngoài tỉnh

Là làng hoa lớn nhất Đồng Bằng Sông Cửu Long thì việc quảng bá hình ảnh của mình ra cho du khách trong và ngoài nước cần được chú trọng và đầy mạnh. Thông qua mạng Internet các phương tiện thông tin đại chúng thì hình ảnh làng hoa Sa Đéc sẽ được mọi người biết đến nhiều hơn.

3. Kết luận

Để phát triển du lịch bền vững nơi đây làng hoa Sa Đéc cần thiết nâng cao tư duy và khả năng làm du lịch của người dân, kết hợp với doanh nghiệp, các ngành các cấp cần phải có chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng quảng bá hình ảnh, phát triển du lịch thường xuyên.

Hy vọng với tiềm năng phát triển du lịch sẵn có của Sa Đéc nói chung và làng hoa Sa Đéc nói riêng. Nếu khắc phục được những hạn chế và có những giải pháp phát triển hợp lý sẽ có thể thu hút khách du lịch “đua nhau” đến với mảnh đất sen hồng, từ

đó đảm bảo phát triển du lịch bền vững nơi đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đông Xuân, *Thành phố Sa Đéc đẩy mạnh du lịch gắn với sản xuất hoa kiểng*, <https://dongthap.gov.vn>, [truy cập ngày: 23/11/2018].

[2]. Nguyễn Văn Mai, *Làng hoa Sa Đéc*, <http://sadec.dongthap.gov.vn>, [truy cập ngày: 02/12/2018].

[3]. Phạm Thị Toán, *Phát triển hoa kiểng kết hợp du lịch, công thông tin điện tử nông nghiệp*, <https://nongnghiep.vn>, [truy cập ngày: 25/02/2019].

[4]. Trúc Nguyễn, *Phát triển làng hoa Sa Đéc gắn với định hướng xây dựng thành phố hoa Sa Đéc*, <http://sadec.dongthap.gov.vn>, [truy cập ngày: 25/11/2018].

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN Ở HUYỆN ĐẢO PHÚ QUỐC

SV: Trương Hồng Thắm

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: TS. Phùng Thái Dương

Tóm tắt: Việt Nam có nhiều tiềm năng về du lịch biển đảo khi sở hữu đường bờ biển dài hơn 3.260 km và hơn 3.000 hòn đảo, với những bờ cát trắng, những hòn đảo nhiệt đới quanh năm tươi tốt. Đảo Phú Quốc, là đảo lớn nhất Việt Nam sở hữu nhiều tiềm năng phát triển du lịch biển cần được đầu tư và phát triển. Trên cơ sở phân tích tiềm năng chúng tôi đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch biển ở huyện đảo Phú Quốc như: giải pháp về quy hoạch du lịch biển; phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất – kỹ thuật; đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, quản bá du lịch biển, phát triển nguồn nhân lực; cơ chế chính sách phát triển du lịch biển; tăng cường giáo dục, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái. Hy vọng rằng bài viết sẽ đưa ra được một số biện pháp nhằm phát huy tối đa tiềm năng du lịch biển của Việt Nam nói chung và Phú Quốc nói riêng.

Tóm tắt: Phát triển du lịch biển, phát triển du lịch biển ở Phú Quốc.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, việc phát triển du lịch đặc biệt là du lịch biển đã và đang phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới. Du lịch biển có tốc độ tăng trưởng mạnh về tỷ trọng trong ngành du lịch ở các quốc gia tiếp giáp biển. Đảo Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan có nhiều tiềm năng để phát triển mạnh ngành du lịch biển. Với những bờ biển đẹp có những bãi cát trắng dài, nước trong xanh, hệ sinh thái biển vô cùng phong phú và đa dạng tạo nên các điểm du lịch lặn. Nơi đây còn có nét độc đáo so với những khu vực khác, với nghề truyền thống của cư dân ở đây, nghề sản xuất loại nước mắm tốt nhất và trên đảo có các trại nuôi trai lấy ngọc, sản xuất tiêu nổi tiếng. Bên cạnh khu rừng nguyên sinh, Phú Quốc là cụm đảo khá lớn, có thỏ nhưỡng phi nhiều, nguồn nước ngọt dồi dào và các bãi tắm đẹp. Đó là những điều kiện để Phú Quốc trở thành một khu quy hoạch phát triển tổng thể du lịch của Việt Nam, đặc biệt là du lịch biển.

Tiềm năng ưu đãi mà thiên nhiên đã ban tặng cho hòn đảo này nên được khai thác một cách có hiệu quả và hợp lý nhằm phát triển du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng, cần phải nhận thấy rõ các tiềm năng sẵn có và định hướng phát triển trong tương lai để đưa Phú Quốc trở thành một trung tâm du lịch biển nổi tiếng không chỉ đối với Việt Nam mà còn trên thế giới.

2. Tiềm năng phát triển du lịch biển ở Phú Quốc

Phú Quốc được mệnh danh là xứ sở của 99 ngọn núi, với địa hình khá phức tạp, bị chia cắt mạnh bởi sông suối và đồi núi, độ cao thấp dần theo hướng từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Các dãy núi thấp dần ra phía biển hình thành các bãi biển, xen kẽ là những đồng bằng hẹp, những bãi cát trắng trải dài như bãi Trường, bãi Dài, bãi Dương Đông,...các chân núi nhô ra bờ biển tạo thành mũi Gành Dầu, mũi Trâu Nầm, mũi Đá Bạc,... Với địa hình đứt gãy, Phú Quốc có những khe suối, thác nước

đẹp như suối Tranh, suối Đá Bàn, suối Tiên,... Tất cả tạo cho Phú Quốc có cảnh quan đa dạng và phong phú là tiềm năng lớn để phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt là du lịch biển.

Nằm lọt sâu trong vịnh Thái Lan, xung quanh được biển bao bọc, Phú Quốc có khí hậu mang tính chất gió mùa điển hình, nóng ẩm quanh năm, ít biến động thất thường. Do tác động của biển, thời tiết ở đây luôn mát mẻ. Nhìn chung, mùa khô là mùa du lịch ở Phú Quốc, du khách đến với Phú Quốc vì thời gian này vì đây là thời điểm có thể tham gia nhiều hoạt động du lịch biển ngoài trời như: lướt sóng, thuyền buồm, lặn biển, tắm biển, tắm nắng, nhảy dù,... Hệ sinh thái của Phú Quốc khá đa dạng và phong phú, tập trung chủ yếu trong các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển trên đảo. Nơi đây có rất nhiều giống cây đặc chủng như: kiền kiền, ôi rừng, sơn huyết,...; các loại động vật quý như: cu li lợn, khỉ đuôi dài, sóc đỏ, trăn gấm, kỳ đà vằn, kỳ đà hoa, đồi mồi, chìa vôi vàng,... Cùng với hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái dưới biển cũng giàu có về trữ lượng và thành phần loài.

Khu bảo tồn biển Phú Quốc gồm khu phía Đông Bắc, Đông Nam đảo Phú Quốc và khu phía Nam quần đảo An Thới. Diện tích mặt nước của khu bảo tồn biển là 26.863,17 ha, trong đó vùng bảo vệ nghiêm ngặt 2.952,45 ha, vùng phục hồi sinh thái rộng 13.592,95 ha, vùng phát triển 10.317,77 ha [1]. Vùng thềm cỏ biển rộng lớn, phía Nam là quần đảo An Thới đây là khu vực có những rạn san hô lớn sinh sống, các rạn san hô ở đây là nơi cư trú và cung cấp nguồn thức ăn dồi dào cho các loài cá sống ở rạn, nơi đây có tới 152 loài cá thuộc 71 giống và 31 họ, trong đó các họ có giá trị kinh tế cao như cá mú 13 loài, cá mó 11 loài, cá dìa 8 loài, 7 loài cá hồng, 8 loài cá đồng. Tảo biển có 98 loài thuộc 51 giống. Động vật thân mềm có 132 loài thuộc ba giống của 35 họ thân mềm sinh sống trong rạn san hô, phổ biến nhất là ốc đụn, ngọc trai, trai tai tượng vẩy. Da gai có 32 loài thuộc 23 giống của 15 họ da gai, trong đó hải sâm là phong phú nhất. Đặc biệt tại vùng biển này ghi nhận có sự xuất hiện của những loài nằm trong danh mục bị đe dọa tuyệt chủng như: Dugong (Bò biển), Rùa biển, Ca heo,... [1].

Ngoài hệ động vật hệ thực vật ở đây rất phong phú hiện đảo có 9 loài cỏ biển sinh sống, phân bố ở phía Đông đảo và một ít ở Bắc và nam đảo với tổng diện tích 10.600 ha. Với sự đa dạng hệ sinh thái động, thực vật sống trong vùng thềm cỏ biển là điều kiện thuận lợi cho tổ chức các hoạt động du lịch biển như: tham quan, lặn biển ngắm san hô, thềm cỏ,...

3. Thực trạng phát triển du lịch ở huyện đảo Phú Quốc

Về loại hình: Phú Quốc mới thực sự quan tâm, đầu tư phát triển du lịch vào những năm cuối thế kỷ XX, song cũng đã hình thành được một số loại hình du lịch biển như: du lịch tắm biển, du lịch thể thao biển, du lịch biển kết hợp nghiên cứu, khám phá... Trong đó, có một số loại hình du lịch mới đưa vào khai thác nhưng đã khẳng định ưu thế vượt trội của mình so với các điểm du lịch khác. Các công ty lữ hành đã có những chiến lược khai thác các loại hình du lịch vốn có, mở rộng thêm các loại hình mới nhằm tạo thêm nhiều điểm du lịch, tuyến du lịch. Song hiệu quả mang lại chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng. Vì vậy, đi đôi với đầu tư nâng cấp xây

dựng cơ sở hạ tầng khai thác tuyến điểm là công tác quảng bá trong và ngoài nước. So sánh giữa tiềm năng và thực trạng khai thác các loại hình du lịch hiện nay, thiết nghĩ du lịch Phú Quốc không chỉ mở rộng thêm một số loại hình du lịch mới như du lịch tham quan thắng cảnh, du lịch hội nghị, hội thảo kết hợp với du lịch biển hoặc nghỉ dưỡng, du lịch tàu biển,... mà cần đầu tư nâng cấp các loại hình vốn có, đi vào chiều sâu khai thác các loại hình du lịch lặn ngắm san hô, du lịch thám hiểm các đảo ven biển, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao. Tất cả các loại hình trên sẽ góp phần tạo nên sự đa dạng các sản phẩm du lịch biển, thúc đẩy du lịch phát triển, đưa Phú Quốc trở thành điểm đến hấp dẫn trong thế kỷ XXI.

Chất lượng phục vụ du lịch biển: Du lịch Phú Quốc đang tiến đến phát triển theo chiều sâu. Các loại hình du lịch đa dạng và phong phú hơn, quy cách phục vụ ngày càng mang tính chuyên nghiệp, từng bước đáp ứng được nhu cầu về điểm đến, hành trình chuyến đi và chất lượng phục vụ ăn, ngủ cũng như các dịch vụ khác. Tuy nhiên, một vài loại hình du lịch chưa khai thác theo chiều sâu như loại hình du lịch lặn biển (chưa tổ chức rộng rãi được cho tất cả các đối tượng có nhu cầu); chất lượng môi trường sinh thái biển đang bị ảnh hưởng bởi sự tác động của hoạt động du lịch; cơ sở lưu trú chưa đồng bộ và thường rơi vào “cháy phòng” vào mùa du lịch.

4. Giải pháp phát triển du lịch biển ở huyện đảo Phú Quốc.

4.1. Giải pháp về quy hoạch du lịch biển

Huyện cần xây dựng quy hoạch chi tiết, cụ thể để phát triển du lịch biển ở các điểm du lịch, bờ biển, bãi biển ven đảo,... làm cơ sở cho các dự án đầu tư, thu hút đầu tư du lịch biển trong và ngoài nước. Đảm bảo phát triển bền vững cho các khu du lịch đó. Quy hoạch du lịch biển bao gồm: Việc khoanh vùng sử dụng đất thích hợp, đánh giá tác động đến môi trường, việc chỉ định các vùng dành cho du lịch biển, đồng thời soạn thảo một số quy tắc cho du lịch biển. Những địa điểm được chỉ định dành cho phát triển du lịch biển đòi hỏi phải có kế hoạch quản lý và có sự tham gia của cộng đồng trong việc phát triển các kế hoạch. Cần liên kết với các nhà khoa học, các nhà môi trường học trong việc bảo tồn và phát triển bền vững.

Quy hoạch xong, cần công khai các quy hoạch. Tổ chức giải đáp thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý nghĩa của dự án để người dân biết, thực hiện và tham gia quản lý. Tập trung đầu tư vốn ngân sách Nhà nước theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở kích thích phát triển du lịch. Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý đầu tư, tạo môi trường thông thoáng về đầu tư phát triển du lịch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và phát triển dịch vụ hỗ trợ để thu hút các nhà đầu tư.

4.2. Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất – kỹ thuật

Để phát triển du lịch Phú Quốc nói chung và du lịch biển nói riêng, giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng, vật chất kỹ thuật cho du lịch là một đòn bẩy rất lớn cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp du lịch trong phát triển đảo. Lập quy hoạch chi tiết các hạng mục hạ tầng giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, bưu chính viễn thông; tranh thủ nguồn vốn trong nước, vốn vay, nguồn vốn các tổ chức, kêu gọi đầu tư hạ tầng cơ sở đẩy nhanh tiến độ xây dựng, có như thế mới làm nền tảng bộ phận cho du lịch.

Đối với hạ tầng giao thông: Quy hoạch, xây dựng nhanh chóng tuyến đường trực

chính Bắc – Nam đảo, tuyến đường ven biển vòng quanh đảo, các tuyến đường chính xương cá nối đường trục chính xuống các bãi biển, các điểm du lịch, khu du lịch để tạo điều kiện du lịch phát triển. Xây dựng hoàn chỉnh sân bay quốc tế, nâng cấp, xây dựng mới các bãi đỗ xe, cảng biển du lịch có trọng tải lớn để có thể tiếp nhận khách nội địa, quốc tế lớn trong thời gian tới [4].

Viễn thông: Đảm bảo xây dựng hệ thống viễn thông, thông tin liên lạc đạt tiêu chuẩn quốc tế và tới các điểm, khu du lịch. Đầu tư nâng cấp phát triển hệ thống hạ tầng xã hội về văn hóa, y tế, giáo dục như các cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và cơ sở giáo dục đào tạo đủ điều kiện tiện nghi phục vụ khách du lịch.

Quy hoạch, đầu tư, nâng cấp xây dựng các cơ sở lưu trú phù hợp với du lịch biển. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhà hàng, bar, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, làm đẹp và dịch vụ khác theo tiêu chuẩn với chất lượng phục vụ cao. Đẩy mạnh việc quản lý hệ thống nhà hàng, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo trình độ nghiệp vụ phục vụ,... Xây dựng hệ thống dịch vụ thông tin, hướng dẫn du lịch, quy định bảo tồn đối với các khu du lịch biển có nhiều hệ sinh thái đa dạng.

4.3. Giải pháp đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị, quảng bá du lịch biển

Quảng bá, xúc tiến du lịch biển để nâng cao hình ảnh đảo ngọc trong mắt bạn bè trong nước và quốc tế, để nhiều du khách biết đến Phú Quốc sẽ thu hút du khách đông hơn, tăng thêm doanh thu du lịch và hiệu quả khai thác các điểm, cụm, tuyến du lịch. Xây dựng chiến lược quảng bá và xúc tiến du lịch, xây dựng các website để giới thiệu hình ảnh Phú Quốc với cả thế giới. Thành lập mạng lưới chi nhánh, văn phòng đại diện về du lịch Phú Quốc tại các tỉnh thành, đặc biệt các vùng du lịch trọng điểm của quốc gia và các điểm đến khác với nhiệm vụ quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường, marketing điểm đến. Thường xuyên duy trì các hoạt động văn hóa, lễ hội, bảo tồn và giữ gìn những giá trị nguyên bản, tránh làm mai một và thay đổi tập tục văn hoá của cư dân bản địa và làm mất đi tính hấp dẫn của sản phẩm du lịch. Xây dựng các sản phẩm du lịch cao cấp có giá trị về mặt thương mại như ngọc trai, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ gắn với biển [3].

4.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch biển

Rà soát, thống kê trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nguồn lao động du lịch để có hướng đào tạo, bồi dưỡng thêm chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu phát triển thời gian tới. Cần xây dựng và có kế hoạch triển khai cụ thể chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng những yêu cầu của ngành trong hiện tại và tương lai về cơ cấu, chất lượng và số lượng. Từng bước chuyên nghiệp hoá đội ngũ cán bộ quản lý và các nhân viên phục vụ, đảm bảo trình độ và số lượng lao động cho mỗi điểm du lịch. Ưu tiên đào tạo những lao động địa phương thành những hướng dẫn viên du lịch biển chuyên nghiệp. Thường xuyên mở các lớp tập huấn ngắn hạn về nghiệp vụ du lịch, cho đội ngũ cán bộ và nhân viên phục vụ nhằm từng bước nâng cao tay nghề cho lao động trong hoạt động du lịch tại địa phương.

4.5. Giải pháp về cơ chế chính sách cho du lịch biển

Áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư vào du lịch biển bằng nhiều hình thức như: hỗ trợ vay vốn, giảm tỉ lệ lãi suất, hỗ trợ tiếp thị quảng bá, hỗ trợ trong công tác di dời

giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ điều tra quan trắc môi trường,... Quản lý nghiêm ngặt công tác quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc và thi công hạng mục công trình. Ban hành các tiêu chuẩn, các nguyên tắc hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch biển để đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng chung của môi trường. Xử lý chất thải và xây dựng các tiện ích dân sinh. Ban hành tiêu chí phân loại và bình chọn giấy chứng nhận chất lượng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch biển có chất lượng cao.

4.6. Giải pháp tăng cường giáo dục, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái

Môi trường sinh thái biển chính là không gian cho phát triển du lịch biển. Bảo vệ môi trường và hệ sinh thái chính là giải pháp tất yếu để hướng tới sự phát triển du lịch biển lâu dài. Để thực hiện tốt công tác này đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ của các nhà quản lý, nhà đầu tư, cộng đồng địa phương và cả khách du lịch.

Thường xuyên lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của tất cả các dự án triển khai trong khu vực quy hoạch phát triển du lịch biển của huyện. Thành lập đội chuyên trách môi trường để làm nhiệm vụ thu gom rác thải tại các khu du lịch biển. Trong khi chưa xây dựng được hệ thống xử lý nước thải tập trung, các dự án đầu tư phát triển du lịch phải thiết kế xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải nội bộ đảm bảo nước sau khi thải ra môi trường phải đạt chất lượng theo quy định của tiêu chuẩn nước thải. Tuyên truyền rộng rãi cho mọi tầng lớp xã hội về công tác bảo vệ môi trường khi tham gia hoạt động du lịch biển thông qua các sơ đồ, bảng vẽ, tờ rơi, thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng. Quy định những đóng góp cụ thể về tài chính, giáo dục, xử lý môi trường. Tổ chức phân loại rác thải và tiến hành thu gom rác thải theo đúng quy định; xử lý nước thải nhằm tiết kiệm nước và không gây ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện cho khách du lịch tham gia vào những hoạt động bảo tồn môi trường với người dân địa phương.

Gần đây một phong trào “hot” của giới trẻ đã được du nhập vào Việt Nam là thử thách dọn sạch rác ở một khu vực đang thu hút rất nhiều người trẻ tham gia. Việc làm này cần được tuyên truyền và nhân rộng để mọi người thấy được việc dọn rác mang lại rất nhiều lợi ích, vừa làm sạch môi trường, vừa nâng cao ý thức người dân và tạo ra được một khoảng đất trống phục vụ việc vui chơi, giải trí cho mọi người.

5. Kết luận

Du lịch biển là loại hình được nhiều quốc gia tiếp giáp biển, có nhiều đảo và quần đảo chú ý phát triển hiện nay, đó cũng là mục tiêu “đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng của nhu cầu du lịch tương lai”. Phú Quốc có tiềm năng lớn để phát triển loại hình du lịch biển. Tuy nhiên, so với tiềm năng và những thuận lợi có được thì du lịch và du lịch biển Phú Quốc phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, vì vậy để khai thác tiềm năng du lịch biển có hiệu quả cần có những biện pháp, chính sách để đầu tư phát triển có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bùi Thị Hải Yến - Phạm Hồng Long (2011), *Tài nguyên du lịch*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

[2]. Phạm Hoàng Hộ (1985), *Thực vật ở đảo Phú Quốc*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

[3]. Quyết định phê duyệt của TTg chính phủ, (số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011), *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, <http://www.thuvienphapluat.vn/>, [truy cập ngày: 03/01/2019].

[4]. Quyết định 14/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 04/01/2004, “*Quy hoạch phát triển giao thông bền vững đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, <http://www.thuvienphapluat.vn/>, [truy cập ngày: 03/01/2019].

[5]. <http://phuquocnews.vn/>).

TỔ CHỨC TRÒ CHƠI TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

SV: Lương Vĩnh Hiếu

Lớp: ĐHSĐỊA 15A

GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân

Tóm tắt: Tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học tích cực quan trọng trong quá trình giảng dạy môn địa lý. Ngành giáo dục của chúng ta luôn đổi mới và phương pháp dạy học tích cực là điều cần thiết khi giảng dạy. Tổ chức trò chơi trong dạy học địa lý có tác dụng rất lớn trong việc phát huy tính tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo hoạt động học tập của học sinh đặc biệt đối với học sinh lớp 10 trung học phổ thông. Để trở thành người giáo viên trong sự nghiệp đổi mới giáo dục, sinh viên ngành sư phạm địa lý không chỉ có kiến thức vững vàng, mà áp dụng phương pháp dạy học nhằm tạo hứng thú cho học sinh cũng là một việc làm hết sức cần thiết. Với việc thiết kế và tổ chức các trò chơi trong chương trình địa lý lớp 10 trung học phổ thông sẽ giúp các bạn sinh viên sư phạm địa lý có thể áp dụng để tổ chức trò chơi nâng cao năng lực học sinh và góp phần vào việc đổi mới phương pháp dạy hiện nay.

Từ khóa: Dạy học địa lý, đổi mới giáo dục, lớp 10, thiết kế và tổ chức trò chơi.

1. Đặt vấn đề

Phương pháp giảng dạy là yếu tố quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo. Một phương pháp giảng dạy khoa học, phù hợp sẽ tạo điều kiện để giáo viên, và người học phát huy hết khả năng của mình trong việc truyền đạt, lĩnh hội kiến thức và phát triển tư duy. Một phương pháp giảng dạy khoa học sẽ làm thay đổi vai trò của người thầy đồng thời tạo nên sự hứng thú, say mê và sáng tạo của người học.

Làm thế nào để đạt hiệu quả cao trong việc giảng dạy? Đó là câu hỏi mà tất cả các thầy cô đang đi tìm câu trả lời. Bởi là một giáo viên thì ai cũng mong muốn truyền dạy hết kiến thức cho các em học sinh và khiến các em cảm thấy yêu thích môn học của mình. Hầu hết các em học sinh đều coi nhẹ môn địa lý, chỉ số ít các em có năng khiếu và có tình yêu với địa lý mới có hứng thú và chăm chỉ trong tiết học. Vì thế, để môn địa lý thật sự là môn học thú vị, các thầy cô cần áp dụng phương pháp dạy học tích cực bằng các hình thức dạy học khác nhau. Sử dụng phương pháp dạy học bằng cách tổ chức trò chơi đã được chọn để nhằm “phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động tư duy sáng tạo của người học” và kích thích hứng thú và tạo tâm lý thoải mái, giảm bớt nhàm chán, đặc biệt hơn là rèn luyện các kỹ năng mềm cũng như tạo điều kiện cho các em học sinh bộc lộ hết khả năng của mình trong quá trình học tập môn địa lý.

2. Nội dung

2.1. Các vấn đề chung

2.1.1. Quan niệm về trò chơi

Phương pháp dạy học sử dụng trò chơi là dạy học thông qua việc tổ chức hoạt động cho học sinh. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh được hoạt động bằng cách tự chơi trò chơi trong đó mục đích của trò chơi để thể hiện mục tiêu của bài học. Luật chơi, cách chơi thể hiện nội dung và phương pháp học tập.

2.1.2. Quan niệm về trò chơi địa lý

Trò chơi trong dạy học địa lý là trò chơi học tập, có tác dụng mở rộng và củng cố hiểu biết kiến thức, rèn luyện các kỹ năng địa lý của học sinh. Ngoài ra, trò chơi trong dạy học địa lý còn có vai trò tạo hứng thú học tập, niềm vui và tình cảm của học sinh được nâng cao. Và đối với các em học sinh, môn địa lý trở nên sinh động, gần gũi, thiết thực hơn.

2.1.3. Tác dụng của việc sử dụng trò chơi trong dạy học địa lý

- Mở rộng nâng cao hiểu biết địa lý và khả năng hoạt động cá nhân cũng như tập thể của học sinh.

- Kích thích tính tò mò, hứng thú, tạo động lực học tập cho học sinh.

- Giúp học sinh nắm chắc kiến thức và hiểu bài nhanh hơn.

- Phát huy tính sáng tạo, tinh thần tự lập, làm việc tập thể, khả năng tư duy và tính đoàn kết cho học sinh.

2.1.4. Nguyên tắc thực hiện khi thực hiện trò chơi trong dạy học địa lý

Để có một trò chơi bổ ích và mang đúng tính chất học tập, cần hội đủ 3 yếu tố sau:

- Xây dựng bầu không khí vui tươi, năng động, thu hút tất cả học sinh tham gia.

- Rèn luyện các kỹ năng mềm, tính đoàn kết, tính kỉ luật, tính trung thực cho học sinh.

- Từ trò chơi giáo dục bài học phù hợp cho học sinh.

Để thực hiện trò chơi trong dạy học địa lý cần phải chú ý các nguyên tắc sau:

- Trò chơi phải phù hợp với lứa tuổi, tâm lý cũng như điều kiện vật chất và không gian, thời gian của học sinh.

- Trò chơi phải có nội dung là địa lý và có mở rộng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho học sinh.

- Trò chơi dù là mang tính tự nguyện nhưng phải đề cao tinh thần kỉ luật và ý thức của học sinh.

2.1.4. Đặc trưng và hình thức của trò chơi

2.1.4.1. Đặc trưng

- Nội dung trò chơi phải nằm trong chương trình địa lý lớp 10 THPT, có mở rộng, củng cố và vận dụng kiến thức địa lý bậc THPT, phải có tác dụng gây hứng thú học tập, kích thích tinh thần học tập và phát huy năng lực chuyên biệt của học sinh.

- Trò chơi địa lý phải mang đầy đủ các tính chất của trò chơi thông thường, đó là: có luật chơi, hình thức chơi, có sự thi đua và gây hứng thú giữa các cá nhân, các nhóm, các lớp học sinh.

2.1.4.2. Hình thức

- Hình thức trò chơi rất đa dạng, phong phú. Tùy vào quy mô, đối tượng học sinh, điều kiện cơ sở vật chất mà chúng ta có thể tổ chức được những trò chơi phù hợp với học sinh.

- Trò chơi với quy mô nhỏ: chúng ta có thể tổ chức trò chơi mang tính cá nhân, nhóm nhỏ 5-10 học sinh trong một lượt chơi như: Ai nhanh hơn, đối đáp, giải ô chữ, nối cột, liệt kê,..... Đây là những trò chơi giáo viên có thể tổ chức trong lớp học,

thời gian thực hiện ngắn, trong vài phút củng cố bài, trong những tiết học ôn tập.

- Trò chơi với quy mô lớn: Có thể tổ chức những trò chơi, hoạt động ngoại khóa có quy mô lớn như: Lễ hội văn hóa, tôi là ai, trình diễn trang phục, ca hát, múa.....Đây là những hình thức tổ chức trong phòng lớn (hội trường, sân trường) thời gian thực hiện trong buổi hoặc trong ngày.

2.2. Thiết kế và tổ chức trò chơi trong dạy học địa lý lớp 10 trung học phổ thông

2.2.1. Quy trình tổ chức trò chơi

- Bước 1: Xác định mục đích, yêu cầu của trò chơi
- Bước 2: Lập kế hoạch cụ thể (ban tổ chức, chủ đề, thời gian, địa điểm, đối tượng tham gia, hình thức hoạt động, cơ cấu giải thưởng, tiêu chí đánh giá,..)
- Bước 3: Giới thiệu tên trò chơi.
- Bước 4: Giới thiệu luật chơi.
- Bước 5: Qui định thời gian chơi và học sinh tiến hành chơi.
- Bước 5: Nhận xét, đánh giá kết quả chơi.

2.2.2. Nguyên tắc tổ chức trò chơi trong quá trình dạy học Địa lý

- Mỗi trò chơi phải củng cố được một nội dung của bài học cụ thể trong chương trình địa lý lớp 10 (có thể là kiến thức cần kiểm tra bài cũ, kiến thức bài mới, kiến thức thực hành, luyện tập...)

- Các trò chơi được xây dựng từ các dạng bài tập có chọn lọc, nhưng có thể mang những cái tên hấp dẫn, gây hứng thú, góp phần hình thành, củng cố hoặc hệ thống kiến thức.

- Các trò chơi phải giúp học sinh rèn luyện kỹ năng phán đoán, phát huy trí tuệ, óc phân tích, tư duy sáng tạo, thể hiện được tài năng, tăng cường tính đoàn kết trong tập thể.

- Trò chơi phải phù hợp với quỹ thời gian (sử dụng trong giờ học từ 5 đến 10 phút, hoặc ngoài trời áp dụng cho 1 tiết học), thích hợp với môi trường học tập.

- Trò chơi có sức hấp dẫn, thu hút được sự chú ý, tham gia của học sinh, tạo không khí vui vẻ, thoải mái.

- Tổ chức trò chơi không quá cầu kỳ, phức tạp.

2.2.3. Một số yêu cầu khi thực hiện trò chơi

- Trò chơi địa lý tuy hấp dẫn, dễ thực hiện, hình thức chơi đa dạng, phong phú và tính thu hút cao nhưng vẫn có hạn chế. Do đó, khi tổ chức trò chơi địa lý, giáo viên cần lưu ý những điểm sau:

- Giáo viên phải có sự chuẩn bị tốt về nội dung (câu hỏi, hình thức, phương pháp), phương tiện, dụng cụ, phần thưởng.

- Tránh lạm dụng trò chơi, dễ gây nhàm chán. Giáo viên phải luôn sáng tạo, cải biên trò chơi phù hợp với lứa tuổi, tâm lý, trình độ các em để tạo sự cuốn hút.

- Sau mỗi trò chơi giáo viên phải nhận xét, tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm cho trò chơi sau.

2.2.4. Các loại hình trò chơi

2.2.4.1. Trò chơi tổ chức trong phòng học

- Ở nhóm trò chơi này, không gian để tổ chức trò chơi là trong phòng học, gắn liền với tiết dạy 45 phút.

- Hình thức trò chơi gồm có: theo cả lớp, theo nhóm, theo cặp đôi hay theo cá nhân. Có thể sử dụng công nghệ thông tin, các phương tiện trực quan hay các sơ đồ, mô hình,.. mà giáo viên đã chuẩn bị sẵn (hoặc giao cho học sinh chuẩn bị).

- Các trò chơi có thể dưới dạng các câu hỏi, nhiệm vụ của giáo viên chủ yếu là đọc câu hỏi, thông qua câu trả lời của người học, giáo viên sẽ là người công bố đáp án, hình thức hỏi - đáp giúp các em tái hiện hoặc củng cố thêm kiến thức. Hoặc có thể dưới dạng gợi ý, tam sao thất bản, từ khóa, hiểu ý đồng đội... Điều cần lưu ý, giáo viên phải là người linh hoạt trong việc dùng ngôn ngữ, động tác cơ thể hoặc di chuyển liên tục nhằm thu hút sự chú ý của học sinh, tạo bầu không khí sinh động cho tiết học.

- Các trò chơi sử dụng phương tiện trực quan. Các phương tiện trực quan trong môn địa lý phổ biến là tranh ảnh, bản đồ, video, sơ đồ, mô hình,... Với các phương tiện nhìn thấy bằng mắt này, giáo viên phải kết hợp dùng lời để mô tả, yêu cầu học sinh quan sát, nghiên cứu, ghi chép và trả lời nhằm tái hiện kiến thức, đánh giá, phân biệt, giải thích các vấn đề địa lý. Tùy theo bài học, đối tượng và mục đích của giáo viên mà phương tiện trực quan có thể sử dụng ở mức độ thời lượng sao cho hiệu quả và đảm bảo phát triển kỹ năng cho các em.

- Các trò chơi sử dụng công nghệ thông tin. Được thực hiện trên máy tính có kết nối mạng, công bằng về mặt thời gian và khuyến khích thông qua điểm thưởng, các trò chơi có thể dưới dạng ô chữ, giải mã từ khóa, nhìn hình đoán chữ,...

2.2.4.2. Trò chơi tổ chức ngoài trời

- Các trò chơi tổ chức ngoài trời trong môn địa lý lớp 10 trung học phổ thông thường được tổ chức khi gắn liền với bài học về bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên. Các dạng trò chơi thường nâng cao tinh thần đoàn kết, làm việc tập thể và phát huy tính năng động, hình thành các kỹ năng cần thiết cho học sinh.

- Khi tổ chức trò chơi ngoài trời cần lưu ý việc quản lý các em học sinh, chuẩn bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ sử dụng trong trò chơi. Cần chú ý về thời gian và không gian tổ chức.

2.2.5. Các trò chơi minh họa

2.2.5.1. Trò chơi tổ chức trong lớp học

Trò chơi “Tôi là ai” – Bài 32 (tiếp theo): Địa lý các ngành công nghiệp

Thê lệ: Lớp học được chia thành các đội chơi. Một đội 10-12 học sinh đứng thành vòng tròn. Đội cử 1 học sinh đứng giữa vòng tròn bị bịt mắt, trên tay cầm mảnh giấy là từ khóa tên của một sản phẩm của ngành công nghiệp điện tử - tin học, hàng tiêu dùng và công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm... Tất cả các thành viên trong đội được đọc tên này, hỗ trợ bạn mình giải đáp từ khóa.

Thời gian: 30 giây/1 từ khóa/10 từ khóa-1 đội.

Luật chơi: Để biết được từ khóa của mình là gì. Bạn bị bịt mắt sẽ đặt các câu hỏi dạng “đúng,sai” để các bạn của mình trả lời và từ đó suy ra từ khóa. Trả lời đúng từ khóa trong thời gian quy định sẽ được 10 điểm.

Ví dụ:

Từ khóa là “máy tính”

Bạn bị bịt mắt sẽ đặt các câu hỏi như:

Điện tử tin học đúng không? Các bạn sẽ trả lời “đúng”

Sử dụng hàng ngày đúng không? Các bạn sẽ trả lời “đúng”

Đề nghe, gọi đúng không? Các bạn sẽ trả lời “sai”

Đề lên facebook, youtube đúng không? Các bạn sẽ trả lời “đúng”

Kết quả: Đội chơi nào có số điểm cao nhất sẽ giành chiến thắng.

Ý nghĩa: Củng cố lại bài học, giúp học sinh ghi nhớ tốt hơn các sản phẩm của các ngành công nghiệp.

2.2.5.2. Trò chơi tổ chức ngoài trời

Trò chơi “Tôi ở đâu” – Bài 41: Môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Thẻ lậ: Cả lớp được phát 1 tờ giấy A4 và các bạn viết vào đó 1 loại tài nguyên mà các bạn thích, ví dụ: than đá, gió, mặt trời, kim cương, nước,.. (có thể trùng ý với nhau.

Thời gian: 5 phút/ 1 lượt chơi.

Luật chơi: Chọn 3 thành viên bất kì trong lớp, mỗi em cầm trên tay bảng con có ghi rõ “Tài nguyên phục hồi” “Tài nguyên không phục hồi” và “Tài nguyên vô tận” đứng ở 3 phía khác nhau.

Các bạn còn lại xếp thành vòng tròn, giáo viên cho hát một bài hát và các bạn phải chuyển tay mảnh giấy của mình cho người khác theo thứ tự từ trái qua phải.

Khi dừng bài hát, các bạn xem mảnh giấy của mình là loại tài nguyên nào và xác định chạy đến 3 bạn mang 3 bảng con kia trong thời gian 10 giây.

Giáo viên hỏi ngẫu nhiên một số bạn, giải thích tại sao lại chọn đó là dạng tài nguyên này.

Kết quả: Giáo viên xác định kết quả, phát quà cho những bạn đúng và hình phạt cho những bạn chưa đúng.

Ý nghĩa: Củng cố kiến thức học trên lớp và giáo dục học sinh về một số vấn đề của tài nguyên thiên nhiên.

3. Kết luận

Dựa trên việc xây dựng cơ sở lý luận và một số yêu cầu khi tổ chức trò chơi trong giảng dạy, tác giả đã phân loại và tiến hành thiết kế một số trò chơi. Từ các trò chơi áp dụng vào các bài học địa lý lớp 10 THPT cụ thể, ngoài ra, đưa ra các biện pháp nhằm tổ chức trò chơi một cách hiệu quả.

Tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị mang tính chất cá nhân đối với các cá nhân và tập thể để góp phần đổi mới sự nghiệp giáo dục trong trường THPT nói chung và đổi mới giáo dục trong dạy học môn địa lý nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đặng Văn Đức - Nguyễn Thị Thu Hằng (2004), *Phương pháp dạy học địa lý theo hướng tích cực*, Nxb. Đại học sư phạm.

[2]. Huỳnh Toàn (2010), *270 trò chơi sinh hoạt vòng tròn*. Nxb. Trẻ.

[3]. Lê Thông - Trần Trọng Hà - Nguyễn Minh Tuệ - Nguyễn Trọng Hiếu - Phạm Thu Phương - Đỗ Ngọc Tiến - Nguyễn Việt Thịnh (2006), *Địa lí 10. SGK*, Nxb. Giáo dục.

[4]. Lê Thị Hiền, *Tổ chức trò chơi trong dạy học Địa Lí 12 ban cơ bản – THPT*

[5]. <https://tailieumienphi.vn/doc/sang-kien-kinh-nghiem-to-chuc-tro-choi-trong-day-va-hoc-dia-ly-o-truong-thpt-nfcauq.html>, [truy cập ngày: 10/12/2018].

[6]. <https://giaoducthoidai.vn/trao-doi/day-hoc-dia-ly-qua-cac-tro-choi-3373344.html>, [truy cập ngày: 10/12/2018].

GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG VẼ VÀ NHẬN XÉT BIỂU ĐỒ CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV: Trần Thị Cẩm Thu

Lớp: ĐHSĐIA 15A

GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân

Tóm tắt: *Kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ là một kỹ năng quan trọng trong suốt quá trình học tập và giảng dạy môn Địa lý. Cùng với việc đổi mới hình thức thi THPT quốc gia từ tự luận sang trắc nghiệm, kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ ngày càng trở nên quan trọng hơn đối với môn Địa lý. Để trở thành người giáo viên có thể đáp ứng được sự nghiệp đổi mới trong tương lai, sinh viên ngành Địa lý phải có nghiệp vụ tốt, kiến thức vững vàng, đặc biệt phải thuần thục kỹ năng này. Tuy nhiên, qua nghiên cứu đối với các bạn sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường đại học Đồng Tháp cho thấy các bạn còn mắc các lỗi khi vẽ và nhận xét biểu đồ. Với một giải pháp cụ thể liên quan đến hoạt động tự học của sinh viên và hoạt động đào tạo của nhà trường sẽ giúp cho các bạn sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường đại học Đồng Tháp có thể rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng vẽ và nhận xét biểu đồ của mình, góp phần đáp ứng công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.*

Từ khóa: *Biểu đồ, rèn luyện kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ, giải pháp nâng cao kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ.*

1. Đặt vấn đề

Thời gian gần đây việc đổi mới hình thức thi THPT quốc gia từ trắc nghiệm sang tự luận đã khiến nhiều bạn thí sinh gặp nhiều khó khăn khi làm bài, trong đó có môn Địa lý. Để đáp ứng nhu cầu đổi mới hiện nay thì các giáo sinh và giáo viên Địa lý cần nắm vững các kỹ năng chuyên môn của mình, để có thể giúp các em vượt qua những khó khăn đó. Một trong các kỹ năng cần nắm vững để có thể rèn luyện cho các em đó là kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ. Bởi vì, đó là một kỹ năng luôn hình thành và phát triển trong quá trình học tập và giảng dạy môn Địa lý. Đặc biệt, nó luôn gắn với phần Địa lý kinh tế - xã hội một phần to lớn trong môn Địa lý. Tuy nhiên theo sự nghiên cứu của tôi với 36 bạn sinh viên tại lớp ĐHSĐIA15A của trường đại học Đồng Tháp cho thấy, đa số các bạn sinh viên trong lớp đều cho rằng kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ rất quan trọng. Nhưng các bạn còn mắc các lỗi trong quá trình vẽ và nhận xét biểu đồ như: nhầm lẫn giữa các biểu đồ, đặt, nhận xét và giải thích chưa tốt, các công thức chuyển đổi chưa nắm kỹ,... Trước tình hình đó tôi quyết định làm nghiên cứu với đề tài: “ Giải pháp nâng cao kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ cho sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường đại học Đồng Tháp” với hy vọng đưa ra một số giải pháp liên quan đến hoạt động đào tạo của nhà trường, sự tự học của bản thân sinh viên. Để giúp các bạn sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường đại học Đồng Tháp có thể tham khảo để rèn luyện nâng cao kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ của mình, góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình học tập và giảng dạy môn Địa lý.

2. Nội dung

2.1. Các vấn đề chung

2.1.1. Định nghĩa biểu đồ

Biểu đồ là mô hình hóa các số liệu thống kê nhằm giúp người sử dụng nhận biết một cách trực quan đặc trưng về số lượng, một phần về chất lượng hoặc động lực của đối tượng và hiện tượng [1].

Biểu đồ địa lý là hình vẽ cho phép mô tả một cách dễ dàng tiến trình phát triển của các hiện tượng quan về độ lớn của các đại lượng hoặc kết cấu thành phần trong một tổng thể của các đối tượng địa lý [1].

2.1.2. Phân loại biểu đồ

Phân loại biểu đồ: biểu đồ động thái, biểu đồ cơ cấu, biểu đồ so sánh, biểu đồ về mối quan hệ,..

Phân loại theo hình dạng của biểu đồ: biểu đồ hình tròn, biểu đồ hình vuông, biểu đồ hình cột, biểu đồ đường, biểu đồ kết hợp cột đường, biểu đồ miền,..

2.2. Phân tích thực trạng về kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ của sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường đại học Đồng Tháp

Theo sự khảo sát bằng phiếu điều tra câu hỏi liên quan đến kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ đối với 36 SV tại lớp ĐHSĐIA15A ngày 12/3/2018 cho thấy: kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ trở nên quan trọng đối với các bạn sinh viên. Tuy nhiên, qua thực tế thì các bạn còn làm bài một cách “mơ hồ”, không chú ý đến tất cả các dữ liệu đề bài đã cho, lẫn lộn giữa các dạng biểu đồ, chia danh số trên trục tung không đúng, không tuân thủ các công thức khi chuyển đổi, chưa chuyển đổi các đơn vị khi vẽ và nhận xét, chia khoảng cách không đúng, quên chú thích hoặc chú thích không khoa học, nhận xét lủng củng dài dòng không chính xác,...Hoặc các lỗi phổ biến liên quan đến tính thẩm mỹ thường gặp như: những lúc quên đem thước các bạn dùng tay để vẽ, thậm chí vẽ bằng bút mực nên bôi xóa, làm bản không thấy rõ số và ký hiệu trên biểu đồ,...

Nguyên nhân dẫn đến các lỗi trên là do đề bài chứa đựng những thông tin phức tạp khiến người làm bài không thể hiểu được nội dung của đề bài. Người làm bài nhầm lẫn giữa các dữ liệu đã cho, chưa nắm vững kiến thức liên quan đến nhận dạng biểu đồ, các công thức chuyển đổi, cách nhận xét biểu đồ. Thậm chí đặt tên biểu đồ theo ý thích của mình mà không chú ý đến tính chính xác của tên biểu đồ. Đôi khi quên chú thích hoặc chú thích không logic, người làm bài tính toán nhằm kết quả hoặc nhằm phép tính. Phần nhận xét biểu đồ người làm bài nhận xét dài dòng, lẫn lộn giữa tăng và giảm,..

2.3. Giải pháp nâng cao kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ cho sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường đại học Đồng Tháp

2.3.1. Nhóm giải pháp liên quan đến hoạt động tự học của của sinh viên

Bản thân sinh viên phải có hiểu biết về từng loại biểu đồ, các lưu ý khi vẽ và nhận xét biểu đồ:

❖ Biểu đồ tròn

Dấu hiệu nhận biết: Khi đề yêu cầu vẽ biểu đồ mô tả cơ cấu, tỉ lệ các thành phần trong một tổng thể. Để ý xem đề ra cho nhiều thành phần để thể hiện trong một

hoặc hai mốc năm thì phải lựa chọn biểu đồ tròn. Hãy luôn nhớ chọn biểu đồ tròn khi **“ít năm, nhiều thành phần**

Các bước tiến hành

Bước 1 : Xử lí số liệu (Nếu số liệu của đề bài cho là số liệu thô ví dụ như tỉ đồng , triệu người thì ta phải đổi sang số liệu về dạng %).

Bước 2 : Xác định bán kính của hình tròn.

Lưu ý: Bán kính của hình tròn cần phù hợp với khổ giấy để đảm bảo tính trực quan và mỹ thuật cho biểu đồ. Trong trường hợp phải vẽ biểu đồ bằng những hình tròn có bán kính khác nhau thì ta phải tính toán bán kính cho các hình tròn [2].

Bước 3 : Chia hình tròn thành những nan quạt theo đúng tỉ lệ và trật tự của các thành phần có trong đề bài cho.

Lưu ý: toàn bộ hình tròn là 360 độ, tương ứng với tỉ lệ 100% . Như vậy , tỉ lệ 1% ứng với 3,6 độ trên hình tròn. Khi vẽ các nan quạt nên bắt đầu từ tia 12 giờ và lần lượt vẽ theo chiều thuận với chiều quay của kim đồng hồ .Thứ tự các thành phần của các biểu đồ phải giống nhau để tiện cho việc so sánh.

Bước 4 : Hoàn thiện bản đồ (ghi tỉ lệ của các thành phần lên biểu đồ ,tiếp ta sẽ chọn kí hiệu thể hiện trên biểu đồ và lập bảng chú giải, ghi tên biểu đồ).

Các dạng biểu đồ tròn: Biểu đồ tròn đơn, biểu đồ tròn có các bán kính khác nhau, biểu đồ bán tròn (hai nửa hình tròn thường thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu).

Cách nhận xét

Khi chỉ có một vòng tròn: Ta nhận định cơ cấu tổng quát lớn nhất là cái nào, nhì là, ba là... và cho biết tương quan giữa các yếu tố (gấp mấy lần hoặc kém nhau bao nhiêu %). đặc biệt là yếu tố lớn nhất so với tổng thể có vượt xa không?

Lưu ý : Tỷ trọng có thể giảm nhưng số thực nó lại tăng, vì thế cần ghi rõ. Ví dụ: Xét về tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm... không ghi trống kiểu ngành nông nghiệp giảm ... vì như thế là chưa chính xác, có thể bị trừ hay không được cho điểm.

Khi có từ hai vòng tròn trở lên (giới hạn tối đa là ba hình tròn cho một bài): Nhận xét cái chung nhất (nhìn tổng thể): Tăng/giảm như thế nào?. Nhận xét tăng hay giảm trước, nếu có ba vòng trở lên thì thêm liên tục hay không liên tục, tăng (giảm) bao nhiêu? Sau đó mới nhận xét về nhất, nhì, ba... của các yếu tố trong từng năm, nếu giống nhau thì ta gom chung lại cho các năm một lần thôi (không nhắc lại hai, ba lần). Cuối cùng, cho kết luận về mối tương quan giữa các yếu tố.

Giải thích về vấn đề (nếu đề bài yêu cầu).

Ví dụ: Cho bảng số liệu sau:

Năm	1985	1995	2004
Xuất khẩu	39,3	53,5	51,4
Nhập khẩu	60,7	46,5	48,6

Bảng 2.1. Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc (Đơn vị %)

Nguồn: Sách giáo khoa Địa lý 11.

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc là:

- A. biểu đồ tròn
- B. biểu đồ cột
- C. biểu đồ đường
- D. biểu đồ miền

Lời giải:

Dấu hiệu nhận biết: Cơ cấu, mỗi năm hai thành phần, đơn vị %, nên vẽ chúng ta sẽ vẽ biểu đồ tròn. Đáp án A.

❖ **Biểu đồ miền**

Dấu hiệu nhận biết: Trong các trường hợp như biểu đồ tròn nhưng lại biểu hiện cho nhiều năm (4 năm trở lên) thì ta chuyển sang biểu đồ miền.

Dấu hiệu: Nhiều năm, ít thành phần

Các bước tiến hành khi vẽ biểu đồ miền

Bước 1 : Vẽ khung biểu đồ.

Bước 2: Vẽ ranh giới của miền. Lấy năm đầu tiên trên trục tung, phân chia khoảng cách năm theo tỉ lệ tương ứng.

Bước 3 : Hoàn thiện biểu đồ. Ghi số liệu vào đúng vị trí từng miền trong biểu đồ đã vẽ.

Một số dạng biểu đồ miền thường gặp :biểu đồ miền chồng nối tiếp, biểu đồ chồng từ gốc tọa độ.

Lưu ý : Trường hợp bản đồ gồm nhiều miền chồng lên nhau , ta vẽ tuần tự từng miền theo thứ tự từ dưới lên trên .Việc sắp xếp thứ tự của các miền cần lưu ý sao cho có ý nghĩa nhất đồng thời cũng phải tính đến tính trực quan và tính mỹ thuật của biểu đồ .Khoảng cách các năm trên cạnh nằm ngang cần đúng tỉ lệ . Thời điểm năm đầu tiên nằm trên cạnh đứng bên trái của biểu đồ . Nếu số liệu của đề bài cho là số liệu thô (số liệu tuyệt đối) thì trước khi vẽ cần xử lí thành số liệu tinh (số liệu theo tỉ lệ %)

Cách nhận xét: Nhận xét chung toàn bộ bảng số liệu như nhìn nhận, đánh giá xu hướng chung của số liệu. Nhận xét hàng ngang trước như là theo thời gian yếu tố a tăng hay giảm, tăng giảm như thế nào, tăng giảm bao nhiêu? Sau đó đến yếu tố b tăng hay giảm ... yếu tố c (mức chênh lệch). Nhận xét hàng dọc như là nếu tố nào xếp hạng nhất, nhì, ba và có thay đổi thứ hạng hay không?

Tổng kết và giải thích.

❖ **Biểu đồ hình cột**

Dấu hiệu nhận biết: Khi đề bài yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện sự phát triển, so sánh tương quan về độ lớn các đại lượng của các thành phần (hoặc qua mốc thời gian).

Các bước tiến hành khi vẽ biểu đồ hình cột

Bước 1 : Chọn tỉ lệ thích hợp

Bước 2: Kẻ hệ trục vuông góc (trục đứng thể hiện đơn vị của các đại lượng , trục ngang thể hiện các năm hoặc các đối tượng khác nhau)

Bước 3: Tính độ cao của từng cột cho đúng tỉ lệ rồi thể hiện trên giấy

Bước 4: Hoàn thiện bản đồ (ghi các số liệu tương ứng vào các cột tiếp theo vẽ kí hiệu vào cột và lập bản chú giải cuối cùng ta ghi tên biểu đồ)

Một số dạng biểu đồ hình cột thường gặp: biểu đồ cột đơn, biểu đồ cột chồng, biểu đồ cột đơn gộp nhóm (loại này gồm hai loại cột ghép cùng đại lượng và cột ghép khác đại lượng), biểu đồ thanh ngang... [2]

Lưu ý : Các cột chỉ khác nhau về độ cao còn bề ngang của các cột phải bằng nhau. Tùy theo yêu cầu cụ thể mà vẽ khoảng cách các cột bằng nhau hoặc cách nhau theo đúng tỉ lệ thời gian. Cần lưu ý là ở biểu đồ hình cột thì việc thể hiện độ cao của các cột là điều quan trọng hơn cả bởi vì nó cho thấy rõ sự khác biệt vì qui mô số lượng giữa các năm hoặc các đối tượng cần thể hiện. Còn về khoảng cách các năm, nhìn chung cần theo đúng tỉ lệ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp có thể vẽ khoảng cách các cột bằng nhau để đảm bảo tính trực quan và tính thẩm mỹ của biểu đồ.

Cách nhận xét

Trường hợp cột đơn (chỉ có một yếu tố): Đầu tiên xem xét năm đầu và năm cuối của bảng số liệu để trả lời câu hỏi tăng hay giảm? Và tăng giảm bao nhiêu? (lấy số liệu năm cuối trừ cho số liệu năm đầu hay chia cho cũng được). Tiếp tục xem số liệu ở khoảng trong để trả lời tiếp là tăng (hay giảm) liên tục hay không liên tục? (lưu ý năm nào không liên tục). Tiếp theo, nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào nhanh, giai đoạn nào chậm. Nếu không liên tục: Thì năm nào không còn liên tục.

Trường hợp cột đôi, ba (ghép nhóm) ... (có từ hai yếu tố trở lên): Nhận xét xu hướng chung. Nhận xét từng yếu tố một, giống như trường hợp một yếu tố (cột đơn). Kết luận (có thể so sánh, hay tìm yếu tố liên quan giữa hai cột).

Trường hợp cột là các vùng, các nước... Nhìn nhận chung nhất về bảng số liệu nói lên điều gì. Tiếp theo hãy xếp hạng cho các tiêu chí: Cao nhất, thứ nhì... thấp nhất (cần chi tiết). Rồi so sánh giữa cái cao nhất và cái thấp nhất, giữa đồng bằng với đồng bằng, giữa miền núi với miền núi.

Trường hợp cột là lượng mưa (biểu đồ khí hậu): Mưa tập trung vào mùa nào? Hay mưa dàn trải đều trong các tháng. Mùa mưa, mùa khô kéo dài từ tháng nào đến tháng nào. Nếu tổng lượng mưa và đánh giá tổng lượng mưa. Tháng nào mưa nhiều nhất, lượng mưa bao nhiêu mm và tháng nào khô nhất, mưa bao nhiêu? So sánh tháng mưa nhiều nhất và tháng mưa ít nhất. Đánh giá biểu đồ thể hiện vị trí địa điểm thuộc miền khí hậu nào. [1]

Kết luận và giải thích qua về xu hướng của đối tượng.

Ví dụ: Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng cá khai thác của Nhật Bản qua các năm từ 1985 đến 2003.

Bảng 2.2. Sản lượng cá khai thác

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	1985	1990	1995	2000	2001	2003
Sản lượng	11411,4	10356,4	6788,0	4988,2	4712,8	4596,2

Nguồn: Sách giáo khoa Địa Lý lớp 11.

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng cá khai thác của Nhật Bản qua các năm từ 1985 đến 2003 là:

A. biểu đồ tròn

- B. biểu đồ cột
- C. biểu đồ đường
- D. biểu đồ miền

Lời giải:

Dấu hiệu nhận biết: Sản lượng, đơn vị nghìn tấn, nhiều năm 1 thành phần nên chúng ta sẽ vẽ biểu đồ cột đơn. Đáp án B

❖ **Biểu đồ đường (đồ thị)**

Dấu hiệu nhận biết: Khi đề bài yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện sự phát triển, tốc độ tăng trưởng qua các mốc thời gian.

Các bước vẽ biểu đồ đường

Bước 1 : Kẻ hệ trục tọa độ vuông góc (trục đứng thể hiện độ lớn của các đối tượng như số người , sản lượng , tỉ lệ %.. còn trục nằm ngang thể hiện thời gian)

Bước 2 : Xác định tỉ lệ thích hợp ở cả hai trục (chú ý tương quan giữa độ cao của trục đứng và độ dài của trục nằm ngang sao cho biểu đồ đảm bảo được tính trực quan và mỹ thuật).

Bước 3: Căn cứ vào các số liệu của đề bài và tỉ lệ đã xác định để tính toán và đánh giá dấu tọa độ của các điểm mốc trên hai trục . Khi đánh dấu các năm trên trục ngang cần chú ý đến tỉ lệ (cần đúng tỉ lệ cho trước). Thời điểm năm đầu tiên nằm trên trục đứng.

Bước 4: Hoàn thiện bản đồ (ghi số liệu vào bản đồ , nếu sử dụng kí hiệu thì cần có bản chú giải cuối cùng ta ghi tên biểu đồ).

Lưu ý : Nếu vẽ hai hoặc nhiều đường biểu diễn có chung một đơn vị thì mỗi đường cần dùng một kí hiệu riêng biệt và có chú giải kèm theo. Nếu vẽ hai đường biểu diễn có đơn vị khác nhau thì vẽ hai trục đứng ở hai bên biểu đồ , mỗi trục thể hiện một đơn vị. Nếu phải vẽ nhiều đường biểu diễn mà số liệu đã cho lại thuộc nhiều đơn vị khác nhau thì phải tính toán để chuyển số liệu thô (số liệu tuyệt đối với các đơn vị khác nhau) sang số liệu tinh (số liệu tương đối , với cùng đơn vị thông nhất là đơn vị %). Ta thường lấy số liệu năm đầu tiên là ứng với 100% , số liệu của các năm tiếp theo là tỉ lệ % so với năm đầu tiên . Sau đó ta sẽ vẽ đường biểu diễn.

Các loại biểu đồ dạng đường: Loại có một hoặc nhiều đường vẽ theo giá trị tuyệt đối, loại có một hoặc nhiều đường vẽ theo giá trị tương đối.

Cách nhận xét

Trường hợp thể hiện một đối tượng: So sánh số liệu năm đầu và năm cuối có trong bảng số liệu để trả lời câu hỏi: đối tượng cần nghiên cứu tăng hay giảm? Nếu tăng (giảm) thì tăng (giảm) bao nhiêu? (lấy số liệu năm cuối trừ cho số liệu năm đầu hay chia gấp bao nhiêu lần cũng được). Xem đường biểu diễn đi lên (tăng) có liên tục hay không? (lưu ý năm nào không liên tục). Hai trường hợp: nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào tăng nhanh, giai đoạn nào tăng chậm; nếu không liên tục: Thì năm nào không còn liên tục.

Trường hợp cột có hai đường trở lên: Ta nhận xét từng đường một giống như trên theo đúng trình tự bảng số liệu cho: đường a trước, rồi đến đường b, rồi đến c,d. Sau đó, chúng ta tiến hành so sánh, tìm mối liên hệ giữa các đường biểu diễn.

Kết luận và giải thích.

❖ **Biểu đồ kết hợp (Cột đường)**

Các bước vẽ biểu đồ đường

Bước 1: Xác định loại biểu đồ cần vẽ

Nếu câu hỏi và bảng số liệu là giá trị tuyệt đối hoặc tương đối thể hiện mối quan hệ của hai, ba đối tượng có từ một hoặc hai đơn vị khác nhau trong nhiều mốc thời gian ... thì biểu đồ lựa chọn phù hợp nhất là biểu đồ kết hợp (Cột đường), ngoài ra ta cũng có thể lựa chọn biểu đồ hình cột hoặc biểu đồ đường...

Bước 2: Xử lý số liệu

Bước 3: Vẽ biểu đồ. Vẽ hệ tọa độ Oxy (Trong trường hợp có hai đơn vị ta vẽ hai trục tung Oy và Oy'). Vẽ lần lượt các cột và các điểm uốn từ trái qua phải của từng đối tượng thể hiện tình hình phát triển hay mối quan hệ của các đối tượng theo khoảng cách năm đã chia trên trục Ox.

Bước 4: Hoàn thiện biểu đồ. Ghi tên cho biểu đồ, lập bảng chú giải, ghi số liệu vào biểu đồ.

Lưu ý: Trường hợp hai trục tung, đơn vị trên hai trục không phụ thuộc vào nhau về giá trị nhưng lưu ý sự phụ thuộc vào nhau độ cao trên hai cột để thể hiện mối quan hệ giữa các đối tượng. Cột và điểm uốn đầu tiên cách trục tung một khoảng cách nhất định. Biểu đồ kết hợp chỉ thực hiện được khi giá trị được thể hiện qua nhiều mốc thời gian.

→ Ngoài ra, các bạn sinh viên có thể thường xuyên đọc các tài liệu liên quan đến cách nhận biết, vẽ, nhận xét biểu đồ. Thường xuyên giải các bài tập liên quan đến vẽ, nhận xét biểu đồ và xử lý số liệu theo mức độ từ đơn giản đến phức tạp. Trau dồi, học hỏi kỹ năng nhận xét, vẽ biểu đồ từ giảng viên, bạn bè. So sánh các biểu đồ để tránh sự nhầm lẫn. Dán bảng so sánh các biểu đồ ở góc học tập, chỗ thường xuyên làm việc để chúng ta có thể nhớ lâu hơn. Quan sát kỹ khi làm bài, tận dụng tất cả dữ liệu đã cho. Dem dụng cụ cần thiết khi vẽ biểu đồ.

2.3.2. Nhóm giải pháp liên quan đến hoạt động đào tạo của nhà trường

Nhà trường cần mở các học phần về rèn luyện các kỹ năng Địa lý, đặc biệt là rèn luyện kỹ năng vẽ, nhận xét biểu đồ cho sinh viên.

Tăng cường giảng viên giảng dạy kỹ năng rèn luyện và nhận xét biểu đồ cho sinh viên ngành sư phạm Địa lý.

Bộ môn sư phạm Địa lý cần tổ chức các cuộc thi liên quan đến kỹ năng nhận xét, vẽ biểu đồ để sinh viên chung ngành có cơ hội học tập, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau.

Giảng viên cần gợi ý bài tập về nhà cho sinh viên sư phạm Địa lý với số lượng nhiều bài tập về biểu đồ hơn.

3. Kết luận

Kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ là một kỹ năng quan trọng gắn với quá trình học tập và giảng dạy môn Địa lý. Nếu sinh viên dành nhiều thời gian đến kỹ năng này thì không chỉ giúp sinh viên thành công trong quá trình học ở đại học, mà còn mang lại cho họ những lợi thế trong công việc giảng dạy sau này. Với một số giải pháp trên sẽ giúp cho các sinh viên ngành sư phạm Địa lý, Trường đại học Đồng Tháp có thể rèn

luyện và nâng cao năng lực sử dụng vẽ và nhận xét biểu đồ của mình, góp phần đáp ứng công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Đức Vũ (2011), *Phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ, lược đồ Việt Nam, đọc Atlas Địa Lý*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thị Sáu, *Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ cho học sinh THCS* <https://lehongphongcmg.violet.vn/present/show/entryid/8170945>, [truy cập ngày: 28/4/2018].

THIẾT KẾ PHIẾU HỌC TẬP DẠY HỌC ĐỊA LÝ 10 THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

SV: Võ Thị Kim Tuyền

Lớp: ĐHSĐỊA 15A

GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân

Tóm tắt: *Nền giáo dục nước ta đã có nhiều thành tựu đáng kể trong việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phương tiện dạy học đã và đang là công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Bên cạnh các phương tiện quen thuộc như: sách giáo khoa, bản đồ, hình vẽ, mô hình, sơ đồ... Giáo viên còn có thể sử dụng một dạng phương tiện khác, đó là phiếu học tập, mọi học sinh sẽ tham gia hoạt động một cách tích cực hơn, hiệu quả hơn, không còn hiện tượng thụ động.*

Từ khóa: *Phiếu học tập, phương pháp.*

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, nền giáo dục nước ta đã có nhiều thành tựu đáng kể trong việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một trong những xu hướng đổi mới phương pháp dạy học đang được quan tâm hiện nay là chuyển từ lối dạy học truyền thụ một chiều sang dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và phát triển tư duy học sinh, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học.

Hiện nay trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học, mục tiêu chính là hình thành và phát triển ở học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản về Địa lí và những phẩm chất, trí tuệ cần thiết để tiếp tục học hoặc đi vào cuộc sống lao động. Mỗi môn học, mỗi 1 bài học nếu chúng ta biết lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp thì hiệu quả bài giảng sẽ cao hơn. Riêng môn Địa lí - chương trình rất phong phú, chương trình lớp 12 có thể sử dụng phương pháp khác với chương trình lớp 11 và 10. Và ngay cụ thể trong từng bài, chúng ta cũng có thể thay đổi phương pháp cho phù hợp.

Giáo viên là người thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy và học để học sinh tích cực hoạt động, độc lập suy nghĩ, hợp tác cùng nhau tìm tòi kiến thức mới và vận dụng trong quá trình học tập Địa lí, trong đời sống thực tiễn. Để làm được điều này, ngoài việc nắm vững kiến thức chuyên môn, giáo viên còn phải biết sử dụng một cách hợp lý nhiều phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học khác nhau trong một giờ, một buổi lên lớp hay trong một khóa học. Trong đó, việc lựa chọn, sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp là yếu tố quan trọng nhằm hỗ trợ giáo viên nâng cao hiệu quả dạy học.

Có rất nhiều phương tiện dạy học đã và đang là công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Quen thuộc như: sách giáo khoa, thí nghiệm, hình vẽ, mô hình, sơ đồ... Giáo viên còn có thể sử dụng một dạng phương tiện khác, đó là phiếu học tập. Phiếu học tập giúp giáo viên dễ dàng hơn trong các hoạt động

trình bày, giảng giải, thuyết minh, hướng dẫn, chỉ đạo. Học sinh sẽ tham gia hoạt động một cách tích cực hơn, không còn hiện tượng thụ động nghe giảng. Mặc dù vậy, hiện nay nhiều giáo viên chưa hiểu rõ hoặc chưa biết cách thiết kế và sử dụng phiếu học tập một cách hiệu quả. Từ thực tế sử dụng phiếu học tập hiện nay, chúng tôi đã lựa chọn và nghiên cứu đề tài: “Thiết kế phiếu học tập dạy học địa lý 10 theo hướng phát triển năng lực học sinh”

2. Nội dung

2.1. Khái quát chung kĩ năng thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học môn địa lý 10 cấp Trung học phổ thông:

Theo từ điển của tiếng Việt, phiếu có 3 nghĩa:

- Tờ giấy rời có cỡ nhất định, ghi chép những nội dung nhất định nhằm phân loại, sắp xếp theo một hệ thống nào đó như: Phiếu điều tra, phiếu tra cứu.....
- Tờ ghi nhận quyền lợi nào đó cho người sử dụng
- Tờ giấy biểu thị ý kiến trong cuộc bầu cử hoặc biểu quyết.

Như vậy theo nghĩa thứ nhất, phiếu học tập được hiểu là tờ giấy rời cỡ nhỏ, ghi chép những nội dung kiến thức nhất định, phục vụ cho việc dạy và học của thầy và trò ở mọi cấp học.

2.1.1. Những chú ý khi xây dựng phiếu học tập

- Khi học sinh chưa quen (lớp 10) nên chọn những bài, mục có nội dung rõ ràng, dễ hiểu, ít kiến thức, dễ chọn lọc để học sinh hoàn thành đúng thời gian. Sau đó nâng dần mức độ khó về kiến thức, phức tạp về nội dung.
- Nên cho học sinh làm quen với những loại phiếu học tập khác nhau.
- Cần xác định cơ hội sử dụng phiếu học tập và loại hình phiếu thích hợp ở từng bài, từng chương.

2.1.2. Kết hợp phiếu học tập và phương pháp thảo luận ở trên lớp

- Vì dùng phiếu với phương pháp thảo luận, không nên phát cho mỗi em một phiếu, tối đa 3 em một phiếu, tối thiểu 1bàn đến 2 bàn một phiếu để các em thảo luận nhóm, đọc sách giáo khoa, chọn lọc kiến thức, hoàn thành nội dung phiếu. Công đoạn này rèn luyện cho học sinh năng lực phân tích, tổng hợp, phán đoán nhanh, chủ động bày tỏ quan điểm trước nhóm nhỏ ít người, rất có lợi cho những em rụt rè, thiếu tự tin. Mặt khác giúp các em từng bước làm quen với khả năng làm việc phối hợp theo nhóm nhỏ là một phẩm chất quan trọng trong kinh tế thị trường.

- Thảo luận trên lớp, giáo viên động viên mỗi nhóm cử đại diện trình bày, yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, sau đó bổ sung, sửa chữa. Nên ấn định thời gian trình bày và phát biểu ý kiến từ 1- 2 phút, yêu cầu học sinh không nói lại kiến thức đúng đã được trình bày, tôn trọng quan điểm riêng của các em, khuyến khích tranh luận nếu có thời gian.

- Phiếu học tập nếu là 1 mục trong bài thường chiếm 5 - 10 phút, do vậy phần thảo luận chỉ nên 1 – 2 ý kiến, giáo viên kết luận, đưa ra đáp án bằng cách:

- + Chiếu đáp án viết sẵn trên máy của bài giảng microsoft powerpoint.
- + Viết đáp án lên giấy khổ lớn A₀ và được treo lên bảng khi các em đã thảo luận xong.

+ Giáo viên không nên viết lại đáp án lên bảng mà cần một khoảng thời gian nhất định cho các em sửa những sai sót trên giấy.

Để động viên học sinh trình bày và phát biểu sôi nổi, giáo viên ghi nhận những em phát biểu nhiều cho vào điểm miệng.

2.2. Thiết kế phiếu học tập và sử dụng phiếu học tập dạy học Địa lý 10

2.2.1. Thiết kế phiếu học tập

Bước 1: Xác định trường hợp cụ thể của việc sử dụng phiếu học tập trong bài dạy.

Bước 2: Xác định nội dung của phiếu học tập, cách trình bày nội dung của phiếu học tập và hình thức thể hiện trong phiếu học tập. Nội dung của phiếu học tập được xác định dựa vào một số cơ sở sau: mục tiêu của bài học, kiến thức cơ bản, phân bố thời gian, phương pháp và phương tiện dạy học, môi trường lớp học để xác định nội dung, khối lượng công việc trong phiếu học tập cho phù hợp.

Bước 3: Viết phiếu học tập: Các thông tin, yêu cầu... trên phiếu học tập phải được ghi rõ ràng, ngắn gọn, chính xác, dễ hiểu. Phần dành cho học sinh điền các thông tin phải có khoảng trống thích hợp. Cách trình bày phiếu phải đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ.

2.2.2. Sử dụng phiếu học tập

Phiếu học tập là công cụ để giáo viên tiến hành tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh đồng thời là cơ sở để học sinh tiến hành các hoạt động một cách tích cực, chủ động. Việc sử dụng phiếu học tập nên được sử dụng trong kiến thức mới, ôn tập, kiểm tra... thường xuyên được diễn ra theo quy trình sau:

- Giáo viên trình bày nhiệm vụ học tập, giao phiếu học tập cho học sinh, tùy theo hình thức tổ chức dạy học mà giáo viên giao cho học sinh một phiếu hay mỗi nhóm một phiếu.

- Tiến hành quan sát, hướng dẫn và giám sát kết quả hoạt động của học sinh.

- Tổ chức cho một số cá nhân hoặc đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc với phiếu học tập. Hướng dẫn toàn lớp trao đổi, bổ sung hoàn thành phiếu học tập. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh trao đổi chéo nhau để sửa chữa, đánh giá kết quả làm việc với nhiều phiếu học tập của nhau trên cơ sở các kết luận của giáo viên.

Ví dụ 1: Thiết kế phiếu học tập giảng dạy bài 36: Vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển, phân bố ngành giao thông vận tải.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Dựa vào sách giáo khoa trang 139, 140 hoàn thành phiếu học tập sau: Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành GTVT.

NHÂN TỐ TỰ NHIÊN	
ẢNH HƯỞNG	VÍ DỤ
- Điều kiện tự nhiên:	- Điều kiện tự nhiên:
- Khí hậu và thời tiết:	- Khí hậu và thời tiết:

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>-Điều kiện kinh tế - xã hội:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>- Điều kiện kinh tế - xã hội:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Ví dụ 2: Thiết kế phiếu học tập giảng dạy bài 34: Thực hành vẽ biểu đồ tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp trên thế giới.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Dựa vào bảng số liệu “Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới, thời kì 1950 – 2003” sách giáo khoa Địa lý 10 trang 133, hãy hoàn thành phiếu học tập sau:

1. Vẽ biểu đồ	2. Nhận xét biểu đồ																																			
<p>a. Tính toán và lập bảng số liệu thể hiện tốc độ tăng trưởng. Xử lý số liệu:.....</p> <p style="text-align: center;">Lập bảng số liệu mới</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: left;">Năm</th> <th style="text-align: center;">1950</th> <th style="text-align: center;">1960</th> <th style="text-align: center;">1970</th> <th style="text-align: center;">1980</th> <th style="text-align: center;">1990</th> <th style="text-align: center;">2003</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Than</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Dầu mỏ</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Điện</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thép</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>b. Vẽ biểu đồ:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	Năm	1950	1960	1970	1980	1990	2003	Than	100						Dầu mỏ	100						Điện	100						Thép	100						<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
Năm	1950	1960	1970	1980	1990	2003																														
Than	100																																			
Dầu mỏ	100																																			
Điện	100																																			
Thép	100																																			

3. Kết luận

Việc áp dụng phương pháp dạy - học, phương tiện dạy - học mới, hiện đại trong yêu cầu hiện nay là rất cấp thiết nhằm đảm bảo hiệu quả chất lượng của giáo dục tương lai. Đó là một quá trình lâu dài cần có sự hợp tác tích cực của cả giáo viên và học sinh và cả hệ thống giáo dục. Với mục đích mở ra và hoàn thiện thêm kỹ năng thiết kế và sử dụng phiếu học tập phục vụ nhu cầu học tập cho học sinh Địa lý lớp 10 tại các trường phổ thông là rất cần thiết, nhằm nâng cao khả năng tư duy và giải quyết vấn đề đặt ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lê Thông, Trần Trọng Hà – Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Trọng Hiếu – Phạm Thu Phương, Đỗ Ngọc Tiên – Nguyễn Việt Thịnh, *Địa lý 10, Bài 34: Thực hành vẽ biểu đồ tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp trên thế giới.*

[2]. Lê Thông, Trần Trọng Hà – Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Trọng Hiếu – Phạm Thu Phương, Đỗ Ngọc Tiến – Nguyễn Việt Thịnh, *Địa lý 10, Bài 36: Vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển, phân bố ngành giao thông vận tải*.

[3]. <https://tulieudialy.violet.vn/present/thiet-ke-va-su-dung-phieu-hoc-tap-trong-day-hoc-dia-ly>, [truy cập ngày: 02/04/2019].

[4]. <https://xemtailieu.com/tai-lieu/skkn-thiet-ke-va-su-dung-phieu-hoc-tap-trong-day-hoc-dia-li>, [truy cập ngày: 02/04/2019].

[5]. https://123doc.org/doc_search_title/777073-dia-li-10-phieu-hoc-tap, [truy cập ngày: 02/04/2019].

[6]. <https://123doc.org/document/4089260-sang-kien-kinh-nghiem-thiet-ke-phieu-hoc-tap-trong-day-hoc-dia-ly-lop-12-phan-dia-ly-tu-nhien.htm>, [truy cập ngày: 02/04/2019].

C. NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
KỸ NĂNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA SINH VIÊN KHOA SƯ
PHẠM SỬ - ĐỊA VÀ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV: Lê Thị Tuyết Nhung - Trịnh Văn Nờ

Lớp: ĐHGDCCT 16A

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

Tóm tắt: *Biến đổi khí hậu hiện nay là một trong những vấn đề cấp thiết của nhân loại, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của con người. Kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những kỹ năng cần thiết của sinh viên hiện nay. Từ việc nghiên cứu, phân tích, khảo sát và phỏng vấn các bạn sinh viên tác giả đã làm rõ thực trạng về kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu của sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp. Trên cơ sở đó, tìm ra nguyên nhân của tồn tại và đề xuất các giải pháp phù hợp và khả thi nhằm phát triển kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu cho sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.*

Từ khóa: *Khí hậu, biến đổi khí hậu, kỹ năng, ứng phó với biến đổi khí hậu.*

1. Mở đầu

Biến đổi khí hậu đã trở thành vấn nạn toàn cầu, là vấn đề cấp thiết ảnh hưởng đến tất cả các nước trên thế giới [4]. Trong đó, Việt Nam là một trong những quốc gia sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất do biến đổi khí hậu, nhất là đối với những khu vực thấp như ở đồng bằng sông Cửu Long.

Đồng Tháp được xem là vừa lúa, vừa nông sản của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, Biến đổi khí hậu đang có những ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống của người dân ở khu vực này. Để có thể thích ứng với biến đổi khí hậu mỗi người chúng ta cần phải được trang bị những kỹ năng cần thiết về ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó, sinh viên – tầng lớp tri thức trẻ, những người mà sau này sẽ hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Đảng [3]. Cần phải có những hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu, để có thể hình thành cho mình những kỹ năng trong việc góp phần làm giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống của chính bản thân mình, gia đình và xã hội.

Sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp là những sinh viên có kiến thức về các vấn đề xã hội tương đối tốt. Có khả năng tiếp cận, cập nhật các vấn đề xã hội nhanh nhạy, kịp thời, linh hoạt. Do đó, đã hình thành ở sinh viên thói quen tiếp cận thời sự, tiếp cận các vấn đề nóng của xã hội, trong đó có vấn đề về biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, sinh viên chỉ mới tiếp cận ở dạng mở rộng thêm tri thức chứ chưa thật sự quan tâm, đi sâu tìm hiểu. Bài viết sau đây sẽ chỉ rõ thực trạng về kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu của sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp. Từ đó, giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc hơn, toàn diện hơn về các vấn đề môi trường, vấn đề biến đổi

khí hậu nhằm trang bị cho sinh viên của Khoa có sự hiểu biết, có vốn tri thức sâu rộng để có thể áp dụng vào cuộc sống nhằm góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu của sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

Theo Liên hợp quốc “Biến đổi khí hậu nghĩa là thay đổi của khí hậu được quy cho trực tiếp hoặc gián tiếp do hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển toàn cầu và sự thay đổi này được cộng thêm vào khả năng biến động tự nhiên của khí hậu quan sát được trong những thời kỳ có thể so sánh được”[1]. Nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu là do những biến động tự nhiên và những hoạt động của con người. “Theo nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới, biến đổi khí hậu đã xảy ra trên phạm vi toàn cầu, gây tác động ngày càng mạnh mẽ đến mọi quốc gia và sự sống trên trái đất, đặc biệt là ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của con người”[6]. Biến đổi khí hậu là mặt trái của quá trình công nghiệp hóa. Chính quá trình này cộng với ý thức của con người về bảo vệ môi trường còn thấp đã gây nên các hiện tượng biến đổi khí hậu.

Sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị gồm 3 chuyên ngành Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý và Giáo dục chính trị, với đặc thù ngành học có liên quan nhiều đến lý luận khoa học và các vấn đề đời sống xã hội. Theo khảo sát bằng phiếu điều tra câu hỏi liên quan đến mức độ nhận thức của sinh viên về khí hậu và biến đổi khí hậu đối với 90 sinh viên của Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị cho thấy: sinh viên được khảo sát đều có nhận thức tốt về khí hậu và biến đổi khí hậu. Trong đó, khi được hỏi về: “Mức độ quan tâm của Anh/Chị đến các vấn đề về khí hậu và biến đổi khí hậu?” thì kết quả 40% sinh viên được khảo sát trả lời “rất quan tâm”; 56,6% sinh viên được khảo sát trả lời “quan tâm”; còn lại 3,4% sinh viên được khảo sát trả lời “không quan tâm” đến các vấn đề về khí hậu và biến đổi khí hậu. Điều này cho thấy mức độ quan tâm và nhận thức đối với các vấn đề về khí hậu và biến đổi khí hậu của sinh viên Khoa là tương đối tốt. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận sinh viên vẫn chưa thật sự quan tâm đến các vấn đề về khí hậu và biến đổi khí hậu.

Khi thực hiện khảo sát bằng phiếu điều tra câu hỏi liên quan đến những nguyên nhân trực tiếp gây ra biến đổi khí hậu đối với 90 sinh viên của Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị cho thấy: sinh viên được khảo sát đưa ra rất nhiều câu trả lời như: “ô nhiễm môi trường”; “con người không có ý thức, xả rác bừa bãi ra môi trường tự nhiên”; “do ảnh hưởng của các hoạt động sản xuất công nghiệp và con người, phần nào cũng đã làm cho môi trường ngày càng ô nhiễm và gây ra các hiện tượng hiệu ứng nhà kính và các hiện tượng động đất, núi lửa xảy ra cũng là do trái đất nóng lên”; “do sự gia tăng các hoạt động tạo ra các chất thải khí nhà kính, các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính như sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển, ven bờ và đất liền khác”;... Tuy nhiên, các câu trả lời của sinh viên đưa ra đều xoay quanh vấn đề nhận thức và hoạt động của con người và do ô nhiễm môi trường nên gây ra biến đổi khí hậu. Như vậy, có thể thấy tất cả sinh viên

được khảo sát đều có hiểu biết tốt và trả lời đúng những nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, khi được khảo sát về tác động và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với con người và xã hội thì đa số sinh viên vẫn chưa có cái nhìn sâu sắc, toàn diện và chưa thấy được những tác động to lớn của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống của con người. Kết quả khảo sát đối với 90 sinh viên của Khoa về câu hỏi “Theo Anh/Chị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với con người thể hiện trên những lĩnh vực nào?” thì có 21,1% sinh viên được khảo sát trả lời là “chính trị”; 50% sinh viên được khảo sát trả lời là “kinh tế”; 66,6% sinh viên được khảo sát trả lời là “xã hội” và 18,8% sinh viên trả lời là “cả ba lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội”. Từ đó, có thể khẳng định các bạn sinh viên chỉ mới có những kiến thức cơ sở, cơ bản về biến đổi khí hậu chứ chưa thật sự nắm được bản chất cũng như tác động của biến đổi khí hậu. Vì vậy, sinh viên chỉ mới có thể thực hiện những hành động bảo vệ môi trường lớp học, môi trường nơi mình đang sinh sống chứ chưa thể có những hành động thiết thực hơn trong việc góp phần làm giảm tác động và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Sinh viên có nhận thức khá tốt với các hoạt động cần làm gì để phòng chống biến đổi khí hậu từ đó viên tích cực tham gia các hoạt động thiết thực để góp phần thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu hiện nay và mai sau. Theo sự khảo sát bằng phiếu điều tra câu hỏi “Anh/Chị đã thực hiện những hoạt động gì để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu?” đối với 90 sinh viên của Khoa. Kết quả 100% sinh viên trả lời có thực hiện “giữ vệ sinh nơi ở, khu dân cư, nơi công cộng” và “nghiêm chỉnh chấp hành luật bảo vệ môi trường”; 97,7% sinh viên có thực hiện “bỏ rác đúng nơi quy định”; 97,7% sinh viên có thực hiện “trồng cây xanh”; 96,6% sinh viên có thực hiện “sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng”; 95,5% sinh viên có thực hiện “sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên”; 94,4% sinh viên có thực hiện “vận động mọi người có ý thức bảo vệ môi trường”; 81,1% sinh viên có thực hiện “tham gia các câu lạc bộ, hội thảo, hội nghị về biến đổi khí hậu”; 83,3% sinh viên có thực hiện “tham gia các hoạt động chống biến đổi khí hậu”; 94,4% sinh viên có thực hiện “tuyên truyền cho mọi người xung quanh về tác hại của biến đổi khí hậu”. Như vậy, có thể thấy trên 94% cá nhân sinh viên đều đã có những hành động, việc làm cụ thể để góp phần thích ứng và làm giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với con người. Riêng những hoạt động, những việc làm mang tính tập thể, cộng đồng thì số lượng sinh viên đã tham gia là thấp hơn (dưới 84% sinh viên tham gia).

Sinh viên của Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị đã trang bị cho bản thân được những kỹ năng cơ bản, cần thiết để ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, những sinh viên đã được trang bị kỹ năng về ứng phó với biến đổi khí hậu chưa thật sự cao. Kết quả khảo sát bằng phiếu điều tra đối với 90 sinh viên của Khoa về câu hỏi “Sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục chính trị đã được trang bị những kỹ năng về ứng phó với biến đổi khí hậu hay chưa?” thì có 62,2% sinh viên được khảo sát trả lời “đã được trang bị”; 28,2% sinh viên được khảo sát trả lời “chưa được trang bị” và 9% sinh viên được khảo sát trả lời “không biết”. Sinh viên các khóa trước (bao gồm sinh viên năm ba, năm tư) có nhận thức cao hơn sinh viên các khóa sau (một bộ phận sinh viên năm nhất và năm hai). Điều này hoàn toàn phù hợp, bởi vì

các bạn sinh viên năm nhất và năm hai chưa được tiếp xúc nhiều với các hoạt động cộng đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, chưa có điều kiện để được nghe các chuyên gia tư vấn, cung cấp thông tin về những diễn biến của biến đổi khí hậu. Đồng thời các bạn cũng chưa giành nhiều thời gian hơn cho việc tự tìm hiểu, tự nghiên cứu về biến đổi khí hậu.

Đoàn trường Đại học Đồng Tháp là một trong những bộ phận quan trọng trong việc thực hiện các hoạt động cộng đồng nhằm tuyên truyền đến từng sinh viên các vấn đề liên quan đến đời sống và xã hội. Đoàn trường cũng đã tổ chức các buổi tọa đàm liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu nhằm mục đích tuyên truyền sâu rộng trong tầng lớp sinh viên các vấn đề liên quan đến môi trường, biến đổi khí hậu, tác hại của việc làm ảnh hưởng đến môi trường, làm cho môi trường bị ô nhiễm, đồng thời giúp các bạn sinh viên hình thành được thói quen bảo vệ môi trường, Đồng thời, đã giúp sinh viên hình thành cho mình những thói quen trong sinh hoạt, những kỹ năng để có thể góp phần làm giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, các hoạt động của Đoàn trường tương đối nhiều nên không thể tổ chức một hoạt động riêng lẻ mà chỉ có thể lồng ghép các hoạt động có chung một lĩnh vực lại với nhau để thực hiện. Chính vì vậy, chưa có sự đầu tư tập trung vào một vấn đề cụ thể dẫn đến các hoạt động tuy đạt được kết quả như kế hoạch đề ra nhưng kết quả tuyên truyền chưa thật sự tốt. Bên cạnh đó, một lượng không ít sinh viên khi tham gia các buổi tọa đàm, các buổi tuyên rất ít chú ý đến nội dung của hoạt động, không tập trung để lắng nghe Thầy, Cô hoặc các chuyên gia tư vấn, thông tin mà chủ yếu là làm việc riêng dẫn đến hoạt động sau khi thực hiện thì kết quả tuyên truyền, vận động cũng không như mong muốn.

Ngoài ra, do số lượng giảng viên của Khoa có kiến thức chuyên sâu về biến đổi khí hậu là tương đối ít trong khi đó khối lượng công việc là tương đối nhiều nên Liên chi Đoàn Khoa không thể tham mưu cho lãnh đạo Khoa lập kế hoạch thực hiện các cuộc tọa đàm trực tiếp giữa giảng viên với sinh viên trong Khoa về biến đổi khí hậu. Từ đó có thể thấy những kiến thức cần biết về biến đổi khí hậu từ cơ bản đến chuyên sâu, những nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu hay làm thế nào để làm giảm tác động của biến đổi khí hậu ngoài ngành Sư phạm Địa Lí là ngành học đặc thù ra thì hai ngành còn lại là ngành Sư phạm Lịch Sử và Giáo dục Chính trị đa số điều chỉ mới biết được, hiểu được chứ chưa thật sự có đầy đủ các kiến thức để tự bản thân mỗi sinh viên có thể góp phần vào việc hạn chế tác động của biến đổi khí hậu.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến một bộ phận sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục chính trị chưa trang bị được cho mình những kỹ năng cần thiết trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu là do thư viện của Trường chưa trang bị được nhiều tài liệu liên quan đến môi trường và biến đổi khí hậu, tài liệu còn chưa đa dạng, phong phú. Từ đó, làm cho sinh viên gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu khi muốn tiếp cận thông tin về các vấn đề liên quan đến môi trường và biến đổi khí hậu. Ngày nay, với việc phát triển mạnh mẽ của Internet nên việc tiếp

cận thông tin của sinh viên trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết [2]. Đa số sinh viên đều chọn cho mình cách tiếp cận thông tin thông qua mạng Internet với thao tác dễ dàng và nguồn tài liệu cũng vô cùng phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, việc tiếp cận thông tin qua cổng truyền thông Internet của sinh viên cũng gặp không ít những khó khăn. Với nguồn tài liệu vô cùng phong phú và đa dạng nên sinh viên khó có khả năng chọn lọc, tổng hợp, khó có thể nắm vững được nội dung mà mình quan tâm. Sinh viên chủ yếu tiếp cận thông tin thông qua việc đọc các bài báo, các tạp chí, xem các đoạn video, các bài viết chia sẻ kinh nghiệm,... với nội dung chưa được đầu tư nhiều, nghiên cứu sâu. Từ đó, những thông tin cần thiết mà sinh viên muốn tìm hiểu và nên tìm hiểu sẽ bị hạn chế dẫn đến kiến thức của sinh viên bị gián đoạn, mơ hồ, không thể có những hiểu biết sâu rộng để hình thành cho mình những kỹ năng cần thiết áp dụng vào cuộc sống.

Nguyên nhân thứ hai là do Đoàn Trường và Ban chấp hành Liên chi Đoàn Khoa chưa tổ chức nhiều các hoạt động tọa đàm, các cuộc thi, các sân chơi nhằm mục đích tuyên truyền, vận động sâu rộng trong tầng lớp sinh viên những kiến thức về biến đổi khí hậu cũng như những nguyên nhân, những tác động, những ảnh hưởng và các biện pháp góp phần làm giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Để từ đó, sinh viên có thêm tri thức về biến đổi khí hậu, khơi dậy sự hứng thú, ham tìm hiểu, khám phá để có thể tự bản thân mình làm những việc có ích, những việc góp phần làm giảm tác động của biến đổi khí hậu. Đồng thời, thông qua đó có thể giáo dục được ý thức tự giác của sinh viên trong việc bảo vệ môi trường.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến việc sinh viên của Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị thiếu những kiến thức về biến đổi khí hậu đó là do sinh viên của Khoa chỉ tập trung học các môn học chuyên ngành của mình trên giảng đường, thời gian để sinh viên giành cho việc tự tìm hiểu, tự nghiên cứu tài liệu chủ yếu cũng là các loại tài liệu liên quan đến ngành học, môn học của mình. Vì kiến thức thì vô vàn, vô tận mà thời gian tự tìm tòi, khám phá, học hỏi của sinh viên là có hạn nên đa số sinh viên không giành thời gian hoặc giành rất ít thời gian cho việc tự tìm hiểu, tự nghiên cứu các vấn đề về biến đổi khí hậu ngoại trừ những sinh viên thật sự quan tâm đến biến đổi khí hậu.

Ngày nay, dưới tác động của khoa học kỹ thuật hiện đại, cuộc sống của con người được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần. Tri thức là tài sản to lớn nhất mà mọi người có được, trên nền tảng tri thức con người có thể tiếp thu những cái tinh hoa và sáng tạo ra những cái mới. Sinh viên ở các trường đại học là tầng lớp trẻ với tri thức tích lũy ngày càng cao. Tuy nhiên, những tri thức mà sinh viên được học, được biết, được tìm hiểu, được hướng dẫn ở giảng đường hay trong quá trình tự học điều là các tri thức có nội dung liên quan đến ngành học của mình. Sinh viên hiện nay rất ít quan tâm đến các vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề về biến đổi khí hậu. Do ít quan tâm nên sinh viên không có hoặc có ít hiểu biết về biến đổi khí hậu cũng như những nguyên nhân, những tác động, những ảnh hưởng mà biến đổi khí hậu gây ra cho con

người. Từ đó, việc tự hình thành kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu trong sinh viên còn hạn chế, ý thức bảo vệ môi trường chưa cao.

2.3. Giải pháp phát triển kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu cho sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

2.3.1. Về phía nhà Trường

Cần trang bị nhiều hơn nữa các tài liệu như sách, báo, tài liệu các loại, ấn phẩm định kì, các bài viết, bài nghiên cứu, các bài đăng hội thảo, hội nghị,... liên quan đến vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu. Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể tiếp cận một cách tốt nhất các nguồn thông tin đã được đầu tư, nghiên cứu sâu về nội dung. Từ đó, kiến thức của sinh viên về biến đổi khí hậu sẽ được tích lũy nhiều hơn, sinh viên có hiểu biết sâu rộng hơn về biến đổi khí hậu. Đồng thời, với những kiến thức tích lũy được sinh viên có thể dần hình thành cho mình những kỹ năng cần thiết, hình thành cho mình tinh thần tự giác trong việc góp phần làm giảm tác động của biến đổi khí hậu đối với môi trường sống của con người.

“Lồng ghép, tích hợp các kiến thức biến đổi khí hậu trong các môn học”[5]. Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư, nghiên cứu để lồng ghép các kiến thức về môi trường và biến đổi khí hậu vào các môn học không bắt buộc trong chương trình đào tạo. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi tốt cho những sinh viên quan tâm đến vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu có thể được học tập, nghiên cứu dưới sự hướng dẫn, định hướng của các giảng viên có chuyên môn và hiểu biết sâu sắc về vấn đề môi trường cũng như biến đổi khí hậu. Trong quá trình tự học, tự nghiên cứu nếu sinh viên có những khó khăn, trở ngại hoặc có những nghi vấn, thắc mắc không thể tự giải thích được về các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu thì có thể trực tiếp tham khảo ý kiến định hướng của giảng viên phụ trách môn học. Như thế sẽ tạo thêm cho sinh viên có động lực, có hứng thú hơn với các vấn đề mà mình quan tâm. Nhà trường còn có thể lồng ghép những kiến thức về môi trường và biến đổi khí hậu vào một chương, một bài hay một chuyên đề nào đó trong các môn học có liên quan đến việc bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Nhà trường còn có thể mở các lớp học hình thành kỹ năng về ứng phó với biến đổi khí hậu để sinh viên có thể có thêm kiến thức về biến đổi khí hậu và từng bước hình thành, rèn luyện cho bản thân những kỹ năng về ứng phó với biến đổi khí hậu. Từ đó, có thể vận dụng những kiến thức mà mình đã được học vào cuộc sống và thông qua các mối quan hệ mỗi sinh viên cũng có thể tuyên truyền cho người thân, bạn bè của mình về biến đổi khí hậu, giúp mọi người ý thức hơn về việc bảo vệ môi trường góp phần bảo vệ một phần sự sống của chúng ta.

2.3.2. Về phía Liên chi Đoàn Khoa

Liên chi Đoàn Khoa cần phối hợp nhiều hơn nữa với Đoàn Trường thực hiện nhiều chương trình, hoạt động thiết thực nhằm tuyên truyền, vận động sâu rộng trong tầng lớp sinh viên của Trường nói chung và của Khoa nói riêng để sinh viên có hứng thú với các vấn đề xã hội đặc biệt là các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu. Tổ chức lồng ghép tuyên truyền về biến đổi khí hậu trong các hoạt động của thanh niên như “chiến dịch mùa hè xanh”, hội trại với chủ đề “bảo vệ môi trường”, các cuộc thi về những sáng chế có ích trong việc bảo vệ môi trường, hay các cuộc thi viết báo về

môi trường, ... để sinh viên tự nguyện tham gia, thông qua đó có thể tích lũy kiến thức về biến đổi khí hậu, rèn luyện kỹ năng về ứng phó với biến đổi khí hậu và sinh viên có thể giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm về biến đổi khí hậu cũng như những kỹ năng cần thiết về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: Với hai hoạt động ngoại khóa chính là ngoại khóa nhận thức và ngoại khóa truyền thông[5]. Liên chi Đoàn Khoa và Đoàn Trường có thể phối hợp thực hiện các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên với chủ đề bảo vệ môi trường với các hoạt động nhận thức về môi trường, biến đổi khí hậu và các hoạt động cũng cố, rèn luyện tinh thần tự giác cho sinh viên trong việc bảo vệ môi trường. Làm cho sinh viên thấy được vai trò của việc giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp cũng là một trong những hành động góp phần làm giảm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với đời sống của con người. Đồng thời qua các hoạt động ngoại khóa còn có thể giáo dục cho sinh viên thấy được trách nhiệm bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của riêng cá nhân, tổ chức nào mà là trách nhiệm chung của mọi người, là trách nhiệm của toàn thể sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, đặc biệt là sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục chính trị. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa sẽ thu hút được nhiều sinh viên tham gia vì thế việc tuyên truyền, vận động, thông tin đến sinh viên các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu cũng thuận lợi hơn. Với việc để sinh viên tự tham gia các các hoạt động gần gũi, thân thiện với môi trường còn giúp sinh viên hình thành cho bản thân ý thức cũng như các kỹ năng cần thiết trong việc bảo vệ môi trường.

2.3.3. Đối với sinh viên

Sinh viên nên quan tâm nhiều hơn nữa đến các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu, cần phải làm chủ và sắp xếp thời gian của mình một cách hợp lý, logic, để vừa có thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu các môn chuyên ngành đồng thời cũng vừa có thời gian để đọc sách, báo, các vấn đề liên quan đến môi trường và biến đổi khí hậu. Sinh viên cần hình thành cho mình kỹ năng, thói quen cập nhật thông tin về môi trường và biến đổi khí hậu nhiều hơn. Vì những thông tin này không chỉ có ích cho sinh viên mà còn có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài sinh viên ngành Sư phạm Địa Lí thì sinh viên ngành Sư phạm Lịch Sử và sinh viên ngành Giáo dục Chính trị cũng cần phải quan tâm nhiều hơn nữa đối với các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu.

Mỗi sinh viên cần hình thành cho mình thái độ tích cực trong việc bảo vệ môi trường. Cần có tinh thần phê bình, nhắc nhở mọi người xung quanh đặc biệt là người thân, bạn bè của mình khi có các hành vi thiếu ý thức trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời qua đó có thể tuyên truyền, vận động người thân và bạn bè của mình cùng chung tay bảo vệ môi trường. Có bảo vệ môi trường tốt thì mới góp phần làm tốt việc làm giảm biến đổi khí hậu.

3. Kết luận

Từ những phân tích trên việc trang bị kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu đối với sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói chung và sinh viên Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục chính trị nói riêng là rất cần thiết. Mỗi sinh viên đều có những hiểu

biết về biến đổi khí hậu và có những kỹ năng để ứng phó với biến đổi khí hậu thì sẽ góp phần làm giảm tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống của con người tốt hơn, hiệu quả hơn. Để làm được điều đó, đòi hỏi nhà Trường cần có sự quan tâm, đầu tư hơn nữa trong việc cung cấp thông tin, tài liệu về biến đổi khí hậu cho sinh viên. Đồng thời, Đoàn Trường và Liên chi Đoàn Khoa cần phối hợp với nhau một cách chặt chẽ, sâu sát hơn nữa trong việc quản lý, tuyên truyền, vận động để sinh viên có thể tự ý thức và tự giác tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Liên Hợp Quốc (1992), *Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu*.

[2]. Hương Thủy, *Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu với sức khỏe con người*, <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Suc-khoe/811039/tac-dong-tieu-cuc-cua-bien-doi-khi-hau-voi-suc-khoe-con-nguoi>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

[3]. Nguyễn Thị Diệp, *Những trăn trở hiện nay về thư viện trong trường học*, <https://dantri.com.vn/dien-dan/nhung-tran-tro-hien-nay-ve-thu-vien-trong-truong-hoc-20170422003422645.htm>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

[4]. Phạm Thị Hải Yến, *Biện pháp nâng cao nhận thức của sinh viên Trường Đại học Thủy Lợi về biến đổi khí hậu*, <http://hoithaokhcn.tlu.edu.vn/tabid/321/catid/733/item/5887/75-bien-phap-nang-cao-nhan-thuc-cua-sinh-vien-truong-dai-hoc-thuy-loi-ve-bien-doi-moi-truong.aspx>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

[5]. Trường Lưu, *Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2008/1472/Xay-dung-va-phat-trien-doi-ngu-tri-thuc-Viet-Nam-ngang.aspx>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

[6]. *Tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại*, <https://cacnuoc.vn/tin/tac-dong-cua-cuoc-cach-mang-khoa-hoc-ky-thuat-khkt-hien-dai/>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

TÌM HIỂU NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV: Nguyễn Văn Chức

Lớp: ĐHGDC T 17A

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

Tóm tắt: Tư duy phản biện có vai trò quan trọng trong nghiên cứu và lĩnh hội tri thức. Trong bài viết này tác giả tập trung đánh giá thực trạng năng lực tư duy phản biện của sinh viên ngành GDCT, đồng thời vạch rõ nguyên nhân và những rào cản trong quá trình rèn luyện, thực hành tư duy phản biện của sinh viên. Từ đó, đề xuất những giải pháp góp phần bồi dưỡng và phát huy năng lực tư duy phản biện cho sinh viên ngành GDCT, trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.

Từ khóa: Năng lực tư duy phản biện, sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp.

1. Đặt vấn đề

Trường đại học nói chung và trường Đại học Đồng Tháp nói riêng được kỳ vọng là nơi đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao cho địa phương, quốc gia và cả thế giới. Đồng thời, bảo đảm cho sinh viên của mình được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thích ứng toàn cầu trước những thử thách của thế kỉ XXI.

Trong điều kiện đổi mới, hội nhập đi đôi với phát triển, trình độ tri thức không ngừng được nâng cao, hoàn thiện và thông tin cập nhật. Bên cạnh, sinh viên chuyên ngành GDCT ngoài phải có trình độ chuyên môn và nhận thức tốt, nghiệp vụ vững còn cần phải có năng lực tư duy phản biện. Bởi đây chính là một nhân tố góp phần quyết định thành bại của một người, là kỹ năng không thể thiếu đặc biệt đối với sinh viên chuyên ngành GDCT trong thời đại ngày nay, nó giúp mỗi người có khả năng phân tích, đánh giá, khám phá những khía cạnh khác nhau của vấn đề, lựa chọn ý tưởng để giải quyết các tình huống, những bất cập trong thực tiễn một cách hiệu quả. Sự phản biện tạo cho chúng ta động lực tiến đến con đường tìm ra chân lý, tư duy hóa vấn đề một cách cụ thể và sâu sắc, tìm ra phương hướng mới tránh rơi vào lối mòn suy nghĩ. Sinh viên Giáo dục chính trị - những người mà nghề nghiệp tương lai của họ gắn với hoạt động giảng dạy và tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội, đồng thời là những lực lượng trung gian truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước - do đó vấn đề đặt ra là họ vừa phải am hiểu sâu sắc về chính trị, những đường lối, chủ trương, pháp luật nhà nước; vừa phải nắm bắt nhanh, vững vàng các chủ trương, cùng với đó là tinh thần phản biện cao đối với những nguồn thông tin, biết đưa ra ý kiến phản biện những quan điểm thiếu căn cứ mang luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ, lệch hướng gây chia rẽ trong nhân dân, từ đó từng bước hoàn thiện và nuôi dưỡng tinh thần, niềm tin, bồi đắp bản lĩnh chính trị vững vàng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư duy phản biện

Có nhiều khái niệm về tư duy phản biện được các học giả đưa ra dưới nhiều khía

canh và góc độ khác nhau. Tiêu biểu là một số định nghĩa sau:

Theo tài liệu tập huấn về Kỹ năng sống của tổ chức World Vision Việt Nam, thì có hai định nghĩa về tư duy phản biện: [5]

“Tư duy phản biện là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. Lập luận phản biện phải rõ ràng, logic, đầy đủ bằng chứng, tỉ mỉ và công tâm”.

“Tư duy phê phán (tư duy phản biện) là hoạt động nhận thức của trí óc có đặc điểm nhìn vấn đề một cách hoài nghi tích cực, nhiều chiều, lật lại vấn đề / không xuôi chiều để phân tích độ tin cậy, nhìn nhận vấn đề một cách hợp lý, chỉ ra chỗ không hợp lý. Sau đó, sử dụng lý lẽ, lập luận chặt chẽ, logic, có cơ sở thuyết phục để bảo vệ chính kiến / chân lý, lẽ phải, các quan điểm khác nhau”.

Theo chúng tôi, tư duy phản biện là một quá trình nhận thức sáng tạo của bộ não (tư duy) mang tính biện chứng. Trong đó, gồm hai nhân tố quan trọng đó là phân tích và xử lý thông tin nhanh chóng, thông qua lập luận logic nhằm đưa ra những luận cứ thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề bàn luận.

Nội dung cơ bản của tư duy phản biện bao gồm: Xác định chính xác vấn đề, nhận thức và luận giải, hình thành giải pháp tối ưu nhất.

Xác định chính xác vấn đề: đây được xem là nội dung then chốt của tư duy phản biện. Vì, chỉ khi nào xác định được vấn đề cần giải quyết, thì mới có thể xem xét để tìm phương hướng giải quyết đối với vấn đề được đặt ra.

Nhận thức và luận giải: Nếu xác định vấn đề được xem là nội dung then chốt, thì nhận thức và luận giải chính là chìa khóa giúp giải quyết tốt vấn đề thông qua hoạt động nhận thức của trí óc cùng với sự lập luận logic, đặt vấn đề vào nhiều góc độ khác nhau, từ đó đưa ra ý kiến xem nó đúng hay sai và tại sao.

Hình thành giải pháp: Là sự tổng hợp, chắt lọc nhiều nguồn dữ liệu, hình thành giải pháp tối ưu nhằm giải quyết tốt vấn đề đặt ra.

Một quá trình tư duy phản biện được xem là tốt nhất khi đạt được những tiêu chí như: xem xét vấn đề ở nhiều phương diện khác nhau, lập luận rõ ràng, logic, dẫn chứng thuyết phục, làm rõ chỗ hợp lý và còn khuyết điểm, giải pháp đưa ra phải phù hợp và mang tính thực tế. Tác giả K. B. Beyer (1995) nêu các đặc điểm thiết yếu của người có tư duy phản biện, đó là: [9]

Thứ nhất, không có thành kiến: người có tư duy phản biện là người ham tìm hiểu, có sự tò mò ham khám phá vấn đề, biết lắng nghe và có thể chấp nhận ý kiến trái ngược với mình, đề cao giá trị công bằng, tôn trọng bằng chứng và lý lẽ, thích sự rõ ràng, chính xác, biết xem xét các quan điểm khác nhau, và sẽ thay đổi quan điểm khi sự suy luận cho thấy phải làm như vậy.

Thứ hai, biết vận dụng các tiêu chuẩn: cần phải có các điều kiện được thoả mãn nhất định để một phát biểu trở thành có thể tin cậy được. Mặc dù các lĩnh vực khác nhau có thể có các tiêu chuẩn khác nhau, nhưng có một số tiêu chuẩn có thể được áp dụng chung cho nhiều vấn đề, ví dụ như: “... một khẳng định bất kì phải... được dựa

trên những sự thật chính xác có liên quan, từ các nguồn đáng tin cậy, rõ ràng, không thiên lệch, thoát khỏi logic ngụy biện, hợp logic, lý lẽ vững chắc”.

Thứ ba, có khả năng tranh luận: đưa ra các lý lẽ với bằng chứng hỗ trợ. Tư duy phản biện bao gồm cả việc nhận dạng, đánh giá, và xây dựng các lý lẽ.

Thứ tư, có khả năng suy luận: có khả năng rút ra kết luận từ một hoặc nhiều chi tiết. Để làm được việc này cần phải nhìn thấy được mối quan hệ logic giữa các dữ liệu.

Thứ năm, xem xét vấn đề từ nhiều phương diện khác nhau: người có tư duy phản biện cần phải tiếp cận hiện tượng từ nhiều quan điểm khác nhau.

Cuối cùng, áp dụng các thủ thuật tư duy: Tư duy phản biện sử dụng nhiều thủ thuật tư duy khác nhau, bao gồm đặt câu hỏi, đưa ra các phán đoán, thiết lập các giả định.

2.2. Vai trò của tư duy phản biện

Một là, giúp sinh viên vượt ra khỏi cách suy nghĩ theo khuôn mẫu, thói quen, truyền thống có sẵn đã định hình từ bậc học phổ thông

Với tinh thần phản biện sinh viên sẽ thoát khỏi những quan niệm truyền thống, cố gắng hướng đến cái mới, tiến thêm những bước dài trong quá trình tìm kiếm chân lý hiện hữu, từ đó sinh viên sẽ tập trung khám phá những điều mới hoặc tìm thấy những giá trị mới nằm trong những vấn đề vốn đã là muôn thuở, xưa cũ.

Hai là, giúp sinh viên suy nghĩ vấn đề đa chiều với những cách giải quyết độc đáo

Tinh thần phản biện sẽ giúp sinh viên thoát khỏi lối mòn của suy nghĩ, nhìn nhận vấn đề với nhiều khía cạnh khác nhau, không còn phiến diện. Như vậy, khi tốt nghiệp đi làm sinh viên có thể suy nghĩ ra nhiều cách giải quyết vấn đề theo hướng xem xét kỹ mọi góc độ, mọi khía cạnh, để có những hướng giải quyết tốt nhất và mang lại kết quả cao.

Ba là, tư duy phản biện giúp sinh viên có ý thức rõ ràng trong việc lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác trong khi tranh luận

Có tư duy phản biện giúp sinh viên dễ dàng chấp nhận những ý kiến trái chiều được đưa ra trong tranh luận và cả cuộc sống hàng ngày, nâng cao sự tôn trọng và đồng thời luôn trong tâm thế học hỏi, lắng nghe dù có thể những ý kiến đó mang tính tiêu cực, đả kích hay phê bình.

2.3. Vài nét về sinh viên ngành giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị được thành lập theo Quyết định số 124/QĐ-ĐHĐT ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc phê duyệt Đề án tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Đồng Tháp nhiệm kỳ 2017 - 2022, trên cơ sở hợp nhất 3 ngành đào tạo sư phạm: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục Chính trị. Hiện nay Khoa Sư phạm Sử - Địa và Giáo dục Chính trị có 30 cán bộ - giảng viên tham gia đào tạo 03 chuyên ngành sư phạm: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục Chính trị, Với 04 Bộ môn trực thuộc: Bộ môn Lý luận xã hội; Bộ môn Chính trị học; Bộ môn Lịch sử; Bộ môn Địa lí. Sinh viên ngành Giáo dục chính trị thuộc khoa Sư phạm Sử - Địa và GDCT, hiện tại gồm 4 khóa đào tạo chính quy, cụ thể: GDCT 15

(15A, 15B, 15C), GDCT 16, GDCT 17 và GDCT 18 – với tổng số sinh viên của 4 khóa đào tạo chính quy tính đến thời điểm hiện tại là 162 sinh viên, đến từ khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước. Sinh viên ngành Giáo dục chính trị nói chung và sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp nói riêng có đặc thù ngành học là những chủ trương, chính sách đường lối của Đảng và pháp luật nhà nước, triết học, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê – nin, tư tưởng Hồ Chí Minh,... Sinh viên ngành GDCT được trang bị các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về khoa học sư phạm giáo dục chính trị, có năng lực giảng dạy môn Giáo dục công dân ở các trường THPT, dạy lý luận chính trị ở các trường cao đẳng, đại học,...

Bên cạnh đó, sinh viên còn có khả năng vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác Lê – nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào công việc giảng dạy và thực tiễn. Với đặc thù và vị trí công việc như vậy, thì bản thân sinh viên cần phải trang bị cho bản thân một lối tư duy tốt, tạo nền tảng để không ngừng hoàn thiện bản thân, trau dồi phẩm chất đạo đức và cả kiến thức chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

2.4. Thực trạng năng lực tư duy phản biện của sinh viên ngành giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

Để khảo sát thực trạng năng lực tư duy phản biện của sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp tác giả tiến hành thăm dò ý kiến của 60 sinh viên đang học chính quy thuộc các khóa 2015, 2016, 2017, 2018 tại Khoa Sư phạm Sử - Địa và GDCT, Trường Đại học Đồng Tháp (bao gồm sinh viên năm thứ nhất, 2, 3 và 4). Bảng khảo sát gồm 12 câu hỏi, trong đó có 11 câu hỏi đóng và 01 câu hỏi mở theo hướng lấy ý kiến.

Thứ nhất, về phương diện nhận thức

Một là, để khảo sát mức độ hiểu biết của sinh viên về tư duy phản biện, tác giả sử dụng câu hỏi số 1, 2, 3.

Đối với câu hỏi số 1, thế nào là tư duy phản biện?

Kết quả như sau: 55% là khả năng tranh luận nhằm bảo vệ ý kiến, quan điểm của bản thân trước ý kiến, quan điểm của một cá nhân hoặc tập thể; 13,3% là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá tính chính xác của vấn đề; 20% là một giai đoạn của nhận thức lý tính, mà trong đó người ta rút ra những tri thức về sự vật, hiện tượng khách quan, chủ yếu thông qua con đường khái quát, quy nạp những tài liệu kinh nghiệm; 11,7% là sự cố ý vi phạm các quy tắc logic trong suy luận nhằm mục đích đánh lạc hướng người nghe, người đọc, làm cho người khác nhầm tưởng cái sai là đúng và cái đúng là sai.

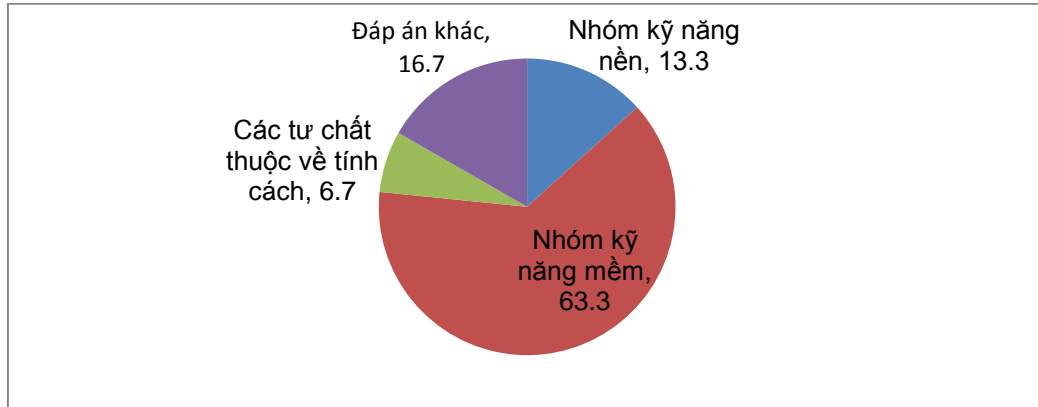
Từ số liệu khảo sát thu được, mặc dù chiếm tỉ lệ không cao 13,3% sinh viên lựa chọn ý kiến về khái niệm tư duy phản biện là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá tính chính xác của vấn đề, nhưng qua đó đã cho thấy sinh viên bắt đầu có sự quan tâm, tìm hiểu và hiểu đúng về khái niệm tư duy phản biện. Tuy nhiên, vẫn còn 86,7% sinh viên chưa hiểu rõ về khái niệm trên, còn mơ hồ và nhầm lẫn với các khái niệm về tư duy kinh nghiệm hay ngụy biện. Từ đó, chúng ta có thể rút

ra nhận xét: để sinh viên có thể lĩnh hội được những khía cạnh khác của tư duy phản biện, thì cần phải định hướng và giúp sinh viên nắm vững, hiểu đúng về khái niệm này.

Với câu hỏi số 2, tư duy phản biện nằm trong nhóm kỹ năng nào trong các kỹ năng thiết yếu (cần thiết) của một công dân thế kỉ XXI?

Kết quả khảo sát cho thấy 13,3% nhóm kỹ năng nền, 63,3% nhóm kỹ năng mềm, 6,7% các tư chất thuộc về tính cách, 16,7% đáp án khác.

Biểu đồ 1: Nhận thức của sinh viên về tư duy phản biện

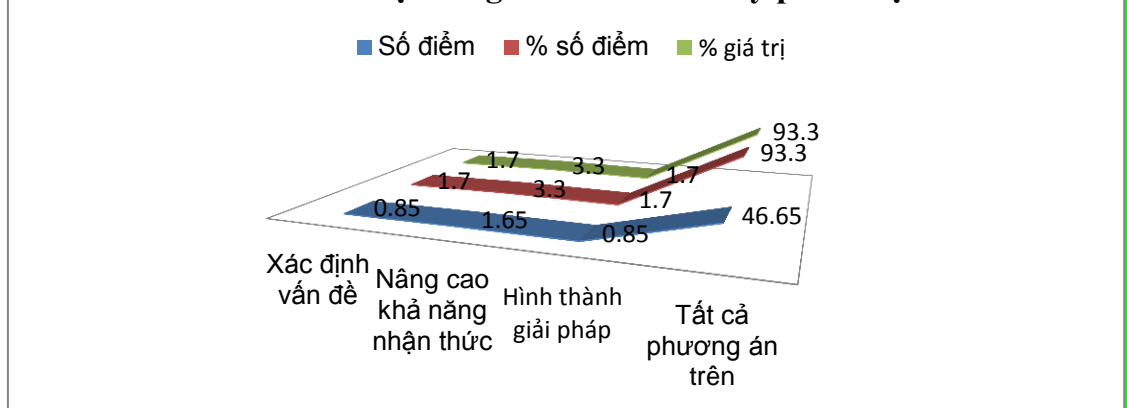


Với kết quả như trên cho thấy phần lớn sinh viên có sự am hiểu nhất định về các nhóm kỹ năng cần thiết mà xã hội đang cần đến (63,3% tư duy phản biện nằm trong nhóm kỹ năng mềm). Tuy nhiên, vẫn còn một số ít sinh viên chưa nắm được từng thành phần trong các nhóm kỹ năng, dẫn đến sinh viên nhận thức chưa đúng (36,7% chọn sai, trong đó: 13,3% chọn nhóm kỹ năng nền; 6,7% chọn các tư chất thuộc về tính cách; 16,7% chọn đáp án khác).

Đối với câu hỏi số 3, tư duy phản biện gồm những nội dung gì?

Thu được kết quả như sau: 1,7% xác định vấn đề, 3,3% nâng cao khả năng nhận thức, 1,7% hình thành giải pháp, 93,3% tất cả phương án trên.

Biểu đồ 2: Nội dung cốt lõi của tư duy phản biện



Từ sự phản ánh của biểu đồ trên, cho chúng ta thấy 93.3% người học đã nắm vững được nội dung cốt lõi của tư duy phản biện, còn lại 6,7% chưa nắm vững được những nội dung của phương pháp tư duy phản biện. Cụ thể: 1,7% xác định vấn đề, 3,3% nâng cao khả năng nhận thức, 1,7% hình thành giải pháp. Qua đó, minh chứng

bên cạnh những hạn chế nhất định, thì người học đã có nhận thức khái quát hơn về tư duy phản biện.

Hai là, để làm rõ nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của tư duy phản biện đối với sinh viên, người viết sử dụng câu hỏi số 7, 8, và 9.

Đối với câu hỏi số 7: Theo bạn, trong thế kỉ XXI năng lực tư duy phản biện có thật sự cần thiết không?

Kết quả thu được: 100% rất cần thiết; 0% không cần thiết; 0% có cũng được, không cũng không sao. Qua đó chứng tỏ rằng: phần lớn sinh viên đánh giá rất cao về sự cần thiết của tư duy phản biện trong thời kì hội nhập và phát triển như giai đoạn hiện nay.

Với câu hỏi số 8: Tại sao năng lực tư duy phản biện lại thật sự cần thiết trong thế kỉ XXI (hay giai đoạn hiện nay)?

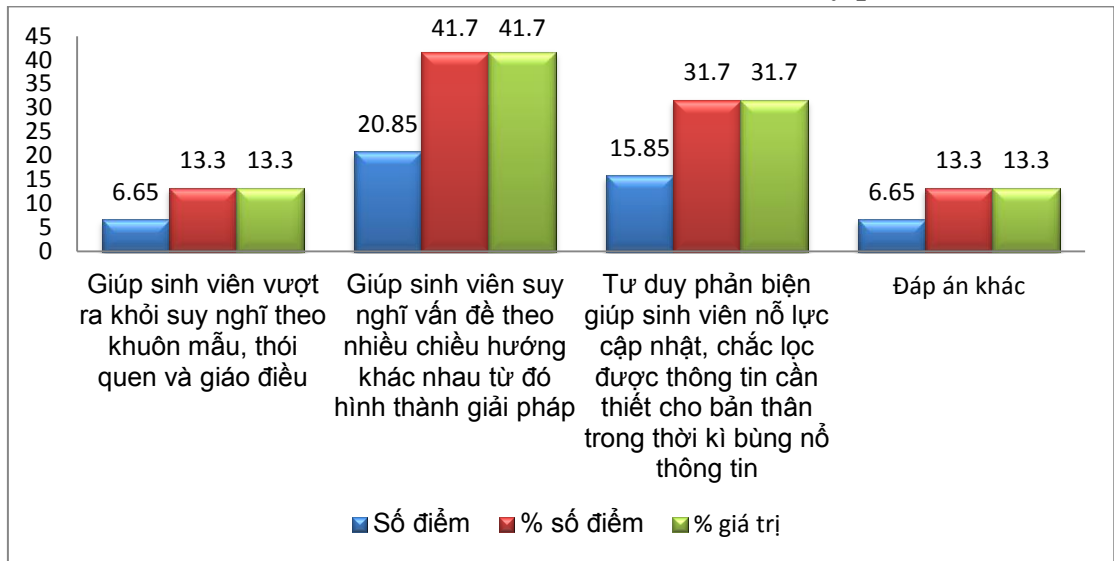
Số liệu thu được như sau: 6,7% tư duy phản biện giúp nhìn nhận vấn đề một cách bao quát; 5% tư duy phản biện giúp tận dụng được những kiến thức và sử dụng nó cho chính bản thân; 30% tư duy phản biện cho phép cân nhắc những giải pháp một cách toàn diện thông qua việc so sánh những lợi ích và bất lợi của từng lựa chọn; 58,3% tất cả các ý kiến trên.

Từ chỗ khẳng định sự cần thiết của tư duy phản biện người học đã có sự khám phá để lý giải được sự cần thiết đó, cụ thể: 58,3% lý giải đúng: tư duy phản biện giúp nhìn nhận vấn đề một cách bao quát; tư duy phản biện giúp tận dụng được những kiến thức và sử dụng nó cho chính bản thân; tư duy phản biện cho phép cân nhắc những giải pháp một cách toàn diện thông qua việc so sánh những lợi ích và bất lợi của từng lựa chọn. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số sinh viên chưa lý giải đúng, còn phiến diện và chưa sâu sắc, bao quát: 41,7% sinh viên chưa nhận định đúng về sự cần thiết của tư duy phản biện (trong đó, 6,7% tư duy phản biện giúp nhìn nhận vấn đề một cách bao quát; 5% tư duy phản biện giúp tận dụng được những kiến thức và sử dụng nó cho chính bản thân; 30% tư duy phản biện cho phép cân nhắc những giải pháp một cách toàn diện thông qua việc so sánh những lợi ích và bất lợi của từng lựa chọn).

Đối với câu hỏi số 9: Tư duy phản biện có vai trò như thế nào đối với sinh viên?

Kết quả thu được: 13,3% giúp sinh viên vượt ra khỏi suy nghĩ theo khuôn mẫu, thói quen và giáo điều; 41,7% giúp sinh viên suy nghĩ vấn đề theo nhiều chiều hướng khác nhau từ đó hình thành giải pháp; 31,7% tư duy phản biện giúp sinh viên nỗ lực cập nhật, chất lọc được thông tin cần thiết cho bản thân trong thời kì bùng nổ thông tin; 13,3% đáp án khác.

Biểu đồ 4: Nhận thức của sinh viên về vai trò của tư duy phản biện



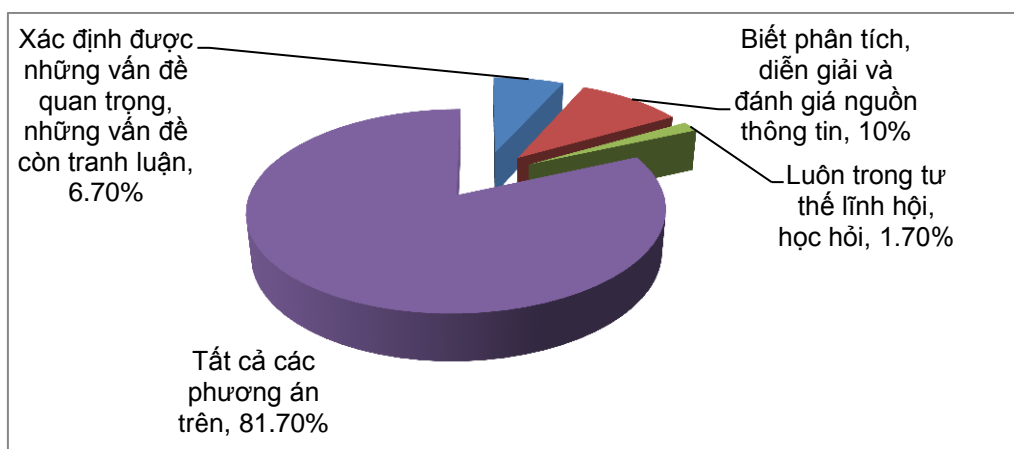
Từ những số liệu của bảng khảo sát chúng ta thấy rằng, mặc dù mỗi người có cách nhận định về vai trò của tư duy phản biện khác nhau, nhưng đa phần người học đã nắm bắt và hiểu được về tầm quan trọng của tư duy phản biện, trong đó 13,3% giúp sinh viên vượt ra khỏi suy nghĩ theo khuôn mẫu, thói quen và giáo điều; 41,7% giúp sinh viên suy nghĩ theo nhiều chiều hướng khác nhau từ đó hình thành giải pháp; 31,7% cho rằng tư duy phản biện giúp sinh viên nỗ lực cập nhật, chắt lọc được thông tin cần thiết cho bản thân trong thời kì bùng nổ thông tin; 13,3% đáp án khác.

Ba là, để hiểu được những yếu tố góp phần hình thành năng lực tư duy phản biện của sinh viên, tác giả sử dụng câu hỏi số 10.

Đối với câu hỏi số 10: Theo bạn, đối với sinh viên ngành Giáo dục chính trị để hình thành năng lực tư duy phản biện cần?

Thu được kết quả như sau: 6,7% xác định được vấn đề quan trọng, những vấn đề còn tranh luận; 10% biết phân tích, diễn giải và đánh giá nguồn thông tin; 1,7% luôn trong tư thế lĩnh hội, học hỏi; 81,7% tất cả các phương án trên.

Biểu đồ 5: Nhận thức của sinh viên về các nhân tố hình thành tư duy phản biện



Từ kết quả khảo sát thu được, với 81,7% sinh viên lựa chọn tất cả các phương án trên, đã cho thấy đa phần sinh viên nhận thức rõ và quan tâm đặc biệt đến các nhân tố cần thiết giúp hình thành tư duy phản biện, phần lớn sinh viên đã thấy được mối

quan hệ giữa ba nhân tố trên, sự kết hợp hài hòa giữa ba nhân tố sẽ tạo thành một lối tư duy phản biện tốt và ngược lại. Tuy nhiên, vẫn còn một số sinh viên chưa thấy được mối liên hệ này (18,3% sự lựa chọn chỉ là một trong ba nhân tố được đề cập đến, cụ thể: 6,7% xác định những vấn đề quan trọng, những vấn đề còn tranh luận; 10% biết phân tích, diễn giải và đánh giá nguồn thông tin; 1,7% luôn trong tư thế lĩnh hội), việc chưa thấy được mối quan hệ giữa ba nhân tố dẫn đến quá trình hình thành tư duy phản biện gặp nhiều khó khăn.

Tóm lại, về phương diện nhận thức, mặc dù vẫn còn một số sinh viên chưa nhận thức đúng, còn thờ ơ, đôi khi hiểu nhưng chưa sâu sắc, mơ hồ, nhầm lẫn về tư duy phản biện, nhưng nhìn chung đa phần sinh viên đã có những nhận thức nhất định về tư duy phản biện từ *khái niệm, tính cần thiết, vai trò và cả những nhân tố góp phần giúp sinh viên tôi luyện bản thân hình thành nên lối tư duy tốt*. Từ sự am hiểu sinh viên đã tiến thêm một bước dài để khám phá những khía cạnh khác của tư duy phản biện và áp dụng nó vào trong cuộc sống lẫn học tập của bản thân.

Thứ hai, về phương diện thực hành

Để biết được tính phản biện trong quá trình học tập của sinh viên, người viết sử dụng câu hỏi số 4, 6.

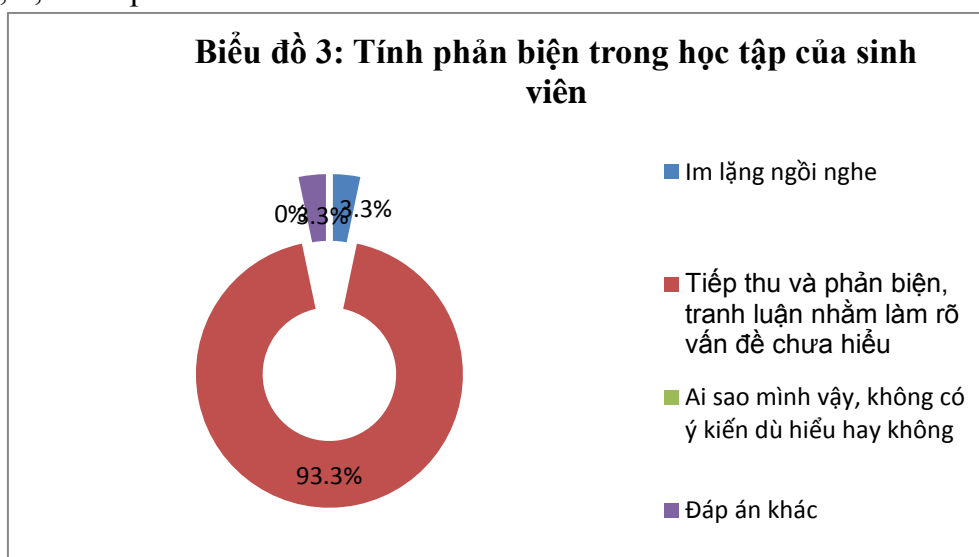
Đối với câu hỏi số 4: Khi nghe giảng viên giảng về nội dung bài học, bạn sẽ?

Kết quả như sau: 0% ghi lại tất cả từng câu từng chữ những gì được giảng, 96,7% nhớ và ghi lại theo cách hiểu của bản thân, 0% nhờ giảng viên đọc lại cho ghi bài, 3,3% đáp án khác.

Qua đó, cho thấy đa phần tính phản biện trong học tập của sinh viên rất cao 96,7%. Điều đó minh chứng sinh viên đã dần thoát khỏi phương pháp học tập thụ động, phương pháp học ở bậc phổ thông, chú trọng đến tính phản biện trong quá trình lĩnh hội tri thức. Bên cạnh đó, vẫn còn một số ít sinh viên chưa thể hiện được tính phản biện trong học tập (3,3% đáp án khác).

Với câu hỏi số 6: Trong quá trình thảo luận nhóm trên lớp, bạn sẽ?

Kết quả thu được: 3,3% im lặng ngồi nghe; 93,3% tiếp thu và phản biện, tranh luận lại nhằm làm rõ vấn đề chưa hiểu; 0% ai sao mình vậy, không ý kiến dù hiểu hay không; 3,3% đáp án khác.

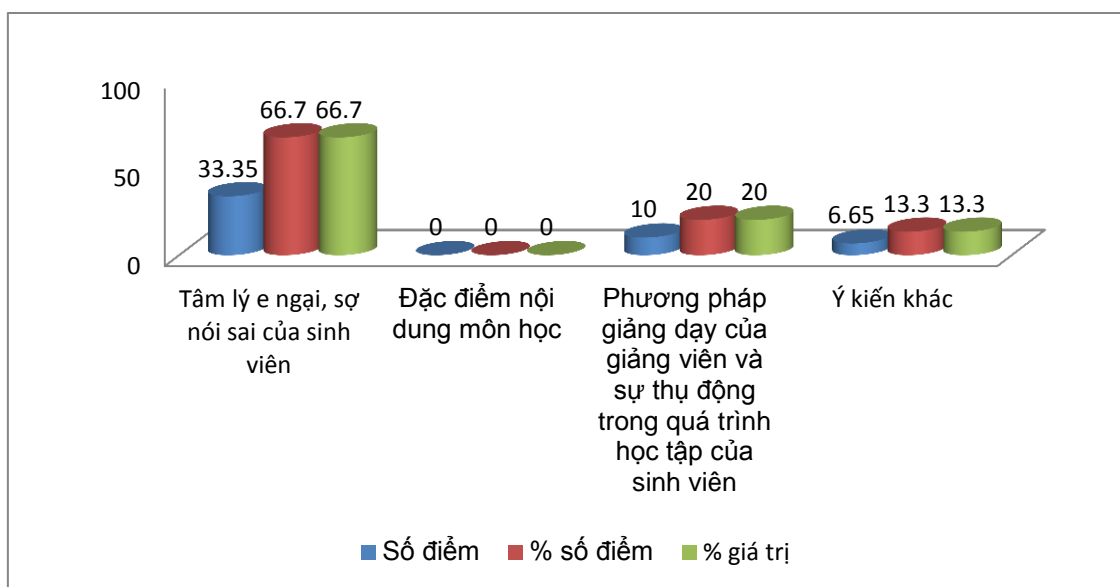


Qua số liệu thu được, đã phản ánh tính phân biệt trong học tập cụ thể là trong quá trình hoạt động và thảo luận nhóm đang được người học đặc biệt quan tâm, thay vì im lặng lắng nghe thì 93,3% tiếp thu và phản biện, tranh luận lại nhằm làm rõ vấn đề chưa hiểu, chứng tỏ tính phân biệt trong học tập và thảo luận nhóm là vô cùng cần thiết. Trên thực tế, trong các buổi học thảo luận nhóm trên lớp phần lớn sinh viên phản biện rất sôi nổi với những lập luận thuyết phục, những câu hỏi phản biện rất hay, phân dần cấp độ tư duy và đào sâu kiến thức. Tuy nhiên, bên cạnh những biểu hiện tích cực phản biện, thì vẫn còn một số sinh viên còn nhiều hạn chế trong việc tham gia hoạt động thảo luận nhóm, các bạn thụ động và không có sự phản biện trước những ý kiến được truyền tải, cụ thể: 3,3% im lặng ngồi nghe, 3,3% đáp án khác – điều đó cho thấy số ít sinh viên này chưa có sự đột phá và phản biện, vẫn còn thụ động và an toàn về mặt tư duy.

2.5. Nguyên nhân và những rào cản trong tư duy phản biện

Mặc dù, hiểu được tầm quan trọng và những lợi ích tư duy phản biện, cho nên trong quá trình học tập sinh viên đã rất tích cực trau dồi nhiều nhân tố để hình thành và rèn luyện cho bản thân một năng lực phản biện tốt. Song trong quá trình rèn luyện đôi khi sinh viên đã gặp không ít rào cản. Vậy, nguyên nhân và những yếu tố nào đã tác động đến quá trình rèn luyện và thực hành tư duy phản biện của sinh viên. Để trả lời cho nghi vấn này, tác giả sử dụng câu hỏi số 11. Khi được hỏi: Yếu tố nào ảnh hưởng đến năng lực tư duy phản biện của sinh viên chuyên ngành? Đã thu được kết quả khả quan như sau: 66,7% tâm lý e ngại, sợ nói sai của sinh viên; 0% đặc điểm nội dung môn học; 20% phương pháp giảng dạy của giảng viên và sự thụ động trong quá trình học tập của sinh viên; 13,3% ý kiến khác.

Biểu đồ 6: Yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tư duy phản biện của sinh viên



Từ kết quả khảo sát thu được, đã vạch rõ những nguyên nhân và các yếu tố làm cản trở quá trình rèn luyện và thực hành tư duy phản biện của sinh viên, đó là:

Một là, suy nghĩ theo hướng có lợi cho bản thân là xu hướng luôn chấp nhận và bảo vệ những ý kiến phù hợp và đồng thuận với cách suy nghĩ của mình[7]. Ví dụ,

trong khi tranh luận về vấn đề thi cử, một số sinh viên sẽ ủng hộ việc làm bài thi có sử dụng tài liệu vì cho rằng nó sẽ dễ dàng hơn trong quá trình thi, thế nhưng một số khác lại không đồng ý vì nó sẽ gây cản trở trong quá trình thi cử, kiến thức mang tính thực tiễn nhiều hơn.

Hai là, kỹ năng đọc kém, thực tế đã minh chứng việc đọc cũng là một trong những nhân tố góp phần nâng cao tư duy phản biện của sinh viên, việc thiếu hay kỹ năng đọc kém sẽ là một cản trở không nhỏ, bởi từ đó nó dẫn đến ngôn từ không phong phú và không có sức thuyết phục trong lập luận. Đồng thời, trước một vấn đề sinh viên sẽ không biết nên sử dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp, đảm bảo sự tôn trọng và phép lịch sự tối thiểu trong giao tiếp. Bên cạnh đó, kỹ năng đọc kém hay không thường đọc và nghiên cứu dẫn đến kiến thức bị hổng nhiều chỗ, khi cần dẫn chứng cho lập luận sẽ rất khó.

Ba là, áp lực từ những thứ xung quanh, trong tranh luận nhất là với những chủ thể có mối quan hệ thân thiết, sinh viên rất khó đưa ra ý kiến phản biện – với tâm lý lo sợ làm mất lòng hay sợ ảnh hưởng đến mối quan hệ của bản thân và sợ nói sai.

Bốn là, rập khuôn máy móc, sinh viên thường có suy nghĩ rằng những gì được đề cập trong giáo trình hay do giảng viên nói ra mới là đúng và đáng tin, còn những kiến thức ngoài đều không đáng tin và khó để nhận định được. Chính vì thế, sinh viên chẳng khác gì một chú vẹt hay cỗ máy chỉ theo những điều đã được lập trình sẵn, không biết phản biện vấn đề, đôi khi không phải lúc nào giáo sư, giảng viên hay những người có danh tiếng nói ra điều đúng, nếu suy ngẫm ta sẽ nhận ra nhiều vấn đề hơn.

Năm là, tâm lý nóng nảy, bộp chộp, sinh viên thường có tâm lý ý kiến của mình đưa ra nếu bị phản ánh lại theo chiều hướng khác thì sẽ tỏ thái độ khó chịu, tìm đủ mọi lập luận đả kích lại ý kiến của người khác – mặc dù vẫn chưa biết ý kiến phản biện đó như thế nào, miễn nó khác với ý kiến của bản thân là đả kích đến cùng, điều đó rất dễ khiến cho sinh viên trở nên bảo thủ, độc đoán.

2.6. Kiến nghị một số giải pháp khắc phục và bồi dưỡng, phát triển năng lực tư duy phản biện cho sinh viên ngành giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

Từ thực trạng, đồng thời là những nguyên nhân ngăn cản quá trình rèn luyện và thực hành tư duy phản biện, chúng ta cần có những giải pháp thiết thực để bồi dưỡng và phát huy năng lực tư duy phản biện của sinh viên.

2.6.1. Về phía nhà trường

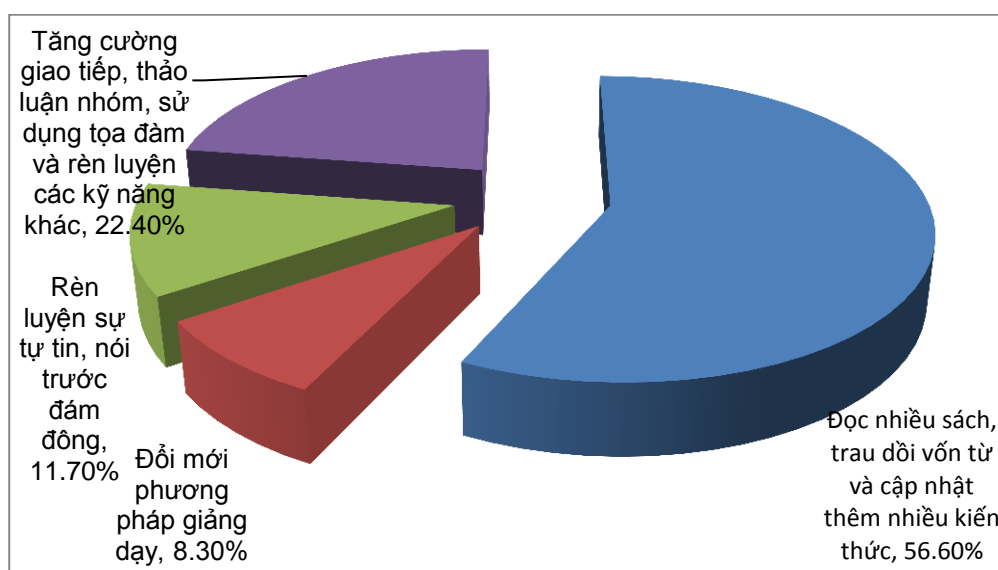
Đặc biệt quan tâm đến tư duy phản biện, đưa nó trở thành môn học chính. Với việc bổ sung tư duy phản biện vào chương trình đào tạo, trở thành một trong những môn học bắt buộc đối với tất cả các sinh viên ngành giáo dục chính trị đang học theo quy chế tín chỉ sẽ góp phần tạo điều kiện cho tất cả sinh viên được học tập phương pháp tư duy phản biện và có thể vận dụng nó trong quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp [1]. Trên thực tế có khá nhiều trường từ lâu đã đưa tư duy phản biện trở thành môn học bắt buộc nhằm nâng cao năng lực, sự nhạy bén cho sinh viên – đội ngũ trí thức trẻ. Trong các trường, phải kể đến trường Đại học mở TP HCM đã thành công

đưa tư duy phản biện thành môn học theo quy chế tín chỉ, khiến người học rất hứng khởi.

2.6.2. Về phía sinh viên và giảng viên

Về phía sinh viên và giảng viên, để đưa ra những giải pháp thiết thực và phù hợp. Tác giả tiến hành lấy ý kiến của sinh viên về những việc cần phải làm nhằm nâng cao và phát huy năng lực tư duy phản biện thông qua câu hỏi mở số 12. Khi được hỏi: Theo bạn cần làm gì để nâng cao và phát huy năng lực tư duy phản biện cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị? Theo đó, 56,6% đọc nhiều sách để trau dồi vốn từ và cập nhật thêm nhiều kiến thức; 8,3% đổi mới phương pháp giảng dạy; 11,7% rèn luyện sự tự tin, nói trước đám đông; 22,4% tăng cường giao tiếp, thảo luận nhóm, sử dụng tọa đàm và rèn luyện các kỹ năng khác.

Biểu đồ 7: Giải pháp nâng cao và phát huy năng lực tư duy phản biện của sinh viên



Từ số liệu khảo sát, cho thấy những điều cần thiết mà cả về phương diện sinh viên lẫn giảng viên phải làm để khắc phục những hạn chế, nâng cao và phát huy năng lực tư duy phản biện, cụ thể:

Thứ nhất, về phía sinh viên

Một là, rèn cách đọc, chất lọc thông tin và ghi nhớ kiến thức. Với tính chất của ngành Giáo dục chính trị là thường tiếp cận với những giáo trình, tài liệu bổ trợ kiến thức chuyên môn dày hàng mấy trăm trang, do đó khi nghiên cứu những chương dài của tài liệu, giáo trình. Sinh viên nên lấy giấy bút ghi lại những ý chính để tiện theo dõi. Ngoài ra, để giúp cho việc tư duy phản biện, hãy chọn và ghi các ý theo một phương pháp khoa học, ví dụ như viết các quan điểm và kết luận ở cột bên trái; dẫn chứng, giải thích và những ý hỗ trợ ở cột bên phải tương ứng. Sau đó nhìn vào bảng tổng kết để ghi bổ sung thêm những ý kiến của mình bằng một màu mực khác, đồng thời trao đổi với bạn bè hay những người có cùng hứng thú, am hiểu về lĩnh vực đó để có cái nhìn khách quan hơn.

Phương pháp ghi chú khoa học hỗ trợ TDPB

Cột bên trái	Cột bên phải
--------------	--------------

VD: Vấn đề “Có hiện tượng bị ma nhập không”

Quan điểm nhận định: 1.Không có

2.Có

KL: Có hay không hiện tượng bị ma nhập..

- Giải thích: 1.Không có hiện tượng ma nhập.
 Vì: (đưa ra lập luận)
 - Dẫn chứng minh họa: ...
 -Giải thích: 2.Có hiện tượng bị ma nhập. Vì:
 (đưa ra lập luận)
 - Dẫn chứng minh họa: ...
 → Ý bổ sung cho nhận định 1: Nếu không có hiện tượng bị ma nhập, vậy tại sao hiện tượng đó lại diễn ra trong cuộc sống thường ngày?
 Nguyên nhân ..
 -->Ý bổ sung cho nhận định 2: Nếu có hiện tượng ma nhập, vậy tại sao chỉ một vài người bị tác động (hay gặp phải)? Nguyên nhân..

Hai là, trau dồi ngôn ngữ diễn đạt. Để có thể có được ngôn ngữ phong phú, tinh tế và lôi cuốn tăng sức thuyết phục chủ thể khác, sinh viên cần thường xuyên đọc nhiều sách, báo, trao đổi và giao tiếp nhiều hơn để tích góp vốn từ ngữ cho riêng mình. Đọc sách không chỉ giúp tăng vốn từ mà còn là cách rèn luyện tư duy khá hiệu quả, sách cung cấp những kiến thức hữu ích từ nhiều lĩnh vực khác nhau, từ đó giúp sinh có thêm nhiều kiến thức làm nền tảng cho các lập luận và luận cứ, dẫn chứng. Một trong những nhân tố cần thiết cho quá trình tư duy phản biện đó chính là “ngôn từ được sử dụng”.

Ba là, tích cực đặt câu hỏi, rèn luyện kỹ năng lập luận và trình bày ý kiến. Sinh viên thường có suy nghĩ sợ nói sai bị bạn bè cười, sợ bị đánh giá,.. nên từ đó khá e ngại trong việc phát biểu và đặt câu hỏi. Việc đặt câu hỏi có thể ban đầu không hoàn chỉnh, câu từ lủng củng thiếu logic và khó hiểu, nhưng đó là cách giúp sinh viên nhìn bao quát vấn đề hơn, đặt câu hỏi giúp ích rất nhiều trong quá trình tư duy phản biện, giúp kiểm chứng kiến thức của bản thân, quá trình tư duy của sinh viên ngày càng hoàn thiện và phát triển.

Bốn là, tìm kiếm và cập nhật thông tin. Trong quá trình học tập đòi hỏi sinh viên không những phải nắm vững kiến thức về chuyên môn. Mà còn phải trang bị, cập nhật những thông tin cần thiết đối với cuộc sống hằng ngày như: pháp luật, chính trị, tôn giáo, xã hội,..để không ngừng bổ sung vào vốn hiểu biết, làm giàu tri thức cho bản thân.

Năm là, tăng cường giao tiếp và đàm thoại. Giao tiếp là cách tốt nhất giúp sinh viên khắc phục được tâm lý lo sợ, e ngại, thông qua giao tiếp sinh viên sẽ tiếp thu và lĩnh hội được nhiều điều mới, bổ ích, đồng thời rèn luyện và hình thành sự tự tin khi tiếp xúc với chủ thể khác và tự tin khi đứng trước đám đông, qua giao tiếp sinh viên còn rèn cho bản thân kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng ngôn từ,.. Việc thường

xuyên giao tiếp sẽ khiến những lời nói trở nên có vị trí hơn trong mắt chủ thể khác. Những kinh nghiệm đúc kết từ nhiều lần giao tiếp sẽ giúp sinh viên cảm nhận được tâm lý, trạng thái cảm xúc của người đối diện. Từ đó, sinh viên có thể làm chủ tốt không gian, thời gian và trở thành trung tâm của cuộc phản biện.

Thứ hai, về phía giảng viên

Một là, dẫn dắt sinh viên đặt và trả lời câu hỏi theo lối tư duy phản biện. Câu hỏi theo lối tư duy phản biện là dạng câu hỏi có thể khai thác thông tin đầy đủ, đa diện, hệ thống mà qua đó người học sẽ tiếp nhận vấn đề một cách sâu sắc và toàn diện nhất. Chẳng hạn khi học về CNXH, giảng viên có thể hỏi sinh viên “Lệch hướng XHCN là gì? Hiện nay có bao nhiêu nước theo chế độ CNXH – Với câu hỏi trên, sinh viên sẽ lần lượt nêu ra ý kiến của bản thân, tranh luận để tìm ra câu trả lời hợp lý nhất; trong quá trình tìm ra câu trả lời sinh viên sẽ nêu lên những thắc mắc dưới dạng những câu hỏi: “Tại sao con đường thực hiện CNXH gặp nhiều khó khăn, mà nhiều nước lại đang từng bước tiến lên CNXH? càng nghi vấn sinh viên sẽ càng hứng thú và liên tục phản biện lại.”

Hai là, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên thường xuyên động não. Trong quá trình lên lớp, giảng viên nên khuyến khích sinh viên bàn bạc, thảo luận và là vị trọng tài. Giảng viên nên huấn luyện sinh viên thành những người thầy để truyền đạt tri thức cho các bạn sinh viên khác qua việc thảo luận nhóm. Qua việc truyền đạt, người học sẽ có cơ hội nói lại những điều đã đọc được, suy luận bằng chính ngôn ngữ của mình, nhận được sự phản biện từ bạn học và phải bảo vệ luận điểm của mình. Giảng viên sẽ đóng vai trò là người phân xử, đồng thời sử dụng các kỹ thuật đặt câu hỏi, dẫn dắt vấn đề theo định hướng của nội dung bài học để sinh viên tự tìm ra lời giải đáp cho vấn đề của mình. Giảng viên phải thể hiện vai trò là “người chỉ đường” theo chủ trương của giáo dục học Phật giáo [3], thông qua vai trò trên, giảng viên dạy cho người học tư duy phản biện một cách tích cực, giúp họ nhận ra, hiểu đúng và phê phán những lệch lạc và quan niệm sai lầm của chủ thể khác.

Ba là, đổi mới căn bản, toàn diện cách thức ra đề thi, kiểm tra đối với tất cả các môn học. Mặc dù, trên thực tế đã đa dạng hóa cách ra đề thi, kiểm tra như: vấn đáp, đề mở, bài tập lớn,... Thế nhưng nó vẫn còn là những bất cập đối với một số môn nhất định, điều đó sẽ khiến người học khó thích ứng cũng như quá trình ôn tập kiến thức gặp một số khó khăn, đồng thời giáo viên khó có thể đánh giá toàn diện được trình độ hiểu, biết và vận dụng của người học. Do đó, cần thay đổi một cách toàn diện, đồng bộ cách thức ra đề kiểm tra, thi cử đối với tất cả các môn học, nhằm giúp sinh viên dễ dàng thích ứng và ghi nhớ kiến thức tốt, kích thích tư duy hóa vấn đề của sinh viên.

3. Kết luận

Phản biện là một loại công việc mang lại nhiều lợi ích trong các lĩnh vực chuyên môn học thuật cũng như các lĩnh vực hoạt động xã hội khác. Tư duy phản biện càng có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết đối với sinh viên ngành Giáo dục chính trị. Vì thế, việc trang bị tư duy phản biện cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị Trường Đại học Đồng Tháp là rất cần thiết. Với những lợi ích mà tư duy phản biện mang lại không những làm cho sinh viên trở thành những người đầy nhiệt huyết, năng động, sáng tạo.

Bên cạnh đó, giúp sinh viên tự rèn luyện cho bản thân những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai, đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Giúp sinh viên vững vàng hơn trên con đường tương lai của bản thân. Có tư duy phản biện – sinh viên sẽ dễ hội nhập và phát triển mình trong xu thế của nền đại công nghiệp 4.0 như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bùi Loan Thùy (2012), Dạy và rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên, *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, số 7 (17) – tháng 11-12

[2]. Lê Ngọc Hân - Lê Văn Tùng (2015), Tư duy phản biện của sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp, *Hội nghị kỷ yếu khoa học*, Trường Đại học Đồng Tháp.

[3]. Lê Thanh Thê (2017), Thực trạng và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng tư duy phản biện của sinh viên Trường Đại học Đồng Nai theo giáo dục học Phật giáo, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Đồng Nai, số 06.

[4]. Nguyễn Thị Hòa (2017), Bàn về tư duy phản biện trong giáo dục đại học, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Đồng Nai, số 05.

[5]. *Về khái niệm tư duy phản biện*, <http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/ve-khai-niem-tu-duy-phan-bien>, [truy cập ngày: 10/01/2019].

[6]. Tư duy – phản biện, http://www.academia.edu/30923248/Series_T%C6%B0_duy_Ph%E1%BA%A3n_bi%E1%BB%87n, [truy cập ngày: 13/01/2019].

[7]. Trường ĐH Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh, Nguyễn Thành Thi, *Rèn luyện tư duy phản biện trong học sinh sinh viên*, , <https://tailieu.vn/doc/ren-luyen-tu-duy-phan-bien-trong-hoc-sinh-sinh-vien-pgs-ts-nguyen-thanh-thi-1831263.html> . [truy cập ngày: 10/ 01/ 2019].

[8]. *Tư duy phản biện*, <https://www.drawyourbrain.com/tu-duy-phan-bien/>. [truy cập ngày: 13/01/2019].

[9]. Trường Đại học Văn Hiến, *Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện*, Tài liệu môn học kỹ năng mềm, <http://viendoanhtri.vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/viendoanhtri/T%C6%AF%20DUY%20S%C3%81NG%20T%E1%BA%A0%20V%C3%80%20PH%E1%BA%A2N%20BI%E1%BB%86N.pdf>, [truy cập ngày: 13/01/2019].

TÌM HIỂU NĂNG LỰC TƯ DUY KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV: Võ Thị Ngọc Linh

Lớp: ĐHGDCCT 17A

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

Tóm tắt: Tư duy khoa học là năng lực cần thiết của người công dân hiện đại, năng lực ấy không tự dưng mà có, nó phải là quá trình học tập, rèn luyện. Bài báo này làm rõ một số vấn đề năng lực tư duy khoa học, thực trạng cũng như giải pháp để phân tích làm rõ năng lực tư duy khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.

Từ khóa: Năng lực tư duy khoa học, sinh viên ngành giáo dục chính trị, tư duy khoa học.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay trong việc đổi mới ngành giáo dục của nước ta không chỉ đổi mới phương pháp dạy và học mà còn hướng đến nâng cao năng lực của người học. Đồng thời phát huy được khả năng tự tiếp thu của trí tuệ chuyên biệt của mỗi cá nhân. Việc đổi mới về tư duy sẽ giúp cho thế hệ trẻ phát huy tư duy trí tuệ theo kịp thời đại thì chúng ta phải đổi mới trước nhất là tư duy của sinh viên. Việc đổi mới này không chỉ giúp cho chất lượng đào tạo nguồn nhân lực không chỉ có kiến thức mà còn có một nền tảng, một lối tư duy vững chắc trong việc giải quyết các vấn đề. Đặc biệt khi là một sinh viên theo học ngành Giáo dục chính trị một ngành đang được quan tâm nhất thì tư duy khoa học lại là một yêu cầu cần có khi theo học ngành này. Hiện nay thì nhiều sinh viên sau khi ra trường khó xin việc làm tại sao và nguyên nhân là do đâu. Thì trước hết ta phải giải quyết các vấn đề sau. Tại sao phải tư duy khoa học? Tư duy khoa học để làm gì? Thực trạng năng lực tư duy khoa học của sinh viên ngành Giáo dục chính trị hiện nay ra sao? Tầm quan trọng của tư duy khoa học? Ta cần là gì để nâng cao năng lực tư duy khoa học? Đây cũng chính là những lí do mà tôi làm bài nghiên cứu này nhằm bồi dưỡng tư duy độc lập sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, học tập từ thực trạng cũng như đề xuất giải pháp bồi dưỡng tư duy khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp.

2. Tư duy khoa học và vai trò của nó đối với sinh viên

2.1. Tư duy khoa học

Tư duy là một quá trình tâm lý phản ánh các thuộc tính, bản chất, mối quan hệ của các sự vật hiện tượng thể hiện qua ngôn ngữ giải quyết các vấn đề. Khoa học là hệ thống tri thức về qui luật của vật chất và sự vận động của vật chất, những qui luật của tự nhiên, xã hội, và tư duy. Tư duy khoa học là trình độ cao của quá trình nhận thức được thực hiện với các thao tác tư duy nhất định trong đầu óc với sự giúp đỡ của “công cụ” tư duy khoa học nhằm nhào nặn các tri thức tiền đề thành tri thức khoa học dưới dạng phạm trù, khái niệm, quy luật, lý thuyết, với mục đích phản ánh ngày càng sâu sắc hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn về đối tượng cũng như việc vận dụng có hiệu

quả nhất các tri thức vào thực tiễn. Tư duy khoa học không chỉ là tư duy của cá nhân nhà khoa học chuyên nghiệp, mà còn là tư duy của các nhà khoa học, cộng đồng khoa học. Tư duy của chủ thể đối bất kì xuất phát từ lập trường khoa học giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tư duy khoa học là tư duy mang tính khoa học, cần thiết cho mọi người trong xã hội. Để có phương pháp tư duy khoa học thì hoạt động nhận thức của chủ thể phải dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật. Tư duy cũng là một quá trình vận động trí tuệ của một người để vận dụng vô những việc cần thiết, đó cũng được xem là một quá trình có ích cho mỗi cá nhân. Tư duy làm cho năng lực giải quyết các vấn đề ngày càng nhanh và nâng lên một tầm cao mới.

2.2. Vai trò của tư duy khoa học đối với sinh viên

Một là, Nếu bạn có một tư duy tốt giúp bạn thu thập thông tin, nhìn nhận tiếp cận vấn đề tốt hơn, giải quyết các vấn đề một cách nhạy bén, nắm bắt các cơ hội nhanh hơn cũng như thay đổi cuộc sống của bạn.

Hai là, Mọi hoạt động của con người đều thực hiện thông qua tư duy vì thế tư duy có vai trò đặc biệt quan trọng nó giúp chúng ta rèn luyện khối óc, liên kết các tri thức, khả năng đối thoại, phản biện. Hơn thế nữa có thể tập trung nghiên cứu các suy nghĩ, thu thập thông tin, khả năng sáng tạo, đưa ra những giải pháp để giải quyết các vấn đề. Đồng thời hình thành những nghiên cứu về tư duy logic, phản ánh đúng hiện thực khách quan, lý thuyết khoa học trở thành công cụ nhận thức duy lý của khoa học hiện đại giúp ta suy nghĩ sâu hơn, nắm vững kiến thức hơn. Qua đó có thể rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo tư duy, nâng cao khả năng vận dụng các quy luật, quy tắc vào nhận thức, tri thức vào thực tiễn.

Ba là, Mọi hoạt động của con người đều thông qua tư duy của họ nên hành động của họ luôn mang tính tự giác. Đây cũng là con đường ngắn nhất, con đường tối ưu, cho phép chúng ta vận dụng tự giác các đặt trưng, thao tác vào hiện thực khách quan.

Như vậy, tư duy khoa học có vai trò rất lớn là sự vận động tư duy trí tuệ cao.

3. Thực trạng năng lực tư duy khoa học của sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

3.1. Vài nét về sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

Hiện tại có gần 200 sinh viên ngành GDCT đang học tại Khoa Sư phạm Sư - Địa và GDCT, trong đó có 150 sinh viên theo học hệ chính quy tập trung và chủ yếu đến từ các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Xuất thân từ vùng đất Nam bộ trù phú, hiền hòa giữa đất và người, các sinh viên này được kế thừa nhiều giá trị văn hóa, tập quán sản xuất, truyền thống xây dựng quê hương của nhiều thế hệ cha ông đi trước. Đáng chú ý là các giá trị văn hóa đặc trưng sông nước, coi trọng đạo hiếu, trọng nghĩa khinh tài, với tư duy thiết thực, lối sống khoáng đạt, v.v.. tất cả những đặc trưng ấy ảnh hưởng đến đặc điểm và phong cách của tư duy của sinh viên xuất thân từ vùng này nói chung, sinh viên ngành GDCT nói riêng. Một nét khác, đáng chú ý của sinh viên ngành GDCT nữa là khi xác định chọn ngành học này để phát triển bản thân, họ chấp nhận phải học nhiều hiểu rộng, trải nghiệm xã hội phong phú, để có thể tiếp cận được các kiến thức lý luận trừu tượng, khái quát, lúc đầu thường rất khó khăn nhưng khi đã

quen thì họ có thể yêu thích hiểu biết lý luận, nâng cao trình độ tư duy, thích thảo luận, tham gia hoạt động xã hội, song nét khác ấy không đồng đều ở tất cả các sinh viên. Nhìn chung, các đặc điểm nói trên có ảnh hưởng và chi phối lên đặc điểm tư duy của sinh viên ngành này.

3.2. Kết quả khảo sát thực trạng năng lực tư duy khoa học của sinh viên Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

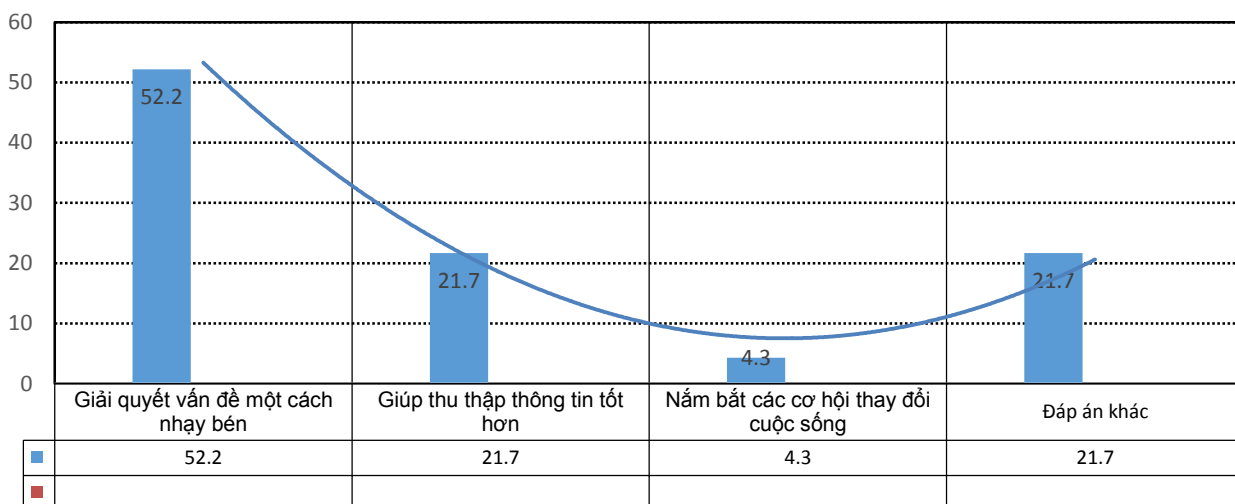
Để có được những nhận định mang tính khách quan về thực trạng các yếu tố tác động tới năng lực tư duy khoa học của sinh viên Ngành giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi với 10 câu hỏi đối với 28 sinh viên hệ chính quy tại trường thuộc chuyên Ngành Giáo dục chính trị.

Do giới hạn khuôn khổ của một bài viết nên trong bài viết này chúng tôi chỉ nêu một cách khái quát, tóm tắt thực trạng của vấn đề khảo sát như sau.

Phần lớn sinh viên ngành Giáo dục chính trị khi hỏi theo bạn thế nào là tư duy khoa học. Theo kết quả khảo sát cho thấy 100% sinh viên điều trả lời tư duy khoa học là trình độ cao của quá trình nhận thức được thực hiện qua các thao tác tư duy.

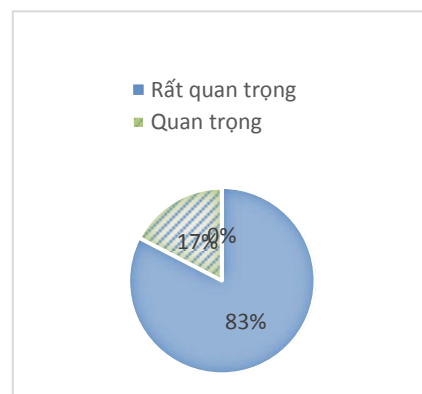
3.2.1. Mặt tích cực

Theo kết quả khảo sát khi hỏi đến tại sao phải có một tư duy tốt thì phần lớn sinh viên trả lời rằng để giải quyết các vấn đề một cách nhạy bén 52,2%, 21,7 giúp bạn nắm bắt các cơ hội thay đổi cuộc sống của bạn, 4,3% giúp bạn thu thập thông tin tốt hơn, vậy 21,7% còn lại ở đâu.



Khi chúng tôi hỏi, bạn đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của tư duy khoa học đối với sinh viên thế kỷ XXI có tới 82,6% cho rằng là rất quan trọng. Vậy nếu nó rất quan trọng như vậy thì chúng ta phải làm như thế nào để có tư duy khoa học tốt ai cũng trả lời rằng:

- Thứ nhất, đọc nhiều sách báo, tạp chí khoa học.
- Thứ hai, rèn luyện các kỹ năng cần thiết, rèn luyện bản thân, tiếp thu tri thức nhân loại.

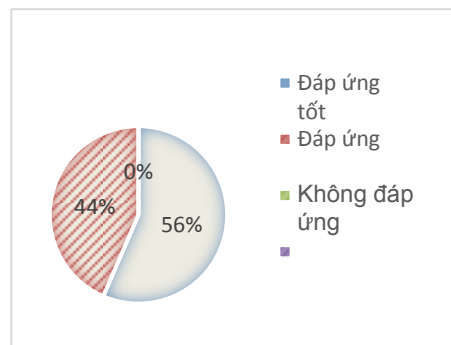


- Thứ ba, năng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên nghiên cứu sách vở, cập nhật thông tin, tiếp thu trao đổi tri thức mới.

- Thứ tư, giao tiếp nhiều và kế hoạch học tập tích cực.

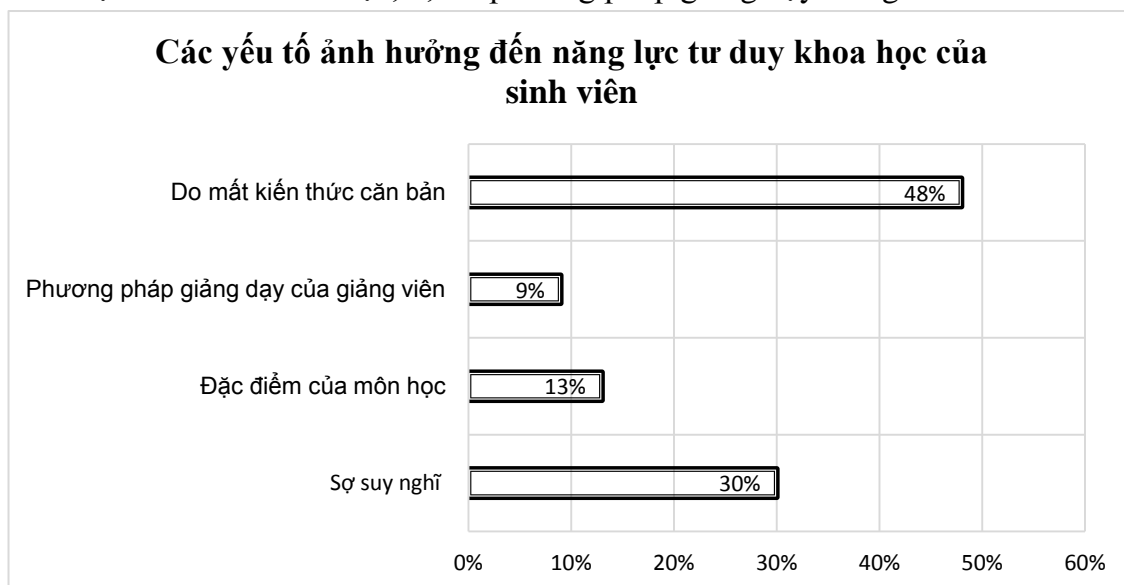
Vậy vai trò tư duy khoa học đối với sinh viên này là gì kết quả khảo sát cho thấy vai trò của tư duy khoa học thì giúp ta suy nghĩ vấn đề tốt hơn chiếm đa số 100%.

Về kết quả vận dụng tư duy khoa học trong học tập và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống thì 65,2% đánh giá tốt, nội dung chương trình đào tạo cũng chiếm 56,5% là đáp ứng yêu cầu của sinh viên.



3.2.2. Mặt tiêu cực

Yếu tố nào lại ảnh hưởng đến năng lực tư duy khoa học của sinh viên theo kết quả khảo sát có tới 47,8% do mất kiến thức căn bản, 30,4% thuộc về tâm lý sợ suy nghĩ, 13% do đặc điểm của môn học, 8,7% phương pháp giảng dạy của giáo viên.



Nếu như vậy thì rào cản lớn đối với sự phát triển tư duy khoa học của sinh viên:

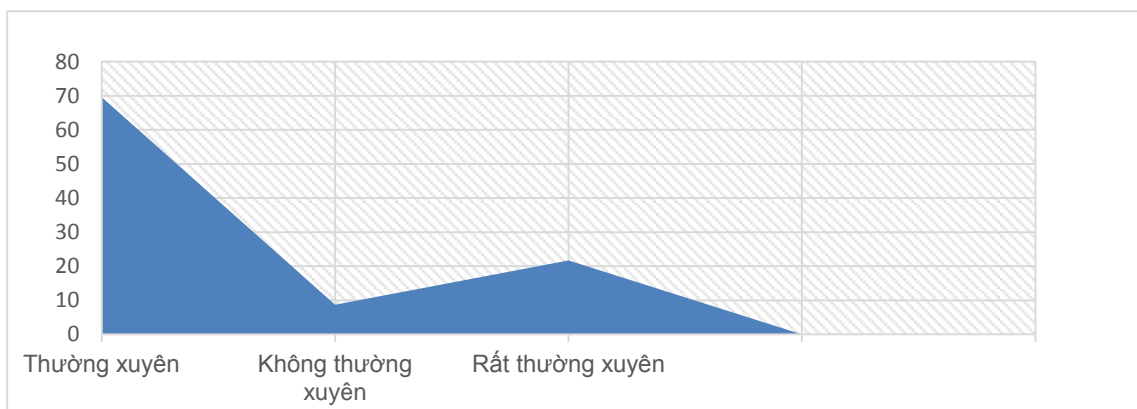
- Thứ nhất, về mặt tâm lý: nhút nhát, lo sợ, thiếu tự tin, sợ sai sợ bị chê cười, mất kiến thức, sợ suy nghĩ, ngại học tập.

- Thứ hai, do không được hướng dẫn rõ ràng.

- Thứ ba, thái độ: công nghệ thông tin ngày càng hiện đại làm cho sinh viên lười suy nghĩ, lười tư duy, lười tìm hiểu, lười nhận thức.

- Thứ tư, thói quen giờ giấc sinh hoạt và học tập, không đọc sách, không tự trao đổi kiến thức, không có kiến thức nền tảng, tư duy không logic.

Mặc dù vậy khi hỏi trên lớp thầy/cô có thường xuyên tư vấn, hướng dẫn các bạn phương pháp tư duy khoa học không có tới 69,6% trả lời thường xuyên, 21,7% nói rằng có rất thường xuyên, 8,7% không thường xuyên.



Những con số trên đây phản ánh chất lượng và hiệu quả học tập của sinh viên Ngành giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp vẫn còn nhiều hạn chế.

Từ thực trạng đến các yếu tố tác động đến năng lực tư duy khoa học của sinh viên Ngành giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp cũng như thực trạng cho thấy rằng năng lực tư duy khoa học của sinh viên còn hạn chế, vì vậy việc nâng cao trình độ đặc biệt cần thiết. Nhưng bên cạnh đó cần phát huy tối đa yếu tố nội lực nhất là giúp họ có phương pháp học tốt, tăng cường đọc sách trao đổi kiến thức, kỹ năng, thái độ, xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động học của sinh viên.

4. Một số giải pháp phát triển năng lực tư duy khoa học cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp

4.1.1. Giải pháp từ phía giảng viên

Nhà trường là nhân tố quan trọng không thể thiếu, ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành và phát triển năng lực tư duy khoa học của sinh viên. Vì vậy, giải pháp này góp phần làm tăng thêm hiệu quả của quá trình học, tạo không khí thoải mái, nhờ đó hoạt động của giảng viên và sinh viên không còn là thầy nói trò nghe mà là quá trình tương tác với nhau, đem lại tri thức hiệu quả học tập.

Thứ nhất, Tạo hứng thú cho người học bằng các tiết học không quá nhàm chán thay vì chú trọng kiến thức mà còn phải gây hứng thú cho người học. Đổi mới phương thức giảng dạy, chú trọng liên kết các tri thức, thay đổi cách nghĩ cách làm trong giáo dục.

Thứ hai, Giảm thuyết trình thuyết giảng, sinh viên phải là trung tâm, giáo viên giữ vai trò hướng dẫn, gợi ý sinh viên tìm hiểu kiến thức. Xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt, giảm bớt các phần kiến thức không phù hợp, tăng cường kiến thức quan trọng. Giúp sinh viên nâng cao khả năng liên kết sự vật sự việc liên kết với nhau, suy luận, nhận xét, đánh giá, giải quyết đúng các vấn đề; nâng cao khả năng giải quyết các tình huống, nhìn nhận vấn đề, lật ngược vấn đề từ nhiều khía cạnh khác nhau, tăng khả năng sáng tạo.

Thứ ba, Giúp cho sinh viên có khả năng diễn đạt ngôn ngữ giao tiếp tốt, tự tin; Giúp cho sinh viên ghi nhớ kiến thức thay vì học thuộc lòng, liên kết các suy luận tự học.

Thứ tư, Chương trình rèn luyện nếp suy nghĩ tích cực, hạn chế suy nghĩ hời hợt, ra quyết định đúng đắn các vấn đề xảy ra.

Thứ năm, Tiếp tục hoàn thiện phương thức đào tạo, thường xuyên trao đổi các vấn đề mang tính khoa học, các cuộc hội thảo khoa học, qua đó giúp sinh viên có thể học hỏi được những phương pháp cũng như kinh nghiệm. Vận dụng hoàn thiện khối óc, đảm bảo tính chính xác, hệ thống, nâng cao năng lực tiếp cận biến tư duy không còn là một nghệ thuật nữa mà trở thành bản năng.

4.1.2. Giải pháp từ phía sinh viên

Trước hết để có một tư duy tốt thì chính bản thân sinh viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao tư duy của mình. Để nâng cao năng lực tư duy khoa học thì trước hết sinh viên phải quan tâm đến những nội dung sau,

Thứ nhất, Thường xuyên trao đổi kiến thức từ sách, thầy (cô), bạn bè trên mạng internet. Có thể bồi dưỡng năng lực tư duy khoa học bằng cách tìm hiểu những kiến thức từ các bộ phim nói về khoa học, chú ý đến cách nói chuyện của họ học hỏi họ từ cách nói chuyện đến suy luận của họ nâng cao kỹ năng của bản thân. Nâng cao tinh thần tự học của bản thân, không ngừng học hỏi. Vận dụng những kỹ năng phẩm chất cần thiết trong khi giao tiếp logic trên lớp cũng như ngoài xã hội. Suy nghĩ sáng tạo, phân tích vấn đề, tổng hợp vấn đề theo một trật tự, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn trong các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, giao tiếp, trong trường và xã hội. Cần phải nắm bắt, thực hiện nhuần nhuyễn các phương pháp nhận thức, các phương pháp tư duy khoa học, vận dụng đúng các phương pháp đó phù hợp với nhiệm vụ đặt ra. Cần phải có năng lực tổng kết thực tiễn xây dựng lý thuyết phù hợp với thực tiễn mới.

Thứ hai, Nắm vững và tuân thủ các nguyên tắc xây dựng khái niệm, phán đoán,... và khả năng sử dụng chúng một cách thành thạo, nâng cao kỹ năng, kỹ xảo, sử dụng các hình thức cơ bản của tư duy vào nhận thức. Xây dựng kiến thức mới trên nền tảng kiến thức đã có, thực hành. Học cách tập trung, suy nghĩ trước khi làm và kết bạn với những người thông minh để thử thách bản thân.

Thứ ba, Nâng cao năng lực tư duy khoa học là nâng cao năng lực logic. Chúng ta biết rằng để có một phương pháp tư duy tốt thì tất nhiên bạn phải cố gắng. Theo nhà vật lý học đạt giải Nobel, Albert Einstein, một trong những nhà có tư duy lỗi lạc nhất đã nói: “Tư duy là một việc rất khó khăn, vì vậy rất ít người chịu tư duy”. Chính vì vậy thay đổi tư duy là một việc rất đáng làm, khi bạn dành thời gian để thay đổi tư duy, thì bạn đã có một sự lựa chọn đúng đắn. Để làm được như vậy thì bạn phải tìm cho mình một ý tưởng, đọc nhiều sách, báo, lắng nghe và nói chuyện với người có tư duy tốt. Tập trung chú ý, đặt mình vào một vị trí tốt để tư duy thêm vào đó sự nhiệt huyết cộng với một suy nghĩ đúng đắn đi kèm với hành động giúp ta rèn luyện vận dụng các vấn đề để giải quyết các vấn đề có liên quan một cách nhanh chóng, hiệu quả các vấn đề khó khăn. Hơn nữa khi ta chia sẻ ý tưởng với bạn, bạn bè và những người xung quanh có thể đưa ra một số phán đoán, nhận định các vấn đề từ nhiều mặt khác nhau. Tư duy có thể nói là một sự rèn luyện trí óc.

Thứ tư, Nắm vững tốt các kỹ năng. Người có tư duy tốt thì có rất nhiều kỹ năng: nhận thức, đánh giá, nhận xét, phân tích, đơn giản hóa mọi việc, nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh, lật ngược vấn đề,...nhưng trên hết là phải làm chủ được tất cả kỹ năng đó.

5. Kết luận

Thực chất tư duy khoa học là sự thống nhất giữa tư duy lôgic và tư duy biện chứng. Vốn là những hoạt động khách quan của tư duy nhận thức nhằm nắm bắt nội dung cụ thể của đối tượng nhận thức. Tư duy khoa học của sinh viên là một hoạt động khách quan của tư duy nhằm nắm bắt nội dung cụ thể của đối tượng, có vai trò đặt biệt quan trọng để nâng cao trình độ nhận thức cũng như suy nghĩ giải quyết các vấn đề trong học tập trong cuộc sống, học tập,... để có một tư duy tốt và có khoa học thì phụ thuộc vào khả năng của từng sinh viên cũng như trình độ chuyên môn, kiến thức, khả năng lôgic lại các vấn đề. Tuy vậy, năng lực tư duy khoa học lại chịu sự tác động của các yếu tố bên trong sinh viên cũng như các yếu tố bên ngoài giảng viên, nhà trường,... Vì vậy, để nâng cao năng lực tư duy khoa học cần thực hiện đồng bộ các biện pháp từ nhà trường, giảng viên trong đó bản thân sinh viên giữ vai trò quyết định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. John C Maxwell (2018), *Tôi tư duy tôi thành đạt*, Nxb. Lao động - xã hội.
- [2]. Nhiều tác giả (2016), *Khoa học tư duy từ nhiều tiếp cận khác nhau*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thúy Vân - Nguyễn Anh Tuấn (2009), *Lôgic học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

BỒI DƯỠNG ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

SV: Trần Thị Ngọc Hân

Lớp: DHGDCT 16A

GVHD: TS. Đỗ Duy Tú

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích nội hàm khái niệm đạo đức nhà giáo và tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm hiện nay. Bài viết bước đầu đánh giá thực trạng rèn luyện đạo đức nhà giáo của sinh viên sư phạm trường Đại học Đồng Tháp, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm bồi dưỡng đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm ĐHTT hiện nay

Từ khóa: Đạo đức nhà giáo, sinh viên sư phạm, người thầy.

1. Mở đầu

Thực tế hiện nay cho thấy, trước sự tác động của nền kinh tế thị trường trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế, cũng như nhiều ngành nghề khác, sự biến đổi thang giá trị về đạo đức và các chuẩn giá trị nhân cách đạo đức của người giáo viên diễn ra rất nhanh chóng trong xã hội, và nó đang đặt ra vấn đề hết sức đáng báo động cho nền giáo dục hiện nay. Việc áp dụng chuẩn đạo đức nghề nghiệp và cấu trúc đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Hiện tượng đề cao lợi ích vật chất, lối sống thực dụng, các tệ nạn xã hội dường như ngày càng lấn át phẩm giá của con người, tác động xấu đến tình cảm, nguyện vọng của những người làm nghề sư phạm, làm một bộ phận nhà giáo sa sút, thậm chí bị suy thoái đạo đức lối sống. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh lợi chà đạp lên quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Những biểu hiện đó đã tác động lớn đến đời sống xã hội, làm hoen ố hình ảnh một nghề cao quý luôn được xã hội tôn vinh. Nhận thấy tầm quan trọng và bức thiết của việc giáo dục đạo đức nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên có tính chiến lược không chỉ trong nhận thức, mà quan trọng hơn là mỗi nhà giáo phải tự xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nên tôi chọn “Bồi dưỡng đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm trường đại học Đồng Tháp” làm đề tài nghiên cứu cho bài báo của mình.

2. Nội dung

2.1. Đạo đức nhà giáo và tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm

2.1.1. Khái niệm đạo đức nhà giáo

Trong bất kỳ một giai đoạn lịch sử nào đạo đức nhà giáo đều được xem là đạo đức xã hội và có những nguyên tắc, chuẩn mực riêng quy định thái độ và những hành vi ứng xử của những cá nhân hoạt động trong từng tình huống sư phạm cụ thể. Khi những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức này không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng nó sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu đất nước.

Hồ Chí Minh rất quan tâm đến giáo dục, Người luôn quan tâm đến đạo đức nhà giáo. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà giáo chuẩn mực cần phải đạt những phẩm

chất cơ bản: Hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; thương yêu học trò và yêu nghề; yêu lao động và quý trọng người lao động chân tay; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Trong nhiều tác phẩm của Hồ Chí Minh đều đề cập đến vấn đề phục vụ Tổ quốc gắn liền với phục vụ nhân dân và luôn đặt người dân ở vị trí cao nhất, trân trọng nhất, "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân". Một người thầy phải có phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Người thầy giáo phải là tấm gương sáng về rèn luyện đạo đức và tự học, đánh giá kết quả của người học phải khách quan, công bằng, không thiên tư, thiên vị. Đạo đức nhà giáo còn thể hiện ở tình yêu thương học trò và yêu nghề. Đối với người thầy, thương yêu học trò cũng đồng nghĩa sẽ yêu nghề, yêu người bao nhiêu, yêu nghề bấy nhiêu, song cách thể hiện lòng yêu thương phải phù hợp với từng hoàn cảnh.

Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của nhà giáo phải được thực hiện trong tất cả lĩnh vực của cuộc sống như đối với công việc, quan hệ đồng nghiệp, học trò, phụ huynh, gia đình và các tổ chức đoàn thể... Theo *Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo* quy định về đạo đức nghề nghiệp tại điều 4 như sau:

1. Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

Qua những phân tích về đạo đức nhà giáo, thì có thể hiểu về đạo đức nhà giáo là một hệ thống những chuẩn mực giá trị đạo đức xã hội nhưng phù hợp với đặc thù sư phạm, phản ánh nhân cách của người thầy trong tất cả các hoạt động. Đạo đức nhà giáo trở thành động lực phát triển nhân cách, phát triển các năng lực chung của xã hội và năng lực đặc thù sư phạm, làm tăng chất lượng và hiệu quả đào tạo thế hệ học trò xứng đáng là những chủ nhân tương lai đất nước.

2.1.2. Tâm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm, trường đại học Đồng Tháp

Thứ nhất, giáo dục đạo đức nhà giáo không chỉ bồi dưỡng nhận thức về chuẩn mực đạo đức xã hội, mà còn góp phần định hình và phát huy những phẩm chất cần thiết hình thành nên nhân cách của một người thầy. Để làm tốt việc giáo dục đạo đức

cho học sinh thì trước hết phải giáo dục đạo đức tốt cho những người tương lai sẽ làm thầy, nên việc định hình nhân cách cho sinh viên sư phạm là vô cùng quan trọng.

Thứ hai, để góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, trước hết phải tăng cường giáo dục đạo đức cho toàn xã hội, đặc biệt là sinh viên sư phạm. Bởi lẽ, không thể phủ nhận sự sai lệch trong hành vi của một phận nhà giáo. Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế nếu chúng ta chỉ quan tâm đến phát triển kinh tế mà quên đi việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức của người thầy thì sự phát triển xã hội sẽ trở nên lệch lạc, không bền vững. Vì thế chúng ta phải coi trọng và quan tâm một cách thực tế đến công tác tuyên truyền và giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm ngay từ khi các bạn đặt chân đến ngưỡng cửa Đại học Đồng Tháp. Không những chúng ta phải luôn làm tốt nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho các bạn sinh viên mà ngay cả bản thân những giảng viên cũng phải rèn luyện mình để làm gương cho các bạn sinh viên.

Thứ ba, giai đoạn đại học là giai đoạn có nhiều biến đổi to lớn cả về tâm sinh lý cũng như khẳng định sự tích lũy tri thức và vốn sống. Sinh viên phải tự chủ động đưa ra các quyết định về thái độ, hành động và chịu trách nhiệm về bản thân thay vì nhận được sự chỉ bảo, bao bọc thường xuyên của gia đình. Sinh viên sẽ tiếp thu và tích lũy tri thức chuyên ngành, đồng thời mở rộng cơ hội, khả năng sáng tạo và phát huy những tiềm lực tri thức của mình, sống một cuộc sống mới chủ động hơn, xác lập các mối quan hệ xã hội, tham gia vào quá trình xã hội hoá... Do đó, ngay từ đầu việc giáo dục nhân sinh quan cho sinh viên là công tác rất quan trọng. Nhà trường là chủ thể chính trong giáo dục nghĩa vụ đạo đức cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên sư phạm.

Thứ tư, giáo dục đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm nhằm phát huy hết những khả năng sáng tạo, khả năng thích nghi tạo nên đội ngũ giáo viên vừa có trình độ chuyên môn cao vừa có ý thức đạo đức, văn hóa cao thúc đẩy nhanh quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm tạo nên môi trường học tập lý tưởng giúp cho sinh viên hình thành và phát triển nhân cách, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.

Thứ năm, trong bối cảnh ngày nay thì thang giá trị nhân cách của một bộ phận giáo viên đang dần bị tha hóa, vì thế nhà trường cần phải định hướng cho sinh viên nhận thức đúng về những giá trị đạo đức đích thực, cao đẹp của người thầy: Lòng nhân ái, tinh thần yêu nước, đức tính cần cù, chịu khó, vị tha, trung thực, yêu trẻ, yêu nghề... Và hơn thế nữa phải giúp sinh viên nhận thức được bản thân mình phải thường xuyên rèn luyện tư tưởng, nâng cao năng lực và phẩm chất nhà giáo của mình, cũng như Hồ Chí Minh đã từng nói: “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Một lời dạy vừa có ý nghĩa lý luận vừa có giá trị thực tiễn rất cao, và đây chính là phương hướng tu dưỡng cho mỗi người là phải rèn luyện cả tài lẫn đức để trở thành một con người toàn diện. Trong thực tế đã chứng minh cho những lời Bác dạy là hoàn toàn đúng, đây chính là chuẩn mực để đánh giá một con người. Một người thầy có tài giỏi, có hiểu biết, có kinh nghiệm mà không mang sự hiểu biết đó phục vụ cho nhân dân, cho đất nước thì cái tài đó hoàn toàn vô ích. Một người thầy có tài mà chỉ biết vun vén, chăm lo cho lợi ích cá nhân thì người

đó cũng trở nên vô dụng. Mặt khác, con người có tài mà lại có suy nghĩ và hành động xấu trái với đạo đức, trái với lương tâm thì không chỉ là vô ích mà còn rất có hại, khi đã có những suy nghĩ và hành động xấu thì việc giảng dạy truyền đạt kiến thức đến người học có còn đạt hiệu quả, và liệu rằng học sinh có còn tin tưởng và tôn trọng người thầy của mình nữa không. Trong giai đoạn này, đất nước đang cần những người thầy có cả tài lẫn đức để đưa nền giáo dục đất nước sang một bước phát triển mới.

Thứ sáu, bên cạnh việc giáo dục ý thức đạo đức, giáo dục đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm còn góp phần không nhỏ trong việc truyền dạy những tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng ý thức pháp quyền, xây dựng nền văn hóa góp phần cơ bản vào việc hình thành lối sống, nhân cách mới cho những thầy cô giáo tương lai. Tại Hội nghị Trung ương 8, Khóa XI vào tháng 10 năm 2013, Đảng ta đã chỉ rõ: “Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng con người và thể hệ thiết tha, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc là những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ”.

Một đội ngũ nhà giáo có đạo đức kém sẽ không thể đào tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao. Và điều đương nhiên rằng, nếu đội ngũ nhà giáo kém chất lượng thì nguồn nhân lực tạo ra cũng sẽ kém phát triển và nền kinh tế Việt Nam cũng không thể phát triển được. Vì thế, muốn có nền giáo dục tốt thì đòi hỏi người giáo viên phải có đủ tài và đức để rèn luyện học sinh cả về kiến thức lẫn đạo đức.

2.2. Thực trạng bồi dưỡng đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm ở Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

2.2.1. Những biểu hiện tích cực

Một là, phần lớn sinh viên sư phạm của trường có ý thức tự giác, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện đạo đức, nhân cách. Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ được triển khai ở ĐHĐT thời gian qua đã tạo cho sinh viên tính chủ động cao trong việc lựa chọn kiến thức trang bị cho bản thân và đề ra kế hoạch, mục đích học tập phù hợp với khả năng. Phần lớn sinh viên ĐHĐT có ý thức chủ động, tích cực trong học tập, trong việc xác định mục đích, động cơ học tập. Họ nhận thức được rằng, học tập không chỉ là quyền lợi mà còn là nghĩa vụ của bản thân. Bên cạnh việc tự giác, trách nhiệm trong học tập, sinh viên ĐHĐT cũng tích cực và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động quan trọng, cần thiết trong quá trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực sáng tạo của sinh viên.

Hai là, phần lớn sinh viên sư phạm ĐHĐT giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm xã hội, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng. Sinh viên ĐHĐT đã không ngừng học tập và rèn luyện đạo đức, trí tuệ, chuyên môn, nghiệp vụ chuẩn bị những điều kiện cần thiết phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Trong điều kiện ngày nay, yêu nước còn được thể hiện ở trách nhiệm của sinh viên đối với sự phát triển của đất nước, là tinh thần dám nghĩ, dám làm, sáng tạo trong học tập, lao động, đời sống; tinh thần vươn lên lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng cho mình và cho xã hội;

tinh thần đấu tranh với quan liêu, cái sai, cái xấu,... để làm lành mạnh hóa xã hội, tạo địa bàn cho sự phát triển của xã hội, dân tộc.

Ba là, đa số sinh viên ĐHQGHN nhận thức được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; lối sống cao đẹp và ứng xử cao thượng trong tình bạn, tình yêu sống có trách nhiệm, ước mơ và hoài bão. Sinh viên ĐHĐT hiện nay giàu lòng yêu thương con người, có lối sống cao đẹp và ứng xử cao thượng trong tình bạn, tình yêu, tích cực phòng, chống du nhập những hiện tượng phi đạo đức, phi văn hóa do mặt trái của hội nhập quốc tế đem lại. Mặt khác, sinh viên ĐHĐT còn nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong các mối quan hệ tình bạn, tình yêu, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và trách nhiệm với chính bản thân mình, sống có mục đích, có lý tưởng.

2.2.2. Những hạn chế tồn tại

Thứ nhất, do mặt trái của cơ chế thị trường một bộ phận sinh viên sư phạm có sự giao động về nhận thức, có những hành vi trái với giá trị đạo đức như thiếu trung thực trong, thẳng thắn, tinh thần trách nhiệm trong công việc và học tập kém,... những biểu hiện tính cá nhân, thực dụng trong quan niệm đạo đức và hành vi ứng xử trong sinh viên sư phạm là một trong những biểu hiện rõ rệt nhất. Họ luôn đề cao chủ nghĩa cá nhân và muốn thể hiện vai trò cá nhân, cái cá nhân lấn át cái lợi ích cộng đồng, luôn đặt lợi ích bản thân lên trên hết. Cái nào có lợi cho bản thân mình thì mới làm.

Thứ hai, một bộ phận sinh viên sư phạm không có tính tự học, tự rèn luyện, tự sáng tạo trau dồi kiến thức, kỹ năng và phương pháp giảng dạy và chuyên môn nghiệp vụ. Tự học ở đây là nghiên cứu tài liệu, sách báo, cập nhật công nghệ thông tin, không ngại khó, không giấu dốt. Sáng tạo thể hiện qua cách tổ chức hoạt động dạy học trong cuộc sống, trong những vấn đề phục vụ thiết thực cho hoạt động giáo dục, sáng tạo trong cách dẫn dắt học sinh tìm đến kiến thức vì mỗi học sinh có đặc điểm tâm sinh lý khác nhau có sự khéo léo trong xử lý những tình huống sư phạm.

Thứ ba, năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình dạy học của sinh viên sư phạm vẫn còn thấp. Một giáo viên trong thời đại mới, phải có năng lực quản lý tài nguyên mạng, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình dạy học mà đa phần sinh viên trường Đại học Đồng Tháp vẫn còn rất yếu về mặt này. Vì thiếu am hiểu về các phương tiện công nghệ sẵn có, mà họ không chủ động, sáng tạo trong việc ứng dụng công nghệ vào việc cải tiến quá trình rèn luyện phương pháp giảng dạy của mình.

Thứ tư, năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên sư phạm còn thấp. Bên cạnh việc bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ, sinh viên sư phạm cần phải rèn luyện năng lực NCKH.

Thứ năm, kỹ năng mềm của sinh viên sư phạm vẫn chưa thành thạo. Kỹ năng mềm bao gồm làm việc nhóm, khả năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, quản lý thời gian,...nếu bạn có kỹ năng mềm thì bạn có lợi thế rất lớn trong môi trường làm việc và đây là chìa khóa dẫn đến thành công. Các bạn sinh viên sư phạm lại rất lười tham gia các hoạt động xã hội của câu lạc bộ hay hội nhóm để nâng cao kỹ năng mềm.

Bản thân sinh viên sư phạm cần nhìn nhận vấn đề đạo đức của mình hiện nay với một tinh thần trách nhiệm và nghiêm túc hơn nữa. Cần phải đổi mới hoàn toàn cách

thức mà lâu nay chúng ta đã dùng để rèn luyện đạo đức cho bản thân. Dù nhà trường hay xã hội có tạo điều kiện cho bạn bao nhiêu đi chăng nữa mà bản thân sinh viên sư phạm không tự rèn luyện đạo đức – viên ngọc cho chính mình thì cũng là vô dụng. Bản thân giáo dục đã mang tính xã hội hóa, nhà trường tạo điều kiện để sinh viên sư phạm phát triển. Điều quan trọng là cần các bạn tạo nên một môi trường xã hội lành mạnh, mọi người sống tuân thủ pháp luật và tôn trọng những giá trị đạo đức xã hội.

2.3. Một số giải pháp giáo dục đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm, trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

Đội ngũ nhà giáo mang trên vai trọng trách hết sức nặng nề nhưng lại rất thiêng liêng và cao cả, người thầy ngoài là “người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng văn hóa” người thầy còn có trách nhiệm truyền bá cho học sinh lý tưởng đạo đức chân chính, hệ thống các giá trị, chuẩn mực, nét tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại, bồi dưỡng cho người học những phẩm chất cao quý và năng lực sáng tạo phù hợp với sự phát triển và tiến bộ của xã hội nói chung, trường Đại học Đồng Tháp nói riêng, xứng đáng với danh hiệu “Người kỹ sư tâm hồn”. Mặc dù trường Đại học Đồng Tháp có bề dày thành tích trong công tác đào tạo, song hiện nay công tác giáo dục đạo đức ở trường vẫn chỉ đang dừng lại ở các hoạt động, phong trào bề nổi, điều này đã dẫn đến nhiều hạn chế trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong nhà trường nói chung, sinh viên sư phạm nói riêng. Để góp phần nâng cao đạo đức cho đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cho sinh viên sư phạm, tôi xin đưa ra một số giải pháp như sau:

*** Đối với các chủ thể giáo dục đạo đức nhà giáo:**

Về phía nhà trường cần đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên phát triển toàn diện, có kiến thức chuyên môn cao; có khả năng tổ chức, tích cực biên soạn tài liệu, giáo trình phục vụ cho nhiệm vụ dạy học.

Ngoài ra nhà trường cần xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tạo điều kiện để sinh viên khẳng định mình trong hoạt động thực tiễn. Môi trường sư phạm là nơi tạo ra những giá trị chân, thiện, mỹ của những người làm công tác giáo dục. Môi trường học tập tốt sẽ làm cho sinh viên thêm yêu quý, gắn bó, toàn tâm toàn ý với nghề. Vì vậy, trường Đại học Đồng Tháp cần phát huy hơn nữa trong việc tạo môi trường học tập thân thiện với không gian làm việc thoáng, sáng, xanh, sạch, đẹp; trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại cần thiết phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

Về phía giảng viên cần thường xuyên tu dưỡng rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của mình, có tác phong công tác khoa học; thực sự là người luôn có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân; đồng thời là một người chuẩn mực, đầy đủ nhân cách trở thành một tấm gương sáng tâm huyết với nghề; luôn chịu đựng khó khăn gian khổ, giám nghĩ giám làm, giám chịu trách nhiệm. Để đạt được hiệu quả cao trong giáo dục đạo đức cho sinh viên thì bản thân mỗi giảng viên phải là tấm gương tốt về đạo đức. Những bài học đạo đức chỉ thực sự có giá trị, có tính thuyết phục khi người giảng về bài học đó là tấm gương mẫu mực. Sinh viên sẽ có được niềm tin vào những gì

mình được giảng dạy nếu từng giảng viên thể hiện lòng yêu nghề, thái độ công bằng, tinh thần trách nhiệm... Thầy cô ngoài việc truyền đạt tri thức còn phải định hướng và kịp thời điều chỉnh hành vi, thái độ của sinh viên, tạo cho sinh viên có điều kiện thuận lợi nhất để rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu một cách có chọn lọc những giá trị văn hóa mới.

Về phía tổ chức Đoàn và Hội cần phải phát huy hơn nữa vai trò của mình trong giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm. Đoàn và Hội phải chủ động tích cực của mình, đặc biệt là trong việc tổ chức các hoạt động tập thể với nhiều hình thức phong phú, đa dạng thu hút thêm nhiều sinh viên tham gia nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia vào các hoạt động, tổ chức xã hội tạo sự gắn kết giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội.

*** Đối với việc đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức nhà giáo**

Nhà trường cần đề ra thêm một số nguyên tắc cơ bản về đạo đức trong ứng xử của sinh viên sư phạm và hình thức xử lý đối với những sinh viên vi phạm ở những cấp độ khác nhau. Nhà trường có thể lấy ý kiến của sinh viên và giảng viên như vậy vừa thể hiện sự dân chủ cho mọi người, đồng thời khi tất cả cùng nhau thống nhất về những nguyên tắc ứng xử thì sẽ đảm bảo mọi người tuân thủ một cách tự nguyện và đạt hiệu quả cao.

Trong công tác giảng dạy giảng viên cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để sinh viên sư phạm nhận thức sâu sắc về vị thế của nhà giáo dục trong xã hội và sự cần thiết phải bồi dưỡng đạo đức nhà giáo trong tình hình hiện nay. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, nghề dạy học “rất quan trọng và vẻ vang”; “là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý, nghề sáng tạo nhất vì nó sáng tạo ra những con người sáng tạo”. Đội ngũ giảng viên trong nhà trường phải chỉ ra rõ ràng hơn về vị thế của nghề dạy học trong xã hội hiện nay cần thiết như thế nào. Có như vậy, mới đào tạo ra đội ngũ nhà giáo thực sự yêu nghề, yêu người, hết lòng chăm sóc, giáo dục học sinh, nâng cao thái độ, trách nhiệm trong giảng dạy; thường xuyên tự bồi dưỡng, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, của thầy cô để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm.

*** Đối với bản thân sinh viên sư phạm**

Bản thân mỗi sinh viên sư phạm phải luôn luôn không ngừng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Đây là giải pháp tác động trực tiếp đến nhận thức, định hướng nghề nghiệp cho từng sinh viên sư phạm trước diễn biến phức tạp của đời sống xã hội. Sinh viên cần nắm vững tư tưởng của Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo; đã là nhà giáo là phải yêu người, yêu nghề, điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giáo dục và đào tạo trong tương lai.

Mỗi sinh viên sư phạm phải thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm cho mình. Thực tiễn chỉ ra rằng, nếu nhà giáo có trình độ hạn chế sẽ thiếu tự tin trong quá trình giảng dạy và không yên tâm gắn bó với nghề. Để khắc phục tình trạng đó, mỗi cá nhân cần rèn luyện và trang bị cho mình có đầy đủ trình độ, năng lực, kiến thức chuyên sâu theo từng lĩnh vực, môn học giảng dạy cũng

nghệ thuật, phương pháp, tác phong sư phạm tốt; có khả năng tư duy khoa học sáng tạo, biết gắn lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tiễn.

Việc bồi dưỡng, nâng cao đạo đức nhà giáo là một yêu cầu tất yếu khách quan trong đào tạo những thế hệ giáo viên nhiệt huyết, năng động, sáng tạo của trường đại học Đồng Tháp. Quán triệt, thực hiện tốt các nội dung biện pháp trên, sẽ là cơ sở quan trọng để khắc phục những hạn chế về đạo đức nhà giáo; nhận thức đúng đạo đức nhà giáo sẽ tạo ra đội ngũ nhà giáo luôn tận tâm, tận lực với nghề, ra sức phấn đấu, rèn luyện đạo đức nhà giáo, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lực con người trong thời kỳ hội nhập, có như vậy mới xứng đáng là “người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng văn hóa”, xứng đáng với danh hiệu “Người kỹ sư tâm hồn”.

3. Kết luận

Giáo dục là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp phát triển đất nước, đặc biệt là giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm trường đại học Đồng Tháp những thầy cô giáo tương lai. Có thể nói, nhân cách sinh viên chính là bộ mặt của nhà trường vì thế giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm là điều vô cùng quan trọng và cần thiết trong quá trình đào tạo sư phạm. Bởi họ tương lai sẽ trở thành những thầy cô giáo, một người giáo viên tốt, biết kiên nhẫn, có kiến thức và kỹ năng tốt sẽ có phương pháp để định hướng suy nghĩ và hành động theo bản năng của học sinh một cách đúng đắn, đồng thời giúp học sinh hình thành phát triển nhân cách toàn diện. Như vậy, giáo dục đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đào Thanh Hải - Minh Tiến (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

[2]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trong nhà trường quân sự hiện nay*, 2010, <http://luanan.nlv.gov.vn/luanan?a=d&d=TTcFabDNTdvW2010.1.9&e=----vi-20--1--img-txIN>, [truy cập ngày: 24/03/2019].

[4]. *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm Trường Đại học Tây Bắc hiện nay*, <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>, [truy cập ngày: 24/03/2019].

[5]. *Một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm mầm non trong giai đoạn hiện nay*, <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>, [truy cập ngày: 24/03/2019].

[6]. *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về giáo dục*, <https://www.baotintuc.vn>, [truy cập ngày: 24/03/2019].

[7]. *Một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong giai đoạn hiện nay*, <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>, [truy cập ngày: 24/03/2019].

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BỒI DƯỠNG ĐẠO ĐỨC NGHỀ SƯ PHẠM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

SV: Võ Bích Trâm

Lớp: ĐHGDCCT 16A

GVHD: TS. Đỗ Duy Tú

Tóm tắt: *Hiện nay, dưới tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã và đang mang lại cho Việt Nam nhiều thuận lợi, đồng thời cũng đặt ra những thách thức vô cùng to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một trong những thách thức đó là đạo đức con người Việt Nam nói chung và đạo đức của người giáo viên nói riêng có những biểu hiện xói mòn, lệch chuẩn, trái với những chuẩn mực đạo đức và lợi ích chung của toàn xã hội. Trên cơ sở làm rõ nội hàm đạo đức nghề sư phạm và vai trò của đạo đức nghề sư phạm đối với sự phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay. Bài viết bước đầu phân tích thực trạng đạo đức nghề Sư phạm ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm bồi dưỡng đạo đức nghề Sư phạm ở Việt Nam để có thể đào tạo được thế hệ trẻ có đủ đức và tài phục vụ cho Tổ quốc.*

Từ khóa: *Đạo đức, nghề sư phạm, nhà giáo.*

1. Mở đầu

Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay ở đất nước ta, vấn đề giáo dục toàn diện cho con người ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt là vấn đề giáo dục đạo đức cho nhà giáo. Một con người toàn diện phải có đủ đức và tài, trong đó đức là gốc. Ở Việt Nam, nghề sư phạm luôn được xã hội tôn vinh là “Nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý”[2] và được tôn vinh bởi sứ mệnh trồng người cao cả. Nghề sư phạm được coi là “kỹ sư tâm hồn” bởi người dạy học được gọi là Thầy giáo, Cô giáo không chỉ dạy chữ mà còn dạy cách làm người, hình hành phẩm chất đạo đức, lối sống và phát triển nhân cách cho người học. Xã hội càng trân trọng, tôn vinh nghề sư phạm thì càng đòi hỏi năng lực, phẩm chất đạo của người nhà giáo.

Nước ta đang bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế, bên cạnh những mặt tích cực thì cũng làm phát sinh những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, nhiều giá trị bị chi phối bởi đồng tiền. Vì vậy, xã hội không khỏi băn khoăn lo lắng trước những hiện tượng một số bộ phận nghề sư phạm tha hóa về đạo đức, nhân cách, xảy ra nhiều hiện tượng đánh đập, hành hạ, dùng áp lực, xúc phạm đến nhân cách học sinh. Bên cạnh đó, chúng ta vẫn còn thấy một số bộ phận nghề sư phạm còn mang trong mình căn bệnh thành tích và chạy theo thành tích tự đánh mất mình và mất lòng tin của xã hội. Vì vậy, đạo đức nghề sư phạm ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay có nhiều biểu hiện đáng lo ngại. Cho nên, việc đề ra những giải pháp khắc phục những tiêu cực, nâng cao đạo đức nghề sư phạm là một vấn đề cấp bách đặt ra cho toàn xã hội hiện nay, cần được giải quyết nhanh chóng và kịp thời.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm đạo đức nghề sư phạm

Đạo đức là một nhân tố quan trọng của nhân cách và được xem là khái niệm luân thường đạo lý của con người, nó thuộc về vấn đề đánh giá: tốt – xấu, đúng – sai, thiện – ác, hiền – dữ... Đạo đức gắn liền với văn hóa, chủ nghĩa nhân văn triết học hay nói một cách dễ hiểu đạo đức là khuynh hướng tốt trong tâm hồn con người mà khuynh hướng đó tạo nên những lời nói, hành vi bên ngoài phù hợp với những quy tắc xử sự của cộng đồng xã hội khiến cho mọi người xung quanh được an vui, lợi ích. “Đạo đức là hệ thống những nguyên tắc chuẩn mực, quy tắc do xã hội đề ra nhằm mục đích đánh giá và điều chỉnh hành vi, ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội”[4]. Có thể nói đạo đức là cái tốt, cái đúng ở bên trong con người được chuẩn hóa thành lời và hành vi tốt đẹp bên ngoài tức là con người có nhận thức đúng, tốt về sự vật hiện tượng.

Sư phạm là ngành nghề cao quý và được coi trọng trong xã hội, đòi hỏi người thầy phải mẫu mực, khuôn phép là tấm gương sáng cho học trò noi theo góp phần vào sự nghiệp trồng người, xây dựng nguồn nhân lực cho xã hội. Do đó, để phát triển toàn diện thì người thầy giáo bên cạnh phải luôn luôn trang bị cho mình một hệ thống kiến thức vững chắc thì cần phải tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức.

Đạo đức nghề sư phạm là những phẩm chất cơ bản mà cá nhân mỗi người Thầy giáo, Cô giáo cần trang bị cho mình không chỉ trong quá trình truyền đạt tri thức mới cho học sinh mà còn được biểu hiện thông qua quá trình giáo viên giúp đỡ, định hướng cho các em học sinh biết phân biệt được những hành vi đúng sai trong đời sống hàng ngày. Thông qua đó, không chỉ học sinh có thể rèn luyện cho mình những kỹ năng sống, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp về nhân cách mà mỗi người giáo viên còn có thể rèn luyện nhân cách của mình trở nên tốt đẹp, hoàn thiện hơn.

2.2. Vai trò của đạo đức nghề sư phạm

Đạo đức nghề sư phạm ở Việt Nam hiện nay có vai trò rất quan trọng, góp phần quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo, quyết định trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động dạy học. Nghề sư phạm được tôn vinh, quý trọng bởi sự mệnh trồng người cao cả. Bởi người dạy học đóng vai trò là người hướng dẫn, là cố vấn, là người mẫu mực của người học không chỉ dạy chữ cho người học mà còn dạy cho người học cách sống, cách rèn luyện và tu dưỡng bản thân, hình thành nên nhân cách cho học sinh. Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương tốt để học sinh noi theo, là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục và được xã hội tôn vinh. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở đội ngũ giáo viên: “Nhiệm vụ của các cô giáo, thầy giáo là rất nặng nề nhưng vẻ vang. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó thì phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lập trường chính trị”[3]. Vì vậy, người dạy học phải không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt để xứng đáng với sứ mệnh vẻ vang và cao cả là trồng người, phải có sự nhìn nhận đúng đắn về vai trò của đạo đức nghề sư phạm coi đó là thành tố cơ bản và là nền tảng trong việc hình thành nhân cách nhà giáo. Trong bối cảnh hiện nay nền kinh tế nước ta đang đẩy mạnh hội nhập quốc tế có sự tác động mạnh mẽ đến nhân cách người nhà giáo. Chính vì vậy, việc bồi dưỡng rèn luyện đạo đức nghề sư phạm được xem là nhiệm vụ trọng tâm, thường

xuyên có tính chiến lược. Để thực hiện nhiệm vụ đó người nhà giáo phải có lòng yêu nghề, yêu trò và sự mẫu mực trong lối sống, phải rèn luyện, phấn đấu thường xuyên và liên tục: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”[5]. Mặt khác, để thực hiện nhiệm vụ đó Bộ Giáo dục và Đào tạo đã từng đề ra cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo”. Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo còn ban hành “Quy định về đạo đức nhà giáo”, đây là cơ sở để tất cả các thầy cô giáo nỗ lực, phấn đấu, nâng cao trình độ chuyên môn về mọi mặt, tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống, phải luôn tìm tòi, sáng tạo và đổi mới trong nghiên cứu và giảng dạy đáp ứng yêu cầu của nghề trồng người được xã hội tôn vinh đồng thời là cơ sở để giáo dục đạo đức nghề sư phạm. Vấn đề đạo đức nghề sư phạm được xã hội quan tâm và trở thành yêu cầu bức thiết đặt ra đối với quá trình đào tạo người giáo viên.

Trong giai đoạn hiện nay, trước những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, nhiều giá trị bị chi phối bởi đồng tiền, do đó người thầy phải biết giữ mình, tránh xa mọi cám dỗ tầm thường, giữ cho tâm hồn trong sáng, mọi hành vi phải nâng lên thành văn hóa trong đời nhân xử thế, từ việc nhỏ nhất đến việc lớn nhất. Giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ là một chiến lược quan trọng của quốc gia mà trọng trách lớn được đặt trên vai những nhà giáo. Vì vậy, thầy cô giáo chính là tấm gương để học sinh noi theo. Khi tấm gương ấy thực trong sáng, thì những tiêu cực sẽ hạn chế và sớm bị loại trừ. Chính vì vậy, để nâng cao phẩm chất đạo đức của nhà giáo, mỗi một thầy, cô giáo phải hiểu, thấm nhuần tư tưởng và đạo đức của Hồ Chí Minh về giáo dục; mỗi người phải không ngừng rèn luyện để hoàn thiện lối sống, nhân cách của mình; sống có tấm lòng nhân ái, làm việc có trách nhiệm với danh dự nghề nghiệp và xã hội.

2.3. Thực trạng đạo đức nghề sư phạm ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

2.3.1. Những biểu hiện tích cực

Trong nền đại kinh tế tri thức, do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật tiên tiến đặt ra yêu cầu phải đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và đưa các phương tiện hiện đại vào hỗ trợ quá trình dạy học. Với sự phát triển của đất nước thì việc nâng cao chất lượng đào tạo là nhu cầu cấp thiết của toàn xã hội, do đó cần phải đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, việc dạy học lấy người học làm trung tâm, không áp dụng phương pháp thuyết trình theo hướng một chiều, học sinh tiếp thu một cách thụ động, thầy đọc trò chép, thầy giảng trò nghe mà phải cho học sinh thỏa sức sáng tạo, thể hiện bản thân mình. Để làm được điều đó đòi hỏi ở người giáo viên phải tâm huyết với nghề, biểu hiện cụ thể là trong quá trình giảng dạy tận tâm tận lực truyền đạt tri thức, kinh nghiệm cho học sinh, luôn sẵn sàng giúp đỡ những học sinh yếu kém, gặp khó khăn trong học tập và cuộc sống, tự giác trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của học sinh để có hướng dạy dỗ, giúp đỡ học sinh, trong quá trình giảng dạy luôn tự học hỏi, tìm tòi tri thức mới liên quan đến cuộc sống lồng ghép vào nội dung bài học để tạo thêm hứng thú cho học sinh, luôn chủ động thay đổi phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung bài học để học sinh không bị nhàm chán khi phải học theo cách học truyền thống, giáo viên luôn đề cao tinh thần tự giác, sáng tạo, trình bày

ý kiến của học sinh, luôn lắng nghe học sinh,...

Nhằm nâng cao đạo đức nghề sư phạm bên cạnh nhà giáo tự rèn luyện thì bên cạnh đó Đảng và Nhà nước ta cũng luôn quan tâm, chú trọng đầu tư cho giáo dục. Đảng ta xác định: “Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Đảng và Nhà nước ta luôn xem giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, Đảng ta khẳng định: “Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển”, bởi giáo dục đóng vai trò rất quan trọng trong xã hội, tác động mạnh mẽ đến toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội. Đầu tư phát triển giáo dục nhằm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chỉ số phát triển ở con người. Theo quan điểm của Nhà nước ta, không có sự đầu tư nào mang lại nhiều lợi ích như đầu tư vào giáo dục và đào tạo, bởi giáo dục giúp hình thành nhân cách con người, tăng khả năng tư duy, sáng tạo, đào tạo nên những người lao động có tay nghề cao, có trình độ chuyên môn, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Do đó, trong thời đại ngày nay giáo dục là con đường tốt nhất để con người luôn luôn tiếp cận những thông tin tri thức, làm giàu thêm nguồn tri thức của mình.

2.3.2. Những hạn chế, tồn tại

Tuy nhiên với sự phát triển của khoa học kỹ thuật bên cạnh những thuận lợi của nghề sư phạm trong bối cảnh hiện nay thì vẫn tồn tại một bộ phận những nhà giáo đang xuống cấp về đạo đức. Bên cạnh những người thầy giáo ngày đêm miệt mài với sự nghiệp trồng người cao cả, toàn tâm, toàn ý cống hiến sức mình cho nghề thì trong những năm vừa qua ngành giáo dục và xã hội không khỏi băn khoăn, lo lắng trước hiện tượng nhiều giáo viên thiếu chuẩn mực về đạo đức, nhân cách như bạo hành, lăng mạ học sinh, đặc biệt là bạo hành trẻ em ở các trường mầm non.

Một số nhà giáo đã có những hành vi lệch chuẩn, thậm chí là vi phạm nghiêm trọng đạo đức nhà giáo: “**Tháng 3/2016, cô giáo đánh tím mặt học sinh vì viết sai chính tả**”, “Vào đầu tháng 4/2018 tại Hải Phòng, cô giáo phạt học sinh lớp 3A5 uống nước vắt giẻ lau bảng vì nói chuyện riêng trong giờ học, ở trường Tiểu học An Đồng”, “Ngày 8/6/2018 thầy giáo dâm ô 7 nữ học sinh lớp 3 ở Hà Nội”, “**Tháng 8/2018, cô giáo mầm non để cả lớp đánh hội đồng một trẻ ở Ninh Bình**”,... Những sự việc này không chỉ làm ảnh hưởng đến hình ảnh của người giáo viên mà còn tác động xấu đến thế giới quan của học sinh, nguy hại hơn nữa là niềm tin của xã hội đối với giáo dục. Trong những năm gần đây xã hội lên án gay gắt về thực trạng bạo hành, đánh đập, dâm ô với học sinh, là một người giáo viên, là những người đào tạo ra thế hệ trẻ vừa có đức vừa có tài giúp ích cho xã hội mà bản thân người giáo viên lại thiếu chuẩn mực về đạo đức, rồi nền giáo dục sẽ như thế nào khi xã hội xảy ra hàng loạt những vụ việc trái với đạo đức như vậy. Là người thầy, là người lái đò mà lại thiếu chuẩn mực về đạo đức thì sẽ đào tạo ra những thế hệ trẻ như thế nào khi mà bản thân người thầy không tốt, không là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Bên cạnh đó, vẫn có một số bộ phận giáo viên theo xu hướng chạy theo thành tích, chạy theo đồng tiền tự đánh mất bản thân mình, đặt lợi ích cá nhân lên trên,... Qua những vụ việc trên chúng ta có thể thấy rõ thực trạng đạo đức nghề sư phạm ngày nay đang có sự xuống

cấp trầm trọng, lệch với chuẩn mực đạo đức, điều đó làm cho dư luận không khỏi hoang mang, lo lắng về sự xuống cấp nghiêm trọng trong giáo dục.

Có thể nhận thấy, tình trạng vi phạm đạo đức nghề sư phạm được báo chí và dư luận lên án gây gắt, chỉ trích trong thời gian qua bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: Thứ nhất, việc chọn đầu vào sư phạm chưa được chú trọng, quan tâm. Hiện nay, các trường cao đẳng, đại học sư phạm tuyển sinh theo kiểu ò ạt, những học sinh có điểm thấp không thể vào các trường cao đẳng, đại học khác, tình trạng “chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm” là khá phổ biến. Chính vì thế, ngay từ đầu đã không chọn được người có sự yêu nghề, có đủ phẩm chất năng lực vững chắc vào ngành sư phạm.; Thứ hai, do cuộc sống của người giáo viên còn khó khăn, chi vượt thu quá nhiều, buộc họ phải tự bươn chải kiếm sống, chạy theo đồng tiền và đánh mất chính mình; Thứ ba, công tác hướng nghiệp trong nhà trường chưa được thực hiện tốt, trình độ nghiệp vụ chuyên môn còn hạn chế; Thứ tư, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với ngành sư phạm không cao dẫn đến việc tâm huyết dành cho nghề giáo dần mất đi. Vì vậy, chúng ta cần xây dựng đội ngũ những người làm công tác giáo dục có đầy đủ phẩm chất và năng lực như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

2.4. Giải pháp bồi dưỡng đạo đức nghề sư phạm ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Đối với sinh viên sư phạm

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế thế giới thì việc giáo dục rèn luyện đạo đức cho sinh viên là góp phần đào tạo những chủ nhân tương lai của đất nước. Chính vì vậy, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường sinh viên cần ra sức học tập, rèn luyện thông qua các hoạt động thực tiễn. Trước hết, mỗi sinh viên cần phải phấn đấu, ham học hỏi, khát khao vươn tới cái mới, cái tiến bộ hơn, làm chủ được bản thân và vươn lên tự khẳng định mình. Trao dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân mình bằng cách đọc nhiều sách, báo thông qua đó học tập kinh nghiệm, tăng thêm vốn từ vựng cho bản thân. Bên cạnh đó, bản thân sinh viên cũng cần rèn luyện kỹ năng học trên lớp và và tăng cường học ở nhà với thái độ tích cực. Và cần phải đặt ra mục tiêu cụ thể cho việc học tập của mình để làm động lực cho bản thân, sống có lý tưởng, có hoài bão hơn. Học phải kết hợp với thực hành, nếu chỉ học lý thuyết suôn thì không để lại kiến thức sâu và ghi nhớ được lâu vì thế bên cạnh học lý thuyết cần phải thông qua các các hoạt động thực tiễn giúp cho sinh viên có thể nắm bắt được kiến thức đã học, học hỏi, tiếp thu được nhiều kinh nghiệm.

Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng giáo dục và đầu tư cho giáo dục. Giáo dục có quan trọng , giáo dục là trụ cột của một quốc gia, giáo dục đưa nước nhà bước tiến cùng các dân tộc tiên tiến, giáo dục là quốc sách hàng đầu. Vì vậy, ở mỗi cá nhân cần phát huy cao độ tinh thần học hỏi, cầu tiến bộ để trang bị đầy đủ kiến thức và phẩm chất tốt đẹp. Chính vì thế, bên cạnh việc ra sức học tập thì sinh viên cần phải rèn luyện đạo đức, tu dưỡng bản thân, tự tin vào chính mình, rèn luyện cho mình tư cách trong sáng, biết vượt qua những cám dỗ tiêu cực của xã hội, vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống như Bác Hồ đã dạy: “gian nan rèn luyện mới thành công”. Sinh viên cần nghiêm khắc với bản thân mình hơn, chiến thắng lại sự lười biếng, sự ích kỷ, lối

sống thực dụng của bản thân để trở nên tốt hơn, hoàn thiện hơn. Trở thành người có ích cho xã hội, là người vừa có tài vừa có đức.

2.4.2. Đối với các chủ thể giáo dục

Thứ nhất, đối với Ban giám hiệu nhà Trường cần tự giác, tích cực, tập trung quan tâm nhiều hơn nữa đến đời sống vật chất và đời sống tinh thần của từng giáo viên trong đơn vị của mình quản lý. Để có thể từng bước nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của giáo viên, sẵn sàng tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên có thể có điều kiện sống tốt đẹp hơn. Sẵn sàng, kịp thời tổ chức giúp đỡ, chia sẻ công việc khi có trường hợp giáo viên của đơn vị do mình quản lý có những khó khăn trong cuộc sống hoặc bệnh tật, đau yếu cần thời gian để hồi phục lại sức khỏe. Ban giám hiệu nhà Trường cần tạo điều kiện để mỗi nhà giáo được phát triển năng lực toàn diện và khả năng tự duy khoa học của mỗi người. Thường xuyên bồi dưỡng năng lực, trình độ và phương pháp sư phạm. Nâng cao hơn nữa nhận thức về vai trò, trách nhiệm của nhà giáo để từ đó mỗi nhà giáo thấy được trách nhiệm cũng như vai trò của mình với xã hội, với việc bồi dưỡng nguồn nhân lực cho đất nước. Đặc biệt, phải làm tốt công tác chính trị, tư tưởng đạo đức cho mỗi nhà giáo từ đó có thể khơi dậy lương tâm, trách nhiệm và nhiệt huyết của nhà giáo. Bên cạnh đó, Ban giám hiệu nhà Trường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của từng cá nhân là giáo viên để kịp thời phát hiện sai phạm, chấn chỉnh hợp lý, tránh tình trạng Ban giám hiệu nhà Trường nắm bắt thông tin không kịp thời, sâu sát dẫn đến một số sự vụ liên quan đến đạo đức của người giáo viên có diễn biến phức tạp đi ngoài dự liệu và gây ảnh hưởng xấu đến mọi người xung quanh.

Thứ hai, đối với thầy, cô giáo cần cần phải nhận thức sâu sắc hơn nữa với sự nghiệp trồng người cao cả của mình và nâng cao tinh thần yêu nghề, phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự giác rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng sống, và tu dưỡng nhân cách của mình ngày một hoàn thiện hơn. Phải luôn luôn dành sự quan tâm cần thiết đối với học sinh, kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của học sinh để kịp thời định hướng giải quyết các tình huống có thể xảy ra trong cuộc sống mà học sinh gặp phải nhưng không đủ khả năng tự mình giải quyết. Từ đó, tạo sự gần gũi giữa Thầy và trò làm cho mối quan hệ giữa Thầy và trò trở nên thân thiết hơn, tạo cho học sinh cảm giác thân thuộc, không còn sợ sệt hay e ngại mỗi khi đứng trước thầy, cô giáo. Trên cơ sở đó, người giáo viên cũng rèn luyện cho mình những phẩm chất cơ bản như sự quan tâm dành cho học sinh, luôn có thái độ niềm nở, thương yêu học sinh như là một thành viên trong gia đình của mình. Sẵn sàng, tận tâm chỉ dạy, truyền đạt kiến thức cho học sinh, giúp các em trao dồi những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống và định hướng cho các em trong việc hình thành thái độ sống phù hợp với những chuẩn mực đạo đức của xã hội, góp phần trong việc hình thành nhân cách, phẩm chất tốt đẹp cho học sinh. Trong quan hệ đối với đồng nghiệp đòi hỏi mỗi người giáo viên lúc nào cũng hòa đồng, vui vẻ, cởi mở, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp của mình, tạo không khí vui tươi trong trường học để có một tâm trạng thật tốt trước khi lên lớp truyền đạt tri thức mới cho học sinh. Bên cạnh đó, mỗi người giáo viên cần phải có tinh thần tích cực phê phán, đấu tranh với những nhận thức lệch lạc về nghề sư

phạm, đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, phẩm chất, tư cách của nhà giáo. Có tinh thần tự phê bình và phê bình cao, không lo sợ trước những khó khăn, thách thức của cuộc sống. Luôn có lập trường tư tưởng kiên định vững vàng, không chạy theo lợi ích cá nhân mà quên đi lợi ích của tập thể. Không vì những nhu cầu của bản thân mà làm ảnh hưởng đến mọi người xung quanh. Luôn luôn sẵn sàng lắng nghe và tiếp thu ý kiến của người khác, tích cực sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế, sai lầm của bản thân để ngày một hoàn thiện hơn về nhân cách để xứng đáng là người giáo viên tốt, người giáo viên gương mẫu để các em học sinh học hỏi và noi theo.

Thứ ba, đối với các tổ chức đoàn hội cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng trong đội ngũ giáo viên của nhà trường tích cực và sáng tạo đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” để mỗi giáo viên có thể thấm nhuần tư tưởng đạo đức của Người. Bên cạnh đó, cần phải phối hợp với nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục, làm tốt cuộc vận động “mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, tổ chức các buổi tuyên truyền về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức, ngăn chặn các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức. Từ đó, hình thành cho bản thân mình thói quen sống, học tập và làm việc theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. Rèn luyện những kỹ năng sống, thái độ sống phù hợp với những quy tắc chuẩn mực đạo đức của xã hội. Trên cơ sở đó, giáo viên không ngừng học hỏi, bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người nhà giáo.

3. Kết luận

Việt Nam là một nước đang phát triển, đang trong quá trình hội nhập với thế giới. Để có thể đưa Việt Nam sánh vai ngang tầm với các nước khác trong khu vực và thế giới đòi hỏi tầng lớp học sinh, sinh viên - đội ngũ tri thức trẻ của đất nước phải được trang bị một cách toàn diện cho mình về tri thức, về kỹ năng và về thái độ. Trong đó, đạo đức luôn là vấn đề hàng đầu quyết định đến sự thành bại của một con người. Dưới tác động của quá trình hội nhập, muốn được như vậy đòi hỏi đội ngũ giáo viên - những người trực tiếp truyền thụ tri thức, rèn luyện kỹ năng và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, giúp cho học sinh hình thành nhân cách của mình cần phải có phẩm chất đạo đức tốt - đạo đức của nghề sư phạm. Không chạy theo lợi ích cá nhân, không chạy theo những nhu cầu vật chất tầm thường mà đánh mất đi danh dự, phẩm chất tốt đẹp của người thầy giáo, cô giáo. Thật vậy, đạo đức nghề sư phạm luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu. Bài viết trên phần nào đã chỉ rõ được thực trạng đạo đức nghề Sư phạm ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Để có thể đào tạo được tầng lớp tri thức trẻ vừa có tài vừa có đức thì vai trò của người giáo viên luôn là quan trọng nhất. Mỗi người giáo viên cần phải không ngừng học tập, rèn luyện, trao dồi phẩm chất đạo đức để xứng đáng là người cầm lái đưa con thuyền tri thức cập bến tương lai vì một đất nước Việt Nam văn minh và hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [2]. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Giáo trình đạo đức học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [3]. Phạm Thị Lan Hương, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò người Thầy giáo*, <http://truongchinhtrina.gov.vn>, [truy cập ngày: 8/03/2019].
- [4]. Nguyễn Đức Hiền, *Nâng cao hơn nữa đạo đức nhà giáo trong giai đoạn hiện nay*, <http://www.dtnbacgiang.edu.vn>, [truy cập ngày: 8/03/2019].
- [5]. Trần Văn Công, *Một vài suy ngẫm về đạo đức người Thầy hiện nay*, <http://truongchinhtrina.gov.vn>, [truy cập ngày: 8/03/2019].

VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ SINH VIÊN SƯ PHẠM TỰ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

SV: Đặng Thị Vươn Ngân

Lớp: DHGDCT 16A

GVHD: TS. Đỗ Duy Tú

Tóm tắt: *Hiện nay, phần lớn sinh viên sư phạm đã nhận thức đúng đắn việc học tập và tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên năng động, tích cực, tự tin, có khả năng tự học cao, tự giải quyết vấn đề, hợp tác với nhau cao hơn. Bên cạnh đó không ít sinh viên chưa xác định rõ mục tiêu, lí tưởng, động cơ nghề nghiệp của mình, vì thế gặp nhiều khó khăn trong quá trình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, việc đề ra các phương pháp tự rèn luyện để sinh viên sư phạm đạt được yêu cầu đạo đức nghề nghiệp là hết sức cần thiết, phải được xem là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong quá trình học tập, tu dưỡng và rèn luyện của sinh viên. Trên cơ sở phân tích vai trò của đạo đức nghề nghiệp đối với nhà giáo hiện nay. Đồng thời căn cứ vào quy định về đạo đức nhà giáo tác giả đã bước đầu đề ra một số phương pháp rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh hiện nay.*

Từ khóa: *Đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo.*

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội, vị trí và vai trò của nghề giáo viên đã có rất nhiều thay đổi khác nhau nhưng thời nào cũng vậy, người giáo viên luôn gánh trên mình trọng trách lớn lao nhưng rất vinh quang, đó là trách nhiệm “trồng người”, để hoàn thành trọng trách ấy không chỉ cần có trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, mà hơn hết nhà giáo phải luôn ý thức được tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp. Nhà giáo luôn mang trên vai trọng trách hết sức to lớn đó là giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, một chiến lược quan trọng của quốc gia, trong đó có sinh viên các ngành sư phạm - thế hệ tiếp nối sự nghiệp của người thầy đi trước. Để trở thành một người được gọi là nhà giáo thì đòi hỏi sinh viên sư phạm phải hội tụ nhiều đức tính tốt, hoà quyện trong một con người đặc biệt là tài và đức, có như vậy mới trở thành một nhà giáo thực thụ. Tuy nhiên, với sự đa dạng và ngày càng phức tạp trong quan hệ xã hội mà một bộ phận sinh viên sư phạm hiện nay đang bị lệch hướng về đạo đức nghề nghiệp của mình, nhận thức sai lầm về tầm quan trọng của đạo đức nhà giáo. Chính vì vậy, sinh viên sư phạm cần phải thực hiện những yêu cầu đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo để đạo đức của nhà giáo luôn được đề cao, coi trọng, xứng đáng với sự tôn vinh và niềm tin của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của đạo đức nghề nghiệp nhà giáo

2.1.1. Một số khái niệm

Thứ nhất, đạo đức. Đạo đức một thành phần quan trọng trong xã hội, nó mang tính chuẩn mực của xã hội và đóng vai trò quan trọng là giữ gìn xã hội ổn định, vì sự tiến bộ của xã hội. Đạo đức là hệ thống các giá trị bao gồm những quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi, cách ứng xử của mình trong

quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội sao cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội. Chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội, từ đó mang lại một đời sống hạnh phúc hơn, tốt đẹp hơn. Đạo đức là hệ thống các giá trị xã hội bởi vì các hiện tượng đạo đức thường biểu hiện bằng việc bày tỏ sự tán thành hay phản đối trước thái độ hoặc hành vi ứng xử của các cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng trong một xã hội nhất định. Đã là một thành viên của xã hội, con người phải chịu sự giáo dục nhất định về ý thức đạo đức, một sự đánh giá đối với hành vi của mình và trong hoàn cảnh nào đó còn chịu sự khiển trách của lương tâm. Các cá nhân phải biến những đòi hỏi của xã hội thành nhu cầu, mục đích và hứng thú trong hoạt động của mình bằng cách tuân thủ những ngăn cấm, những khuyến khích, những chuẩn mực phù hợp với những đòi hỏi của xã hội. Do vậy sự điều chỉnh đạo đức mang tính tự nguyện và xét về bản chất đạo đức là sự lựa chọn của con người.

Thứ hai, đạo đức nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp là những chân giá trị mà người lao động trong nghề phải tuân theo và hướng tới trong hoạt động hành nghề của mình hay nói cách khác là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội, đòi hỏi con người phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, nó phản ánh mối quan hệ giữa con người với công việc, con người với con người nhằm điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của những người hoạt động trong một lĩnh vực nghề nghiệp dựa trên sức mạnh của dư luận xã hội và lương tâm của mỗi người nhằm đáp ứng với đòi hỏi đặc thù do tính chất, đặc điểm nghề nghiệp đặt ra. Khi bàn về đạo đức nghề nghiệp Ph.Ăngghen đã viết: “Trong thực tế, mỗi giai cấp và ngay cả mỗi nghề nghiệp đều có đạo đức riêng của mình” [2, tr.425]. Đạo đức nghề nghiệp là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là một loại đạo đức đã được thực tiễn hoá. Trong xã hội có bao nhiêu nghề thì có bấy nhiêu đạo đức nghề nghiệp. Mỗi nghề trong xã hội đều có những giá trị riêng. Những nghề nghiệp càng liên quan đến con người càng cần những yêu cầu về đạo đức cao hơn. Chẳng hạn như nghề y - nghề trị bệnh cứu người đòi hỏi đạo đức của người thầy thuốc phải là “Lương y như từ mẫu”.

Thứ ba, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo. Đạo đức nhà giáo là phẩm chất, năng lực, lương tâm của người giáo viên được hình thành trong suốt quá trình tu dưỡng, rèn luyện theo các quy định, tiêu chuẩn, yêu cầu trong hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên, trong từng tình huống cụ thể và trong cuộc sống với tư cách một nhà giáo, được thể hiện ra bên ngoài qua nhận thức, thái độ và hành vi của họ. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn vào những hành vi bên ngoài để đánh giá về đạo đức thì chưa thật sự đầy đủ, bởi vì đạo đức còn có những biểu hiện bên trong khó thấy, nhưng mức độ nguy hiểm còn trầm trọng hơn. Hiện nay, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo được gọi bằng nhiều tên khác nhau với ý nghĩa đồng nhất, đó là đạo đức nghề giáo, đạo đức những người làm thầy,... Đạo đức của người thầy gắn với đặc trưng của nghề dạy học nó mang tính mô phạm, chuẩn hóa rất cao. Thầy giáo, cô giáo được coi là kỹ sư tâm hồn, người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa tư tưởng bởi lẽ người dạy học không chỉ dạy chữ mà còn dạy cách làm người, hình thành và phát triển nhân cách người học. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo được hình thành dựa trên hệ thống các

khuôn phép, quy tắc đạo đức nhằm định hướng, điều chỉnh nhận thức, đánh giá thái độ, hành vi của nhà giáo phù hợp với yêu cầu mô phạm của nghề dạy học.

Đạo đức nhà giáo là nền tảng trong nhân cách của người thầy. Đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo không phải là thành tố biệt lập mà có quan hệ mật thiết với các thành tố khác trong nhân cách của nhà giáo gắn liền với năng lực, tài nghệ sư phạm của nhà giáo. Vì người dạy muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ phải luôn tinh thông về nghề nghiệp, tiêu biểu về tri thức khoa học, tư tưởng chính trị, văn hóa, đạo đức, lối sống.

2.1.2. Vai trò của đạo đức nghề nghiệp đối với nhà giáo hiện nay

Một là, đạo đức nhà giáo là phẩm chất cốt lõi quan trọng hàng đầu đối với người thầy. Xã hội thường có cái nhìn khắt khe hơn đối với mỗi hành vi, ứng xử của người giáo viên cả bên trong lẫn bên ngoài không phải do đặc thù nghề nghiệp mà vì đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất cốt lõi quan trọng hàng đầu đối với nhà giáo. Nó quan trọng là bởi vì giáo viên là người có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành nhân cách, đạo đức của người học, vun đắp và thắp sáng cái thiện tạo ra những mầm non tương lai cho xã hội. Do tính chất đặc thù của hoạt động giáo dục, quá trình dạy học không chỉ truyền thụ kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy, năng lực thực hành cho học sinh mà người thầy còn giúp học sinh hình thành phẩm chất đạo đức, lối sống. Từ nhiệm vụ của giáo dục có thể thấy người thầy giáo chân chính dạy học trò không chỉ bằng vốn tri thức, hiểu biết mà còn bằng chính nhân cách đạo đức trong sáng của mình, để cảm hóa giáo dục và khai sáng cho học sinh. Dạy chữ là quan trọng, nhưng việc dạy người còn quan trọng hơn. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: “Dạy học cũng phải chú trọng cả đức lẫn tài”. Người nói: “Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức. Ví như bảo học trò phải dậy sớm mà giáo viên thì trưa mới dậy. Cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con” [4, tr.492].

Hai là, đạo đức nhà giáo góp phần quyết định chất lượng, hiệu quả hoạt động sư phạm và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Để đáp ứng được yêu cầu sự nghiệp giáo dục - đào tạo trở thành “quốc sách hàng đầu” nhằm phát triển kinh tế xã hội của đất nước thì đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo mang ý nghĩa quyết định to lớn. Nhiệm vụ của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo ra những con người mới, có kiến thức, có phẩm chất cách mạng, có kỹ năng để xây dựng và bảo vệ đất nước. Những thầy, cô giáo và cán bộ quản lý giáo dục chính là những người đảm trách sứ mệnh quan trọng này. Tuy nhiên, để sứ mệnh này thật sự thành công thì đội ngũ nhà giáo nhất định phải có phẩm chất cốt lõi chính là đạo đức nhà giáo. Để chất lượng giáo dục - đào tạo ngày càng được nâng cao thì đòi hỏi đội ngũ nhà giáo phải có trách nhiệm, lòng nhiệt huyết với nghề, luôn phấn đấu hoàn thành sự nghiệp vẻ vang của mình, xứng danh với nghề cao quý mà xã hội tôn vinh, với nhiệm vụ cao cả là dạy chữ và dạy người. Muốn đạt được mục tiêu trên thì đạo đức nhà giáo là một yếu tố cần được coi trọng và đóng vai trò quyết định đối với sự nghiệp nâng cao chất lượng giáo dục.

Ba là, đạo đức nhà giáo được xem là thước đo nhân phẩm để thầy cô kiến tạo những thế hệ tương lai của đất nước. Trong bất cứ xã hội nào, người thầy luôn là một chuẩn mực đạo đức để xã hội noi theo, là kiến trúc sư trí tuệ tạo ra thế hệ tương lai của

dân tộc. Một người công nhân tôi có thể làm hỏng một vài sản phẩm, một người kỹ sư tôi có thể làm hỏng một vài công trình nhưng một nhà giáo tôi có thể làm hỏng cả một thế hệ, đó là hậu quả khôn lường mà cả xã hội phải gánh chịu cho đến tận mai sau. Mục đích của việc học đã được UNESCO khẳng định: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để khẳng định mình”. Cho nên người học thường lấy hình ảnh các nhà giáo làm hình mẫu để noi theo. Những bài giảng nhiệt huyết, say mê, tinh thần trách nhiệm, sự tận tụy của nhà giáo, luôn trau dồi học tập và rèn luyện cùng nhân cách trong sáng của người thầy sẽ tạo một dấu ấn vô cùng sâu đậm trong tâm hồn các thế hệ học sinh. Nhưng nếu người thầy đạo đức không chuẩn mực, chuyên môn không vững vàng, không biết mình, biết người, bảo thủ đứng trên bục giảng thì sẽ làm hỏng cả một thế hệ.

2.2. Quy định về đạo đức nhà giáo và phương pháp rèn luyện để đạt yêu cầu đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm hiện nay

2.2.1. Quy định về đạo đức nhà giáo

Theo quy định tại Điều 4 Quy định về đạo đức nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT thì tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo đã được quy định cụ thể như sau:

- Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

- Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

- Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

2.2.2. Kiến nghị một số phương pháp tự rèn luyện để đạt yêu cầu đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm hiện nay

Một là, nhận thức đúng về nghề, từ đó có ý thức chấp hành đúng pháp luật và quy định về đạo đức nhà giáo. Sự nhận thức nghề nghiệp của mỗi sinh viên sư phạm có vai trò vô cùng quan trọng khi theo đuổi đam mê nghề nghiệp của mình. Điều này giúp sinh viên có được niềm tin tươi sáng về nghề nghiệp tương lai của mình, từ đó vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong quá trình học tập, rèn luyện. Sinh viên ngành sư phạm khi đã chọn cho mình con đường kiến tạo thế hệ mới thì cần phải nhận thức đầy đủ về giá trị nghề dạy học của mình và những phẩm chất đạo đức cần thiết đối với người giáo viên. Mỗi nghề nghiệp đều có những giá trị về tinh thần và những đóng góp cho sự phát triển của xã hội. Đối với nghề giáo cũng vậy, nghề dạy học là một nghề cao quý bậc nhất, là một nghề sáng tạo bậc nhất trong các nghề sáng tạo vì nó sáng tạo ra những con người sáng tạo. Trong xã hội ngày nay, vai trò của nhà giáo cần được đề

cao hơn nữa. Giáo viên là người trực tiếp giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ theo đúng mục đích giáo dục, tạo ra lớp người có ích phục vụ cho đất nước. Đó là trách nhiệm và là niềm vinh hạnh của nghề giáo. Trên cơ sở nhận thức được ý nghĩa to lớn này sinh viên sư phạm cần ra sức nâng cao công tác tư vấn, tuyên truyền về nghề nghiệp của mình bằng những việc làm cụ thể như: tham gia các hoạt động thiện nguyện, dạy học miễn phí để tất cả mọi người ai cũng nhận thức đúng đắn về nghề sư phạm, có như vậy mới đứng vững trên con đường mình đã chọn, từ đó theo đuổi đam mê, cảm thấy yêu nghề và dành trọn tâm trí cho nghề của mình. Ngoài ra, việc làm này còn giúp sinh viên coi trọng ngành nghề của mình và không ngừng quảng bá hình ảnh tốt đẹp của nghề giáo viên đến với xã hội.

Khi đã nhận thức được mỗi thầy cô giáo là tấm gương sáng cho học sinh noi theo thì bản thân sinh viên sư phạm cần phải ý thức được sự cần thiết của các nội quy, quy chế đối với việc rèn luyện của mỗi cá nhân để từ đó tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về đạo đức nhà giáo để trở thành tấm gương sáng cho các em học sinh của mình trong tương lai. Để chấp hành các quy định của pháp luật sinh viên cần thực hiện những việc làm đơn giản và cụ thể nhất như: thực hiện nội quy phòng ở, đảm bảo chỗ ở của cá nhân gọn gàng, ngăn nắp, tiện lợi, sạch đẹp, thực hiện nội quy của nhà trường về thời gian sinh hoạt tập thể, giữ vệ sinh bảo vệ môi trường, thời gian học tập sinh hoạt cá nhân, lên lớp đúng giờ. Đặc biệt hơn sinh viên sư phạm cần thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế trong thi cử, có như vậy mới trở thành tấm gương sáng cho các học sinh tương lai của mình.

Hai là, bồi dưỡng lòng tâm huyết với nghề, giữ gìn tinh thần đoàn kết. Sinh viên sư phạm, những người đang bước những bước quan trọng cuối cùng để chạm đến ước mơ và thực hiện sứ mệnh cao cả của mình để có thể toàn tâm, toàn ý, phấn đấu nỗ lực hết mình theo đuổi nghề mình đã chọn thì lòng tâm huyết với nghề là một yếu tố hết sức quan trọng và cần rèn luyện. Đây là phẩm chất đạo đức đầu tiên và quan trọng nhất của nhà giáo. Nội dung cốt lõi của chuẩn mực đạo đức này là sự toàn tâm, toàn ý với nghề dạy học và người học. Đã bước chân vào nghề thì yêu nghề sẽ tạo cho mình động lực thúc đẩy để vượt qua mọi khó khăn của nghề dạy học. Nếu không yêu nghề thì chúng ta sẽ không vượt qua được những khó khăn này. Đang là những sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên giảng đường, chúng ta phải tạo cho mình lòng tâm huyết với nghề, có như vậy con đường đi mới dài, mới xa được. Bên cạnh đó, việc rèn luyện lòng kiên nhẫn và kiềm chế cảm xúc cũng không kém phần quan trọng. Nếu giáo viên thiếu kiên nhẫn sẽ khó có thể quan tâm, chia sẻ với trẻ những gì mà học sinh thổ lộ từ đó mối quan hệ giữa thầy và trò càng xa cách. Học trò hỗn láo mà người thầy lại không đủ năng lực, phương pháp sư phạm, không đủ tình yêu với nghề thì sẽ dẫn đến một đoạn kết buồn.

Bên cạnh lòng tâm huyết với nghề thì tinh thần đoàn kết là yếu tố quan trọng trong yêu cầu đạo đức của nhà giáo bởi vì đoàn kết có giá trị rất to lớn, đoàn kết là nhân tố hàng đầu của mọi thắng lợi. Đối với nghề giáo muốn nâng cao chất lượng giáo dục thì đội ngũ nhà giáo phải đoàn kết. Đối với sinh viên để nâng cao tinh thần đoàn kết sinh viên cần thống nhất trong tập thể sư phạm, biết lắng nghe. Mỗi sinh viên đều

xác định rõ mục đích phấn đấu, tư tưởng vững vàng, thân ái với bạn bè trong lớp, trong khoa, luôn nêu cao tinh thần thẳng thắn phê bình và tự phê bình, mỗi người đều coi lợi ích tập thể là lợi ích cá nhân, danh dự cá nhân là danh dự tập thể. Luôn tận tình giúp đỡ, động viên dìu dắt các bạn có hoàn cảnh khó khăn một cách vô tư, nhiệt tình hoặc khi thấy bạn mình mắc khuyết điểm thay vì chê trách, xì xèo nên gần gũi, thân thiện, phân tích đúng sai để bạn bè nhận ra mà sửa. Là sinh viên phải luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng học hỏi và cầu tiến bộ, khi có vấn đề gì chưa thấu hiểu thì thắc mắc với bạn bè hoặc thầy cô và ngược lại khi bạn bè cần giải đáp thắc mắc đang vướng phải thì bản thân phải có trách nhiệm giải thích rõ ràng, thấu đáo để bạn mình hiểu.

Ba là, đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Những quan điểm và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về rèn luyện đạo đức của nhà giáo ngay từ ngày đầu lập nước cho đến khi Người đi xa cũng chính là những vấn đề cơ bản mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đặt ra và yêu cầu đổi mới một nền giáo dục của nước nhà ngày càng phát triển lên một tầm cao mới và chiều sâu mới, để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước trong thời kỳ hội nhập Quốc tế hiện nay. Sinh viên sư phạm cần nắm vững quan điểm trên và tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo. Người thường xuyên nhắc nhở mỗi thầy cô giáo phải rèn luyện đạo đức nhà giáo mẫu mực. Sinh viên cần noi theo tấm gương của Bác về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích trong cuộc sống. Có được đức tính như vậy sinh viên có thể vượt qua các khó khăn thử thách gặp được trong cuộc sống và sẽ gặt hái nhiều thành công trong cuộc sống. Để học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh có hiệu quả thì sinh viên sư phạm phải có sự tu dưỡng, rèn luyện hết mình, luôn luôn cố gắng phấn đấu vì sự nghiệp tương lai của mình và tích cực làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh trong cuộc sống.

Bốn là, xây dựng kế hoạch rèn luyện. Đầu tiên là kế hoạch học tập. Khi còn là sinh viên, chúng ta phải nắm thật vững kiến thức, đó là nền tảng để chúng ta trở thành người thầy giỏi, truyền đạt kiến thức cho học trò. Có kiến thức tốt, sẽ giúp chúng ta tự tin để đứng trên bục giảng, trao đổi mọi vấn đề với các em. Chính vì thế, khi đang ngồi trên ghế nhà trường, sinh viên phải cố gắng học hỏi kiến thức từ thầy cô, bạn bè và trên những phương tiện khác. Chúng ta phải học mọi thứ từ cách ăn nói, tác phong sư phạm, kiến thức chuyên môn. Đó là những điều quan trọng để bước vào nghề.

Thường xuyên tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cũng là một phương pháp rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm. Ví dụ: thi tìm hiểu về truyền thống của nhà trường, sinh hoạt văn nghệ. Hoạt động này giúp sinh viên củng cố, khắc sâu nhận thức về truyền thống tốt đẹp của trường, những tấm gương dạy tốt của thầy cô và gương học tập tốt của sinh viên, giáo dục thái độ, tình cảm yêu quý, biết ơn thầy cô thông qua ý nghĩa ca từ... Từ đó, sinh viên tăng thêm niềm tự hào về nghề nghiệp của mình, có ý thức tu dưỡng, rèn luyện trong suốt thời gian còn là sinh viên.

Tích cực tham gia hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Hoạt động này giúp sinh viên có được những nhận thức, kĩ năng, kĩ xảo cần thiết cho hoạt động sư phạm, trên cơ sở đó hình thành những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết: yêu nghề,

yêu trẻ, lòng nhân ái, bao dung và các phẩm chất ý chí khác. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được xem là chiếc cầu nối liền giữa lí luận với thực tiễn, góp phần quan trọng vào sự hình thành và phát triển năng lực sư phạm của sinh viên, một yếu tố không thể thiếu để tạo ra sự thành công trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ của người thầy giáo.

Nghề sư phạm là một nghề cao quý, người giáo viên là người lái đò thầm lặng, là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Vì thế, nắm vững kiến thức thôi vẫn chưa đủ để làm thầy. Mỗi chúng ta phải rèn luyện, tu dưỡng để có cả “tài” lẫn “đức”. Cha ông ta thường nói: “Trọng thầy mới được làm thầy”. Sự tôn trọng, lễ phép và ghi nhớ công lao dạy dỗ của thầy cô giáo của chúng ta hôm nay chính là hành trang quý báu của sinh viên sư phạm trên bước đường học làm thầy. Hành trang này là hạt giống mà mỗi sinh viên sư phạm chúng ta ươm mầm từ học sinh của chúng ta sau này.

3. Kết luận

Đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo có vai trò rất quan trọng, góp phần quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động sư phạm và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của đất nước. Sinh viên sư phạm là lực lượng nòng cốt và có tính chất quyết định đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước. Để xứng đáng với sứ mệnh vẻ vang và cao cả trong sự nghiệp trồng người, xứng đáng với sự tôn vinh và niềm tin yêu của xã hội, bản thân mỗi sinh viên ngành sư phạm phải luôn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp dựa trên những yêu cầu về đạo đức nhà giáo, luôn nêu cao tinh thần “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương sáng cho học sinh noi theo”. Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp còn mang ý nghĩa to lớn đối với sinh viên sư phạm, bởi lẽ đối với nghề giáo không có gì quan trọng hơn đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp còn là nền tảng cho sự nghiệp vẻ vang của sinh viên, cho sự nghiệp giáo dục của đất nước. Những yêu cầu về đạo đức nhà giáo đối với sinh viên sư phạm không chỉ có ý nghĩa với hiện tại mà còn có ý nghĩa với tương lai khi đất nước đang trên đường hội nhập quốc tế, nền kinh tế tri thức ngày càng phát triển thì vai trò của người thầy càng quan trọng và cùng với nó là yêu cầu đặt ra cho người thầy cũng ngày càng cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT định ban hành quy định về đạo đức nhà giáo*.

[2]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.492.

[3]. Mác - Ph.Ăngghen (2005), *Toàn tập*, tập 21, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.425.

[4]. Lê Thống Nhất, “*Tại sao có những giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo*”, Diễn đàn Bigschool, <https://bigschool.vn/tai-sao-co-nhung-giao-vien-vi-pham-dao-duc-nha-giao>, [truy cập ngày: 16/04/2019].

[5]. Trần Văn Công, “*Một vài suy ngẫm về đạo đức người thầy hiện nay*”, http://truongchinhtrina.gov.vn/ArticleDetail.aspx?Article_ID=622, [truy cập ngày: 16/04/2019].

[6]. Vũ Công Thương , “*Nội dung cơ bản của đạo đức nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh*”, Học viện Báo chí và tuyên truyền, <http://dbndbinhphuoc.gov.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=Hoc-tap-tam-guong-dao-duc-Ho-Chi-Minh/NOI-DUNG-CO-BAN-CUA-DAO-DUC-NHA-GIAO-THEO-TUONG-HO-CHI-MINH-289>, [truy cập ngày: 16/04/2019].

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH LỚP 12 TRƯỜNG THPT THIÊN HỘ DƯƠNG

SV: Đào Hoàng Nhật - Huỳnh Nhật An

Lớp: ĐHGDC 15B – ĐHGDC 16A

GVHD: ThS. Lê Thị Lệ Hoa

Tóm tắt: Từ cơ sở hướng nghiệp và tác động của nó đối với ngành giáo dục hiện nay ở nước ta. Bài viết cho thấy tầm quan trọng của công tác hướng nghiệp, quy trình công tác hướng nghiệp đối với học sinh, đi đến khảo sát thực trạng về công tác hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông Thiên Hộ Dương, từ kết quả khảo sát tìm hiểu nguyên nhân tác động đến việc hướng nghiệp cho học sinh, chỉ ra hạn chế và đề ra những giải pháp có tính khả thi nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 trường THPT Thiên Hộ Dương.

Từ khóa: Hướng nghiệp, học sinh lớp 12, THPT Thiên Hộ Dương, học sinh, THPT THD.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, một trong những vấn đề các trường Trung học phổ thông quan tâm là công tác hướng nghiệp cho học sinh và hiệu quả của nó. Thực tế, đây là vấn đề đã được các trường phổ thông triển khai hằng năm. Tuy nhiên, kết quả lựa chọn nghề nghiệp của học sinh vẫn còn nhiều bất cập, nhất là còn mang nặng tính cảm tính. Chính vì thấy được tầm quan trọng của công tác hướng nghiệp, cũng như trên cơ sở khảo sát thực trạng về công tác hướng nghiệp đối với học sinh lớp 12 trường trung học phổ thông Thiên Hộ Dương (THPT THD), chúng tôi mạnh dạn đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 trường THPT THD.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý luận về công tác hướng nghiệp cho học sinh

2.1.1. Khái niệm hướng nghiệp

Thuật ngữ “Hướng nghiệp” ra đời cách nay hàng trăm năm nhưng cho đến bây giờ vẫn còn nhiều người hiểu chưa đúng hoặc chưa đầy đủ về thuật ngữ này. Có người nghĩ đơn giản hướng nghiệp là hướng dẫn, định hướng việc chọn ngành, nghề cho học sinh chuẩn bị tốt nghiệp phổ thông; có người cho rằng đây là quá trình định hướng cho các em lựa chọn những ngành, nghề lương cao, dễ làm trong xã hội. Người khác lại nghĩ hướng nghiệp là công việc của riêng các trường học và chỉ có nhà trường mới hướng nghiệp được... Vậy, nên hiểu về hướng nghiệp như thế nào cho đúng? “*Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp HS có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội*” (Điều 3- Nghị định 75/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giáo dục).

2.1.2. Tầm quan trọng của công tác hướng nghiệp đối với học sinh

Công tác hướng nghiệp cho thế hệ trẻ có tầm quan trọng đặc biệt giúp cho các em

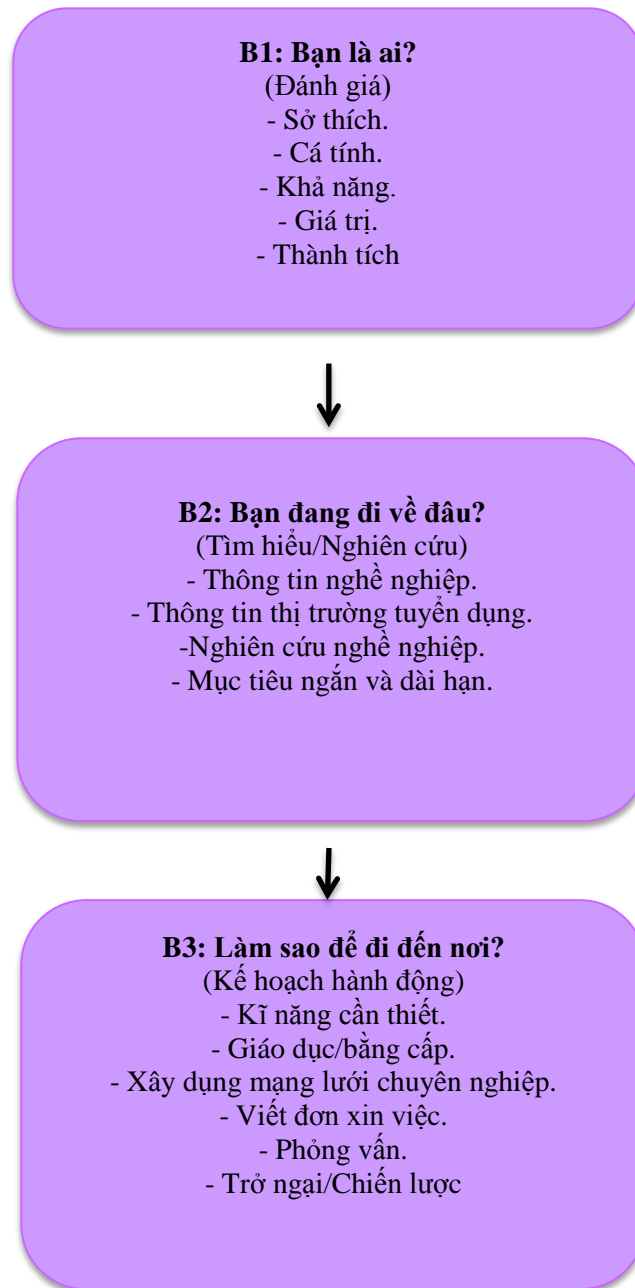
tự tin, đưa ra quyết định đúng đắn cho nghề nghiệp cho bản thân, điều này góp phần xây dựng nền tảng cho tương lai. Đối với gia đình, nếu công tác hướng nghiệp tốt sẽ giúp gia đình tiết kiệm thời gian, công sức, tiền của, góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình. Đặc biệt, đối với xã hội, qua công tác hướng nghiệp sẽ giúp phân luồng hợp lý học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp. Qua đó, có thể cung cấp nguồn nhân lực chất lượng và phù hợp. Có thể hệ thống vai trò của công tác.

Có thể thấy, do sự khác nhau về tâm lý, điều kiện kinh tế gia đình, hoàn cảnh xã hội nên học sinh có những định hướng khác nhau, có sự lựa chọn con đường học vấn hoặc đi vào các nghề nghiệp khác nhau. Giáo dục hướng nghiệp có vai trò tích cực trong định hướng nghề nghiệp tương lai cho học sinh cũng như giúp gia đình và xã hội có thêm cơ sở để định hướng con em mình lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với điều kiện và năng lực của bản thân.

2.1.3. Quy trình thực hiện công tác hướng nghiệp cho học sinh

Quy trình thực hiện công tác hướng nghiệp thông thường gồm 3 bước: Bước 1: Học sinh trả lời cho câu hỏi đánh giá bạn là ai? “Ai” đây được hiểu là quá trình học sinh tự nhận thức về bản thân như sở thích cá nhân, điểm mạnh điểm yếu, thành tích học tập... Đây là giai đoạn cơ sở nhưng quan trọng để học sinh có thể lựa chọn những ngành nghề phù hợp với bản thân. Bước 2: Bạn đang đi về đâu? đây là giai đoạn tiếp theo của việc lựa chọn nghề bao gồm những vấn đề liên quan mà học sinh lựa chọn nghề phải trả lời được như thông tin ngành nghề, thông tin tuyển dụng, mục tiêu ngắn và dài hạn... Bước 3: Làm sao để đi đến nơi? Bước 3 là bước quan trọng nhất trong công tác hướng nghiệp, nó đòi hỏi học sinh phải đưa ra được kế hoạch hành động, phải xác định được những kỹ năng cần thiết, phải xây dựng được chiến lược bản thân. Hoàn thành được bước 3, xem như học sinh đã có sự lựa chọn nghề nghiệp một cách khoa học, đúng đắn tránh được sự cảm tính, chủ quan trong lựa chọn nghề. Có thể khái quát quy trình hướng nghiệp bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Quy trình công tác hướng nghiệp



2.2. Thực trạng công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 trường THPT Thiên Hộ Dương

Năm học 2018 - 2019 trường THPT THD có tổng số 21 lớp. Trong đó có 6 lớp 12 với tổng số 303 học sinh. Qua kết quả khảo sát bằng bảng hỏi 60 học sinh, chúng tôi đánh giá thực trạng công tác hướng nghiệp tại trường như sau.

Công tác hướng nghiệp luôn được nhà trường, phụ huynh và học sinh quan tâm. Đây cũng là nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên từ cấp trung học cơ sở nên đa số học sinh đều đã chuẩn bị được các yếu tố cơ bản cho việc lựa chọn nghề nghiệp.

Tuy nhiên, khi được hỏi “Em muốn thi vào trường nào sau khi tốt nghiệp lớp 12?” thì có khoảng 80% học sinh lựa chọn các trường đại học, chỉ 20% còn lại lựa chọn các trường cao đẳng, trung cấp. Qua kết quả khảo sát câu hỏi này, có thể xác định

xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh tập trung nhiều vào các trường Đại học, còn bậc cao đẳng và trung cấp chỉ chiếm thiểu số mà thôi. Và đây cũng chính là thực tế về vấn đề đào tạo ở Việt Nam, xu hướng “thừa thầy thiếu thợ” vẫn luôn tồn tại. Các em chưa thấy được rằng đại học không phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công, bởi lẽ những người như Michael Dell, Bill Gates, Steven Spielberg, Mark Zuckerberg thời trẻ có người không học đại học, hay bỏ học đại học, ... vẫn thành công và có tài sản nhiều tỷ USD.

Ngoài ra, khi được hỏi “Khi lựa chọn ngành học em có tham khảo trước các trường đào tạo không?” thì kết quả chung khoảng 50% học sinh có và 50% học sinh không tham khảo. Với kết quả này, chứng tỏ học sinh vẫn còn mang tính chủ quan khi quyết định lựa chọn ngành nghề. Các em không chịu tìm hiểu sâu về các trường đào tạo, chưa xem xét và so sánh sự khác nhau giữa các trường đào tạo. Điều này dễ dẫn đến những khó khăn trong quá trình học tập sau này như học trường ở xa nhà, kinh phí cao...

Một trong các vấn đề về công tác hướng nghiệp mà chúng tôi cũng quan tâm đó là cơ hội việc làm. Vì vậy trong khảo sát chúng tôi đã hỏi “Khi lựa chọn ngành nghề em có chú ý đến cơ hội việc làm không?”. Kết quả khoảng hơn 65% học sinh quan tâm, còn lại không hoặc ít quan tâm. Đây là một kết quả đáng mừng chứng tỏ học sinh đã quan tâm nhiều đến chuẩn đầu ra của nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ học sinh không quan tâm đến cơ hội việc làm, các em lựa chọn nghề nghiệp có thể chỉ do sở thích hoặc sự tác động từ gia đình, bạn bè. Đây cũng là một trong những nguyên nhân của vấn đề thất nghiệp hiện nay, bởi người học thường tập trung nhiều ở các ngành có độ hot cao, còn các ngành khác cần lao động thì lại ít người học.

Cuối cùng, chúng tôi muốn biết đến các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nên đặt câu hỏi “Yếu tố nào là quan trọng nhất tác động đến việc lựa chọn nghề của em”. Kết quả thống kê cho thấy có đến 30% học sinh cho rằng yếu tố gia đình là quan trọng, 55% học sinh lựa chọn yếu tố từ năng lực bản thân, số còn lại là từ yếu tố bạn bè hoặc lương cao... Đây là một tín hiệu đáng mừng so với những năm trước bởi học sinh đã biết nhìn nhận đúng bản thân mình trong việc đăng kí ngành nghề, biết đánh giá đúng năng lực chuyên môn của mình để không phải học những ngành nghề không phù hợp. Tuy nhiên, áp lực từ gia đình, sự tác động từ bạn bè vẫn là những lý do trong việc lựa chọn nghề của một bộ phận nhỏ học sinh.

Có thể thấy, trên đây chỉ là sự khảo sát mang tính cơ bản nhưng qua đó cũng cho chúng ta thấy được những hạn chế mà công tác hướng nghiệp ở trường THPT THD còn đang tồn tại. Những hạn chế trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính yếu vẫn là do vấn đề nhận thức và sự tác động của xã hội. Vậy nên, chúng tôi trên cơ sở đánh giá thực trạng, mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 trường THPT THD.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 trường THPT Thiên Hộ Dương

2.3.1. Lồng ghép nội dung hướng nghiệp thông qua hoạt động dạy học và giáo dục

Như đã nói, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa công tác hướng nghiệp vào chương trình học ngay từ những năm trung học cơ sở và phát triển nội dung hướng nghiệp lên cấp trung học phổ thông. Theo đó mỗi thầy cô giáo, tổ chuyên môn và các đoàn thể trong nhà trường phải có nhiệm vụ hướng nghiệp cho học sinh. Thời gian hướng nghiệp được rải đều trong suốt năm học nhưng trọng tâm là tháng hai tháng ba. Để hoạt động giáo dục hướng nghiệp đạt hiệu quả. Bản thân các giáo viên vừa làm công tác chuyên môn vừa người phụ trách hoạt động giáo dục hướng nghiệp cần phải đa dạng hoá các hình thức hướng nghiệp, hướng nghiệp thường xuyên, liên tục trong suốt cả năm học: Tìm hiểu thông tin của học sinh về nguyện vọng, năng lực, khối thi, ngành thi... để tư vấn cho các em chọn ngành, chọn nghề phù hợp; tìm thông tin về đặc điểm ngành nghề, danh mục các trường đại học, Cao đẳng, trung cấp; cung cấp sớm nhất “Những điều cần biết về tuyển sinh Cao đẳng, Đại học” ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát hành cũng như tờ rơi có thông tin tuyển sinh, giới thiệu ngành nghề, quy mô của các trường chuyên nghiệp... để học sinh lựa chọn.

2.3.2. Tăng cường năng lực hướng nghiệp cho giáo viên

Để tăng cường năng lực hướng nghiệp cho giáo viên, việc bồi dưỡng giáo viên nói chung và bồi dưỡng năng lực hướng nghiệp cho giáo viên là hành động mang tính chủ động. Cần nâng cao ý thức trách nhiệm và phát huy tối đa vai trò của giáo viên đối với công tác hướng nghiệp cho học sinh tại các trường THPT; Tăng cường bồi dưỡng kiến thức hướng nghiệp và giáo dục hướng nghiệp giúp giáo viên có những kiến thức vững chắc về hướng nghiệp và giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp tích cực và phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh của mỗi trường. Cụ thể hiện nay là chương trình tư vấn để các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp giới thiệu ngành nghề. Điều này sẽ thu hút được sự quan tâm của học sinh khi các em được trực tiếp trao đổi, giải đáp những thắc mắc từ phía các Trường Đại học, Cao đẳng mà các em mong muốn học sau này.

2.3.3. Kết nối với các trường đại học trong công tác hướng nghiệp cho học sinh

Hiện nay, việc kết nối với các trường đại học trong công tác hướng nghiệp cho học sinh không còn là vấn đề mới. Tuy nhiên, để giúp học sinh có cơ sở khoa học hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cũng như giúp các em có cơ hội trải nghiệm thực tiễn thì nhà trường cần đưa các em đi tham quan thực tế tại nhiều trường Cao đẳng, Đại học, cho các em tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh để các em có cái nhìn toàn cảnh và khách quan trước khi quyết định lựa chọn nghề.

Bên cạnh đó, Ban giám hiệu, Đoàn thanh niên cũng cần tăng cường kết nối với các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học để nắm thông tin tuyển sinh các ngành cụ thể. Chia sẻ rộng rãi những thông tin này cho học sinh lớp 12 năm bắt. Cần thiết, có thể liên hệ với các trường để các trường cử ra bộ phận chuyên môn để giới thiệu và giải đáp thắc về các ngành nghề trong, qua đó giúp các em học sinh có cái nhìn toàn cảnh, khách quan trước khi quyết định chọn nghề.

2.3.4. Chú ý đến cơ hội việc làm trong công tác hướng nghiệp học sinh

Bên cạnh việc thực hiện giảng dạy theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban giám hiệu cần chỉ đạo khơi dậy tinh thần trách nhiệm của đội ngũ sư phạm, để mỗi thầy cô là một “Tur vãn hướng nghiệp” cho học sinh. Phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường nhất là Đoàn Thanh niên xen kẽ vào buổi sinh hoạt dưới cờ thứ hai hàng tuần nội dung hướng nghiệp dưới nhiều hình thức: Hái hoa dân chủ, tìm hiểu về nghề... Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khoá với các chủ đề: “Ước mơ nghề nghiệp trong tương lai, Đại học có phải duy nhất để lập nghiệp, để chọn được ngành nghề phù hợp”. Song song đó, cũng thường xuyên cập nhật trên bản tin của nhà trường những thông tin tuyển sinh, danh mục cũng như điểm chuẩn năm trước của hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng, nghề...

2.3.5. Phối hợp với gia đình và xã hội trong công tác hướng nghiệp học sinh

Gia đình là xã hội thu nhỏ, gia đình là tế bào của xã hội. Vai trò đặc biệt của gia đình là nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con cái theo truyền thống, nề nếp của gia đình; theo định hướng và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Trẻ vị thành niên là những người đang phát triển rất mạnh mẽ về óc phê phán và nhận xét, do vậy, dưới sự định hướng của gia đình, kết hợp với truyền thống đạo đức của gia đình, sẽ tác động rất tích cực tới đời sống và các hành vi của các em. Gia đình rất quan trọng trong việc hình thành nề nếp đạo đức, lối sống cho con cái. Vì vậy vai trò của gia đình là rất quan trọng trong việc giáo dục con cái. Truyền thống văn hóa, đạo đức gia đình ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nhân cách em. Khi gia đình coi trọng việc dạy dỗ đạo đức cho con cái, bắt đầu bằng những bài học rất đơn sơ như chào hỏi, thưa gửi... sẽ giúp trẻ ý thức được mỗi lời nói cũng như từng hành vi cử chỉ của mình. Trẻ vị thành niên là người dễ bị tác động, ảnh hưởng bởi những lời nhận xét, đánh giá, những lối sống, trào lưu sống bên ngoài, do vậy, giáo dục cho các em có một lối sống đạo đức vững vàng là cần thiết để các em có thể đứng vững và trưởng thành, trở thành một người con ngoan hiền, giúp ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Xã hội là nơi học sinh đang sống, học tập, lao động, vui chơi: thôn, xóm, làng, xã, phố phường tổ dân phố, cụm dân cư... là môi trường gần gũi, quen thuộc đối với các em... Đó là khoảng không gian đầy ắp những mối liên hệ và quan hệ, hoạt động và giao lưu của con người nhất là đối với thế hệ trẻ thanh thiếu niên học sinh. Con người phát triển trước hết là nhờ có giáo dục gia đình và cộng đồng, vì thế dấu ấn của cộng đồng đã khiến cho mỗi con người có cái riêng, cái đặc thù của mình, cái riêng, cái đặc thù của mọi cá nhân thực chất là biểu hiện cụ thể hoá cái chung trong mỗi người. Cộng đồng nơi ở của học sinh giữ vị trí và vai trò quan trọng trong việc phát triển nhân cách của thế hệ trẻ. Do đó mục tiêu của sự phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hoạt động giáo dục của nhà trường nhằm: Nâng cao hiệu quả giáo dục, góp phần hình thành và phát triển đạo đức, nhân cách học sinh, thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường, đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của xã hội..

Có như vậy, hoạt động hướng nghiệp mới đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả cao giúp học sinh hiểu được ngành, hiểu được nghề, hiểu được chính mình để lựa chọn nghề nghiệp tương lai phù hợp.

3. Kết luận

Ngày nay gần như mọi quốc gia trên thế giới đều coi nhân tố con người, nguồn lực con người hay nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản, có vai trò đối với sự phát triển nhanh và bền vững của một quốc gia. Nhờ có sự đầu tư và phát triển cho nguồn nhân lực mà một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc,... chỉ trong thời gian ngắn đã nhanh chóng trở thành nước công nghiệp phát triển. GD&ĐT, trong đó có phần GDNN góp phần hết sức to lớn trong việc phát triển nguồn nhân lực cho đất nước. Các cơ sở GDNN đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp một lực lượng lao động đã qua đào tạo, góp phần làm cho cơ cấu lao động xã hội, cả về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề và cơ cấu vùng miền phù hợp với từng giai đoạn phát triển KT – XH của đất nước. Tại các nước phát triển, coi trọng lực lượng lao động là “lao động tri thức”, trước đây kỹ năng nghề có thể giúp con người đi theo suốt cuộc đời, nhưng thời đại ngày nay, luôn phải cập nhật tri thức, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu xã hội. Giáo dục thường xuyên, GDHN có vai trò quan trọng giúp con người có điều kiện hướng đến đào tạo lao động tri thức và tự đào tạo suốt đời. Nhà trường phải thay khẩu hiệu “Đào tạo một lần cho một đời người” bằng khẩu hiệu “Đào tạo suốt đời cho một đời người”.

Vấn đề hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông không phải là vấn đề mới. Đây là một vấn đề được tất cả các cấp, ban ngành đoàn thể trong xã hội từ trung ương đến địa phương, các nhà quản lý giáo dục, các bậc cha mẹ học sinh và các em học sinh thực sự quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông chương trình hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Lê Thị Thanh Hương (2010), *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT thực trạng ở VN và kinh nghiệm quốc tế*, Nxb. KHXH.
- [3]. Lê Thị Thu Trà (2016), *Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội*, luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục.
- [4]. Ngô Văn Trí Dũng (2016), *Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường THPT huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp*, luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục.
- [5]. Nguyễn Ngọc Tài (2013), *Tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho nhóm lớn học sinh cấp trung học phổ thông*, Nxb. ĐHQGHN.
- [6]. Phạm Thị Lan (2012), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 12 của trường THPT U Minh Thượng hiện nay*.

NÂNG CAO KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

SV: Nguyễn Văn Thịnh - Phan Văn Giàu

Lớp: ĐHGDC T 16A

GVHD: ThS. Phùng Ngọc Tiên

Tóm tắt: *Kỹ năng thuyết trình của sinh viên ngành Giáo dục chính trị (GDCT) của Trường Đại học Đồng Tháp còn nhiều hạn chế và chưa phát huy tốt tới đa kỹ năng này để đạt hiệu quả cao trong công việc và trong giao tiếp. Có thể thấy có rất nhiều nguyên nhân chi phối vấn đề nói trên, nhưng nhìn chung xoay quanh vẫn là ý thức cá nhân, sự rèn luyện, học hỏi, và nắm bắt chưa tốt, các bạn vẫn hay mất một số lỗi đó là nội dung trình bày chưa rõ ràng, cử chỉ và hành động thuyết trình còn chưa phù hợp, và đặc biệt là kinh nghiệm thuyết trình của các bạn hoàn toàn còn nhiều bất cập, sự tự rèn luyện của các bạn còn rất thấp, khả năng gây sự chú ý cho người khác của các bạn còn chưa phát huy được. Vì thế bài nghiên cứu này tác giả muốn chỉ ra cho các bạn thấy những nguyên nhân làm cho kỹ năng thuyết trình của các bạn chưa hiệu quả, và quan trọng hơn tìm ra giải pháp cụ thể để khắc phục và phát huy kỹ năng thuyết trình cho các bạn.*

Từ khóa: *Kỹ năng, thuyết trình, sinh viên, giáo dục chính trị*

1. Đặt vấn đề

Thuyết trình là một hình thức giao tiếp, đây là hình thức giao tiếp ở mức độ khá phức tạp, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị kỹ càng trước khi thực hiện nếu người thực hiện muốn có một buổi thuyết trình thành công. Thuyết trình diễn ra khá thường xuyên trong môi trường công việc và học tập, nếu trình bày vấn đề một cách thuyết phục, người thuyết trình sẽ chuyển tải thông điệp trọn vẹn và chuyển tải nội dung đến người nghe như ý muốn, thông qua đó có thể tăng cường uy tín cũng như khả năng ảnh hưởng đến người khác. Đặc biệt là trong lĩnh vực học tập kỹ năng thuyết trình đóng vai trò vô cùng quan trọng, nó thể hiện sự tự tin, năng lực làm chủ kiến thức, và khả năng truyền đạt kiến thức của một cá nhân trước tập thể. Tuy nhiên một số bạn sinh viên lại chưa có kỹ năng thuyết trình tốt dẫn đến tình trạng rụt rè, sợ hãi khi được giao bài tập nhóm, hoặc dùn dầy việc thuyết trình cho người khác. Chính vì thế, việc phát triển kỹ năng thuyết trình cho sinh viên, cụ thể là sinh viên ngành Giáo dục chính trị của trường Đại học Đồng Tháp là một điều rất cần thiết, là hành trang cho các bạn sinh viên khi ra trường tham gia vào các công việc có đòi hỏi về kỹ năng này và sử dụng kỹ năng thuyết trình vào trong cuộc sống hàng ngày để đem lại hiệu quả cao.

2. Nội dung

2.1. Khái quát chung về thuyết trình

a. Kỹ năng thuyết trình

Ngạn ngữ Latinh có nói rằng: “Người nào sống được một mình thì hoặc là Thánh nhân, hoặc là Quỷ sứ”. Thật vậy, phạm đã là người ai cũng phải sống trong một xã hội nhất định, sinh hoạt trong một cộng đồng, tập thể nào đó. Trong môi trường sống đó,

con người bộc lộ ra bên ngoài nhu cầu cần được giao tiếp, được trao đổi thông tin và kinh nghiệm sống ra với cộng đồng bên ngoài.

Giao tiếp là hoạt động xác lập các mối quan hệ xã hội giữa người với người nhằm thỏa mãn những nhu cầu nhất định của mỗi cá nhân. Trong quá trình giao tiếp, cá nhân cần trình bày và lập luận những nội dung muốn chuyển tải ra bên ngoài để người khác nghe theo một cách thuyết phục, đó chính là thuyết trình. Vậy, hiểu một cách khái quát *“Thuyết trình là trình bày bằng lời trước nhiều người về một vấn đề nào đó nhằm cung cấp thông tin hoặc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người nghe”* [3, tr.7].

Thực chất của thuyết trình là trả lời câu hỏi: Ai đang nói điều gì với ai? Họ sử dụng phương tiện nào để tạo ra kết quả gì? Nếu căn cứ theo mục tiêu và đặc điểm của các câu hỏi đó, người ta có thể chia thuyết trình ra thành hai loại: cung cấp thông tin và thuyết phục. Trong đó, cung cấp thông tin là chia sẻ, truyền tải thông tin cho người nghe theo chủ đích của người nói; còn thuyết phục là đưa ra các lý lẽ để làm người nghe chấp nhận hoặc hành động theo ý kiến của người nói.

Thực tiễn đã chứng minh, người nào có kỹ năng thuyết trình tốt trong quá trình giao tiếp, người đó sẽ thành công trong công việc cũng như trong cuộc sống. Vì vậy, sinh viên muốn thành công sau khi tốt nghiệp ra trường thì trong quá trình ngồi trên giảng đường đại học, cần thường xuyên rèn luyện kỹ năng thuyết trình của mình trước thầy cô và bạn bè.

b. Vai trò của kỹ năng thuyết trình đối với sinh viên

Kỹ năng thuyết trình có vai trò vô cùng quan trọng đối với việc học tập của sinh viên, nó chứng tỏ được năng lực diễn đạt và nắm bài của sinh viên thông qua những buổi thuyết trình môn học, hoặc chủ đề vận dụng kiến thức. Hầu hết trong suốt quá trình học tập của sinh viên, vấn đề kỹ năng thuyết trình gắn bó và xuyên suốt quá trình dạy và học. Đó cũng là một phương pháp để giảng viên đánh giá chất lượng dạy học, nếu các bạn có kỹ năng thuyết trình tốt các bạn sẽ làm chủ được trong mọi tình huống, đặc biệt là có kết quả cao trong quá trình học tập, và điều đáng quý là nó sẽ giúp bạn giao tiếp lưu loát và hiệu quả, đồng thời cũng là kỹ năng quyết định khả năng xin việc của các bạn trong những buổi xin việc sau khi tốt nghiệp.

c. Nguyên tắc xây dựng một bài thuyết trình hiệu quả

Một bài thuyết trình tốt cần được thực hiện dựa trên những nguyên tắc sau:

- + Thứ nhất: Xác định nội dung thuyết trình
- + Thứ hai: Lập dàn ý cho bài thuyết trình
- + Thứ ba: Lựa chọn phương pháp và phương tiện thuyết trình
- + Thứ tư: Phải làm chủ được bài thuyết trình, gây sự chú ý, thu hút cho mọi người, và chú ý đến đặc điểm của đối tượng cần truyền đạt
- + Thứ năm: Tóm tắt một cách ngắn gọn nhất nội dung thuyết trình sau buổi thuyết trình cho khán giả nắm được nội dung kỹ hơn

2.2. Thực trạng và nguyên nhân của việc thuyết trình chưa hiệu quả

Trong thời gian vừa qua mặc dù trường Đại học Đồng Tháp đã áp dụng nhiều phương pháp, phương tiện, cách thức... vào quá trình dạy học nhằm lấy người học làm trung

tâm, để người học có cơ hội trình bày nội dung đã học trước mọi người, tăng cường khả năng diễn đạt và nắm bài một cách chắc chắn hơn. Tuy nhiên, hầu như các bạn sinh viên ngành GDCT vẫn chưa hiểu tầm quan trọng và cách sử dụng một trong số các phương pháp đó là kỹ năng thuyết trình vào trong học tập một cách tốt nhất. Vì vậy, hầu như kỹ năng thuyết trình của các bạn sinh viên ngành GDCT còn rất nhiều hạn chế. Như chúng ta đã biết môi trường đại học rất đa dạng với nhiều ngành và nhiều môn học khác nhau, mỗi môn học đều đòi hỏi sinh viên thuyết trình về nội dung một chủ đề nào đó, nhằm mục đích thông giảng viên có thể kiểm tra hàm lượng tri thức mà các bạn nắm được ra sau. Nhìn chung số đông các bạn sinh viên ngành GDCT có khả năng thuyết trình chưa tốt, vẫn hay mắc các lỗi đó là: nắm nội dung chưa kỹ, chưa quan tâm đến đối tượng lắng nghe, con lúng túng trong khi đứng trước đám đông, cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể chưa phù hợp và chưa đem lại hiệu quả cao, và ý thức rèn luyện chưa cao. Thực trạng trên vẫn xoay quanh một số nguyên nhân sau:

Một là, thông điệp không hướng vào người khác

Các bạn thường mắc hạn chế đó là trình bày vấn đề theo những thứ có sẵn rất giống nhau mà không thay đổi để hướng tới việc giải quyết những vấn đề mà người nghe đang gặp phải. Người nghe biết khi nào thì người nói không có sự chuẩn bị bài nói từ trước và phản ứng của họ sẽ đi từ thất vọng cho tới giận dữ và không thèm nghe nữa.

Để tránh sai lầm này, hãy tự hỏi chính bạn: Ai đang là khán giả của mình? Vấn đề cấp bách nhất của họ là gì? Những gì mình trình bày sẽ có ích cho họ như thế nào? Họ hiểu bao nhiêu về chủ đề mình sắp nói? Mình sẽ yêu cầu họ làm gì để tạo sự kết nối?. Tất cả những buổi diễn thuyết tuyệt vời nhất đều phụ thuộc vào nguyên lý đầu tiên này, đó chính là hiểu rõ đối tượng.

Hai là, di chuyển mắt quá nhanh

Đa phần các bạn không thể duy trì liên tục các cử chỉ giao tiếp bằng mắt có ý nghĩa đối với người nghe. Mắt của bạn đảo nhón nháo một cách không có ý thức từ người này sang người khác, nhìn khắp phòng mà không hề dừng lại để thực sự chú ý vào những người đang lắng nghe bạn trình bày. Như vậy cho thấy bạn thật sự chưa tập trung vào một đối tượng nào cả.

Để kết nối về mặt thị giác thì các cử chỉ bằng mắt hướng đến từng người phải kéo dài ít nhất 2 đến 3 giây hoặc đủ lâu để nói một câu, một đoạn trọn vẹn. Giao tiếp bằng mắt hiệu quả là một kỹ năng phi ngôn ngữ quan trọng nhất trong "hộp công cụ" của một nhà diễn thuyết.

Ba là, các cử chỉ xấu khiến người nghe mất tập trung

Có ít nhất 20 tật xấu cần phải loại bỏ, bao gồm: siết chặt hai bàn tay, đi đi lại lại, cho tay vào túi quần, đứng yên một chỗ trên bục sân khấu, liên tục sờ vào tóc hoặc quần áo, xoay bút, lắc đầu, chấp tay sau lưng và sờ lên mặt. Có một hoặc nhiều hơn các thói quen này có thể khiến khán giả mất chú ý vào những gì bạn nói và không còn tín nhiệm bạn nữa

Bốn là, thiếu năng lượng

Nhiệt tình, được định nghĩa như là sự thích thú đến mức háo hức và quan tâm

tích cực là thứ mà các khán giả mong muốn được nhìn thấy nhất ở mỗi bài thuyết trình. Trái lại, truyền tải sự nhàm chán với giọng đều đều, các biểu lộ trên khuôn mặt thiếu sức sống và thần thờ là điểm mà người nghe mất thiện cảm với người thuyết trình.

Để tránh tình trạng này, hãy nói truyền cảm, nở nụ cười thân thiện, di chuyển một cách tự nhiên và tận hưởng từng khoảnh khắc mà bạn giao tiếp với các bạn khác.

Năm là, không luyện tập trước

Những người thuyết trình hay đều có sự chuẩn bị. Cụ thể là, họ biết chủ đề cần nói, tổ chức nội dung, thiết kế slide ấn tượng và tìm hiểu kỹ các vấn đề trọng tâm muốn trình bày.

Tuy nhiên, hầu như chúng ta ai cũng có hạn chế là thờ ơ, ít khi luyện tập trước dẫn đến có những hành động lúng túng và thiếu tự tin hoặc nói nhỏ... Để tối ưu hóa nhận thức của người nghe và có được kết quả mà bạn mong muốn sau buổi diễn thuyết, thì hãy tập nói thật to ít nhất một lần trước khi đứng trước buổi thuyết trình.

Sáu là, nội dung rối rắm

Điều này rất dễ hiểu. Sau cùng, uy tín của chúng ta sẽ bắt đầu bị đánh giá khi chúng ta đứng dậy và bắt đầu nói. Thế nên, để an toàn, chúng ta thường tập trung gần như toàn bộ gồm chức năng của lập luận logic, ngôn ngữ, phân tích, lý trí, tư duy phản biện và các con số.

Tuy nhiên, khi sử dụng hết tất cả các loại nội dung này thì bài thuyết trình sẽ trở nên dài dòng, quá nhiều slide không cần thiết và hệ quả là bạn sẽ phải dành thời gian để đọc chữ và số trên slide mà bỏ qua phần quan trọng nhất đó là tập trung vào khán giả. Để khắc phục hạn chế này, "*hãy gạt bỏ thói quen sử dụng nội dung rối rắm*", bởi nó sẽ đánh mất thiện cảm của người nghe và làm thui chột khả năng thiên bẩm của bản thân là truyền cảm hứng, kết nối và thuyết phục.

Bảy là, thiếu sự ngắt, nghỉ

Một số chúng ta có thói quen xấu đó là nói liên tục không ngừng nghỉ. Giống như một chiếc tàu hỏa đang chạy, họ tăng tốc quá nhanh, dẫn tới mất phanh, không thể dừng lại và cũng không thể rẽ.

Những lý do cho tình trạng này thường xuất phát từ sự lo lắng, cơ thể tiết ra quá nhiều mồ hôi hoặc cảm thấy căng thẳng do thời gian trình bày hạn chế. Theo chúng tôi bất kể vì lý do gì, có 3 thời điểm mà bạn nên có sự ngắt nghỉ, bao gồm: trước và sau khi nói thứ gì đó quan trọng muốn người khác nhớ; trước và sau khi có sự chuyển tiếp từ một điểm mấu chốt sang điểm tiếp theo và giữa 3 phần của bài: mở bài, thân bài và kết.

Khi sử dụng sự im lặng có chủ ý như là một thuật hùng biện thì bạn sẽ cảm thấy tự tin hơn, thông điệp truyền tải tạo hiệu ứng mạnh hơn và người khác cũng sẽ ghi nhớ nhiều hơn những gì bạn nói.

Tám là, phần mở đầu thiếu hấp dẫn

Theo triết gia Hy Lạp, Plato, thì mở đầu là phần quan trọng nhất của một công việc. Tuy nhiên, thói quen xấu rất phổ biến của các bạn đó là lãng phí những giây đầu quý giá này vào việc làm nhảm những thứ chẳng có gì quan trọng, đùa cợt, đọc

chương trình hay đưa ra lời xin lỗi chẳng cần thiết. Tất cả những thứ này không thể nào cuốn hút người nghe và tạo động lực để họ nghe bạn nói tiếp.

Bạn, thông điệp của bạn và khán giả của bạn xứng đáng nhận được nhiều hơn thế. Do vậy, hãy mở đầu một cách thật ấn tượng. Đầu tư chất xám, thời gian và nỗ lực để mài giũa và luôn nhớ rằng mở đầu là phần quan trọng nhất trong toàn bộ bài thuyết trình. Chẳng hạn, bạn có thể kể một câu chuyện cảm động, có liên quan tới chủ đề muốn nói, đưa ra một con số bất ngờ hoặc đặt một câu hỏi mở để thách thức người nghe.

Chín là, sử dụng quá nhiều (hoặc quá ít) yếu tố hài hước

Thật khó để xác định được chính xác bao nhiêu thời gian trong một bài thuyết trình mà bạn nên sử dụng cho những lời đùa cợt – đặc biệt nếu bạn chưa biết nhiều về người khác.

Hiển nhiên, bạn không muốn bài nói của mình trở nên khô khan và nhàm chán nhưng bạn cũng không hề muốn trình bày theo kiểu như thể bạn đang cố gắng một cách khó khăn để trở thành một diễn viên hài. Bạn phải là chính mình và bạn có thể sử dụng một chút sự hài hước cho những thời điểm hợp lý.

Để cho người khác cười (hoặc ít nhất là mỉm cười), ngay từ đầu bài thuyết trình là cách tuyệt vời nhất để phá vỡ không gian im lặng, căng thẳng và kết nối nhanh hơn với họ. Tuy nhiên, hãy thử kiểu đùa ấy với bạn bè trước để chắc chắn rằng nó sẽ tạo ra hiệu ứng tốt đẹp.

Mười là, đưa ra lời bào chữa hoặc xin lỗi

Có thể bạn bị muộn giờ và muốn nói cho người khác biết lý do tại sao. Hoặc có thể bạn vừa trải qua một chuyện gì đó và muốn họ thông cảm nếu bài thuyết trình không được tốt như mong đợi.

Dù gì đi nữa, đưa ra một lời bào chữa hoặc xin lỗi sẽ hình thành một giọng điệu tiêu cực và khiến cho người khác có lý do để nghĩ rằng bài nói của bạn rồi sẽ không có gì ấn tượng. Thay vì như vậy, hãy tự vượt qua rủi ro đó và để cho mọi người tự đánh giá chất lượng buổi thuyết trình.

"Bất kể bạn có cảm thấy thế nào thì cũng hãy thể hiện sự nhiệt huyết của bạn ngay trong buổi thuyết trình và nỗ lực hết sức có thể".

2.3. Giải pháp nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị

Để nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên ngành GDCT, theo chúng tôi cần chú ý một số giải pháp sau:

Thứ nhất, các bạn sinh viên GDCT cần thường xuyên thực hành kỹ năng thuyết trình của bản thân và tham gia các buổi thuyết trình của người khác.

Đương nhiên, bạn sẽ muốn luyện tập nhiều lần cho phần trình bày của bạn. Nhưng đôi khi bạn sẽ không có đủ lượng thời gian luyện tập cần thiết, Nhưng bạn thực sự có thể tận dụng mọi không gian để có thể luyện tập, một trong những cách giúp việc thực hành của bạn hiệu quả là hãy nói và ghi âm những gì mình nói, sau đó bạn nghe lại bạn sẽ thấy cần điều chỉnh chỗ nào, cần thêm những thông tin gì, những dữ liệu nào bạn có thể bỏ qua ...

Ngoài ra, các bạn sinh viên nên tích cực tham gia các buổi thuyết trình của người khác, như vậy trong quá trình thuyết trình, ta sẽ có cái nhìn tổng quan và thấy được những ưu điểm và hạn chế của người khác, từ đó các bạn tiếp thu những cái có ích biến chúng thành kinh nghiệm, kỹ năng cho bản thân. Đồng thời biết khắc phục hạn chế và tránh bị những trường hợp như vậy

Thứ hai, cần tập thói quen tới buổi thuyết trình sớm.

Đây luôn là cách tốt nhất để cho phép bạn dành nhiều thời gian để giải quyết trước khi trình bày vấn đề của bạn trong buổi thuyết trình. Thêm thời gian, đảm bảo bạn sẽ không bị trễ và cung cấp cho bạn rất nhiều thời gian để thích nghi với không gian trình bày của bạn.

Thứ ba, hãy điều chỉnh tâm mắt của bạn đến toàn bộ khán phòng và tích cực trao đổi với người nghe.

Bạn nên thay đổi hướng nhìn và phân bổ nó đến nhiều khu vực trong phòng học nhằm giúp tạo thiện cảm với các bạn. Điều này cũng một phần giúp bạn thấy được phần lớn mọi người có tập trung lắng nghe bạn hay không, bạn cũng có thể biết được khu vực nào chưa thực sự tập trung như bạn mong muốn và đưa ra những điều chỉnh kịp thời.

Trao đổi với các bạn làm cho bạn có vẻ dễ thương hơn và gần gũi. Hãy hỏi những người tham dự buổi thuyết trình đó. Họ thậm chí có thể cung cấp cho bạn một số cảm hứng để dệt thành cách nói chuyện của bạn. Bạn có thể rèn luyện các phương pháp tương tác với người nghe thông qua chương trình đào tạo kỹ năng thuyết trình trực tuyến hoặc rèn luyện với các thành viên khác trong nhóm của mình.

Thứ tư, sử dụng tư duy tích cực.

Cho dù bạn có tin hay không thì việc bạn thường xuyên suy nghĩ tích cực về một vấn đề, tạo cho mình những trạng thái hưng phấn về tâm lý trước khi bắt đầu buổi thuyết trình sẽ giúp bạn vượt qua nhiều rào cản về tâm lý khi nói trước đám đông. Khi bạn tư duy tích cực và tưởng tượng về những điều tích cực sẽ diễn ra trong buổi thuyết trình của mình, bạn sẽ hình dung rõ hơn các tình huống và xử lý chúng một cách dễ dàng.

Thứ năm, hãy chuẩn bị nội dung bài thuyết trình một cách có chọn lọc và biết các tạo điểm dừng thông minh trong khi thuyết trình.

Việc bạn luôn cảm thấy thông tin nào cũng quan trọng, cũng cần thiết phải đưa vào, bạn không nỡ loại bỏ đi những thông tin mà bạn đã dày công tìm kiếm... Điều này sẽ dẫn tới bài thuyết trình của bạn trở nên dài dằng dặc, thiếu trọng tâm. Bạn sẽ không thể trình bày hết 80 trang tài liệu cho một buổi thuyết trình chỉ kéo dài 10 phút được. Chính vì vậy, sắp xếp thông tin theo mức độ quan trọng với chủ đề cần thuyết trình sẽ giúp bạn dễ dàng loại bỏ được những thông tin ít quan trọng và dành thời gian cho việc trình bày các thông tin đã được chọn lọc. Đây là một trong những kỹ năng thuyết trình được các giảng viên áp dụng khá nhiều hiện nay.

Trong quá trình thuyết trình, đôi khi chúng ta sẽ rơi vào trạng thái hồi hộp, lo lắng. Lúc này, nhịp tim của bạn sẽ tăng lên, tốc độ nói và âm vực nói của bạn cũng thay đổi và bạn sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc nhấn trọng âm cũng như diễn đạt.

Vì vậy, một quảng nghỉ trong vài giây sẽ giúp bạn thoải mái hơn trước khi tiếp tục chủ đề thuyết trình của mình.

Thứ sáu, bạn hãy là người chủ động thu hút và tương tác với người nghe.

Phần lớn tâm lý của mọi người đến một buổi thuyết trình đều sẽ rơi vào trạng thái thụ động, điều này có thể dẫn tới tình trạng tương tác một chiều và làm giảm đi hiệu quả trong thông điệp mà bạn muốn truyền tải trong buổi thuyết trình. Để khắc phục điều này, bạn hãy xem xét việc bắt đầu với một cuộc thăm dò hoặc khảo sát. Không được đưa ra bởi những câu hỏi bất ngờ - thay vào đó, hãy xem chúng như là một cơ hội để cung cấp cho các bạn của bạn những gì họ muốn.

Thứ bảy, sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách có hiệu quả.

Thực hành ngôn ngữ cơ thể tự tin là một cách khác để tăng sự lo lắng trước khi trình bày của bạn. Khi bạn thể hiện sự tự tin qua ngôn ngữ cơ thể, tâm trí của bạn sẽ làm theo. Bạn có thể khắc phục các lo lắng của mình ngay trong buổi thuyết trình bằng cách đứng ngòai một chỗ, bạn có thể đi qua đi lại vài lần, bởi việc đi bộ sẽ giúp bạn giảm được những căng thẳng từ bên trong cơ thể, điều này giúp tuần hoàn máu tốt hơn và hạn chế tình trạng căng thẳng của bạn.

Thứ tám, tham gia các chương trình huấn luyện kỹ năng thuyết trình.

Các bạn nên tham gia vào các câu lạc bộ của trường, các buổi giao lưu sinh viên. Nó sẽ giúp các bạn tự tin, nói chuyện trôi chảy và thuyết phục. Từ đó giúp các bạn không còn e ngại khi thuyết trình trước đám đông, có một tư thế sẵn sàng cho các buổi thuyết trình tương tự như vậy.

Thứ chín, đừng đấu tranh với nỗi sợ và cố gắng cho mọi người thấy bạn có thể trả lời tất cả các câu hỏi.

Chấp nhận nỗi sợ hãi của bạn sẽ dễ dàng hơn so với việc bạn chống lại nó. Ai cũng có những cảm giác sợ hãi khi thuyết trình, nhưng nó sẽ qua sau một vài phút. Hãy nhớ rằng, những cảm xúc bồn chồn, lo lắng không phải là xấu và bạn hãy biết nó thành năng lượng, nhiệt tình và tích cực bạn sẽ cảm thấy nỗi sợ sẽ không còn và bạn sẽ mau chóng vượt qua nó.

Một thực tế là, rất ít người khi trình bày hay thuyết trình có thể công khai thừa nhận rằng họ thực sự không biết câu trả lời cho một câu hỏi nào đó, vì điều này khiến họ cảm thấy quyền lực hoặc sức ảnh hưởng của mình có thể bị suy yếu. Tuy nhiên, vì tất cả chúng ta đều biết rằng, không ai có thể biết hết về mọi thứ. Chính vì vậy, đôi khi bạn thừa nhận bạn chưa sẵn sàng trả lời cho một vấn đề nào đó, việc làm này có thể cải thiện độ tin cậy của bạn. Nếu ai đó hỏi một câu hỏi mà bạn chưa biết, bạn hãy trả lời bạn không biết.

3. Kết luận

Có rất nhiều cách để cải thiện kỹ năng thuyết trình và nói trước đám đông của bạn. Nhưng điều quan trọng là bạn cần có tinh thần cầu tiến, khắc phục các nhược điểm của mình. Đó mới là yếu tố quan trọng để trở thành một diễn giả chuyên nghiệp. Thuyết trình trước đám đông không phải là điều gì quá khó khăn. Hãy bình tĩnh, hít thở thật sâu, nhớ lại quá trình luyện tập thuyết trình của mình, kết hợp sự hiểu biết của các bạn với phương pháp thuyết trình. Hãy luôn luôn chú ý đến người nghe và giải

thích thật kĩ chủ đề mà bạn muốn nói tạo nên sự hiệu quả trong quá trình truyền tải thông tin, mình tin rằng nếu các bạn cố gắng thực hiện các giải pháp của mình nêu ra thì cho dù kỹ năng thuyết trình của bạn không xuất sắc, hoặc như thế nào đi nữa, nó sẽ cải thiện được rất nhiều và cũng gọi là tuyệt vời. Chúc các bạn sinh viên ngành GDCT sẽ có thêm những kinh nghiệm sau khi đọc bài nghiên cứu của mình, từ đó hình thành phong cách, ưu điểm riêng để khả năng thuyết trình đạt hiệu quả cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Thái Trí Dũng (2005), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Ngọc Lâm, *Khoa học giao tiếp*, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.

[3]. Dương Thị Liễu (2011), *Kỹ năng thuyết trình*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[4]. <https://kenhtuyensinh.vn/20-cach-de-cai-thien-ky-nang-thuyet-trinh-va-noi-truoc-cong-chung>, [truy cập ngày: 8/03/2019].

QUAN NIỆM CỦA JOHN STUART MILL VỀ HẠNH PHÚC VÀ Ý NGHĨA GIÁO DỤC LỐI SỐNG NHÂN VĂN CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

SV: Nguyễn Hà Thanh Cao

Lớp: ĐHGDC T 16A

GVHD: PGS.TS. Trần Quang Thái

Tóm tắt: Hạnh phúc là một trong những phạm trù của đạo đức học. Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả bài viết trình bày quan niệm hạnh phúc của John Stuart Mill. Qua đó, liên hệ và vận dụng trong vấn đề giáo dục lối sống nhân văn cho sinh viên hiện nay.

Từ khóa: John Stuart Mill, hạnh phúc, giáo dục, lối sống nhân văn, sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Cuộc sống là chuỗi những lựa chọn và ra quyết định. Tại mỗi thời điểm khác nhau trong cuộc đời, chúng ta thấy, có những quyết định giúp chúng ta thành công và ngược lại. Khi đứng trước thành công hoặc thất bại, con người luôn luôn tồn tại hai dạng cảm xúc chi phối thái độ sống vô cùng mãnh liệt. Đó là hạnh phúc và đau khổ. Như vậy: Sống như thế nào mới gọi là hạnh phúc và hạnh phúc thực sự có trong con người thành công hay không? Đây là vấn đề đã và đang được giới trí thức quan tâm và tranh luận. Chính điều này, đã thúc giục tôi nghiên cứu, tìm hiểu những quan niệm hạnh phúc của các học giả Đông và Tây phương. Trong đó, quan niệm hạnh phúc của John Stuart Mill (1806 – 1873) cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị để chúng ta nghiên cứu, suy ngẫm và vận dụng vào trong cuộc sống thực tiễn. Nhất là về lí tưởng sống của mỗi cá nhân. Tác giả bài viết với mong muốn vận dụng những tri thức nghiên cứu vào thực tiễn nhằm góp thêm những đề xuất hiệu quả trong vấn đề giáo dục lối sống nhân văn, tích cực cho sinh viên hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược tiểu sử John Stuart Mill

Căn cứ vào tác phẩm Autobiography “Tự truyện”, năm 1873 của John Stuart Mill khi viết về cuộc đời chính mình và một số công trình nghiên cứu, tư tưởng của John Stuart Mill. Tác giả bài viết trên cơ sở kế thừa và chọn lọc những sự kiện quan trọng trong cuộc sống, đã làm nên tên tuổi John Stuart Mill xuyên suốt quãng thời gian ông cống hiến cho nhân loại.

John Stuart Mill sinh ngày 20 tháng 05 năm 1806 tại London (nước Anh). Ông là con trai của nhà sử học, kinh tế, triết học James Mill (1773 – 1836) – nhà triết học gốc người Scotland chuyển đến và sống ở London. Ngay tại London, ông đã phát triển tình bạn thân thiết với Jeremy Bentham (1748 – 1832) – triết gia đạo đức, nhà cải cách luật pháp người Anh, là cha đẻ học thuyết vị lợi. “Trong cuốn *Tự truyện (Autobiography, 1873)*, John Stuart Mill viết rằng: sự phát triển trí tuệ của ông chịu ảnh hưởng lớn của hai người: cha ông James Mill và vợ ông Harriet Taylor” [2, tr. 255].

Chương trình giáo dục John Stuart Mill được James Mill chuẩn bị rất kỹ lưỡng nhằm giáo dục con mình trở thành thiên tài. James Mill đã vạch ra chương trình giáo dục vô cùng nghiêm khắc bằng phương pháp “Tabula rasa” (Tấm bảng trắng). Vào

năm ba tuổi, John Stuart Mill bắt đầu học tiếng Hy Lạp và môn số học. Năm lên tám tuổi, ông đã đọc “Các truyện ngụ ngôn Hy Lạp” của Aesop, “Cuộc viễn chinh (Anabasis)” của Xenophon cũng như xem toàn bộ tác phẩm của Herodotus. Ông đã làm quen với các tác phẩm của nhà văn trào phúng Lucian, nhà lịch sử triết học Diogenes, Laertius, nhà văn Isocrates, đọc sáu đoạn hội thoại đầu tiên của Plato bằng tiếng Hy Lạp. Ngoài ra, John Stuart Mill cũng dành thời gian đọc rất cẩn thận và kỹ lưỡng nhiều tác phẩm lịch sử bằng tiếng Anh. Thời gian này, ông đã bắt đầu học tiếng Latin, hình học Euclid, đại số và dạy học cho các em của mình. Lĩnh vực quan tâm chính của ông là lịch sử, ông đã đọc qua tất cả các tác giả Hy Lạp và La Mã thường được dạy ở trường, ông đã đọc được các tác phẩm của Plato và Demosthenes một cách dễ dàng khi chỉ mới 10 tuổi. Đồng thời, James Mill hướng John Stuart Mill tiếp cận các tác phẩm văn chương kinh điển như: Sử thi Iliad và các tiểu thuyết nổi tiếng như Don Quixote, Robinson Crusoe,... Với mong muốn bồi dưỡng tâm hồn và khát khao về cuộc sống lý tưởng cho con mình. Năm 11 tuổi, John Stuart Mill đã giúp chỉnh sửa các dẫn chứng trong cuốn sách *Lịch sử Ấn Độ* của cha mình. Năm 12 tuổi, John Stuart Mill bắt đầu nghiên cứu sâu về logic trong triết học kinh viện, đồng thời đọc các luận thuyết logic của Aristote bằng tiếng Latin. “*Dưới sự điều dắt của người cha, vào tuổi 13, ông tập trung nghiên cứu môn Kinh tế Chính trị học. Việc học của ông được nối tiếp sau đó với sự giúp đỡ của bạn bè cha ông là John Austin giảng môn Luật học; David Ricardo giảng môn kinh tế học. Ông tự hoàn tất học vấn của mình bằng việc nghiên cứu học thuyết của Jeremy Bentham*” [2, tr. 256].

“*Từ năm 17 tuổi ông đã làm việc để tự kiếm sống ở Công ty Đông Ấn và trong nhiều năm, ông đảm trách quan hệ với các bang Ấn Độ. Công việc này giúp ông có được kinh nghiệm thực tế phong phú về những vấn đề cai trị. Ông tích cực tham gia vào các hoạt động chuẩn bị dư luận cho một cuộc cải cách hiến pháp. Ông cùng với cha mình và các bạn bè tập hợp thành một nhóm, được biết đến như ‘những người cấp tiến về triết học’, đã có đóng góp quan trọng trong các cuộc tranh luận dẫn tới các Đạo luật Cải cách ở nước Anh. Ông thường viết cho các tờ báo có thiện cảm với khuynh hướng cấp tiến, thảo luận các vấn đề trí tuệ và xã hội đương thời. Ông nghiên cứu logic và khoa học, công bố chuyên khảo Hệ thống logic (System of logic, 1843). Cũng trong thời gian này ông quan tâm tới lĩnh vực kinh tế và công bố tác phẩm Các nguyên lý của kinh tế chính trị học (Principles of political economy, 1848). Ông thành hôn với bà Harriet Taylor năm 1852. Các tác phẩm quan trọng của ông được viết vào thời kỳ sau khi lập gia đình là Bàn về tự do (1859), Chính thể đại diện (Considerations on Representative Government, 1861), Chủ nghĩa công lợi (Utilitarianism, 1863), Khảo cứu triết học của Ngài William Hamilton (Examination of Sir William Hamilton’s Philosophy, 1865) v.v. Sau khi nghỉ hưu, Ông về sống trong một ngôi nhà vùng thôn dã ở Avignon thuộc miền Nam nước Pháp, là nơi chôn cất vợ ông. Ông mất tại đây ngày 08 tháng 05 năm 1873*” [2, tr. 257 – 258].

2.2. Quan niệm của John Stuart Mill về hạnh phúc

Quan niệm của John Stuart Mill về hạnh phúc bắt nguồn từ sự kế thừa trực tiếp tư tưởng vị lợi của Jeremy Bentham (1748 – 1832). Tuy nhiên, đây là sự kế thừa đầy

sáng tạo của John Stuart Mill với tư cách là người theo chủ nghĩa vị lợi (Utilitarianism) đứng ra bảo vệ những quan điểm nhân văn, đúng đắn, cốt lõi của học thuyết, xoay quanh quan niệm hạnh phúc (happiness).

Tư tưởng vị lợi của Jeremy Bentham gắn liền với câu nói nổi tiếng: “Những điều tốt đẹp nhất cho tuyệt đại đa số”. Trong tác phẩm “Giới thiệu các nguyên tắc luân lý và pháp chế” (An Introduction to the Principles of Morals and Legislation), Bentham giải thích lý tưởng ấy như sau: *“Thực chất, nguyên tắc vị lợi được sử dụng để chuẩn y hoặc phủ nhận mọi loại hành vi, xét đến ảnh hưởng của chúng đối với lợi ích chung của cả cộng đồng – nói cách khác, xét đến khuynh hướng phát huy hay đối kháng với hạnh phúc và lợi ích của một cộng đồng”* [5, tr. 70 – 71]. Jeremy Bentham xác định trong mọi vấn đề khi phải đưa ra giải pháp thì nên chú trọng đến kết quả. Tuy nhiên, kết quả phải mang lại lợi ích cho nhiều người nhất (phương pháp tối đa hóa lợi ích xã hội). Đây là giải pháp được Jeremy Bentham đề xuất trong vấn đề quản lý xã hội với tư cách là nhà cải cách luật pháp.

Từ góc độ lý tưởng sống, Jeremy Bentham cho rằng con người bị chi phối bởi hai “ông chủ” tối cao đó là: “Hạnh phúc” và “đau khổ”. Do con người có xu hướng “ưa thích” hạnh phúc nên ông xác định “lợi ích” là điều mang đến hạnh phúc cho con người. Tuy nhiên, “lợi ích” mà ông đề cập đến, là các dạng khoái cảm về thể xác. Ông xem đó là điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống vì *“một cá nhân bị tước đoạt mọi thú vui thể xác sẽ thấy đời không đáng sống”* [5, tr. 71]. Từ đó, ông kết luận các khoái cảm về bản chất là hoàn toàn giống nhau, vì đều mang lại hạnh phúc cho con người. Tuy nhiên, không phải bất kỳ khoái cảm nào, đem lại cho con người niềm vui, là hoàn toàn giống nhau. Vì thế, tư tưởng vị lợi của Jeremy Bentham chịu nhiều công kích, từ giới trí thức lúc bấy giờ và đem ra làm trò đùa mang tên “triết lý của loài lợn” với tư cách là người theo chủ nghĩa vị lợi (utilitarianism), John Stuart Mill mạnh mẽ phê phán các quan điểm đã kích triết lý vị lợi cùng thời. Ông khắc phục những hạn chế trong tư tưởng của bậc tiền bối đi trước trên cơ sở kế thừa nguyên tắc “tối đa hóa lợi ích cho tuyệt đại đa số người”. Ông khắc phục hạn chế lớn nhất trong quan niệm khoái lạc của Jeremy Bentham bằng một chứng minh cụ thể: *“John Stuart Mill nhận định, liệu chúng ta có nên đặt vấn đề rằng tạo vật đang chìm đắm trong dục lạc là một con người hay một con lợn? Thực ra, nếu khoái cảm là điều chí thiện tận mỹ trong cuộc sống, vì sao một con người đang chịu khổ đau và thất vọng lại có thể xem là ‘thượng đẳng’ hơn một con lợn đang thỏa mãn trong dục lạc nhầy nhụa? Mill đi đến kết luận rằng hoan lạc phải có tính phân biệt về chất; vì thế, chỉ một lượng nhỏ lạc thú của con người cũng có giá trị hơn một lượng lớn lạc thú của một con lợn”* [5, tr. 73]. John Stuart Mill kết luận: *“Sẽ là phi lý nếu giá trị của những niềm vui, lạc thú được đánh giá, sẽ chỉ phụ thuộc vào riêng một khía cạnh số lượng mà thôi”* [3, tr. 49].

Xuất phát từ truyền thống duy nghiệm Anh, John Stuart Mill cho rằng, sự trải nghiệm, là tiêu chí để cá nhân đưa ra quyết định hoặc lựa chọn cách đón nhận sự việc hoặc hậu quả sắp xảy ra và được đề cập trong tác phẩm Utilitarianism “Chủ nghĩa vị lợi”, 1863: *“Nếu được hỏi rằng tôi ngụ ý gì khi đề cập đến sự khác biệt về phẩm chất trong các niềm vui lạc thú, hoặc điều gì đã khiến cho niềm vui, lạc thú này có giá trị*

cao hơn các niềm vui, lạc thú khác, ngoại trừ việc nó lớn hơn về phương diện số lượng, thì chỉ có thể có một câu trả lời có thể mà thôi. Niềm vui, lạc thú P1 (viết tắt của chữ *Pleasure* – niềm vui, lạc thú) là niềm vui, lạc thú đáng mong muốn, đáng khao khát hơn so với niềm vui, lạc thú P2 nếu: tất cả hoặc gần như tất cả những người mà đã trải nghiệm qua cả hai niềm vui, lạc thú P1, P2 đều đưa ra một quyết định nghiêng về P1, không phụ thuộc vào bất kỳ một cảm xúc, một ý thức về nghĩa vụ đạo đức nào mà khiến họ phải nghiêng về nó. Nếu có hai người hoàn toàn am hiểu, sành sỏi với cả hai niềm vui, lạc thú P1 và P2 mà đặt niềm vui, lạc thú P1 vào vị thế cao hơn so với vị thế của niềm vui, lạc thú P2 – là cái mà họ ưa thích, thậm chí ngay cả khi họ biết rằng cùng với nó sẽ xuất hiện một số lượng lớn đều không được thỏa mãn, và sẽ không chịu từ bỏ nó để đổi lấy bất kỳ một số lượng nào của niềm vui, lạc thú P2 mà họ có khả năng có được, thì chúng ta có lí do chính đáng khi quy gán cho niềm vui lạc thú P1 một ưu thế vượt trội về phương diện chất lượng so với số lượng lớn đến nỗi khiến cho số lượng giờ đây trở nên tương đối không còn mấy giá trị” [3, tr. 49 – 50]. Như vậy, mục đích cao cả nhất trong cuộc sống là giảm thiểu đau khổ và gia tăng hạnh phúc. Việc kiểm chứng chất lượng và quy luật so sánh chất lượng với số lượng được thực hiện dựa trên “Ý kiến của chuyên gia hoan lạc”, những người có khả năng kiểm nghiệm và khôn ngoan. “Theo quan điểm của John Stuart Mill, mục đích tối hậu là mục đích của hành động, cũng là tiêu chuẩn của đạo đức, là mệnh lệnh đối với hành động. Tiêu chuẩn đạo đức được định nghĩa trên cơ sở đó, John Stuart Mill phản đối nguyên tắc công lợi của Bentham, khi Bentham cho rằng: mỗi người đều có giá trị bằng một và không người nào có giá trị hơn một và hạnh phúc cực đại là tổng số lớn nhất giá trị một đó gộp lại. Nói cách khác Mill phản đối cách Bentham tính hạnh phúc số đông chỉ dựa trên số lượng. Trên thực tế, nếu các giá trị có lợi gộp lại thành tổng số hạnh phúc cực đại là tương đối dễ hiểu thì trong trường hợp khi cá nhân cần hy sinh hạnh phúc vì phẩm giá đạo đức vì hạnh phúc số đông, liệu họ có thể chấp nhận lấy đi tính mạng của số ít để đổi lại hạnh phúc của số đông? Đó là một vấn đề không đơn giản” [4, tr. 58]. John Stuart Mill mở rộng và lí giải mục đích công thức hạnh phúc: “Không phải là hạnh phúc lớn nhất của chính tác nhân mang lại hạnh phúc (agent), mà là tổng số lớn nhất của hạnh phúc tổng thể (the greatest amount of happiness altogether)” [3, tr. 58]. Ngoài ra, John Stuart Mill còn cho rằng để đạt hạnh phúc nói riêng và mục đích của thuyết vị lợi nói chung thì phải: “Nhờ vào sự gieo trồng, nuôi dưỡng, hoàn thiện chung cái phẩm chất cao quý của con người, thậm chí ngay cả khi mỗi cá nhân được hưởng lợi chỉ từ sự cao quý của người khác, và, khi hạnh phúc được bàn đến, phẩm chất riêng con người ấy đã làm giảm trừ lợi ích” [3, tr. 58 – 59].

2.3. Giáo dục lối sống nhân văn cho sinh viên hiện nay từ quan điểm hạnh phúc của John Stuart Mill

Xu thế hội nhập phát triển của nhân loại là động cơ tích cực làm cho Việt Nam có những chuyển biến tích cực về nhiều mặt. Trong đó, đời sống con người ngày càng được nâng cao về vật chất lẫn tinh thần. Chính điều này đã tác động và làm thay đổi tư tưởng lối sống ở nhiều người trong xã hội nhất là đối với sinh viên. Với những đặc

điểm chính trị - xã hội đặc trưng thì sinh viên là bộ phận vô cùng quan trọng trong tầng lớp trí thức. Việc chịu tác động từ xu thế hội nhập, một mặt giúp cho sinh viên nắm bắt cơ hội để phát triển bản thân không giới hạn. Mặt khác, những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức, lối sống từ hội nhập đã và đang diễn ra trong bộ phận sinh viên hiện nay như một trở lực của sự phát triển xã hội với những đặc điểm sau:

Thứ nhất, xét về đặc trưng của nền kinh tế nước ta, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc chịu tác động tiêu cực từ cơ chế thị trường là tất yếu và những thay đổi về tư tưởng lối sống là điều không thể tránh khỏi. Việc đề cao hạnh phúc từ những giá trị vật chất mang lại thái quá, khiến cho nhiều sinh viên lấy đồng tiền làm thước đo phẩm giá con người, làm tiêu chí của hạnh phúc. Từ quan niệm hạnh phúc của John Stuart Mill, sẽ cho chúng ta những giải pháp tích cực trong việc giáo dục lí tưởng sống tốt đẹp, nhân văn trong sinh viên. Hạnh phúc không phải là điều phù phiếm xa xôi hay chỉ là ước vọng mà hạnh phúc chính là niềm vui, khi mỗi cá nhân thấy việc giúp đỡ mọi người là điều phải làm để thúc đẩy hạnh phúc chung của xã hội hoặc đơn giản là hành động giúp đỡ người khác vượt qua nỗi đau hoặc hạn chế, an ủi nỗi đau của người khác. Mặt khác, cá nhân nên phân biệt giữa sự hài lòng và hạnh phúc. Nếu hài lòng, được xem như sự thỏa mãn dục lạc hoặc sự thỏa mãn chỉ giới hạn trong khuôn khổ của một cá nhân ích kỷ, vụ lợi, che giấu lẽ phải và đánh mất chính mình để làm hài lòng người khác với mục đích và động cơ xấu xa. Vì thế, có những điều hài lòng nhưng không hẳn là hạnh phúc. Cảm giác thỏa mãn vật chất tầm thường, chỉ mang tính giả tạm hoặc nếu mãi mê với những thú vui đó, về lâu dài sẽ khiến chúng ta mất đi khả năng cảm thụ những điều hay lẽ phải, khả năng phân biệt những việc đúng – sai trong cuộc sống.

John Stuart Mill thừa nhận những khoái cảm về lượng, tác động trực tiếp lên các giác quan con người. Tuy nhiên, ông không xem việc thỏa mãn thể xác là mục đích của hạnh phúc. Ông nhấn mạnh đến yếu tố chất (tức là bản chất của hạnh phúc trong từng tình huống cụ thể) của mỗi cá nhân. Ở đó anh ta sẽ đưa ra quyết định phù hợp đối với anh ta, và dĩ nhiên chính phẩm chất đạo đức cao quý của anh ta sẽ quyết định hành vi và cách đón nhận những quyết định của anh ta. John Stuart Mill minh chứng: *“Sẽ có ít người đồng ý biến bản thân mình thành một loài động vật nào đó hạ cấp hơn, cho dù được hứa hẹn về một khoản đền bù đầy đủ nhất các lạc thú của loài động vật; không có một người trí tuệ nào lại đồng ý trở thành một kẻ ngu dốt,...”* [3, tr. 50 – 51] hoặc *“thà là một người không hài lòng, không được thỏa mãn còn hơn trở thành một con lợn được thỏa mãn ăn no ngủ kỹ, thà là một Socrates không hài lòng, không thỏa mãn còn hơn là trở thành một kẻ ngu dốt mà được hài lòng, được thỏa mãn”* [3, tr. 54].

Thứ hai, xét về triết lý sống, việc giải quyết mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể về lợi ích, đa số sinh viên chưa thấy được vai trò và tầm quan trọng của tập thể đối với sự phát triển chung. Trong vấn đề hiệu chỉnh lợi ích giữa cá nhân với lợi ích tập thể, John Stuart Mill đưa ra nguyên tắc tự do và hạnh phúc như sau: *“Tự do mưu cầu hạnh phúc của riêng ta theo cách của riêng ta, trong chừng mực ta không mưu toan xâm phạm đến hạnh phúc của người khác hoặc ngăn trở những nỗ lực của người khác đạt*

được hạnh phúc” [2, tr. 43]. Đây là quan điểm rất độc đáo của John Stuart Mill vừa bảo vệ sự tự do cá nhân hướng đến hạnh phúc nhưng đồng thời vạch ra giới hạn can thiệp của xã hội, cái mà thời đại của ông gọi là “*môi trường công luận không khoan dung và có tính đàn áp*” [1, tr. 160] hay “*sự chuyên chế của đa số*”. Con người cá nhân là bộ phận cấu thành xã hội, nếu tất cả các cá nhân đều hành động, ứng xử làm gia tăng hạnh phúc hoặc giảm thiểu bất hạnh trong xã hội, tất yếu mặt bằng chung sẽ thúc đẩy xã hội hạnh phúc. Ngược lại, nếu như hành động của cá nhân làm gia tăng đau khổ, bất hạnh cho xã hội. Chúng ta sẽ kết luận đó là những điều xấu, có hại và phải loại bỏ hoặc giảm thiểu. Tuy nhiên, theo John Stuart Mill: “*Một người có thể làm điều xấu cho những người khác không chỉ bằng hành động của mình mà còn bằng cả việc không hành động nữa*” [2, tr. 40]. Đến nay, quan điểm này vẫn còn giữ nguyên giá trị, và có thể lí giải thái độ thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của những người xung quanh sẽ vô tình biến cá nhân trở nên ích kỷ, hẹp hòi và chân giá trị sống sẽ không còn ý nghĩa.

Thứ ba, xét về khả năng vượt qua nghịch cảnh trong cuộc sống, phần lớn sinh viên có xu hướng bỏ cuộc thay vì cố gắng. Theo John Stuart Mill: “*Sức mạnh trí tuệ và đạo đức cũng giống như sức mạnh cơ bắp, chỉ khi được sử dụng mới làm chúng tốt hơn lên*” [2, tr. 137] hoặc trong câu tục ngữ: “*Lửa thử vàng – gian nan thử sức*”. Vì thế, sinh viên phải nhìn nhận nghịch cảnh như là một phần của cuộc sống, một cuộc sống với đầy đủ những gam màu. Không những thế, nghịch cảnh, khó khăn còn giúp chúng ta khẳng định mình với chính mình trong cuộc sống. Sau mỗi lần thất bại, bản thân chúng ta sẽ gia tăng khả năng chịu đựng và giải quyết khó khăn. Vì thế, John Stuart Mill viết: “*Bản chất con người không phải là cái máy được chế tạo ra theo một khuôn mẫu và nhằm làm đúng một công việc định trước, mà nó giống như cái cây cần được lớn lên và phát triển ra mọi phía tùy theo khuynh hướng của sức mạnh bên trong nó, cái sức mạnh làm cho nó là một sinh vật*” [2, tr. 139].

3. Kết luận

Tóm lại, cuộc đời của John Stuart Mill với rất nhiều phiền muộn và bất hạnh, ở độ tuổi 20, ông rơi vào khủng hoảng tinh thần, rồi đến khi James Mill qua đời, ông cảm thấy hụt hẫng. Cuối cùng là sự ra đi của người vợ gắn bó được 6 năm sau khi cưới. Tuy vậy, khi nhìn lại kỹ cuộc đời, sự nghiệp của John Stuart Mill. Chúng ta sẽ thấy sau mỗi lần va vấp trước cuộc sống thì sức sống của John Stuart Mill không những không yếu đi mà còn rất mãnh liệt. Ông là một hình tượng lý tưởng cho con người suốt đời làm việc, cống hiến cho khoa học không ngừng nghỉ, cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.

Quan niệm hạnh phúc của John Stuart Mill là những giá trị vượt thời gian, có ý nghĩa giáo dục nhân văn cho con người và có vai trò vô cùng quan trọng trong vấn đề giáo dục lối sống nhân văn cho sinh viên hiện nay. Tuy nhiên, quan niệm hạnh phúc của John Stuart Mill, không thể không tránh khỏi những hạn chế mang tính lịch sử, giới hạn trong thời đại của ông. Vì thế, việc kế thừa và chọn lọc những tư tưởng nhân văn của các thời đại, là việc làm có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc xây dựng xã hội ngày càng nhân văn, văn minh, tiến bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tudor Jones (2017), *Các nhà tư tưởng và các ý tưởng chính trị hiện đại (một dẫn nhập lịch sử)*, Nxb. Tri thức, Hà Nội
- [2]. John Stuart Mill (2017), *Bàn về tự do*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- [3]. John Stuart Mill (2019), *Thuyết công lợi*, Nxb. Văn hóa – văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh
- [4]. Nguyễn Ánh Hồng Minh (2014), *Tư tưởng đạo đức của John Stuart Mill trong tác phẩm thuyết công lợi*, luận văn thạc sĩ triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. William S. Sahakan, Mabel L. Sahakan (2001), *Tư tưởng của các triết gia vĩ đại*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh

QUAN NIỆM CỦA KHỔNG TỬ VỀ ĐẠO LÀM NGƯỜI VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI CỦA NÓ

SV: Mai Văn Tấn Đạt

Lớp: DHGDCT 18A

GVHD: TS. Đỗ Duy Tú

Tóm tắt: Trong xã hội phát triển mạnh mẽ như hiện nay nhiều vấn đề về đạo đức được đặt ra, và ý nghĩa của học thuyết về đạo làm người của Khổng Tử trong thời đại mới như hiện nay có ý nghĩa rất lớn với công cuộc giáo dục con người của đất nước. Trong bài viết này tác giả phân tích nội dung cơ bản của học thuyết về đạo làm người của Khổng Tử và trên cơ sở đó nêu lên ý nghĩa của học thuyết này trong việc giáo dục đạo đức cho con người trong thời đại mới.

Từ khóa: Khổng Tử, học thuyết về đạo làm người, chính danh, lễ, nghĩa, nhân, trí, tín.

1. Đặt vấn đề

Khổng Tử tên thật là Khổng Khâu tự là Trọng Ni (551 – 479 TCN), sinh trưởng ở nước Lỗ vào cuối thời Xuân Thu. Ông là người sáng suốt và có học thức uyên thâm, khi còn làm quan từng nhiều lần can gián Lỗ Định Công (vua nước Lỗ) tránh xa vào chuyện hưởng lạc mà làm đất nước suy vong nhưng bất thành. Sau đó ông từ quan và đi ngao du khắp nơi. Năm 68 tuổi ông trở về quê là nước Lỗ dạy học và soạn sách, mở trường học tự thu nhận học trò, Khổng Tử dạy học không kể sang hèn, đưa giáo dục đến với người bình dân. Khổng Tử đã nhận ra rằng những thứ như luật lệ hình pháp, dùng hình phạt để thống trị do các triều đại lập ra nhằm thực hiện việc thống trị lâu dài chỉ có thể kiểm soát được tạm thời, chỉ giải quyết được phần ngọn mà không giải quyết được phần gốc, ông đã nhận ra vấn đề cốt lõi chính là nằm ở giáo dục. Khổng Tử cho rằng mỗi một con người khi sinh ra đều có cho mình một chính mệnh và gắn với chính mệnh đó là một chính danh, tức là khi sinh ra mỗi người đã có sẵn cho mình một thân phận, một vai trò nào đó trong các mối quan hệ trong gia đình như ông bà, cha mẹ, con cái với nhau, các mối quan hệ bên ngoài cuộc sống như với quốc gia, họ hàng, bạn bè làng xóm. Trong từng cương vị, từng môi trường thì phải ý thức được vai trò, trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của mình là như thế nào, từ đó mới có thái độ và có hành vi ứng xử cho phù hợp. Với mục đích giáo hóa con người Khổng Tử đã xây dựng một học thuyết mà trong đó có những quy tắc chuẩn mực đạo đức, quy định thái độ, hành vi và phẩm hạnh cũng như đức tính mà mỗi một người phải có trong xã hội như “lễ, nghĩa, nhân, trí, tín” để tu dưỡng đạo đức cho mình để thực hiện được đúng theo chính danh của mình nhằm xây dựng một xã hội có trật tự có phép tắc kỷ cương, có trước có sau, tuân theo luân thường đạo lý, đây là một tư tưởng lớn và có sự tiên bộ trong xã hội chuyên chính thời bấy giờ. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội phát triển tiên bộ và văn minh như hiện nay học thuyết này lại bị bỏ lại phía sau, hầu như mọi người đều cho rằng học thuyết này đã lạc hậu và không còn phù hợp cho bối cảnh xã hội ngày nay mà nguyên nhân là do không nhìn nhận học thuyết này theo đúng với ý nghĩa thực tại của nó, khi hiện tại xã hội chúng ta đang đối mặt với rất nhiều vấn đề về

con người và đạo đức. Đạo đức của con người đang có su hướng suy thoái và xuống cấp, nó hiện diện hầu hết trong các mặt của cuộc sống, đã cho thấy rõ ý nghĩa, sự quan trọng của “*học thuyết về đạo làm người*” của Khổng Tử, nếu ta biết sử dụng các ưu điểm của học thuyết này vào công tác giáo dục con người sẽ đem lại hiệu quả rất tốt trong công cuộc trồng người của đất nước.

2. Nội dung

2.1. Học thuyết về đạo làm người của Khổng Tử

Thứ nhất, trong thế giới quan nho giáo ba yếu tố Quốc gia – Gia đình – Cá nhân là ba yếu tố cốt lõi giữ vai trò chủ đạo trong xã hội. Cả ba yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tác động qua lại với nhau và song song đó con người chính là hạt nhân cấu thành cả ba yếu tố này. Chính vì thế, việc giáo hóa con người được Khổng Tử đặc biệt coi trọng “để đưa thế giới theo trật tự, trước tiên chúng ta phải đặt quốc gia, để quốc gia vào trật tự, chúng ta phải đưa gia đình vào trật tự, để đưa gia đình vào trật tự, chúng ta phải trau dồi cuộc sống cá nhân và để nuôi dưỡng cuộc sống cá nhân trước tiên chúng ta phải đặc tâm của chúng ta đi đúng hướng” [2]. Trong “ngũ luân” – 5 mối quan hệ nền tảng của một xã hội: mỗi quan hệ Vua và thần tử bề tôi; mỗi quan hệ giữa cha và con; mỗi quan hệ giữa chồng và vợ; mỗi quan hệ giữa anh em (nói cả anh em ruột và huynh đệ kết nghĩa); mỗi quan hệ giữa bạn bè bằng hữu với nhau, đây là những mối quan hệ mang tính cơ sở tạo nên đời sống của xã hội. Nho giáo của Khổng Tử được lấy cơ sở từ thời Tây Chu nên trong *học thuyết về đạo làm người* của ông mong muốn thiết lập một xã hội có trật tự giống với thời Tây Chu. Khổng Tử chủ trương dùng *Văn trị - Lễ trị - Nhân trị* và phê phán lối dùng hình phạt tàn độc để trị quốc. Bởi, theo ông làm như vậy dân chỉ tuân vì sợ chứ không phải tuân vì phục, mà tuân vì sợ là cái tuân theo tạm thời sớm hay muộn cũng dẫn đến loạn.

Thứ hai, *học thuyết về đạo làm người* của ông lấy hạt nhân là “nhân”, “nghĩa”, “lễ”, “trí” và “tín”. Nhân là đạo đức căn bản nhất của con người nó bao hàm trong mình mọi đức tính khác, nhân có thể hiểu là lòng thương người, hay có thể hiểu là chỉ cốt cách của người quân tử, chỉ cách xử sự của người quân tử trong xã hội “muốn trở thành quân tử tức là người có trí tuệ và đạo đức, trí dũng song toàn thì phải học tập không ngừng suốt cả đời, học điều gì cũng phải thường xuyên ôn tập” [3, tr.99]. Nếu nói nhân theo hướng đối với bản thân là đối với chính mình thì phải trong sạch không nghĩ và không làm những điều ác, tự thân phải có ý thức trong sạch, trong sạch từ trong suy nghĩ và hành động. Còn nếu nói theo hướng đối với người khác thì là phải yêu thương, giúp đỡ người khác, điều mình muốn thì cũng nên làm cho người khác, còn điều mình không mong muốn thì đừng làm cho người khác, ai cũng có những ước muốn, mong những điều tốt đẹp cho mình nên không ai có quyền vì cá nhân mình ham thích mà tước đi cái đáng có của người khác. “Nghĩa” là dạ thủy chung chỉ sự son sắt một lòng, là cái nghĩa lý mà lấy đó mà đối đãi nhau cho xứng đáng. “Lễ” là những quy tắc mang tính hình thức được xã hội thừa nhận để bày tỏ sự tôn trọng đối với người khác, với cộng đồng hoặc với những định chế xã hội và để nhận được sự tôn trọng của xã hội. “Việc giữ lễ là một cách tu thân và chứng tỏ con người biết tuân thủ những nguyên tắc đạo đức trong quan hệ với người xung quanh. Một xã hội không biết giữ lễ

là xã hội hỗn loạn, kém văn minh và suy đồi. Lễ giáo phai nhạt cũng là biểu hiện các mối quan hệ giữa con người trong xã hội đã xấu đi trật tự xã hội đã suy yếu. Lễ nghi sẽ tạo ra một xã hội hài hòa trong đó mọi người đều tự tiết chế trong mối quan hệ giữa người với người, không để những cảm xúc tiêu cực biến thành hành động mạo phạm, bất kính với người khác” [1], lễ theo Khổng Tử đó là sự biểu hiện của một xã hội có văn minh và trật tự.

“Trí” là trí tuệ của mỗi người thể hiện sự hiểu biết của mình về các sự vật sự việc trong cuộc sống, bằng tất cả các giác quan và sự hiểu biết của mình, phải nhìn theo sự lý tính không chủ quan hấp tấp, tường tận sự việc rồi mới đưa ra kết luận, học tập không ngừng để nâng cao tài trí noi phải biết học ở tấm gương tốt, chê bai cái không hay có thể mới thành bậc hiền tài. Khổng Tử nói: “Người có trí lực bậc trung trở lên có thể dạy cho họ những đạo lý cao sâu. Người có trí lực từ bậc trung trở xuống không thể dạy cho họ những đạo lý cao sâu” [3, tr.222]. Ta có thể nói rằng trí là sự ham học hỏi chú tâm vào học tập để có được hiểu biết, có hiểu biết thì mới có thể thấu hiểu đạo lý, thấu hiểu đạo lý thì mới có thể tu dưỡng rèn luyện đạo đức cho bản thân. “Tín” tức là chữ tín là giữ đúng lời hứa, người có chữ tín là người đáng tin cậy có thể tin tưởng giao phó cho công việc, Khổng Tử nói: “Một người không có chữ tín, không biết có thể làm gì được. Cũng giống như xe lớn không có chốt, xe nhỏ cũng không có chốt, thì làm sao có thể đi được?” [3, tr.140]. Để giữ được chữ tín thì phải cẩn trọng trong lời nói, không hứa hẹn những điều vượt quá khả năng của mình như Khổng Tử nói: “Người xưa không để khinh suất khi nói ra bởi sợ xấu hổ vì không thực hiện được lời mình đã nói [3, tr.177]. Giáo dục con người làm theo nhân và lễ để tu dưỡng tâm thân, tu dưỡng nhân cách hoàn thiện ở mỗi cá nhân làm cho xã hội ổn định và hưng thịnh. Vì cá nhân là đơn vị cấu thành của xã hội, xã hội chỉ tốt khi các cá nhân trong xã hội đó tốt chính vì thế mà Khổng Tử muốn đưa giáo dục đến với nhiều người trong xã hội để mỗi cá nhân đều được tu dưỡng đạo đức cho bản thân.

Thứ ba, tư tưởng cốt lõi của học thuyết này là mỗi con người phải tu dưỡng đạo đức của bản thân “Tu thân - tề gia – trị quốc – bình thiên hạ”. Khổng Tử đã dùng tư tưởng này như là một kim chỉ nam, một quy tắc sử dụng chung trong xã hội cho tất cả mọi tầng lớp, mọi con người trong xã hội. Muốn được vậy tất cả phải đi theo một hệ thống chuẩn mực nhất định mà nếu muốn xã hội ổn định và phát triển thì nên tuân theo. Trong thời kỳ phong kiến quyền lực tập trung vào trong tay vua, vua trở thành người đứng đầu cao nhất nắm toàn bộ quyền hành có thể ra bất cứ một mệnh lệnh nào mà mình muốn. Nhưng khi có quyền lực trong tay thì vua dễ dàng tự mãn, dễ rơi vào thói ăn chơi trụy lạc, ham mê sắc dục bỏ việc quốc gia đại sự nếu vua như thế thì không thể làm gương cho quần thần bề tôi và bá tánh noi theo. Đã phạm làm vua thì phải làm cho đúng với bổn phận của mình phải cần, kiệm, liêm, chính làm cho cái đức sáng của mình lan tỏa ra khắp thiên hạ. Bề tôi bên dưới phải trung thành với vua “trung quân ái quốc” không được lạm dụng sự sủng ái hay quyền hành trong tay mà ra sức nịnh bợ cấp trên, ức hiếp kẻ khác nếu như vậy thì quốc gia sẽ suy yếu tạo điều kiện cho ngoại xâm và nội loạn khi ấy người dân sẽ là người gánh chịu. Vì vậy vua phải ra vua, vua phải sáng suốt, công bằng, biết dụng kẻ hiền, loại trừ gian thần, giữ

đúng kỷ cương phép nước. Thần tử phải hết mực trung thành phò vua, giúp nước, phải biết can gián khi vua sai trái, sống trong sạch thanh liêm, tiến cử hiền tài để giúp nước phò vua. Quan quyền địa phương là “phụ mẫu” của người dân phải biết thương dân như con, sát sao trong việc chăm lo cho bá tánh xử phạt công bằng chí công vô tư.

Mối quan hệ tiếp theo mà Khổng Tử nói đến là mối quan hệ giữa cha và con trong gia đình, đây là mối quan hệ nền tảng trong cuộc sống. “Nếu trong một nhà mà mọi người đều nhân hậu. Nếu trong một nhà mà mọi người đều lễ nhượng thì lần ra cả nước đều lễ nhượng. Một người tham lam, trái ngược, lần ra cả nước đều rối loạn bởi đó người xưa có truyền lại rằng: Một lời làm hại cả công việc, một người làm yên cả nước” [4] hay cũng có câu “Một nhà hòa thuận mới có thể giáo dục cả nước hòa thuận” [3, tr.29]. Gia đình là nơi tôi rèn nhân cách và suy nghĩ của mỗi một đứa trẻ từ nhỏ cho đến khi bước ra xã hội. Mối quan hệ này còn có sự bao hàm chung của mối quan hệ giữa vợ chồng, anh em vì đây là những mối quan hệ trong gia đình. Theo nho giáo thì những người đứng đầu trong gia đình là những người có trách nhiệm lớn lao trong việc duy trì và phát triển gia đình, nho giáo rất đề cao chữ hiếu, tiết hạnh, bảo vệ gia đình gia tộc, con cái phải biết hiếu thảo với cha mẹ tương kính với ông bà khi còn sống nếu cha mẹ chết thì phải chôn cất đàng hoàng phải chịu tang chế cho đầy đủ, trong gia đình có phân thứ bậc và mỗi người có trách nhiệm và bổn phận của mình mà phải làm cho tròn.

Nho giáo rất coi trọng trinh tiết và tiết hạnh của người phụ nữ, phê phán mạnh mẽ việc quan hệ tình dục trước hôn nhân và chưa cưới hỏi mà lại về sống chung xem đó là hành động vô đạo đức làm nhục gia phong. Trong quan hệ hôn nhân vợ chồng nho giáo đề cao tình nghĩa vợ chồng không cho phép ngoại tình sau khi kết hôn người vợ phải biết “tứ đức”- bốn đức tính làm nên phẩm giá của người phụ nữ, đó là “công, dung, ngôn, hạnh” và song song đó người chồng cũng không được lạm dụng quyền uy của mình để áp đặt đánh đập vợ.

Trong một gia đình thì cha mẹ là nhân tố quan trọng trong việc nuôi dạy con cái mình, vậy làm sao để cha mẹ dạy được con cái, nho giáo không nói rằng là trong nhà thì chồng nói vợ phải nghe như câu “phu xướng phụ tùy” dịch theo nghĩa hẹp theo thói quen chỉ có người chồng làm chủ vợ phải tuân theo mà cốt yếu ở đây là sự hòa thuận trong ý kiến việc làm của cả hai có vậy thì vợ chồng mới hạnh phúc, không phải cha mẹ nói gì con cũng phải nghe và làm theo như câu “phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu” nho giáo không quan niệm như vậy. Để dạy được con cái trước hết người làm cha mẹ phải là người “có học” có học ở đây là có sự tu dưỡng của bản thân về đạo đức, hiểu lễ nghĩa trong cuộc sống, có vậy thì cha mẹ mới có thể làm gương cho con cái lúc đấy thì dạy con con mới thấm, đâu thể nào một gia đình vợ chồng không thuận hòa, cha thì ích kỷ chỉ biết lợi cho bản thân mình, mẹ thì không thường xuyên gần gũi bên con thì làm sao mà có thể dạy được con rằng phải xử sự công bằng, phải yêu thương anh em, phải biết giúp đỡ người khác. Từ chính việc cha mẹ không làm gương cho con noi theo mới dẫn đến việc con cái thường bất mãn, sinh ra ngộ nghịch với cha mẹ. Trong gia đình thì sự tương kính lẫn nhau là rất quan trọng, các thành viên phải thương yêu và kính trọng nhau, là anh chị em trong một gia đình thì phải biết yêu quý

và bảo vệ che chở cho nhau vai lớn phải biết làm gương dạy dỗ em nhỏ phải can đảm gánh trách nhiệm gia đình. Tiếp theo là mối quan hệ giữa bạn bè bằng hữu trong mối quan hệ này thì sự tin tưởng nhau giúp đỡ nhau khi bạn bè gặp khó khăn, đối xử với bằng hữu thì phải thật lòng.

Thứ tư, thực hiện “chính danh” nghĩa là mỗi người cần phải nhận thức và hành động theo đúng cương vị, địa vị của mình: vua phải theo đạo vua, bề tôi phải theo đạo bề tôi, cha phải theo đạo cha, con phải sống theo đạo con, chồng phải theo đạo chồng, vợ phải trọn đạo vợ...nếu như mọi người không thực hiện chính danh thì xã hội ắt trở nên hỗn loạn. Một ví dụ gần gũi dễ thấy rõ điều này là nếu như người cha trong gia đình không thực hiện đúng theo bổn phận và trách nhiệm của người cha thì không thể dạy nói được con mình. Cho nên phải xác định rõ danh phận của mỗi người bởi vì danh có chính thì ngôn mới thuận còn như không nhận thức được bản thân mình là ai thì dẫn đến việc hành động sai lầm, lời nói chẳng ai nghe, thường được gọi là danh bất chính thì ngôn bất thuận. Nên Khổng Tử muốn thực hiện đúng chính danh, phải xác định rõ ràng danh phận của mình và với danh phận đó thì cần phải làm những gì cho phù hợp với nó, có thế thì xã hội mới dần dần tiến tới hai chữ trật tự.

Thứ năm, năm đức tính “lễ, nghĩa, nhân, trí, tín” và “chính danh” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, để xây dựng một xã hội có trật tự ổn định thì mỗi sẽ đóng vai trò trọng yếu trọng tất cả các mối quan hệ của xã hội. Một người cần phải có cả năm đức tính này trong người, khi mỗi người tự ý thức được bản thân là ai và đang đóng vai trò gì đối gia đình, đối với xã hội, lúc đấy sẽ hành hành động theo đúng bổn phận và trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của mình. Nếu làm vua thì trọn đạo làm vua, là thần tử thì sống trọn đạo thần tử, là vợ chồng thì phải sống cho trọn đạo phu thê, cha mẹ thì tròn trách nhiệm của bậc cha mẹ, con cái phải sống theo đạo làm con, bạn bè thì sống theo nghĩa tình bạn bè. Nếu tất cả mọi người đều làm được như vậy thì quan hệ giữa người với người trong cuộc sống sẽ tốt đẹp và vững mạnh hơn. Muốn một công trình vững chắc thì nền móng của nó phải vững chắc, muốn một xã hội vững chắc thì mỗi một cá nhân phải vững chắc vì cá nhân là nền móng của xã hội.

Trong sử sách Trung Hoa hơn nghìn năm đã trôi qua cũng đã ghi nhận và lưu danh rất nhiều vị vua và danh tướng như vậy. Nếu nói cả thời cổ đại thì hai vị vua Nghiêu và vua Thuấn là vị vua luôn được người đời ca tụng, về sau xuôi theo dòng chảy của lịch sử cũng đã có những vị minh quân lãnh đạo tài ba tuân thủ theo đạo trời lấy dân làm gốc quan tâm chăm lo cho đời sống bá tánh trăm họ, coi trọng nhân nghĩa, khoan dung rộng lượng. Gần hơn cả là vị hoàng đế của triều đại nhà Thanh – hoàng đế Khang Hi (Thanh Thánh tổ Khang Hi), ông được học đạo nho, đọc tứ thư ngũ kinh, hiểu thiên mệnh nắm quy luật đất trời sử dụng triết lý nho gia để trị quốc. Thời gian 60 năm ông trị vì cũng được xem là khoảng thời gian vương triều thái bình, quốc gia thịnh trị. Về hiếu đạo Trung Hoa có “Nhị thập tứ hiếu” là sử sách ghi lại tên tuổi và cuộc đời của hai mươi bốn người con hiếu thảo được cho là làm “cảm động cả trời cao” đại diện cho hiếu đạo trong thiên hạ được lưu truyền qua nhiều thế hệ con cháu nghìn đời sau noi theo điển hình như: Ngô Mạnh người thời nhà Tấn, lúc mới lên 8 tuổi đã biết thờ mẹ rất có hiếu, nhà nghèo, mùa hè nhiều muỗi, không có tiền mua

màn, sợ cha mẹ bị muỗi đốt, Ngô Mạnh cõi trần nằm cho muỗi đốt mà chẳng dám xua đuổi, để cha mẹ được ngủ yên. Đạo vợ chồng sử sách cũng lưu truyền câu chuyện của Minh Hiếu Tông trong suốt một đời, ông chỉ có duy nhất một người vợ - Hiếu Thành Kính Hoàng hậu Trương thị. Hiếu Tông không hề nạp thêm phi thiếp nào nữa. Hai người sống với nhau hòa thuận, đôi đũa chân tình không khác gì những cặp phu thê khác trong dân gian, mãi cho đến khi nhà vua qua đời. Những tấm gương điển hình trên là sự minh chứng rõ ràng nhất cho sức mạnh và tính đúng đắn phù hợp với thời đại và bối cảnh xã hội của của *học thuyết về đạo làm người* của đức Khổng Tử.

2.2. Ý nghĩa của học thuyết về đạo làm người trong bối cảnh xã hội hiện đại ở Việt Nam

Hiện tại trong bối cảnh kinh tế đang chuyển sang kinh tế phẳng như ở Việt Nam thì "*học thuyết về đạo làm người*" dường như đang bị bỏ lại ở phía xa, hiện chúng ta đang đi theo cơ chế thị trường, và bên trong cơ chế thị trường là sự cạnh tranh khốc liệt giữa người với người mà dễ thấy đó là sự cạnh tranh về việc làm và thu nhập hay nói cách khác là sự cạnh tranh để tồn tại được trong xã hội, tất cả mọi người phải tự tìm kiếm cơ hội và quyền lợi cho mình, tất cả mọi người đều chỉ tuân theo pháp luật mà nhà nước lập ra.

Việc giáo dục cho con người chúng ta đã và đang làm và được xem là nhiệm vụ hàng đầu nhưng hiệu quả đem lại còn khá hạn chế, hiện tại việc suy thoái đạo đức của con người được xem là vấn đề nóng và hiện nó đang ngày càng diễn biến theo một chiều hướng xấu đi.

Trong vài năm trở lại đây khi việc thúc đẩy kêu gọi đầu tư từ các công ty tập đoàn trong nước và ngoài nước bỏ vốn đầu tư đã tạo thành đòn bẩy đẩy kinh tế phát triển mạnh nhưng đó cũng chính là thời kỳ ảm đạm với nhân cách con người, mãi quản quanh với tiền lương và việc làm mà nhiều người đã chối bỏ những giá trị đạo đức cơ bản để làm người, sự suy thoái về đạo đức biểu hiện rất rõ ràng và ngày càng tăng cả về tính chất lẫn mức độ qua từng vụ việc khác nhau thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống ta có thể thấy rõ tình trạng trên, hàng loạt những vụ nữ sinh bị đánh hội đồng và ngay trước mặt rất nhiều người nhưng không một ai can ngăn hay giúp đỡ dù chỉ là can ngăn không cho những nữ sinh ấy tiếp tục bị đánh bị. Rồi tiếp đến là hàng loạt các vụ bạo hành trẻ em của các cô giáo giữ trẻ và còn có những vụ cha mẹ hành hạ đánh đập chính con mình rồi những đoạn clip ghi lại cảnh người già bị bạo hành và những việc như con cái xua đuổi cha mẹ già quay lưng chối bỏ những người có ơn sinh thành và dưỡng nuôi, tình làng nghĩa xóm không còn nhà ai nấy ở với lối sống cá nhân, chỉ vì một vài lời nói không đáng mà tước đoạt mạng sống người khác chẳng những thể hiện một bộ phận rất lớn thanh thiếu niên cả những người có thân phận trong xã hội ngày càng thể hiện tính chất côn đồ và bạo lực, có thói quen dùng bạo lực để giải quyết sự việc. Nhiều công ty xí nghiệp vì muốn tăng sản phẩm, tăng lợi nhuận mà chèn ép người lao động nặng nề, còn có cả những vụ xả thải độc hại ra môi trường bị phan phui. Rồi rất nhiều lần dư luận lại phải phẫn nộ với những vụ án kinh hoàng như những vụ án giết người yêu vì bị nói lời chia tay, rồi đến những vụ việc thầy giáo dâm ô, quan hệ tình dục với học sinh, rồi lại đến những vụ án hiếp dâm vô nhân tính

đã đẩy cuộc đời nhiều cô gái đi vào ngõ cụt, rồi những chuyện nữ sinh bị lừa tình đi đến bước đường tự tử, rồi đến đau xót với những vụ cha xâm hại tình dục con gái mình đã gây phần nộ trong dư luận trong suốt một thời gian dài.

Hiện tại đây đều là những vấn đề vô cùng nhức nhối mà xã hội chúng ta đang phải đối mặt, xã hội văn minh tiên bộ là sự phát triển tất yếu của cuộc sống, tuy nhiên song hành với sự văn minh tiên bộ đó là sự quên lãng các giá trị đạo đức của con người, khi những yếu tố mang tính nền tảng cuộc sống của Khổng Tử bị cho là lỗi thời lạc hậu không phù hợp với xu thế hiện đại của cuộc sống. Nhưng tồn tại xã hội hiện nay đang ngày càng cho thấy mức độ phù hợp, cấp thiết và vai trò rất quan trọng của học thuyết về đạo làm người của Khổng Tử trong bối cảnh hiện nay, muốn phát triển đất nước vững mạnh, muốn xã hội ổn định và trật tự thì phải đưa được những quan niệm những yếu tố nền tảng của cuộc sống trong học thuyết này vào giảng dạy sâu rộng trong nền giáo dục nước nhà.

Ba yếu tố quốc gia – gia đình – cá nhân phải được xây dựng một cách chặt chẽ, vì chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau chỉ khi mỗi một cá nhân đều tốt thì mới có thể xây dựng gia đình tốt được, gia đình là chỗ dựa tinh thần nơi đó phải đầy áp tiếng cười phải có sự sẻ chia, có sự quan tâm và đùm bọc lẫn nhau. Khi tạo lập một gia đình mà chưa ý thức được vai trò vị trí cũng như trách nhiệm của mỗi người bên trong gia đình đó thì nó sẽ nhanh chóng đổ vỡ, nơi đây sẽ là nơi áp lực nhất, mệt mỏi nhất, chán nản nhất và từ là một nơi luôn được khát khao có được sẽ trở thành một nơi chán ghét nhất. Phải xây dựng gia đình vững chắc, từ gia đình vững chắc mới có thể xây dựng quốc gia giàu mạnh và vững bền.

Vận dụng yếu tố “chính danh” trong học thuyết chúng ta phải giáo dục cho mỗi người ý thức được vai trò và vị trí của bản thân mình, trong từng môi trường khác nhau thì vai trò vị trí của mình là những gì rồi từ đó mới dẫn dắt và điều chỉnh hành vi của bản thân mình cho phù hợp. Như trong nhà với vai trò là người con thì phải hiếu thuận với cha mẹ ông bà, biết yêu thương đùm bọc anh chị em, với cộng thì phải biết tình làng nghĩa xóm giúp đỡ tương trợ nhau, là người học trò phải kính trọng biết ơn thầy cô, với quốc gia thì phải luôn là người công dân tốt nỗ lực vì non sông phát triển bền vững. Với vai trò là người chồng người vợ trong gia đình phải thương yêu nhau thật lòng giữ lòng dạ thủy chung son sắc một lòng, là người cha người mẹ phải yêu thương chăm sóc và giáo dục con cái đúng đắn, còn với vai trò là một người công dân hãy ra sức dựng xây cho quê hương, đất nước vững bền.

“*Nhân*” lòng thương người, đối đãi với người khác chân thành, ủng hộ điều hay chia sẻ với nhau điều tốt, những điều tốt đẹp mình mong muốn thì cũng biết rằng người khác cũng mong muốn, điều không tốt thiệt thòi mình không muốn thì cũng đừng đem đến cho người khác không ai có quyền đem đến đau thương cho người khác. Điều này rất quan trọng vì nó hiện diện hầu hết trong các lĩnh vực của đời sống như học tập, vui chơi, lao động, trong mọi hoạt động của mình chúng ta điều phải tương tác với người khác nếu chúng ta cứ mãi tư lợi chỉ tranh thủ giành lấy những điều mình muốn có mà không nghĩ đến người khác thì chẳng bao lâu sau chúng ta sẽ bị đào thải khỏi sự phát triển của cuộc sống trở thành người đơn độc và chắc chắn sẽ là kẻ thất

bại. Phải giáo dục được suy nghĩ này trong thái độ của mỗi con người ngay từ khi còn nhỏ, biết nghĩ cho mình thì cũng nên nghĩ cho người khác, tranh thủ quyền lợi cho mình những phải nghĩ cho quyền lợi người khác, phải sớm ngăn ngừa thói ích kỷ tư lợi cá nhân trong cuộc sống thì mới mong có được một cuộc sống tốt đẹp thật sự.

“Lễ” cần giữ lễ nghi truyền thống phong tục của tổ tiên, xây nền văn hóa tiên tiến phù hợp với thời đại phát triển nhưng phải đậm đà bản sắc dân tộc như lễ nghi thờ cúng, nhớ ơn ông bà, kẻ nhỏ kính trọng người lớn. Ngăn chặn việc hội nhập dồn dập làm mất đi truyền thống văn hóa dân tộc, một khi các văn hóa từ bên ngoài hội nhập nhanh và mạnh thông qua giao lưu kinh tế và sự phát triển như bão táp của mạng lưới thông tin thì văn hóa của các nơi, các quốc gia khác sẽ tiến vào nước ta mạnh mẽ và ồ ạt khiến chúng ta không thể kiểm soát và điều tiết cho phù hợp với đặc thù văn hóa nước nhà thì dẫn đến việc hiểu sai về văn hóa mới dẫn đến các hành vi sống sai lệch với truyền thống nước nhà làm mất đi vẻ đẹp vốn có của bản sắc dân tộc, khiến văn hóa nước nhà ngày một mờ nhạt và mất đi các giá trị, dẫn đến không thể gìn giữ và truyền lại cho con cháu đời sau, văn hóa là linh hồn của dân tộc hay đúng hơn là những linh hồn tốt đẹp bên trong của mỗi con người sẽ dẫn dắt và điều chỉnh hành vi của mỗi người cần phải nuôi dưỡng và bồi đắp không thể xem nhẹ.

Tình yêu, sự thủy chung một lòng là “nghĩa” trong tình yêu phải thật lòng tìm hiểu nhau đến với nhau bằng những động cơ trong sáng không vì ham muốn cục bộ nhất thời mà đến với nhau vì đây là nền móng của một gia đình hạnh phúc, trong cuộc sống vợ và chồng cần thực hiện đúng vai trò trách nhiệm của mình, phải làm đúng bổn phận của mình, trọn đạo phu thê một lòng yêu thương nhau, đây là nền tảng tinh thần trong cuộc sống của mỗi người, tạo ra niềm vui, tạo ra động lực để hoạt động trong cuộc sống.

Tiếp theo là chữ “tín” phải coi trọng giá trị bản thân thân mình bằng việc giữ đúng lời hứa, coi trọng lời nói của mình, hãy học cách để bản thân mình là người có trách nhiệm, là người đáng tin cậy mà người khác có thể coi trọng và giao phó cho trách nhiệm cũng như nhiệm vụ, có như thế thì bản thân mới tồn tại lâu dài trong cuộc sống.

“Trí” phải học tập không ngừng, không ngừng gia tăng về tri thức và kỹ năng chỉ có khi có tri thức vững thì mới có thể lĩnh hội những phẩm chất cần thiết để làm người, là người kém hiểu biết thì làm sao sống tuân thủ theo đạo lý sống theo khuôn mẫu của đạo đức, phải không ngừng trang bị đa dạng các loại tri thức của nhân loại phát triển năng lực bản thân, hướng con người đi vào đạo đức và nhân văn, học đi đôi với hành, học đạo đức, hiểu đạo đức, rèn luyện để hình thành đạo đức và làm theo đạo đức, đây là quá trình rèn luyện lâu dài cần được coi trọng và quan tâm sát sao của mọi người và các thành phần khác như gia đình nhà trường và xã hội.

Nhìn về góc độ giáo dục của nước ta hiện nay thì những đạo lý căn nguyên của Khổng Tử đưa vào giảng dạy rất hạn chế vì thời đại của nó, những bài học đạo đức của chúng ta hiện tại còn chủ yếu nói về lễ phép, hiếu thảo, giúp đỡ người khác, hay uống nước nhớ nguồn. Ta nên xác định việc giáo dục đạo đức cho con người là phải làm sao

để mỗi một người đều phải biết tự kiểm soát và xây dựng bản thân mình làm theo đạo đức, học theo nghĩa lý.

Và đồng thời ở môi trường gia đình cha mẹ phải dạy cho con những tư tưởng những đạo lý để tôi rèn nhân cách cho con trẻ. Nhân cách là thứ phải rèn luyện qua thời gian lâu dài mới có thể hình thành được. Nếu chúng ta có thể sử dụng được những ưu điểm của học thuyết này vào thực tiễn giáo dục thì sẽ tạo được bước đột phá mạnh mẽ trong vấn đề giáo dục nhân cách cho con người. Trong xã hội hiện tại nếu mỗi một người đều có thể ý thức về bản thân mình, ý thức về vai trò trách nhiệm của mình thì cuộc sống sẽ tươi đẹp hơn rất nhiều. Chúng ta nên loại bỏ suy nghĩ rằng học thuyết này đã lỗi thời và không phù hợp với cuộc sống hiện tại, để hình thành và phát triển nhân cách cũng như đạo đức cho con người ta cần có nhiều giải pháp song hành nhau và việc áp dụng những điểm mạnh và phù hợp của học thuyết này cũng là một giải pháp rất khả thi và có tác dụng rất lớn.

3. Kết luận

Học thuyết về đạo làm người của Khổng Tử là một học thuyết rất tiên bộ trong bối cảnh lịch sử đương thời. Đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển xã hội qua hàng thế kỷ, những đức tính như “lễ, nghĩa, nhân, trí, tín” và yếu tố “chính danh” rất sát thực và điều phát huy vai trò của mình khi đào tạo nhân cách con người. Xác định cá nhân là yếu tố chủ đạo trong tồn tại xã hội, vì xã hội được cấu thành từ gia đình mà gia đình lại được cấu thành cá nhân, vì vậy chỉ khi nào mỗi cá nhân vững mạnh thì đất nước mới vững mạnh, tư tưởng lấy dân làm gốc thể hiện rất rõ ràng. Khi mỗi người tự ý thức được vị trí, vai trò và nhiệm vụ của bản thân mình biết bản thân mình phải làm gì thì lúc đấy xã hội sẽ đi vào trật tự và ổn định có ổn định thì mới có sự phát triển bền vững. Và tác dụng to lớn của học thuyết này đã được thừa nhận và trong bối cảnh xã hội hiện tại nếu ta biết sử dụng những điểm mạnh của học thuyết này ứng dụng vào giáo dục và đời sống sẽ góp phần phát triển nền giáo dục, và ngày càng hướng cuộc sống đến chân – thiện – mỹ, tạo ra cuộc sống tốt đẹp và bền lâu cho con người trong cuộc sống hiện đại ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Võ Văn Dũng (2011), Chữ Lễ của Khổng Tử và công dụng của nó , *Văn hóa Nghệ An*, 20/04.
- [2]. Khổng Tử (2003), *Tứ thư (người dịch Dương Hồng)*, Nxb. Quân đội Nhân Dân, Hà Nội.
- [3]. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, *Tứ Thư Ngũ Kinh với vấn đề giáo dục gia đình*.
- [4]. *Những lời dạy hay của Khổng Tử rất ý nghĩa và giá trị*, <https://hoasenphat.com/goc-suy-ngam/nhung-loi-day-cua-khong-tu-rat-y-nghia-va-gia-tri.html> HOA SEN PHAT, [truy cập ngày 8/03/2019].

GIÁO DỤC PHONG CÁCH LÀM VIỆC HỒ CHÍ MINH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

SV: Từ Khánh Linh

Lớp: ĐHGDC T 15B

GVHD: TS. Nguyễn Công Lập

Tóm tắt: Phong cách làm việc của Hồ Chí Minh gồm nhiều nội dung phong phú, nhưng bài viết chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu về phong cách làm việc khoa học. Trong đó, bài viết làm rõ khái niệm phong cách và thế nào là phong cách làm việc khoa học; sự cần thiết phải giáo dục và nội dung giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay. Ngoài ra, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục, phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh, sinh viên trường Đại học Đồng Tháp.

1. Đặt vấn đề

Phong cách nói chung, phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh nói riêng, là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng mà Người đã để lại cho dân tộc Việt Nam. Phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh như là bài học chuẩn mực để góp phần bồi dưỡng nhân cách cho con người Việt Nam qua bao thế hệ. Thời đại ngày nay là thời đại của tri thức và sáng tạo, trong đó, phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh là điểm nhấn quan trọng. Người là tấm gương điển hình cho phong cách làm việc khoa học mà chúng ta cần lấy đó làm thước đo trong việc giáo dục cho thanh niên nói chung, cho sinh viên nói riêng. Từ thực tế đó, việc giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cho thanh niên, sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay là vấn đề mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn vô cùng sâu sắc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh

Phong cách là một khái niệm có hàm nghĩa rộng, hẹp khác nhau. Theo nghĩa hẹp, phong cách là những đặc điểm có tính chất hệ thống về tư tưởng và nghệ thuật, những đặc trưng thẩm mỹ ổn định về nội dung và hình thức thể hiện, tạo nên những giá trị độc đáo của một nghệ sĩ. Như vậy, *phong cách* không phải là hiện tượng phổ biến, mà là hiện tượng cá biệt, và chỉ những nghệ sĩ lớn, những tài năng lớn mới có *phong cách* [1, tr.151]. Theo nghĩa rộng, phong cách tức là lẽ lối, cung cách, cách thức, phong thái, phong độ và phẩm cách đã trở thành nền nếp ổn định của một người hoặc của một lớp người, được thể hiện trong tất cả các hoạt động như lao động, học tập, sinh hoạt, ứng xử, diễn đạt (nói và viết)... tạo nên giá trị những nét riêng biệt của chủ thể đó [1, tr.153].

Hoạt động sống của con người thể hiện trên 3 lĩnh vực: Tư duy, Diễn đạt (nói và viết), Hành động (làm việc, ứng xử, sinh hoạt cá nhân). Do vậy, khi nghiên cứu phong cách Hồ Chí Minh là nghiên cứu theo nghĩa rộng của khái niệm phong cách. Phong

cách được thể hiện ra bên ngoài đó là tác phong tạo thành lề lối làm việc, cung cách làm việc, nề nếp, có kế hoạch rõ ràng.

Phong cách làm việc là bộ phận quan trọng của phong cách Hồ Chí Minh, nó thể hiện ở cách thức, lề lối tiến hành và giải quyết công việc của Người. Phong cách làm việc Hồ Chí Minh với nội dung phong phú. Trong đó, phong cách làm việc khoa học gắn bó chặt chẽ với phong cách quần chúng, phong cách tập thể - dân chủ, tạo thành phong cách làm việc rất hiện đại ở Hồ Chí Minh. Đó là lề lối, cung cách, cách thức làm việc khoa học được thể hiện trong hoạt động lãnh đạo và mang đậm dấu ấn riêng của Hồ Chí Minh.

2.2. Sự cần thiết phải giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với hội nhập quốc tế, nhằm sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Do vậy, để thành công trong giai đoạn này, cần đặc biệt quan tâm việc phát huy những mặt tích cực và khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong thanh niên, sinh viên. Có thể nói rằng, sinh viên nói chung, sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng là đối tượng chịu nhiều ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực bởi sự tác động của đời sống xã hội. Điều đó đặt ra vấn đề, làm thế nào để những người chủ tương lai của đất nước định hướng đúng đắn những giá trị đạo đức, lối sống, lý tưởng, niềm tin, cách làm việc khoa học, để bản thân mỗi sinh viên hoàn thành nhiệm vụ của mình trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Ngoài ra, cần khắc phục tác phong làm việc thiếu khoa học, làm việc theo lối kinh nghiệm, thiếu kế hoạch, thiếu điều tra nghiên cứu, thiếu nhìn xa trông rộng và nhiều thói quen khác. Vì vậy, sinh viên phải không ngừng ra sức phấn đấu, rèn luyện, học tập theo phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt là phong cách làm việc khoa học của Người. Qua việc giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh sẽ giúp sinh viên trở thành những người có lý tưởng cách mạng, tư duy và cách làm việc khoa học, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống không ngừng được nâng cao trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Nội dung giáo dục phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

Tuy sinh ra và lớn lên ở đất nước với những tàn dư của nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, nhưng Hồ Chí Minh đã hình thành cho mình cách thức làm việc mang tính khoa học. Chính vì thế, trong hành trình tìm đường cứu nước đã giúp cho Người hình thành nên thói quen làm việc biết quý trọng thời gian và sắp xếp công việc một cách hợp lý, có kế hoạch. Chính những trải nghiệm trong cuộc sống cùng với những ảnh hưởng của những yếu tố văn hóa phương Đông và phương Tây mà Người đã tiếp nhận trong những năm tháng hoạt động cách mạng đã hình thành trong con người Chủ tịch Hồ Chí Minh một tác phong làm việc khoa học và hiệu quả. Đây chính là những giá trị và là những nét riêng trong tác phong làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và trở thành những di sản văn hóa phi vật thể vô giá trong kho tàng di sản tư tưởng của Người để lại [2, tr.296].

Nội dung giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cho sinh viên

trường Đại học Đồng Tháp được thể hiện ở những điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, làm việc cần phải đi sâu, đi sát, điều tra nghiên cứu, nắm việc, nắm người, nắm tình hình cụ thể.

Quan điểm này của Hồ Chí Minh giúp sinh viên khắc phục được tình trạng thiếu cập nhật thông tin và đầu tư cho việc điều tra, nghiên cứu. Trên thực tế, nếu sinh viên chỉ dựa vào những thông tin mang tính chất tham khảo, thiếu tính sàng lọc, không đi sâu, đi sát, điều tra nghiên cứu chắc chắn sẽ không nắm được việc và chưa rõ tình hình cụ thể. Ngoài ra, phải xem xét, đối chiếu so sánh những ý kiến khác nhau để lựa chọn cái đúng, không nhầm lẫn đúng với sai. Vì thế, khi làm việc chúng ta cần nhất thiết phải dựa vào kết quả điều tra, nghiên cứu chính xác, phải nắm chắc, phải “hiểu thấu” vấn đề mới đi đến quyết định đúng đắn. Như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng” [4, tr.325]. Nếu đã quyết định sai thì hậu quả càng lớn, tổn thất càng nhiều.

Thứ hai, làm việc phải có mục đích rõ ràng, tập trung; chương trình, kế hoạch đặt ra phải sát với thực tế.

Phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh bao giờ cũng có mục đích và kế hoạch rõ ràng, thiết thực. Người giải thích: “Đích nghĩa là nhằm vào đó mà bắn. Nhiều đích quá thì loạn mắt, không bắn trúng đích nào” [4, tr.463]. Người chỉ rõ, để có kế hoạch một cách thật sự khoa học cần phải “xét kỹ hoàn cảnh mà sắp đặt cho đúng. Việc chính, việc gấp thì làm trước. Không nên luộm thuộm, không có kế hoạch, gặp việc nào, làm việc ấy, thành thử việc nào cũng là việc chính, lộn xộn, không có ngăn nắp” [4, tr.332]. Vì vậy, Người thường nhắc nhở: “Kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần, và quyết tâm phải ba phần, có như thế mới có thể hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch” [4, tr.25]. Nếu chương trình kế hoạch đề ra có hay đến đâu đi chăng nữa mà nếu không có quyết tâm thực hiện cho bằng được thì kế hoạch không thể trở thành hiện thực được.

Lời dạy của Người mang tính định hướng sâu sắc nhằm giúp sinh viên khắc phục được những hạn chế trong học tập và làm việc thiếu tính mục đích hay mục đích không rõ ràng, thiếu tập trung, chương trình và kế hoạch hoặc đầu tư quá nhiều công sức vào việc vạch ra chương trình, kế hoạch to tát, nhưng lại ít khi tìm cách để thực hiện cho được kế hoạch, chương trình đã đề ra và quan trọng là chương trình, kế hoạch này chưa xong, chưa thấy được kết quả thực hiện đã nghĩ đến chương trình, kế hoạch khác. Trong học tập và rèn luyện, sinh viên cần đề ra kế hoạch, mục đích rõ ràng, khoa học, đặc biệt, sinh viên cần phải nêu cao quyết tâm và biện pháp thực hiện. Chẳng hạn, xác định việc hoàn thành chuẩn đầu ra với khung chương trình đào tạo, đòi hỏi sinh viên cần xác định đâu là những học phần trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ để đề ra và phân đấu đạt đến mục tiêu tốt nghiệp ra trường sớm hơn hoặc đúng tiến độ chương trình. Tránh tình trạng đề ra mục tiêu quá cao, vượt xa so với khả năng của mình, và do vậy, cuối cùng không chỉ không đạt được mục tiêu đề ra mà còn kíp tiến độ chương trình đào tạo.

Thứ ba, giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cần giúp cho sinh viên có cách đánh giá đúng việc, sắp xếp công việc cho hợp lý và phải có khả năng

nắm bắt nhu cầu của thực tiễn.

Hồ Chí Minh cho rằng: “Tình hình khách quan thay đổi hàng giờ hàng phút, một chủ trương của ta hôm nay đúng, hôm sau đã không hợp thời, nếu ta không tỉnh táo kiểm điểm những tư tưởng hành vi của ta để bỏ đi những cái quá thời, sai hỏng, nhất định ta sẽ không theo kịp tình thế” [3, tr.28]. Lời dạy này của Người có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc nhằm giúp cho sinh viên luôn nhạy bén với những thay đổi của cuộc sống để đánh giá, điều chỉnh hành vi, sắp xếp công việc mang tính khoa học và hợp lý, mang lại hiệu quả thiết thực trong quá trình học tập và rèn luyện.

Ngoài ra, giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cần giúp cho sinh viên thường xuyên chú ý rút kinh nghiệm để tránh những sai phạm không đáng có. Mỗi người sẽ học những kinh nghiệm hay, tránh những kinh nghiệm dở, áp dụng những kinh nghiệm cũ vào những công việc mới. Vì theo Hồ Chí Minh: “Công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tích thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái chìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới” [4, tr.283].

Thứ tư, phong cách làm việc khoa học phải biết quý trọng thời gian; vừa làm việc, vừa tự học.

Hồ Chí Minh từng dạy: “Thời giờ cũng cần phải tiết kiệm như của cải, của cải hết còn có thể làm thêm khi thời gian đã qua rồi không bao giờ kéo lại được” [5, tr.123]. Theo đó, giáo dục cách làm việc biết quý trọng thời gian sẽ giúp sinh viên sử dụng quỹ thời gian hợp lý, biết giờ nào làm việc ấy và có năng lực giải quyết công việc một cách tốt nhất trong một thời gian ngắn nhất. Vì thời gian quý như vàng, như bạc, cho nên, chúng ta không nên bỏ phí thời gian của mình vào những việc không thiết thực, không có ích cho cuộc sống.

Phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở tác phong vừa làm việc, vừa tự học hỏi để trau dồi và nâng cao tri thức, đáp ứng những yêu cầu mới trong công việc hàng ngày. Sinh viên học tập từ bạn bè, thầy cô, từ mọi người xung quanh về những điều hay, mới mẻ và hơn hết là cách làm việc khoa học. Đó chính là trường học rộng lớn mà sinh viên phải vừa học hỏi, vừa tự rút kinh nghiệm. Vì thực tiễn chính là người thầy nghiêm khắc nhất để cho sinh viên rèn luyện phong cách làm việc khoa học.

Tóm lại, giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Thông qua nội dung giáo dục này, giúp sinh viên hình thành tư duy và phong cách làm việc đi sâu, đi sát, điều tra nghiên cứu, nắm việc, nắm người, nắm tình hình cụ thể; làm việc phải có mục đích rõ ràng, tập trung; chương trình, kế hoạch đặt ra phải sát với thực tế. Giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh sẽ giúp cho sinh viên có cách đánh giá đúng việc, sắp xếp công việc cho hợp lý và phải có khả năng nắm bắt nhu cầu của thực tiễn; phải biết quý trọng thời gian và phải vừa làm việc, vừa tự học.

2.4. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

Từ việc nghiên cứu phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh, chúng ta có thể

xây dựng và rèn luyện phong cách làm việc khoa học cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp. Trong giới hạn bài viết, tôi xin đề xuất một số kiến nghị nhằm giúp sinh viên định hướng trong việc xây dựng và rèn luyện phong cách làm việc khoa học theo Hồ Chí Minh.

Giáo dục phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh cho sinh viên là trách nhiệm, là nhiệm vụ của lãnh đạo nhà trường, của cán bộ, giảng viên và phải tạo ra môi trường thuận lợi nhất để cho sinh viên có thể xây dựng, rèn luyện cách làm việc khoa học. Lồng ghép vào chương trình học những nội dung gắn liền với thực tiễn cuộc sống của sinh viên; tăng cường những giờ học ngoại khóa; giảm bớt những giờ học lý thuyết mang tính hàn lâm, cứng nhắc, khô khan,... Thay vào đó là những giờ học sinh động, thực hành để tăng cường khả năng tư duy, phân biện, sáng tạo của sinh viên. Chỉ nên định hướng cho sinh viên cách nghiên cứu, kỹ năng tìm tòi, phân tích, xử lý, giải quyết vấn đề, từ đó, sinh viên có thể tự học và tự nghiên cứu. Đồng thời, nên theo dõi sâu sát và uốn nắn kịp thời những bạn có cách làm việc chưa phù hợp. Bên cạnh đó, cũng phải tạo ra môi trường thuận lợi, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất tốt nhất để hỗ trợ cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Cần đổi mới hình thức và nội dung hoạt động, phong trào như: Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học, Olympic tiếng Anh, Tin học, Olympic các môn về triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường các hoạt động Đoàn thể như “Thanh niên tình nguyện hè”, “Chủ nhật xanh”, “Hoạt động trải nghiệm thực tế”,... Qua những hoạt động, phong trào đó phần nào giúp cho sinh viên rèn luyện và xây dựng phong cách làm việc khoa học.

Phong cách làm việc khoa học là nét đặc sắc, đặc trưng riêng và là sự sáng tạo của mỗi cá nhân sinh viên. Nét đặc sắc đó, sự sáng tạo đó, chỉ có được thông qua quá trình học tập và rèn luyện thực sự nghiêm túc và trách nhiệm. Muốn rèn luyện được phong cách làm việc khoa học, mỗi chúng ta cần phải tăng cường học tập, rèn luyện từ chính thực tiễn cuộc sống. Điều đó, giúp cho sinh viên nhận thức được những hạn chế, của bản thân để từ đó có kế hoạch học tập và rèn luyện. Và thực tiễn cũng góp phần bổ sung, bồi đắp thêm những thiếu hụt về kiến thức, năng lực, kinh nghiệm và khả năng hoạt động thực tiễn của sinh viên.

Khi nói đến khoa học là phải nói đến sự sáng tạo, cách làm việc khoa học là muốn nói đến cách làm việc sáng tạo. Vậy làm thế nào để có sự sáng tạo đây? Có sáng tạo hay không là nằm ngay chính bản thân các bạn có chịu khó ngồi đọc và nghiên cứu tài liệu, sách, báo, tạp chí khoa học và ghi chép thật cẩn thận những điều mình tâm đắc. Chỉ khi nào có được nền kiến thức vững chắc thì các bạn mới có khả năng sáng tạo. Các cuộc thi, hoạt động, phong trào của nhà trường chắc hẳn sẽ là mảnh đất cơ hội và là nơi cho bạn thể hiện khả năng sáng tạo của mình, thông qua đó chúng ta có thể tự rèn luyện và tu dưỡng đạo đức cho bản thân.

Tóm lại, sinh viên cần phải coi việc rèn luyện, xây dựng phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ thường xuyên, và bền bỉ suốt đời. Phong cách làm việc khoa học không phải tự nhiên mà có, mà do học tập, kiên trì rèn luyện hàng ngày mà nên, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Thực tiễn luôn thay đổi, đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới và trước những biến động, thay

đòi của thực tiễn, nếu không tự tu dưỡng, tự rèn luyện phong cách làm việc của bản thân thì sinh viên sẽ không thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc sống. Theo đó, mỗi sinh viên phải học tập, rèn luyện không ngừng để có những phẩm chất tốt và hình thành cho mình được tác phong làm việc khoa học.

3. Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại những chuẩn mực về phong cách và tác phong làm việc khoa học. Đây là những bài học lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có sinh viên. Để học tập và làm theo phong cách làm việc khoa học Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi sinh viên cần phải không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân, kiên trì với quyết định và mục tiêu mà mình đã đề ra, làm việc miệt mài, chăm chỉ, tận tâm, tận lực với công việc. Có như vậy, mỗi sinh viên chúng ta mới ngày càng hoàn thiện tác phong làm việc khoa học và có hiệu quả cao trong hoạt động thực tiễn, góp phần trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đặng Xuân Kỳ (CB - 2010), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đỗ Hoàng Linh – Vũ Kim Yên (2014), *Phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[7]. <http://truongchinhtrithanhhoa.gov.vn/web/hoc-tap-tu-tuong-ho-chi-minh/xay-dung-phong-cach-lam-viec-khoa-hoc-cua-doi-ngu-can-bo-cap-co-so-theo-tu-tuong-ho-chi-minh>, [truy cập ngày: 11/03/2019].

TÌM HIỂU ĐỨC TÍNH NHÂN - NGHĨA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

SV: Lê Minh Vương - Trần Thị Cẩm Tú

Lớp: DHGDCT 17A

GVHD: TS. Lê Văn Tùng

Tóm tắt: Kế thừa bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy trong cuộc đấu tranh chống thiên tai và dịch họa, nhân dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã đúc kết cho mình nhiều đức tính quý báu nổi bật nhất là đức tính Nhân - Nghĩa. Để hiểu rõ hơn đức tính này ở vùng ĐBSCL, bài viết khái lược sự hình thành một số đặc điểm đức tính Nhân - Nghĩa ở vùng ĐBSCL, qua đó phân tích vai trò của đức tính Nhân - Nghĩa trong đời sống văn hóa của nhân dân vùng ĐBSCL hiện nay.

Từ khóa: Nhân, nhân dân, Nghĩa, vùng ĐBSCL.

1. Đặt vấn đề

ĐBSCL là vùng đất nằm ở phía Nam của Việt Nam, là một vùng có đất đai màu mỡ với hệ thống sông ngòi phong phú, dân cư của vùng sống dọc theo các kênh, rạch là chủ yếu. ĐBSCL là vùng thuộc khí hậu cận xích đạo nên thuận lợi phát triển ngành nông nghiệp đặc biệt là phát triển trồng cây lúa nước và cây lương thực. Chính những điều kiện về tự nhiên ấy đã tạo nên một vùng ĐBSCL với những đặc điểm riêng biệt và đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong đời sống văn hóa, vật chất và tinh thần, cũng như trong việc hình thành tính cách của người dân sinh sống ở đây. Trải qua thời gian dài từ lúc khai hoang mở đất cho đến nay, nhiều thế hệ nhân dân vùng ĐBSCL đã từng bước xác lập được những quan niệm, giá trị nhân sinh mang tính triết lý phong phú và sâu sắc, đặc trưng cho nền văn minh miệt vườn, một trong số đó có đức tính Nhân - Nghĩa. Nhân - Nghĩa được đúc kết từ triết lý phương Đông (Nho giáo, Phật giáo), đức tính ấy được thể hiện qua những mối quan hệ gần gũi trong đời sống hàng ngày cũng như thể hiện qua lối sống sinh hoạt văn hóa, tinh thần của nhân dân vùng ĐBSCL.

2. Khái lược về sự hình thành đức tính Nhân - Nghĩa ở vùng ĐBSCL

2.1. Về nguồn gốc và đặc điểm dân cư

Trước hết, về người Việt: Theo tài liệu “Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long” của các tác giả Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường thì những lớp di dân người Việt đầu tiên vào vùng đất Đồng Nai - Gia Định đã gặp lên trước khung cảnh một thiên nhiên mênh mông, hoang dại, chứa đựng đầy bí ẩn và những nguy hiểm. Lớp cư dân Việt đầu tiên đến khai khẩn vùng đất Nam Bộ gồm những người nông dân xiêu tán, những người trốn tránh binh dịch, những tù nhân bị lưu đày, những binh lính đào ngũ hoặc giải ngũ, những thầy lang, thầy đồ nghèo, là lớp người tận cùng của xã hội từ vùng Ngũ Quảng vào. Đặc điểm cư trú của người Việt ở ĐBSCL cũng có những nét riêng. Nhà cửa trong xã, ấp không nằm giữa những lũy tre xanh bao bọc, mà xây dựng dọc theo bờ sông, kênh, rạch, phía trước ghe thuyền đi lại, xung quanh là vườn cây ăn trái, phía sau là ruộng đồng. Người Việt ở vùng ĐBSCL đã xây dựng nên những vùng quần cư phù hợp với điều kiện đa dạng của tự nhiên ở đây. Người Việt đã tự lập, tự quản thôn xã, lập miếu Hội đồng (đình làng) làm nơi hội họp công cộng và

thờ Thành Hoàng làng, vui chơi trong những ngày lễ hội sau vụ mùa.

Thứ hai, là người Khmer: Đây là tộc người có mặt rất sớm ở ĐBSCL. Ở vùng nội địa (vùng phù sa màu mỡ dọc theo sông Tiền và sông Hậu), người Khmer đã xuất hiện trước thế kỷ XVII. Người Khmer xây dựng làng trên những giồng đất độ cao cách mặt đất ruộng không quá năm mét. Tổ chức làng xã của người Khmer gọi là Phum, Sóc. Ở đây, họ làm nghề nông là hoạt động chủ yếu, có vai trò quan trọng chi phối toàn bộ đời sống văn hóa, xã hội của người Khmer vùng ĐBSCL. Sản xuất nông nghiệp của người Khmer mang tính độc canh, trồng lúa là chủ yếu, còn cây ăn quả và hoa màu chưa được chú ý thỏa đáng; sản xuất nhỏ và còn phụ thuộc rất nhiều vào tự nhiên; kinh tế còn mang tính tự cấp, tự túc; kinh tế hàng hóa chưa phổ biến, việc trao đổi hàng hóa còn hạn chế. Tuy nhiên, người Khmer đồng bằng sông Cửu Long có nền văn hóa phát triển toàn diện, phong phú và đa dạng. Hoạt động văn hóa chiếm vị trí quan trọng trong đời sống người Khmer Nam Bộ. Tín ngưỡng tôn giáo chính của người Khmer là Phật giáo tiểu thừa, một bộ phận theo Công giáo và rất nhiều lễ hội khác như: Cholchnamthmay (Lễ vào năm mới), lễ hội Dônta (cúng ông bà), lễ Okombok (lễ cúng trăng),...

Thứ ba, là người Hoa: Họ có mặt ở vùng đất ĐBSCL vào nửa sau thế kỷ XVII. Lúc đầu những nhóm di dân người Hán đến khai phá ở đây là những binh lính thuộc tỉnh Quảng Đông trung thành với nhà Minh không chịu khuất phục triều đình Mãn Thanh. Họ được triều đình Nhà Nguyễn cho vào vùng đất Gia Định để khai khẩn vùng đất thuộc Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp ngày nay. Đến năm 1715, một cuộc di dân lớn từ vùng đất Triều Châu đổ bộ lên vùng đất Hà Tiên (Kiên Giang). Đến đầu thế kỷ XIX, lớp di dân người Hoa có xu hướng Việt hóa rõ nét. Người Hoa ở vùng ĐBSCL phần đông là người gốc Triều Châu. Họ cư trú thành từng cụm sống xen kẽ với người Việt, người Khmer. Đời sống văn hóa của người Hoa vẫn còn lưu giữ lại những nét văn hóa của tộc người Hán ở Trung Quốc, được mang theo, làm nền tảng tinh thần cho sinh hoạt văn hóa của người Hoa ở Việt Nam, nó tồn tại với tư cách là một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Bốn là, Người Chăm: Họ có mặt ở đồng bằng sông Cửu Long từ thế kỷ nửa đầu thế kỷ XIX, là một bộ phận của người Chăm từ miền Nam Trung Bộ vào sinh sống. Đầu tiên là một bộ phận người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận và một số địa phương ở miền Nam Trung Bộ di cư sang Campuchia sau đó định cư nhiều nhất là ở Châu Đốc (An Giang). Ở đây, người Chăm định cư thành từng làng dọc theo sông Hậu, trên các cù lao thuộc huyện Châu Phú, huyện Phú Tân, huyện An Phú - An Giang.

2.2. Về điều kiện tự nhiên

Địa hình: ở ĐBSCL có địa hình khá thấp, khi đó chỉ có độ cao trung bình là 3-5m, có nơi chỉ cao 0,5-1m so với mực nước biển.

Nhiệt độ: nhiệt độ trung bình hàng năm tại ĐBSCL từ 24 đến 27 độ C, biên độ nhiệt từ 2 đến 3 độ/năm.

Mùa: bị chia rõ 2 mùa rõ rệt là mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. ĐBSCL là nơi thường xuyên hứng chịu những thiên tai,

bão lũ từ thiên nhiên nên đời sống sản xuất và sinh hoạt của nhân dân thường gặp nhiều khó khăn.

Đất đai: Vô cùng phong phú, với đất mặn, đất phèn có độ tó khá cao, tính chất cơ lý yếu và dễ nứt nẻ và đất phù sa có nhiều ở ven và giữa 2 con sông Tiền và sông Hậu.

Nguồn nước: ĐBSCL là một bộ phận của sông Mê Công, cung cấp nguồn nước vô cùng dồi dào, khi vào mùa mưa thì nước sẽ dâng cao, vào mùa khô nước sẽ có hiện tượng nhiễm mặn.

Tài nguyên: là nguồn cung cấp thủy sản phong phú, cùng nguồn dầu khí lớn có trên vùng biển giúp vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển lĩnh vực khai thác, chế biến.

Khoáng sản: Nổi tiếng là đá vôi, cát sỏi, than bùn... Nói chung nơi đây có trữ lượng khoáng sản không đáng kể.

3. Một số đặc điểm của đức tính Nhân - Nghĩa ở vùng ĐBSCL

Thời nào cũng vậy, chữ Nhân luôn đặt lên hàng đầu, là quan trọng hơn cả, nó đã là bao quát, là đạo làm người. Chữ nhân vẫn thể hiện trong cách sống của mỗi con người, cách đối nhân xử thế, tấm lòng của con người giữa đời thường cũng như vai trò trách nhiệm của mỗi cá nhân trong xã hội hiện tại, với sự ràng buộc giữa người với người bằng mối liên quan gắn kết.

Nghĩa là một từ gốc Hán. Theo “Từ điển Hán Việt” của Thiều Chửu: “Nghĩa là định liệu sự vật hợp với lẽ phải, làm việc không có ý riêng về mình, lấy ân cố kết với nhau”. Theo “Hán Việt từ điển” của Đào Duy Anh giải thích: “Nghĩa là việc theo đường lối phải – đạo chính – việc nên là – hào hiệp” [3; tr.672]. Chữ Nghĩa bao hàm rất lớn trong nhiều mối quan hệ như là: “Cha – con; thầy – trò; chồng – vợ; anh em cốt nhục đồng bào; bằng hữu chi giao” ấy là Ngũ luân chi đạo. Mọi sự đều phải có Nghĩa thì mới đủ tư cách làm người cao trọng.

Chữ nhân – nghĩa thường đi đôi với nhau, cho nên trong “Kinh Sám Hối” có bốn câu dạy rằng:

*Làm người nhân - nghĩa xử xong,
Rủi cho gặp lúc long đong chẳng sờn.
Làm người nhon - nghĩa giữ tròn,
Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.*

Nghĩa ở đây thể hiện vai trò, trách nhiệm của con người với người, giữa người với xã hội hiện tại. Sống ở đời cần có trách nhiệm với đời, sống có trách nhiệm với quê hương đất nước, với gia đình, với anh em bằng hữu cũng là Nghĩa. Biết trả ơn khi mình đã nhận được nhiều điều may mắn cũng là Nghĩa. Tại sao có nhiều người luôn biết quan tâm giúp đỡ mọi người trong xã hội, làm việc thiện tri ân với đời,... cũng vì họ sống có nghĩa với đời, với cuộc sống hiện tại, họ biết cho khi đã nhận. Nghĩa cũng là sống cho mọi người chứ không chỉ sống cho riêng cá nhân mình.

Nhân - Nghĩa được hiểu theo cách đơn giản nhất là lòng thương người và sự ăn ở theo đạo phải. Nhân - Nghĩa là một trong những phạm trù cơ bản của đạo đức học, đó không phải là vấn đề lý thuyết trừu tượng chung của các học thuyết về luân lý mà thực

té ngày nay đã trở thành hành động cụ thể của con người, hơn thế đây là hành động cụ thể của người cộng sản nhằm giải phóng con người. Chính vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà Các Mác đã từng nhấn mạnh: “...lòng thương người của chủ nghĩa vô thần lúc đầu chỉ là lòng thương người có tính chất triết học, trừu tượng, còn lòng thương người của chủ nghĩa cộng sản thì lập tức có tính chất hiện thực và trực tiếp nhằm vào hành động”[4; tr.169].

Sinh ra từ một dân tộc có truyền thống “Hiếu sinh không hiếu sát”, coi việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, “Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, và xuất thân từ dòng dõi Nho học, Hồ Chí Minh không câu nệ vào các nguyên lý đạo đức của Khổng, Mạnh, Người chỉ rõ:

*Ngủ thì ai cũng như lương thiện
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ hiền
Hiền dữ phải đâu là tính sẵn
Phần nhiều do giáo dục mà nên.*

ĐBSCL là một vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển đặc biệt, con người đặc biệt, vai trò và sự đóng góp cho sự phát triển của đất nước cũng rất đặc biệt. Mang đậm bản sắc vùng quê sông nước, những hình ảnh hiện lên trong tâm trí bao người về vùng đất này là cọng lục bình, dòng phù sa mùa nước nổi, cánh đồng mạ non xanh mướt, đàn vịt chạy đồng chí chóc kêu la, cho đến từng ngọn dừa, bông hoa điên điển, những đàn cá rô đồng nổi đuôi nhau lượn thiết lẹ dưới con mương... làm sau có thể kể hết được. Điều kiện môi trường thiên nhiên như vậy tạo nên con người của vùng đất này với tính cách riêng biệt. Nói đến tính cách của con người miền Tây, nó được thể hiện qua các mối quan hệ trong xã hội. Thực ra, người miền Tây là một trong những bộ phận cấu thành của dân tộc Việt Nam, do điều kiện nơi sống và nét văn hóa khác nhau của từng vùng, từng miền mà tính cách của con người cũng khác nhau.

Thứ nhất, lòng nhân ái, sự bao dung.

Vì vùng đất Tây Nam Bộ có những đặc điểm khác biệt nên ở đây lòng nhân ái, sự khoan dung cũng được biểu hiện một cách riêng biệt. Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt làm họ luôn lo sợ trước cảnh tượng rừng hoang cỏ rậm, đồng ruộng hoang vu này. Từ đó họ đã nương tựa vào nhau để sống, tất cả mọi người đều hết lòng vì việc nghĩa. Điều này đã hình thành nên tính cách “trọng nghĩa khinh tài” ở trong con người họ. Bởi họ ý thức được rằng: trước điều kiện thiên nhiên như vậy, nếu họ chia rẽ thì sẽ chết. Tinh thần đoàn kết, sống với nhau vì nghĩa không chỉ giúp họ sẻ chia công việc với nhau, để giúp đỡ nhau trong những lúc hoạn nạn, ốm đau mà còn hỗ trợ lẫn nhau cùng chống lại những khắc nghiệt của thiên nhiên. Chính điều kiện hoàn cảnh khó khăn đó đã tôi luyện con người ĐBSCL này thành một người “Hành hiệp trọng nghĩa”. Họ sẵn sàng, thậm chí hy sinh tính mạng của mình để làm tròn đạo nghĩa. Bên cạnh đó cũng đã xây dựng cho con người tính chăm chỉ, làm việc hết mình, chơi thì cũng chơi “tới bến”. Con người Miền Tây này luôn quan niệm rằng: “Nếu thấy việc nghĩa mà không ra tay làm thì không phải là anh hùng”.

Còn trong những hoàn cảnh đời thường họ rất quý mến bạn bè. Nguyên do chủ yếu vì họ là những người ở xa góc gác, xa nguồn cội của họ, họ từ những nơi khác

đến, không có nhiều người thân thích, vì thế mà họ hiểu và luôn thông cảm cho nhau vì “mọi người đều cùng chung một số phận”, hoạn nạn họ luôn kề vai để vượt qua – “Bán bà con xa mua láng giềng gần” đây là câu nói cửa miệng của những con người ở đây để nói lên rằng họ luôn sống cho nhau, cho bạn bè, cho những người đang sống quanh họ. Nên khi có bạn bè đến chơi hay khách đến nhà, dù gia cảnh có bần hàn, khó khăn đến đâu họ cũng cố gắng đãi bạn, đãi khách cho tươm tất:

*“Bắt con cá lóc nướng trui
Làm mâm rượu trắng đãi người bạn xa”*

Dù nghèo đến đâu, khi có khách hay bạn bè đến chơi thì họ luôn tâm niệm rằng” nghèo thì nghèo, tiếp bạn chu đáo cái đã, tiền bạc có sá gì, nhân nghĩa mới là điều quan trọng”. Vì vậy, những ai không có nhân nghĩa thì cũng đừng hòng họ đáp lại bằng nhân nghĩa. Ngược lại, nếu sống có tình nghĩa thì khó khăn nào họ cũng chịu, gian khổ mấy họ vẫn sẵn sàng chấp nhận. Và một đặc điểm nữa đi liền với tính cách của người Miền Tây là: “Họ nói một là một, hai là hai, không thay đổi, tình cảm luôn rõ ràng, dứt khoát, nếu đã hứa thì phải làm dù cho sự thay đổi có thể mang lại cho họ nhiều điều lợi nhưng họ vẫn “khăng khăng một lời quân tử nhất ngôn”[3].

Họ sẵn sàng, thậm chí hy sinh tính mạng của mình để làm tròn đạo nghĩa. Lợi lộc thì họ ham nhưng không vì danh lợi đó mà làm những công việc phi nghĩa, làm trái với tinh thần nghĩa khí hào hiệp của họ. Họ chỉ nhận những gì tương xứng với công sức mà họ bỏ ra. Người dân ĐBSCL rất quý trọng, tin cậy bạn bè. Bạn bè sa sút, túng quẫn lại càng quý trọng hơn, cư xử tế nhị. Họ thích làm quen với người nghèo, giúp đỡ kẻ sa cơ thất thế, ghét những kẻ thay lòng đổi dạ, xu nịnh quyền tước. Người dân ở đây thường nói đất lành thì chim đậu, đất hung dữ thì chim bay đi. Ai cậy nhiều tiền, tung tiền ra mướn với thái độ hách dịch, phách lối thì có chết đói cũng không thèm làm, khoái nhau rồi thì làm không công, giúp đỡ người nghèo để lấy tiếng. Bên cạnh đó cũng đã xây dựng cho con người tính chăm chỉ, làm việc hết mình, chơi thì cũng chơi “tới bến”. Họ luôn quan niệm rằng: “Nếu thấy việc nghĩa mà không ra tay làm thì không phải là anh hùng”[4]. Người dân của vùng có tính trọng nghĩa tình, chữ “nghĩa” đối với họ đôi khi còn quan trọng hơn cả chữ “tình”, "hết tình còn nghĩa", đó là quan điểm sống của họ. Người Tây Nam Bộ coi nhẹ tiền tài, của cải vật chất, họ thích cuộc sống hưởng an nhàn bên sông nước, bờ lau, ít nghĩ đến việc ngày mai. Còn khi hữu sự, họ chẳng màng đến gian khổ, hiểm nguy để hành hiệp trượng nghĩa, thậm chí sẵn sàng chấp nhận hy sinh tính mạng của mình để làm tròn đạo nghĩa:

*Dấn mình vô chốn chông gai,
Kẻ lưng cồng bạn ra ngoài thoát thân.
Lao xao sóng bủa dưới lùm,
Thò tay vớt bạn, chết dùm cũng ưng.*

Họ sống với nhau bằng cả tấm lòng, yêu thương đùm bọc nhau, dung hòa trong các mối quan hệ, tôn trọng quyền tự do của người khác, họ ngày càng xích lại gần nhau hơn, họ tham gia chấp nhận dung hòa trong tôn giáo, tín ngưỡng, sống hòa thuận bao bọc và trợ giúp lẫn nhau trong các mối quan hệ gia đình, xã hội với con người lẫn nhau, chấp nhận sự khác biệt để chung sống hòa bình, mở rộng lòng nhân ái trong suốt

hiều thập kỷ qua tính cách đó vẫn không nhạt phai nó ngày càng được tô đậm hơn, và tạo thành những đặc điểm riêng của con người nơi đây. Khi nhắc đến nhân dân vùng ĐBSCL thì mọi người nghĩ ngay đến sự riêng biệt không thể nào lẫn vào con người của vùng nào khác được.

Thứ hai, tính phóng khoáng, hiếu khách.

Con người Miền Tây không màu mè, không khoa trương, họ chỉ làm những hành động nhỏ thôi nhưng có thể khiến bạn lưu luyến không muốn rời đi. Nếu để bình chọn giọng nói địa phương nào ngọt ngào nhất, chắc chắn sẽ dành một phiếu cho người vùng ĐBSCL. Tính cách người dân của vùng bộc trực, thẳng thắn, nhưng cũng rất tinh tế, khéo léo trong ứng xử. Họ sẵn sàng đùa cợt, cười rần để xua tan đi những nỗi nhọc nhằn trong quá trình chinh phục thiên nhiên hoang dại. Và lời nói là nơi thổ lộ rõ ràng nhất. Lời nói là phương tiện không thể thiếu trong giao tiếp. Trong giao tiếp lại bộc lộ văn hoá ứng xử của người bình dân. Hơn thế, lời nói đã đi vào lời ca, tiếng hát, nó góp phần làm lung linh thêm những “hạt ngọc” tinh thần của người dân quê chơn chất. Từ lời nói dân gian, chúng ta còn phải học tập nhiều lắm ở họ:

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.*

Nếu bạn không biết điều gì khiến người ta thích thú nghe người miền Tây nói chuyện và có thể say đắm đến vậy. Tự trả lời cho câu hỏi đó có lẽ lí giải duy nhất bởi nơi đây bốn mùa nắng nóng, họ làm rất nhiều công việc mưu sinh trên sông nước vất vả, nên trời đất đã phú cho họ một chất giọng dễ nghe để khi họ cất tiếng nói mọi mệt nhọc của thời tiết hay công việc sẽ tan biến. Người miền Tây nổi tiếng phóng khoáng, rộng rãi, bụng dạ thật lòng. Người miền Tây nổi tiếng hiếu khách, hào hiệp; có lối sống giản dị, mộc mạc, họ trọng nội dung hơn hình thức; họ thích hài hước, nhẹ nhàng.

Ngày nay dân cư gia tăng nhưng sự hiếu khách của nhân dân vùng vẫn còn. Khi đi ăn nhậu hay cà phê thì ai nấy cũng giành trả tiền. Có người âm thầm gặp chủ quán trả trước. Nếu có ai đó muốn ăn nhậu theo kiểu góp tiền mỗi người một ít mà dân gian gọi là nhậu kiểu Mỹ (share) hay kiểu Campuchia (chia ra mỗi người góp một chút) thì người miền Nam không thích, cho là không đáng mặt đàn ông [2]. Trong những hoàn cảnh đời thường họ rất quý mến bạn bè. Nguyên do chủ yếu vì họ là những người ở xa gốc gác, xa nguồn cội của họ, họ từ những nơi khác đến, không có nhiều người thân thích, vì thế mà họ hiếu và luôn thông cảm cho nhau vì “mọi người đều cùng chung một số phận”, hoạn nạn họ luôn kề vai để vượt qua – “ Bán bà con xa mua láng giềng gần” đây là câu nói cửa miệng của những con người ở đây để nói lên rằng họ luôn sống cho nhau, cho bạn bè, cho những người đang sống quanh họ. Nên khi có bạn bè đến chơi hay khách đến nhà, dù gia cảnh có bần hàn, khó khăn đến đâu họ cũng cố gắng đãi bạn, đãi khách cho tươm tất. Dù nghèo đến đâu, khi có khách hay bạn bè đến chơi thì họ luôn tâm niệm rằng” nghèo thì nghèo, tiếp bạn chu đáo cái đã, tiền bạc có sá gì, nhân nghĩa mới là điều quan trọng”. Người Tây Nam Bộ tiếp khách phải có rượu cùng các món ăn “đặc sản miệt vườn”. Khách đến có khi chỉ còn một con gà mái đang ấp, người Việt vùng Tây Nam Bộ cũng có thể bắt đãi khách. Nhà hết gà vịt học có thể

chạy sang hàng xóm mượn đờ. Đang nấu bếp mà lỡ thiếu củi, họ sẵn sàng dỡ vách nhà chụm cho đồ ăn mau chín. Khi tiếp khách gia đình quây quần bên mâm cơm và chai rượu nếp. Ngay cả đàn bà trong nhà cũng chung tay cùng tiếp rượu khách. Những ai đã một lần làm khách ở gia đình Tây Nam Bộ thường khó quên được cảm giác nồng hậu, chân thành và hiếu khách của người dân vùng này [3; tr.689].

Tiêu xài rộng rãi là một đặc điểm thường được nhắc tới khi nói về tính cách người Nam bộ. Thiên nhiên hào phóng thì cũng sẽ tạo ra những con người hào phóng, người ta ít lo lắng cho cuộc sống của mình ở ngày mai. Tất cả chỉ có tình người dù họ biết rằng ngày mai, ngày một mình không còn cái gì để sống. Lối sống đó trở thành một tập quán xã hội, ảnh hưởng đến tất cả mọi người, cả những khi đời sống vật chất khó khăn. Người nông dân bị bóc lột cơ cực, ít có hy vọng trở nên khá giả thì không cần dành dụm, làm được bao nhiêu cứ xài cho hết. Khi lâm vào cảnh thất nghiệp họ vẫn có thể thức đến tận khuya để uống rượu và đờn ca tài tử, chẳng bận tâm gì cho cuộc sống ngày mai.

Thứ ba, một nền văn chương, thơ ca nhân nghĩa.

Nổi bật về con người nhân nghĩa trong văn chương thì phải kể đến Lục Vân Tiên, một con người đầy khí phách hiên ngang, chấp nhận hiểm nguy để giúp người và một số nhân vật khác trong tác phẩm Lục Vân Tiên của tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Câu nói biểu hiện rõ nhất đức tính nhân nghĩa, trọng nghĩa khinh tài là câu mà Vân Tiên đáp lại lời của Nguyệt Nga sau khi cứu nàng thoát khỏi tay bọn cướp và nàng tỏ ý muốn đáp đền:

*Vân Tiên nghe nói liền cười
Làm ơn há dễ trong người trả ơn
Nay đã rõ dạng nguồn cơn
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì
Nhớ câu kiến ngãi bất vi*

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng [1]

Trong tác phẩm không chỉ riêng Lục Vân Tiên mà đến những người lao động bình thường như: ông Quán, ông Ngư, ông Tiều, Tiểu Đổng, Hớn Minh... cũng là những người vì nghĩa, vì lòng nhân ái, họ làm mọi việc xuất phát từ cái tâm không so đo tính toán. Đó là đạo lý làm người mà Nguyễn Đình Chiểu đề cập đến trong tác phẩm. Đạo lý đó có thể thu tóm ở mấy điểm sau: Coi trọng tình nghĩa giữa người với người: tình cha con, mẹ con, tình nghĩa vợ chồng, bè bạn, tình yêu thương, cứu mang, đùm bọc những người gặp khó khăn, hoạn nạn. Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy (Vân Tiên đánh cướp, Hớn Minh bẻ giò Đặng Sinh). Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời thông qua kết thúc có hậu của tác phẩm là thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà [1]. Với ngôn ngữ bình dị mang đậm bản sắc của người Tây Nam Bộ truyện Lục Vân Tiên được mọi tầng lớp tiếp thu và từ đó hình thành cho bản thân đức tính nhân nghĩa lưu truyền cho đến nay.

Tiếp nối Nguyễn Đình Chiểu có rất nhiều nhà thơ, nhà văn viết về đức tính nhân nghĩa của nhân dân nơi đây như: Bùi Hữu Nghĩa vở tuồng “Kim Thạch kỳ duyên”,

Nguyễn Chánh Sắt với tác phẩm “Nghĩa hiệp kỳ duyên”, tiêu biểu nhất là Hồ Biểu Chánh người có hàng chục cuốn tiểu thuyết viết về đức tính nhân nghĩa của người dân nơi đây mà đạo lý ấy vẫn còn nguyên cho đến bây giờ. Những nhân vật của Hồ Biểu Chánh là những người nhân nghĩa, giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha, dù bản thân học đang sống trong nghèo khó, cơm không đủ ăn áo không đủ ấm như ông Sáu Thời, Lê Văn Đót trong tiểu thuyết “Ngọn cỏ gió đùa”, bà Ba Thời trong “Cay đắng mùi đời”, bà lão nông dân đã cuu mang Thủ Nghĩa lúc mới vượt ngục trong “Chúa tàu Kim Quy”, dù bản thân họ có khó khăn như thế nào thì nhưng vẫn sẵn sàng giúp đỡ những người khó khăn hơn mình, mà không màng tới lợi lộc hay trong chờ sự trả ơn nào cả. Hoàn toàn đúng với bản chất của nhân dân vùng ĐBSCL.

4. Vai trò của đức tính nhân nghĩa đối với đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân vùng ĐBSCL

Một là, đức tính Nhân - Nghĩa đã làm cho người dân của vùng ĐBSCL có sự đối xử nhân ái, khoan dung, độ lượng với nhau. Giúp họ có thái độ và hành vi ứng xử với nhau theo thứ bậc, theo khuôn phép.

Hai là, đức tính Nhân - Nghĩa tạo cho người dân của vùng ĐBSCL có nếp sống trên kính dưới nhường, giúp cho họ xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình để từ đó suy nghĩ và xử thế đúng trong các quan hệ xã hội

Ba là, đức tính Nhân - Nghĩa góp một phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của con người, thiết lập các quan hệ tốt trong cộng đồng, điều chỉnh hành vi lối sống của cộng đồng hướng tới sự phát triển bền vững, hướng tới tương lai không bằng pháp luật mà bằng sức mạnh kết tinh từ tinh hoa của nhiều thế hệ.

Bốn là, đức tính Nhân - Nghĩa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành những đặc điểm riêng biệt của nhân dân nơi đây, giáo dục cho mọi người lòng biết ơn đối với những người đi trước, những người đã có công khai hoang mở đất ở vùng ĐBSCL.

Năm là, đức tính Nhân - Nghĩa đã xây dựng những đặc trưng của vùng về tính cách bộc trực, thẳng thắn, lòng nhân ái, sự bao dung hay tính hiếu khách của nhân dân vùng này.

Sáu là, đức tính Nhân - Nghĩa còn là một trong những cơ sở để hình thành một cá nhân toàn diện và có những cái riêng trong tính cách của người Tây Nam Bộ không thể lẫn vào vùng nào khác.

5. Kết luận

Đức tính Nhân - Nghĩa của nhân dân vùng ĐBSCL đã được hình thành từ lúc sơ khai, khai hoang mở đất. Xuất hiện trong thực tiễn đời sống xã hội trong lời ru, điệu hò, câu ca cổ của ông, của bà, của mẹ hay của chị. Nhân - Nghĩa là đặc trưng cho văn hóa của Việt Nam mà trong đó nổi bật lên là vùng ĐBSCL. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa đất nước thì việc tìm hiểu đức tính Nhân - Nghĩa của nhân dân vùng ĐBSCL từ đó hình thành nên nhân cách của nhân dân nơi đây, việc giáo dục đức tính Nhân - Nghĩa cho thanh niên vùng ĐBSCL là rất quan trọng. Nhân - Nghĩa là tiền đề của những vấn đề xã hội, giúp con người hoàn thiện cá nhân hơn nữa, xã hội ngày

càng phát triển nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng. Tạo thành những làn sóng về đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng xã hội hướng tới những điều tốt đẹp, hướng tới cội nguồn. Hình thành phát triển nhân cách hướng tới một cá nhân có đủ Nhân – Lễ - Nghĩa – Trí – Tín.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Đình Chiểu (2017), “*Truyện Lục Vân Tiên*”, Nxb. Văn học - Đông A, Hà Nội, 2017.

[2]. Trần Ngọc Thêm (2013), “*Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*”, Nxb. Văn hóa – nghệ thuật, TP. HCM, 2013.

[3]. Dương Công Đức, “*Nam Bộ tình đất tính người*”, 31/01/2017, <https://plo.vn/xuan-dinh-dau-2017/dat-va-nguoi-nam-bo/nam-bo-tinh-dat-tinh-nguoi-680223.html>, [truy cập ngày: 21-03-2019].

[4].Phương Thụy, “*Tính cách người miền Tây*”, <http://tourismcantho.vn/vi/tinh-cach-nguoi-mien-tay/n3445.html>, [truy cập ngày: 10-8-2018].

GIÁ TRỊ CỦA TỨ DIỆU ĐẾ TRONG VIỆC ĐỊNH HƯỚNG LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

SV: Nguyễn Văn Chức – Võ Hoài Thanh

Lớp: ĐHGDCCT 17A

GVHD: ThS . Mai Thị Thanh

Tóm tắt: *Tứ Diệu Đế - bốn chân lý tuyệt vời và thiêng liêng của nhà Phật. Trong bài viết này, tác giả sẽ làm rõ nội dung của Tứ Diệu Đế, từ đó chỉ ra những giá trị tích cực, thiết thực của Tứ Diệu Đế đối với việc định hướng lối sống cho sinh viên ngành giáo dục chính trị trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.*

Từ khóa: *Lối sống, sinh viên, sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp, Tứ Diệu Đế.*

1. Đặt vấn đề

Phật giáo đã được đón nhận một cách nồng nhiệt bởi tư tưởng của Phật giáo rất gần gũi với văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Việc kế thừa, cải tạo, tiếp biến những điểm “tương đồng, hợp lý, tích cực” trong Tứ Diệu Đế của Phật giáo và áp dụng nó một cách linh hoạt, mềm dẻo nhằm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội là rất cần thiết. Trong đó, Tứ Diệu Đế là điều kiện, cơ sở cho việc hình thành những quan niệm sống tích cực, sống đẹp, sống thiện và nhân bản cho các tầng lớp dân cư trong đó có sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục chính trị - những người mà nghề nghiệp tương lai của họ gắn với các hoạt động chính trị- xã hội, đồng thời là những lực lượng trung gian truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước. Vấn đề đặt ra là họ vừa phải am hiểu sâu sắc, nhận thức đúng đắn về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, vừa phải có nhận thức đúng đắn về lối sống để hình thành lối sống đẹp, sống thiện và sống có mục đích, có lý tưởng. Tứ Diệu Đế giúp sinh viên nhận thức và điều chỉnh hành vi đúng đắn, để từ đó hình thành lối sống đẹp, lối sống thiện, nhằm góp phần hoàn thiện đạo đức và nhân cách của bản thân. Do đó, Tứ Diệu Đế có vai trò quan trọng trong việc định hướng lối sống đẹp, sống thiện cho sinh viên ngành giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.

2. Nội dung

2.1 Khái quát về Tứ Diệu Đế trong Phật giáo

Phật giáo là một trào lưu triết học tôn giáo, ra đời vào cuối thế kỷ VI tr.CN ở Ấn Độ, trên vùng đất thuộc Nê-pan ngày nay. Đây là thời kì phát triển cực thịnh của đạo Bà – la – môn cả về mặt tôn giáo lẫn vị trí chính trị - xã hội. Dân cư trong xã hội Ấn Độ cổ đại lúc này chia thành 4 đẳng cấp là: Bà – la – môn (Brahmana), Sát – đế - li (Ksastrya), Vệ - xá (Vaisya) và Thủ - đà – la (Soudra). Sự ra đời của Phật giáo gắn liền với Buddha (con vua Tịnh Phạn). Với hoàn cảnh kinh tế trong xã hội Ấn Độ cổ đại, sự tồn tại dai dẳng của công xã nông thôn làm cho kinh tế kém phát triển, dẫn đến sự đói nghèo, khổ đau của đa số người trong xã hội. Họ bế tắc trong cuộc sống, luôn tìm con đường giải thoát, mơ ước về một cuộc sống hạnh phúc, no đủ. Vì thương chúng sinh

mãi chìm trong vòng khổ ải, Người lìa xa gia đình tìm con đường giác ngộ, giải thoát cho chúng sinh.

Ngay từ khi ra đời, Phật giáo đã khoác lên mình nhiều giáo lý huyền diệu, giúp chúng sinh thoát khỏi đọa đày, u mê vươn tới hạnh phúc. Trong đó, Tứ Diệu Đế được xem là Phật bảo đóng vai trò bao hàm tất cả các giáo pháp mà Đức Phật đã dạy, là nền tảng của hệ thống giáo lý đạo Phật, là thiện pháp tối thắng, lấy con người làm trung tâm và vì con người mà thực hiện. Tứ Diệu Đế vừa là phương tiện, vừa là cứu cánh. Một giáo lý hoàn chỉnh đầy tính nhân bản đem lại niềm tin, sức sống cho con người, xã hội đương thời và cả hiện đại – đặc tính của giáo lý Tứ Diệu Đế là con đường Trung đạo, không rơi vào cực đoan hưởng thụ dục lạc hay khổ hạnh ép xác. Đức Thế Tôn đã nhận thấy ở chúng sinh cái nhân thiện lành, đó là Phật tính, nếu biết tu tập đúng chính pháp đều có thể thành Phật, trở thành con người lương thiện, đẹp cả tâm lẫn tính. Phật vì lòng đại từ bi muốn chúng sinh khai trí, thoát khỏi vòng u mê tìm tới ánh sáng đạo mầu, muốn chúng sinh nhận thức và thoát khỏi đau khổ mà Ngài đã thuyết giảng giáo pháp của mình, bao gồm:

Một là, khổ đế (Dukha – satya). Phật giáo cho rằng cuộc đời là bể khổ. Cái khổ của cuộc đời được tóm trong 8 thứ khổ, gọi là “Bát khổ”: ngoài bốn nỗi khổ “sinh, lão, bệnh, tử” (sinh, già, ốm đau, chết) còn thêm bốn nỗi khổ: thụ biệt ly (yêu thương nhau phải xa nhau), oán tăng hội (ghét nhau phải tụ hội với nhau), sở cầu bất đắc (muốn mà không được), thủ ngũ uẩn (khổ vì có sự tồn tại thân xác). Theo triết học Phật giáo, nỗi khổ con người nhận lấy chính là do bản thân họ tự tạo ra, quan điểm này đúng nhưng chưa thật sự thỏa đáng: “Bởi con người có mối quan hệ với thiên nhiên, với xã hội và chính thiên nhiên cũng như quan hệ xã hội là nguyên nhân làm cho con người khổ”.

Hai là, nhân đế (Samudaya – satya) hay còn gọi là tập đế. Mọi cái khổ đều có nguyên nhân. Ở đây Phật đưa ra 12 nhân duyên, gọi là “thập nhị nhân duyên”:

- Trước hết là vô minh (avidyà). Vô minh tức là không sáng suốt, không nhận thức được thế giới, sự vật, hiện tượng đều là ảo là giả, mà cứ cho đó là thực. Mọi sự vật đều là do các duyên hòa hợp với nhau mà thành duyên; là do sự so sánh của chủ quan nhận thức (như to – nhỏ, dài – ngắn..) mà có (quán đãi); là do sự phân biệt của ý thức chủ quan mà gán lên cho sự vật (phân biệt).

- Duyên hành (Samskara). Hành ở đây là hoạt động của ý thức, sự dao động của tâm, của khuynh hướng và đã có manh nha của nghiệp.

- Duyên thức (Vijnāna). Tâm thức từ chỗ trong sáng, cân bằng (minh) trở nên ô nhiễm, mất cân bằng. Cái tâm thức đó tùy theo nghiệp lực mà tìm đến các nhân duyên khác để hiện hình, thành ra một đời khác.

- Duyên Danh – Sắc (Nāmarūpa). Là sự hội hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần. Đối với loài hữu tình, sự hội hợp của Danh và Sắc sinh ra Lục căn, tức cơ quan cảm giác (nhãn căn, nhĩ căn, tỵ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn = mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể và ý thức).

- Duyên lục nhập (Sadāyatana). Là quá trình tiếp xúc với các thế giới khách quan xung quanh. Lục căn tiếp xúc với lục trần (lục trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

- Duyên xúc (Spár'sa). Là sự tiếp xúc, phối hợp giữa lục căn, lục trần và thức.
- Duyên thụ (Vedanà). Thụ là cảm giác. Do tiếp xúc nảy sinh ra yêu, ghét, buồn, vui...
- Duyên ái (Trsnà). Ái là sự yêu thích, ở đây chỉ sự nảy sinh dục vọng.
- Duyên thủ (Upàdàna). Có “Ái” rồi thì có “Thủ”, tức là đã yêu thích rồi thì muốn giữ lấy, chiếm lấy.
- Duyên hữu (Bhava). Tiến tới xác định chủ thể chiếm hữu (cái ta) thì phải tồn tại (hữu) tức là đã có hành động tạo nghiệp.
- Duyên sinh (Jàti). Đã có tạo nghiệp (hữu) tức là có nghiệp nhân thì ắt có nghiệp quả, tức là phải sinh ra ta.
- Duyên lão – tử (Jaràmarana). Đã có sinh tất có già và chết đi. Sinh – Lão – Tử là kết quả cuối cùng của một quá trình nhưng đồng thời cũng là nguyên nhân của một vòng luân hồi mới, từ vô sinh của cuộc đời khác...

Mọi nỗi khổ đều có nguyên nhân của nó, trong “thập nhị nhân duyên” nguyên nhân được xem là khởi đầu cho đau khổ chính là “vô minh”, vì vô minh nên không nhận thấy điều mình làm là sai trái, là hư vô, vì vô minh nên mới vướng vào tham dục, sân si, tham danh vọng, tham sắc... Và vì vô minh nên mới đau khổ, mới mãi trong vòng danh lợi không lối thoát.

Ba là, diệt đế (Nirodha – satya). Diệt đế là một sự khẳng định: có thể giải thoát khỏi đau khổ, loại trừ những nguyên nhân làm cho chúng sinh khổ bằng cách loại trừ những ham muốn, dục vọng. Đó chính là Niết bàn (Nirvana) – Là cái tuyệt đối không bị giới hạn, sự tận diệt của ham muốn, hận thù, sự hủy diệt của ý niệm sai lầm về ngã.

Bốn là, đạo đế (Màrga – satya). Phật đưa ra con đường giải thoát, diệt khổ, thực chất là tiêu diệt vô minh. Con đường tiêu diệt vô minh gồm có 8 con đường chính (Bát chính đạo) là:

- Chính kiến: hiểu biết đúng đắn, nhất là tứ diệu đế.
- Chính tư duy: suy nghĩ đúng đắn.
- Chính ngữ: giữ lời nói chân chính.
- Chính nghiệp: nghiệp có tà nghiệp và chính nghiệp. Nếu là tà nghiệp (sát hại, trộm cướp...) thì phải tu sửa cải tạo, nếu là chính nghiệp thì phải giữ cho vững. Có thân nghiệp (do hành động gây ra), khẩu nghiệp (do lời nói gây ra) và ý nghiệp (mới trong ý nghĩ).
- Chính mệnh: phải tiết chế dục vọng, trì giới (giữ các điều răn).
- Chính tinh tiến (hăng hái, tích cực trong việc tìm kiếm, truyền bá chân lý của Phật).
- Chính niệm: phải thường hằng nhớ Phật, niệm Phật.
- Chính định: phải tĩnh lặng, tập trung tư tưởng mà suy nghĩ về tứ diệu đế, về vô ngã, vô thường, khổ.

Theo con đường “Bát chính đạo”, con người có thể diệt trừ được vô minh, giải thoát và nhập vào Nirvana (Trung Quốc phiên âm là Niết bàn) là trạng thái hoàn toàn yên tĩnh, sáng suốt, chấm dứt sinh tử luân hồi.

Tóm lại, đối với mỗi chân lý, chúng ta đều phải nhận thức rõ ràng. Từ nhận thức

thông suốt sẽ dẫn đến ước muốn hành động, cuối cùng đạt được mục đích. Chúng ta phải thấy rõ diễn biến của hành vi, ngôn ngữ và tư duy của chính mình, cái nào có đau khổ, gây ra đau khổ, phải nhận diện và diệt trừ, ta chuyển hóa nó để hưởng được niềm an bình hạnh phúc của diệt đế. Hạnh phúc hay đau khổ đều xuất phát từ nơi thân tâm của ta.

2.2 Giá trị của Tứ Diệu Đế đối với việc định hướng lối sống cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1 Khái quát về sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp

Sinh viên ngành Giáo dục chính trị thuộc khoa Sư phạm Sử - Địa và GDCT, hiện tại gồm 4 khóa đào tạo chính quy: GDCT 15, 16, 17, 18 – với số lượng tính đến thời điểm hiện tại là 162 sinh viên, đến từ khắp nơi trong cả nước. Sinh viên ngành Giáo dục chính trị nói chung và sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp nói riêng có đặc thù ngành học là được trang bị các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về khoa học sư phạm giáo dục chính trị, có năng lực giảng dạy môn Giáo dục công dân ở các trường THPT, dạy lý luận chính trị ở các trường cao đẳng, đại học,.. có khả năng vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác Lê – nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào công việc giảng dạy và cả thực tiễn, sinh viên ngành Giáo dục chính trị không ngừng từng bước hoàn thiện bản thân, trau dồi phẩm chất đạo đức và cả kiến thức chuyên môn. Với đặc thù và vị trí công việc như vậy, thì bản thân sinh viên cần phải trang bị cho bản thân một lối sống tốt, tích cực, suy nghĩ và nhận thức đúng, quan niệm sống đúng đắn. Để từ đó hình thành nên một lối sống tích cực, có mục đích, có lý tưởng, đạo đức.

Sinh viên là một bộ phận quan trọng, chủ nhân tương lai của đất nước, một thế hệ trẻ đầy sức sống, sự sáng tạo, nắm trong tay tri thức của thời đại, chìa khóa mở cánh cửa cho tiến bộ xã hội nói chung và sự phát triển đất nước nói riêng. Bên cạnh, việc trang bị tri thức thì sinh viên cần phải trang bị lối sống đẹp là điều thật sự quan trọng, bởi khi có một lối sống đẹp thì mới có thể nghĩ đến việc cống hiến, trở thành một công dân mẫu mực, góp phần vào sự phát triển của xã hội. Lối sống là những nét điển hình được lập đi lập lại và định hình thành phong cách, thói quen trong đời sống cá nhân, cộng đồng, dân tộc hay cả một nền văn hóa. “Lối sống đẹp” là một khái niệm vô cùng trừu tượng với nhiều cách lí giải khác nhau, mỗi cách lí giải ấy đều ẩn chứa một nội hàm sâu sắc, trong vô vàn cách lí giải về khái niệm sống đẹp, chúng ta có thể dễ dàng nhận thức và hiểu được lối sống đẹp là như thế nào: *Lối sống đẹp là sống có mục đích, có ước mơ, lí tưởng. Sống đẹp là sống có chí cầu tiến, biết đứng dậy bằng chính đôi chân của mình khi vấp ngã, biết bền lòng và dũng cảm vượt qua những thử thách, khó khăn để vươn lên, chấp cánh cho ước mơ của mình được bay cao, bay xa. Sống đẹp còn là một lối sống có văn hóa, biết lịch sự; là một cuộc sống có tri thức, có tình người.*

Để hình thành lối sống đó cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị, thì bên cạnh những yếu tố như giáo dục từ nhà trường, gia đình, xã hội là yếu tố quyết định thì bên

canh đó phải kể đến sự tác động không nhỏ từ yếu tố tôn giáo, trong đó có Phật giáo.

2.2.2 Một số giá trị cơ bản của Tứ Diệu Đế đối với việc định hướng lối sống cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị trường Đại học Đồng Tháp

2.2.2.1 Định hướng nhận thức về lối sống đẹp cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị trường Đại học Đồng Tháp

Khi nói đến mối quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn, Hồ Chí Minh đã từng nói: phải có nhận thức đúng thì mới có hành động đúng. Như vậy, để sinh viên ngành Giáo dục chính trị có thể từng bước hoàn thiện, đạt kết quả trong quá trình học tập, trau dồi phẩm chất, đạo đức, đẹp cả tâm lẫn tính, trước hết cần giúp sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị nói chung và sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp nói riêng có cái nhìn đúng đắn, điều chỉnh và định hướng nhận thức. Tứ Diệu Đế, một mặt giúp sinh viên hiểu rằng cuộc sống con người bên cạnh những điều tốt đẹp thì còn có những đau khổ, bất trắc và khó khăn, mặt khác chỉ ra khổ đau không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả của các nguyên nhân và điều kiện chủ quan, khách quan hợp thành. Dưới góc nhìn Tứ Diệu Đế chúng ta có thể thấy được nguồn gốc của nỗi khổ con người ngày nay vẫn là vô minh (không sáng suốt, không nhận thức được thế giới. Sự vật, hiện tượng là ảo giả mà cứ cho đó là thực), dẫn đến: “Ý chí, dục vọng, lòng tham muốn, lòng khát khao tồn tại tiếp tục tăng trưởng, không mất đi hay dừng lại cùng cái chết của thân xác, mà tiếp tục biểu hiện trong một hình thức khác phát khởi từ sự tái sinh gọi là luân hồi.” [3, tr.53].

Nếu thiếu hiểu biết, thiếu đạo đức và thiếu niềm tin vững chắc thì sinh viên rơi sâu vào khổ bấy nhiêu. Giáo dục sinh viên thực hành nếp sống trên nền tảng đạo đức Phật giáo là hướng thiện, tôn trọng sự sống, là để có thể làm vơi đi nỗi khổ đau của mình và của người khác. Tu tập tâm hỷ là để vui cùng niềm vui của mình và của người, là để không có ý niệm phân biệt giữa mình và người. Tứ Diệu Đế còn có mục đích xóa tan mọi đau khổ, đem lại sự an vui nhằm đưa sinh viên tránh xa những điều ác, làm điều thiện, yêu thương sự sống. Sẽ không có chiến tranh, không có sự tàn sát, không có chết chóc đau khổ, bảo vệ hòa bình và bảo vệ môi sinh... là những điều có ý nghĩa trong cuộc sống hiện đại của chúng ta ngày nay. Tứ Diệu Đế nhằm hướng sinh viên tới một lối sống lành mạnh, tiến bộ, góp phần phát triển nhân cách con người một cách toàn diện.

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường hiện nay, bên cạnh những sinh viên có nhận thức tốt, hiểu đúng về động cơ học tập, có lí tưởng, mục tiêu và ước mơ của bản thân; một số sinh viên có suy nghĩ không đúng đắn về vấn đề học tập của bản thân. Cụ thể: ngày nay, một số sinh viên cho rằng việc học tập ở giảng đường đại học là chưa thật sự cần thiết, ăn chơi hưởng thụ mới là điều thiết thực nhất, học chỉ cần qua môn là được; một số sinh viên thậm chí còn không định hướng và xác định cho bản thân lí tưởng sống. Chính vì thế, Tứ Diệu Đế góp phần định hướng nhận thức đúng đắn trong học tập cho sinh viên:

Một là, giúp sinh viên hiểu đúng về động cơ học tập, từ đó hình thành tính tự giác, tích cực trong quá trình tích lũy tri thức, kỹ năng,... để làm hành trang vững bước trên con đường tương lai, sẵn sàng và rèn bản lĩnh trong lập thân, lập nghiệp. Để

có thể lĩnh hội được nhiều tri thức, trong quá trình học tập sinh viên phải không ngừng nỗ lực, cố gắng thật nhiều, luôn có lòng cầu tiến để vượt qua khó khăn, thử thách. Học tập không chỉ dừng lại ở việc vì bản thân, gia đình mà đó còn là vì xã hội, học để làm việc, làm người và để trở thành người có ích cho xã hội, hiểu biết và bắt kịp với sự tiến bộ, việc học tập của sinh viên phải được thể hiện bằng chính quá trình hoạt động, rèn luyện và nỗ lực của bản thân. Học không phải để ganh đua mà học để có năng lực, đạo đức, có nghề nghiệp chuyên môn cao, đảm bảo vững chắc cho tương lai của mình sau khi ra trường và cống hiến cho xã hội.

Hai là, về lí tưởng, góp phần giúp sinh viên tự mình xác định lý tưởng cuộc sống, phải luôn trăn trở và liên tục đặt ra cho bản thân rằng: “Sống để làm gì? Sống như thế nào cho phải đạo làm người”, xác định cho mình một nhân sinh quan sống, để từ đó xác định và hình thành cách sống tích cực và có trách nhiệm: Trách nhiệm với gia đình, với xã hội, với bè bạn và với chính mình. Định hướng cho sinh viên thêm yêu và vững tin vào nghề nghiệp vào con đường bản thân lựa chọn.

Ba là, về mục tiêu và ước mơ, sinh viên cần nhận thức đúng đắn, cần không ngừng hoàn thiện bản thân, muốn thực hiện được ước mơ sinh viên cần nỗ lực, phấn đấu trong quá trình học tập, trau dồi những phẩm chất cần thiết để bản thân ngày một hoàn thiện. Một ước mơ, hoài bão nếu được xây dựng trên thủ đoạn, tham lam,... thì chẳng thể nào đạt được, mà chỉ đạt được và thành công chính nhờ vào sự cố gắng không lùi bước.

Việc định hướng cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị nhận thức đúng đắn về động cơ học tập, về lí tưởng sống, mục tiêu và ước mơ, sống như thế nào là đúng chuẩn là mẫu mực, những nhận thức đúng đắn đó là một phần vô cùng quan trọng chi phối toàn bộ quá trình lĩnh hội tri thức của bản thân sinh viên chuyên ngành, sinh viên Giáo dục chính trị – lực lượng trung gian truyền bá những chủ trương, chính sách, pháp luật,... do đó, cần thật sự hiểu đúng và không ngừng nâng cao nhân sinh quan, thế giới quan, đạo đức cộng sản, bên cạnh đó cần xây dựng niềm tin tuyệt đối tin tưởng vào tầm nhìn và con đường mà Đảng ta đã lựa chọn, cần hiểu đúng thì mới có thể làm tròn vẹn sứ mệnh truyền bá, định hướng tư tưởng cho người khác. Hiểu đúng còn đi đôi với việc biết và mạnh dạn phê bình, nhìn nhận cái hạn chế, luận điệu xuyên tạc, những tư tưởng lạc hậu.

Bên cạnh, việc nhận thức không đúng, một số sinh viên còn có cả những suy nghĩ lệch lạc. Từ chỗ hiểu sai đã khiến sinh viên có những suy nghĩ không đúng. Một số sinh viên với suy nghĩ học đối phó, học để qua môn nên họ không chuyên tâm cùng cố và bồi dưỡng tri thức, khiến kiến thức nền tảng không vững, ngoài ra vì muốn đạt được điều mình muốn mà bất chấp mọi thủ đoạn, để có danh vọng sẵn sàng đánh đổi, thậm chí quên đi thuần phong mỹ tục, làm những điều trái với lẽ phải, vì chữ “Danh” mà bán rẻ lương tâm, phẩm chất của bản thân. Và dù tài năng ở mức bình thường, nhưng vì muốn có “danh”, họ cố gắng bằng mọi cách để có được học hàm, học, danh hiệu, giải thưởng.

Mọi suy nghĩ sai lầm điều do đầu óc của mình nghĩ ngợi những vấn đề bất thiện như tham dục, tức tối giận hờn, bạo động, sân si,... dẫn đến tư duy của chúng ta bị lệch

lạc. Ta không thể có tâm xả chỉ bằng ao ước hay tự đè nén, mà phải suy nghĩ rằng ái dục chỉ đem lại khổ đau. Nếu ta có thể nhận thấy được điều đó, tự khắc ta sẽ buông bỏ mọi tham muốn cả về vật chất lẫn tinh thần, từ đó ta sẽ làm tất cả mọi việc thật nhẹ nhàng, vui vẻ và thoải mái. Lòng tham muốn bao giờ cũng mang đến đau khổ, bởi khi ao ước quá nhiều nhưng đến cuối chẳng đạt được khiến ta rơi vào trạng thái buồn, cáu gắt, tuyệt vọng, phải chăng ta đang khổ vì không đạt được mong muốn, khổ vì suy nghĩ của chính bản thân. Nhận thức được tất cả điều này giúp sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị hình thành lối tư duy đúng, tránh được những suy nghĩ tiêu cực...rèn luyện và định hình cho sinh viên những phẩm chất tốt từ trong tư duy để hiện thực hóa ra bên ngoài. Suy nghĩ hay tư duy đúng, được xem là yếu cần thiết đối với sinh viên, dù rằng tư duy có thể chưa được thể hiện ra bằng hành động thế nhưng đó là một điều kiện tất yếu dẫn đến hành động, một suy nghĩ đúng dẫn đến hành động đúng. Bên cạnh đó, chính tư duy còn là giải pháp tốt nhất hạn chế cái tôi trong nội tâm, khi cái tôi quá lớn sẽ dẫn đến việc sinh viên trở nên bảo thủ luôn suy nghĩ cho bản thân, đề cao bản thân quá mức sẽ dẫn đến nhiều điều phát sinh khác như: sống ích kỉ, vị lợi, thâm độc thậm chí để đạt được mục đích bất chấp thủ đoạn. Ngược lại, tư duy đúng đắn sẽ giúp sinh viên nhận ra tham vọng là điều không tốt, rằng danh vọng là phù du, là cái ảo, mãi chạy theo danh vọng, địa vị sẽ khiến bản thân mệt mỏi, đau buồn, thất vọng khi không đạt được.

Tóm lại, đối với sinh viên ngành Giáo dục chính trị nói chung và sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp nói riêng, việc nhận thức không đúng là điều vô cùng nghiêm trọng. Chính vì nhận thức không đúng nên dẫn đến sinh viên có những suy nghĩ lệch lạc, thiếu tính chuẩn mực, thậm chí nếu bản lĩnh chính trị không vững vàng sinh viên có còn trở thành mục tiêu của các phần tử phản động, dụ dỗ lôi kéo xuyên tạc chống phá lại Đảng và Nhà nước.

2.2.2.2. Điều chỉnh hành vi để hình thành lối sống đẹp cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị trường Đại học Đồng Tháp

Tứ Diệu Đế của Phật giáo có giá trị trong việc hình thành hành vi chuẩn mực, những quan niệm sống tích cực và nhân bản cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị. Việc kế thừa, cải tạo, tiếp biến những điểm “tương đồng, hợp lý, tích cực” trong Tứ Diệu Đế của Phật giáo và áp dụng nó một cách linh hoạt, mềm dẻo nhằm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội là rất cần thiết cho sinh viên. Một số sinh viên ngành giáo dục chính trị hiện nay có một vài biểu hiện vướng vào các tệ nạn xã hội, cũng chỉ vì ham vui nghe theo lời bạn bè hoặc vì buồn bực bất mãn gia đình mà tự mình lao vào bẫy, một phút bồng bột ham vui cuối cùng mang họa vào thân, mà sống trong mê muội. Chính mệnh của Tứ Diệu Đế giúp cho sinh viên ngành giáo dục chính trị biết sống với tình yêu thương chân thật, biết sống với trái tim hiểu biết, hay giúp người và không làm tổn hại ai, biết hổ thẹn với chính mình khi làm điều sai. Biết ăn năn hối lỗi tự biết xấu hổ với chính mình. Ngừng lôi kéo bản thân, ngừng tìm kiếm những thứ làm mình có suy nghĩ dục vọng tức là sinh viên phải học cách chống lại thói quen xấu. Việc này rất khó và vấn đề là sinh viên ngành giáo dục chính trị là phải kiên nhẫn. Không phải lúc nào hành vi của cá nhân sinh viên đều đúng, nhưng quan trọng là khi

biết mình sai thì phải cố gắng sửa và hoàn thiện dần. Đó không những đem lại cho mình hạnh phúc ngay hiện tại mà sau này sẽ thanh thản hơn khi nhìn lại những việc đã làm, đã trải qua một cách chân thật. Vì thế, chính mệnh của Tứ Diệu Đế còn đóng vai trò là nghệ thuật sống giúp cho mỗi sinh viên ngành giáo dục chính trị tự hoàn thiện hành vi và giúp ngăn giữ dục vọng cho bản thân.

Lời nói là một phương tiện hữu hiệu để truyền đạt cho con người biết những tư tưởng, những ý nghĩ, những ước muốn thầm kín, nhờ đó tạo nên một nhịp cầu cảm thông cho nhau. Hiện nay, một số sinh viên ngành giáo dục chính trị có những biểu hiện lời nói không tốt như: mất uy tín với bạn bè xung quanh và thầy cô, một số còn nhầm lẫn khi sử dụng ngôn phong trong sinh hoạt bạn bè lại dùng trong hoạt động lên lớp, những hoạt động trải nghiệm, sáng tạo... Chính ngữ trong Tứ Diệu Đế sẽ giúp sinh viên ngành Giáo dục chính trị điều chỉnh cách ăn nói và sử dụng ngôn phong đúng hoàn cảnh. Là sinh viên ngành giáo dục chính trị nếu biết chỉnh chu lời nói thì sẽ được mọi người tôn trọng, yêu mến, xây dựng được các mối quan hệ xã hội lành mạnh, tốt đẹp và đạt được tình cảm, mục đích trao đổi khi nói, không làm tổn thương người khác, gắn kết tâm hồn mọi người lại với nhau, viết nên những cảm xúc, ấn tượng đẹp trong giao tiếp. Giữ lời nói chân thật là biểu hiện đạo đức của bản thân sinh viên, không che giấu điều gì và luôn sống tốt hơn với mọi người và xã hội.

Sự hình thành hành vi của sinh viên ngành Giáo dục chính trị bao giờ cũng kéo theo quá trình tự rèn luyện và tự giác của bản thân. Cuộc sống là sự phát triển, nếu không rèn luyện bản thân sẽ không lớn lên được, không thể tạo được những thành công vượt bậc nếu cứ sống trong vùng an toàn của chính mình. Một số sinh viên ngành Giáo dục chính trị hiện nay có lối sống buông thả bản thân, ít quan tâm đến những hoạt động của liên chi hội, đoàn thể, các hoạt động bổ ích khác do khoa và trường tổ chức. Kéo theo đó, sinh viên sẽ thiếu trải nghiệm và rèn luyện bản thân theo nhiều cách thức khác nhau. Chính vì thế, chính tịnh tiến của Tứ Diệu Đế có vai trò trong việc hình thành hành vi và rèn luyện bản thân cho sinh viên ngành giáo dục chính trị, không ngừng thử thách, coi thất bại là những trải nghiệm để phát triển bản thân. Từ đó, sinh viên ngành Giáo dục chính trị sẽ phát hiện ra những khả năng tiềm ẩn của bản thân. Có những lúc không tránh khỏi những khó khăn, thất bại, vào những thời điểm như vậy, sinh viên hãy luôn biết cách nhìn nhận vào mặt tốt của vấn đề, nhận ra ưu điểm của chính mình và có niềm tin vào cuộc sống. Chỉ khi sinh viên có lòng tin ở bản thân mình thì mới có động lực để phấn đấu và nỗ lực. Phải luôn rèn luyện, tìm tòi, khám phá những điều mới mẻ và khẳng định tài năng của chính mình mới có bước tiến mới, những đột phá trên con đường đi đến thành công. Vì thế, hãy luôn rèn luyện cho bản thân tư duy sáng tạo để phục vụ tốt nhất cho cuộc sống, công việc và cả xã hội. Hãy luôn lắng nghe và thấu hiểu người khác tức là việc bắt đầu một cuộc giao tiếp và xây dựng các mối quan hệ. Vì thế, chính tịnh tiến đóng vai trò định hướng trong việc rèn luyện bản thân một cách khoa học và đúng đắn.

Tóm lại, Tứ Diệu Đế của Phật giáo giúp cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị tự điều chỉnh hành vi, rèn luyện bản thân theo hướng tự hoàn thiện về đạo đức theo xu hướng hiện nay. Những giá trị tích cực của Tứ Diệu Đế mang lại còn góp phần định

hướng lối sống tích cực, vì cộng đồng, vì xã hội, cho bản thân và gia đình của mỗi sinh viên. Bên cạnh đó, Tứ Diệu Đế còn giáo huấn cho sinh viên ngành giáo dục chính trị xa rời và từ bỏ lối sống hưởng thụ, suy nghĩ lệch lạc, thiếu văn hóa. Góp phần xây dựng sinh viên thành con người chính trị với tác phong và hành vi đúng chuẩn mực.

3. Kết luận

Qua việc tìm hiểu vấn đề chúng ta phần nào hiểu thêm được sự ảnh hưởng của Tứ Diệu Đế trong việc định hướng lối sống đẹp, sống thiện cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp. Tứ Diệu Đế giúp cho sinh viên thức tỉnh, vượt qua mọi khổ đau phiền muộn ngay ở trong hiện tại để có một cuộc sống hạnh phúc, an lạc cho dù còn nhiều thiếu thốn về vật chất hay bất cứ một yếu tố khách quan nào, đưa lại qua đó cho sinh viên thấy rõ vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng hình thành nhân cách và tư duy. Dù còn những hạn chế, song không thể phủ nhận những giá trị to lớn mà Tứ Diệu Đế đã mang lại, giúp sinh viên tự suy ngẫm về bản thân, cân nhắc các hành động của mình để không gây ra đau khổ bất hạnh cho người khác, sống thân ái, yêu thương nhau. Như vậy trong cả quá khứ, hiện tại và tương lai, Tứ Diệu Đế trong Phật giáo luôn luôn tồn tại và gắn liền với cuộc sống của con người Việt Nam. Việc khai thác hạt nhân tích cực hợp lý Tứ Diệu Đế của Đạo Phật nhằm định hướng lối sống cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục chính trị, là một mục tiêu quan trọng đòi hỏi sự kết hợp giáo dục tổng hợp của gia đình - nhà trường - xã hội và bản thân, một sự kết hợp tự giác tích cực cả truyền thống và hiện đại. Chúng ta tin tưởng vào một thế hệ sinh viên ngành Giáo dục chính trị hôm nay và mai sau cường tráng về thể chất, phát triển về trí tuệ, lối sống đẹp, sống thiện, phong phú về tinh thần, đạo đức tác phong trong sáng, giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Duy Hinh (2006), *Triết học Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin và viện văn hóa.
- [2]. Phan Thị Hội (2013), Tứ diệu đế và việc xây dựng đạo đức trong xã hội hiện đại, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 2.
- [3]. Trần Đăng Sinh (2017), *Tôn giáo học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4]. Võ Văn Thắng (2017), *Tập bài giảng lịch sử triết học*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. HCM.
- [5]. Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (2007), *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Ý THỨC CHẤP HÀNH LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

SV: Nguyễn Hà Thanh Cao – Trần Quốc Nhân

Lớp: ĐHGDCCT 16A – ĐHGDCCT 18A

GVHD: ThS. Phạm Thị Tuyết Giang

Tóm tắt: Bài viết góp phần làm rõ khái niệm ý thức chấp hành pháp luật và tầm quan trọng của ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ. Từ việc phân tích thực trạng chấp hành luật giao thông đường bộ của sinh viên, tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục thực trạng trên và nâng cao ý thức trong sinh viên trường Đại học Đồng Tháp.

Từ khóa: Ý thức, luật Giao thông đường bộ, sinh viên, Đại học Đồng Tháp.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay tai nạn giao thông đã và đang là vấn đề gây trở ngại trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Trong đó vấn đề ý thức của người tham gia giao thông là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn giao thông. Thiết nghĩ việc nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông giữ vai trò quan trọng trong việc hạn chế tai nạn giao thông. Thực tiễn cho thấy trong những năm gần đây ý thức tham gia giao thông không những không được nâng cao mà còn xuống cấp trầm trọng. Biểu hiện là tỷ lệ thiệt hại về tính mạng con người từ tai nạn giao thông vẫn còn cao. Cụ thể, theo số liệu thống kê trong năm 2018 có 8.417 người thiệt mạng vì tai nạn giao thông ở Việt Nam. Tổng số người chết do tai nạn giao thông đường bộ năm 2018 Việt Nam đứng thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á. Mặt khác cũng từ thống kê của WHO cho thấy nước ta đứng thứ 2 trong khu vực về tỷ lệ số người chết do va chạm trên đường, với tỷ lệ 26,4/100.000 người. Theo báo cáo này của Tổ chức Y tế Thế giới, tai nạn giao thông đường bộ là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong cho người dân ở độ tuổi từ 15 đến 29 ở Việt Nam [3]. Từ những thông tin trên cho thấy thanh niên, sinh viên nằm trong độ tuổi tử vong hàng đầu do tai nạn giao thông gây ra. Sau khi nghiên cứu những số liệu thống kê từ các vụ tai nạn giao thông, đặc biệt tai nạn giao thông đường bộ. Là sinh viên trường Đại học Đồng Tháp, nhóm tác giả mong muốn tìm hiểu và đề xuất giải pháp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông.

2. Một số khái niệm cơ bản về ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ của sinh viên

2.1. Khái niệm ý thức chấp hành pháp luật, sinh viên, luật giao thông đường bộ

Để làm rõ khái niệm *ý thức chấp hành pháp luật*. Trước hết, chúng ta phải hiểu chấp hành pháp luật là: “*Một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không thực hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm*” [5, tr. 400] và chấp hành pháp luật “*có ở tất cả các chủ thể pháp luật, ở mỗi công dân, mọi cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các nhà chức trách*” [5, tr. 401]. Do vậy ý thức chấp hành pháp luật là tự giác tuân theo pháp luật, được biểu thị các quan hệ của con người đối với pháp luật và các hiện tượng pháp luật.

Sinh viên là một tầng lớp xã hội đặc thù, đại diện cho tầng lớp tri thức trẻ. Họ là người đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng. Ở đó, họ được truyền đạt kiến thức bày bản về một ngành nghề, chuẩn bị cho công việc sau này của họ. Họ được xã hội công nhận thông qua bằng cấp đạt được trong quá trình học tập. Họ là lực lượng lao động trí óc với nghiệp vụ cao và tham gia tích cực vào các hoạt động đa dạng có ích cho xã hội.

Luật giao thông đường bộ là những quy định về quy tắc giao thông đường bộ, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ, vận tải đường bộ và quản lý nhà nước về giao thông đường bộ được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2. Phân loại giao thông đường bộ

Căn cứ vào điều 39, luật giao thông đường bộ (2009) thì mạng lưới giao thông đường bộ nước ta được chia thành sáu hệ thống, gồm quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng, quy định như sau:

“a) Quốc lộ là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền trung tâm hành chính cấp tỉnh từ ba địa phương trở lên; đường nối liền từ cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ; đường có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, khu vực; ...e) Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân” [2] và thẩm quyền phân loại, điều chỉnh các hệ thống đường bộ được quy định như sau:

“a) Hệ thống quốc lộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định; ... d) Hệ thống đường chuyên dùng do cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với đường chuyên dùng đấu nối vào quốc lộ; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường chuyên dùng đấu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường chuyên dùng đấu nối vào đường xã” [2].

2.3. Chức năng của giao thông đường bộ

Giao thông đường bộ là cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, đồng bộ với quy hoạch ngành, lĩnh vực, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch các chuyên ngành giao thông vận tải khác. Giao thông vận tải đường bộ được xem là “mạch máu” của nền kinh tế đất nước, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu của người dân. Giao thông đường bộ đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển hàng hóa giữa các vùng miền trong nước và quốc tế. Giao thông đường bộ tuy không có khả năng tạo ra sản phẩm nhưng nó lại tạo ra khả năng sử dụng sản phẩm bằng cách đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Giao thông đường bộ thúc đẩy kinh tế, văn hóa phát triển giữa các vùng.

3. Thực trạng ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

3.1. Khái quát về trường Đại học Đồng Tháp

Trường Đại học Đồng Tháp với địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tiền thân là trường cao đẳng sư phạm Đồng Tháp, ngày 10 tháng 01 năm 2003 phó thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm đã ký quyết định số 08/2003/QĐ – TTg, nâng cấp thành trường Đại học sư phạm Đồng Tháp. Đến ngày 04 tháng 09 năm 2008, phó thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân đã đồng ý cho phép đổi tên trường Đại học sư phạm Đồng Tháp thành trường Đại học Đồng Tháp.

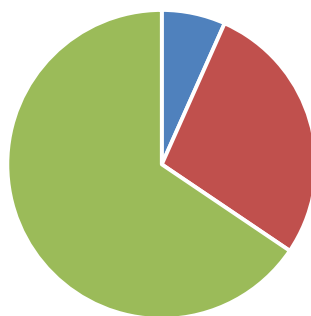
Tính đến tháng 09 năm 2018, nhà trường có 582 công chức, viên chức, 92% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên (trong đó có: 10 phó giáo sư, 74 tiến sĩ, 303 thạc sĩ (với 79 người đang học nghiên cứu sinh), 39 giảng viên đang học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.) Bộ máy nhà trường bao gồm: 11 khoa đào tạo, 11 phòng – ban chức năng, 8 trung tâm, 1 tạp chí khoa học, 1 trung tâm y tế và 1 trường Mầm non trực thuộc. Hiện nay, trường có 6 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ, 32 ngành đào tạo trình độ Đại học, 20 ngành đào tạo trình độ Cao đẳng.

Trường Đại học Đồng Tháp thực hiện chức năng và nhiệm vụ: *“Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật có trình độ đại học và sau đại học cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, Bồi dưỡng và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; Nghiên cứu khoa học, triển khai áp dụng tiến bộ khoa học phục vụ phát triển kinh tế – xã hội”* [1]. Và sứ mệnh của trường: *“Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt, nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long”* [1]. Năm 2017, Đại học Đồng Tháp là ngôi trường đầu tiên khu vực đồng bằng sông Cửu Long đạt chuẩn kiểm định chất lượng. Tiến sĩ Tạ Thu Hiền, phó giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG Hà Nội, đánh giá Trường ĐH Đồng Tháp có những điểm mạnh như: *“chương trình đào tạo được rà soát và điều chỉnh theo quy định, cấu trúc chương trình hợp lý, đảm bảo tính liên thông, các hình thức dạy học khá đa dạng, phương pháp dạy học được chú trọng đổi mới...”* [4]. Bên cạnh đó, PGS. TS Nguyễn Văn Đệ, hiệu trưởng Đại học Đồng Tháp khẳng định việc: *“kiểm định chất lượng có thể sẽ không tạo ra chất lượng ngay cho mỗi trường, nhưng là tấm gương phản ánh toàn bộ thực trạng của nhà trường, giúp các nhà quản lý nhìn nhận mặt mạnh, điểm yếu của đơn vị, từ đó có bước hành động tiếp theo phù hợp. Ngoài ra, hoạt động kiểm định này đã làm thay đổi cách nhìn nhận về trách nhiệm, chuyển từ quan điểm chỉ nhận trách nhiệm công việc trước cấp trên sang nhận trách nhiệm, đảm bảo chất lượng trước người học, nhà tuyển dụng, Nhà nước và xã hội”*[4].

3.2. Thực trạng ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Căn cứ vào kết quả khảo sát và thống kê xã hội học. Nhóm tác giả bài viết công bố những số liệu liên quan đến thực trạng ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ trong sinh viên trường Đại học Đồng Tháp như sau:

Biểu đồ thể hiện mức độ vi phạm luật Giao thông đường bộ trong sinh viên trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

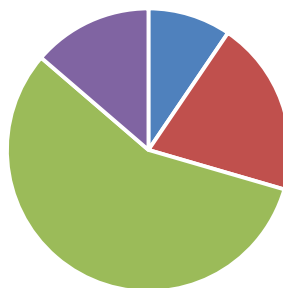


- Rất thường xuyên chiếm 6,67 %
- Thường xuyên chiếm 27,78 %
- Ít thường xuyên chiếm 65,55 %

Nguồn từ kết quả khảo sát ý thức chấp hành pháp luật giao thông trong sinh viên Đại học Đồng Tháp

Nhìn chung, sinh viên trường Đại học Đồng Tháp ít vi phạm luật giao thông đường bộ (chiếm hơn 65,55%). Điều này nói lên, tuyến giao thông gần trường Đại học Đồng Tháp đi lại thuận tiện, dễ dàng. Tuy nhiên, một bộ phận sinh viên trong trường lại thường xuyên vi phạm luật giao thông đường bộ và chiếm tỉ lệ 27,78% ở những vi phạm sau đây: *Thứ nhất*, không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông. *Thứ hai*, điều khiển xe không đúng làn đường quy định. *Thứ ba*, không bật đèn báo hiệu (xi – nhan) khi qua đường. *Thứ tư*, điều khiển xe ngược chiều. *Thứ năm*, dừng, đỗ xe không đúng nơi quy định. *Thứ sáu*, vượt đèn tín hiệu (đèn đỏ) khi tham gia giao thông.

Biểu đồ thể hiện mức độ chạy xe ngược chiều của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp



- Rất thường xuyên, chiếm 9,5%
- Thường xuyên, chiếm 20%
- Thỉnh thoảng, chiếm 56,8%
- Không có, chiếm 13,7%

Nguồn từ kết quả khảo sát ý thức chấp hành pháp luật giao thông trong sinh viên Đại học Đồng Tháp

Những hành vi vi phạm luật Giao thông đường bộ trong sinh viên trường Đại học Đồng Tháp bắt nguồn từ những nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, do sinh viên chủ quan, hời hợt, thiếu kiên nhẫn trong vấn đề chờ đợi thời gian chuyển các đèn tín hiệu,... Dẫn đến việc, coi thường các quy định pháp luật về giao thông.

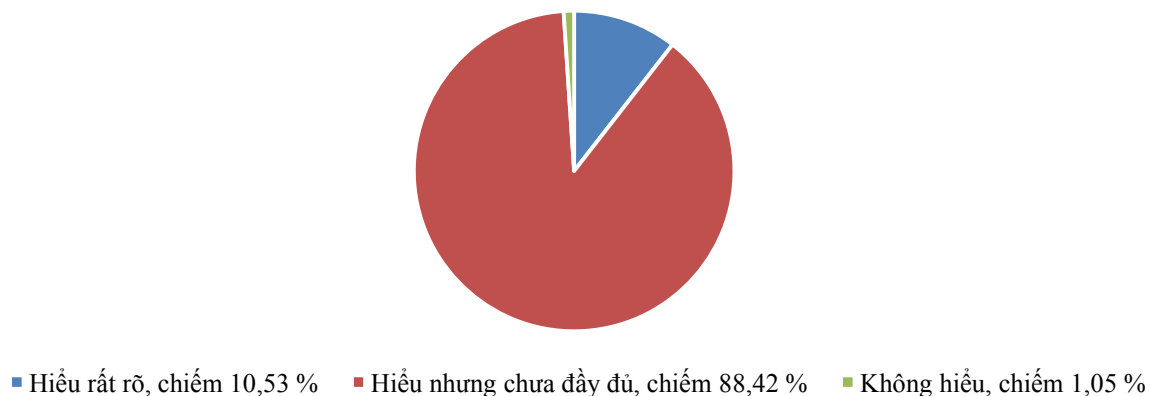
Thứ hai, điều khiển phương tiện giao thông chạy theo hàng hai, hàng ba, nói chuyện, đùa giỡn nên không chú ý đến các phương tiện giao thông khác và tai nạn giao thông có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Thứ ba, khi điều khiển phương tiện giao thông xin qua đường, có xu hướng chủ quan, đa số sinh viên nghĩ mình qua đường sẽ có người né và nhường đường.

Thứ tư, bộ phận sinh viên có xu hướng không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông vì nghĩ khoảng cách từ trường đến nhà là gần nên suy nghĩ mặc định không đội mũ bảo hiểm.

Thứ năm, đa số sinh viên chưa hiểu rõ về luật giao thông đường bộ và các quy định về an toàn giao thông.

Biểu đồ thống kê mức độ hiểu biết về luật Giao thông đường bộ trong sinh viên trường Đại học Đồng Tháp



Nguồn từ kết quả khảo sát ý thức chấp hành pháp luật giao thông trong sinh viên Đại học Đồng Tháp

Nhóm tác giả cam đoan các số liệu và kết luận trên là trung thực. Những kết quả và số liệu trên là công trình tự nghiên cứu độc lập của riêng nhóm tác giả và chưa từng công bố trong bất cứ công trình nào.

4. Giải pháp nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân trong vấn đề ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ trong sinh viên trường Đại học Đồng Tháp. Nhóm tác giả xin đóng góp những giải pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ cho sinh viên trường Đại học Đồng Tháp.

Thứ nhất, đối với các cơ quan chính quyền, cơ quan chuyên trách về giao thông cần phải tăng cường tuần tra tuyến đường giao thông trên địa bàn trường Đại học, xử phạt nghiêm và nặng đối với các trường hợp vi phạm nhiều lần. Phối hợp với phòng công tác sinh viên của trường để kịp thời xử lý và kỷ luật.

Thứ hai, đối với nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với nhiều hình thức khác nhau nhằm mục đích để những nội dung truyền tải đến sinh viên có hiệu quả tích cực. Có thể xây dựng và củng cố vai trò của câu lạc bộ tư vấn pháp luật của trường, tổ chức các lớp học bồi dưỡng về kiến thức pháp luật cho sinh viên. Tuyên truyền về luật giao thông đường bộ thông qua chương trình phát thanh của trường, hai tuần / một lần về mỗi chủ đề, về những quy định liên quan khi tham gia giao thông. Phát giấy cho sinh viên ký cam kết khi tham gia giao thông đúng quy định pháp luật, an toàn. Xây dựng văn hóa khi tham gia giao thông, giáo dục sinh viên thấy được giá trị của mạng sống thông qua các hình ảnh và đoạn clip về hậu

quả từ các tai nạn giao thông kinh hoàng. Đặc biệt, giáo dục cho sinh viên thấy được lợi ích khi tham gia giao thông đúng quy định pháp luật.

Thứ ba, đối với sinh viên phải biết làm chủ ý thức, hành vi (đội mũ bảo hiểm, chạy đúng tốc độ quy định, đi đúng phần đường quy định, không uống rượu, bia khi tham gia giao thông,...) của mình khi tham gia giao thông, nhắc nhở bạn bè khi có hành vi vi phạm và báo cho khoa chủ quản, phòng công tác sinh viên để kịp thời xử lý bằng những biện pháp phù hợp. Bản thân phải biết yêu thương, trân quý giá trị cuộc sống và tôn trọng giá trị sống người khác khi tham gia giao thông. Chủ động chấp hành mọi lúc, mọi nơi.

5. Kết luận

Tóm lại, vấn đề nâng cao ý thức chấp hành luật Giao thông đường bộ. Chính là yếu tố quyết định trong việc giảm thiểu tai nạn giao thông. Vì thế, phải tạo dựng ý thức trách nhiệm khi tham gia giao thông không chỉ đối với sinh viên trường Đại học Đồng Tháp mà còn ở tất cả mọi người. Đó là điều cần thiết để bảo đảm an toàn cho chính bản thân mình và cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phạm Hồng Thái, Đinh Văn Mậu (2009), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. Giao thông vận tải, TP. Hồ Chí Minh.

[2]. Quốc hội (2009), *Luật giao thông đường bộ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đại học Đồng Tháp, *Giới thiệu về trường Đại học Đồng Tháp*, <https://www.dthu.edu.vn/View.aspx?id=4&p=8>, [truy cập ngày: 28/02/2019].

[4]. Ngọc Tài, *Trường đầu tiên DBSCL đạt chuẩn kiểm định chất lượng*, <https://tuoitre.vn/truong-dau-tien-dbscl-dat-chuan-kiem-dinh-chat-luong-20170919135550204.htm>, [truy cập ngày: 10/03/2019].

[5]. Song Hy, *Việt Nam đứng ở đâu về mức độ nguy hiểm tham gia giao thông ở Đông Nam Á?*, <https://vtc.vn/viet-nam-dung-o-dau-ve-muc-do-nguy-hiem-tham-gia-giao-thong-o-dong-nam-a-d450333.html>, [truy cập ngày: 28/03/2019].